



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • Rằm Tháng 01 Nhâm Thìn • 06-02-2012

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

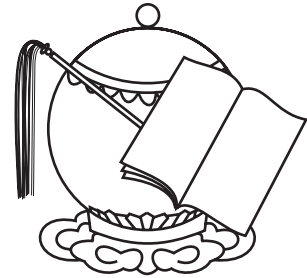
MỪNG XUÂN NHÂM THÌN 2012

XUÂN AN NHIÊN TỰ TẠI
THẦY LÀ BẢN THỂ CỦA CHÚNG SANH
NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ
CẦN BIẾT VỀ TAM ĐÀI
MÙA ĐÔNG – TIỀM PHỤC CỦA XUÂN

Luân lý Nho giáo

MÙA XUÂN - MÙA CHIA SẺ
VÀ KẾT NỐI YÊU THƯƠNG
CHIA SẺ KINH NGHIỆM
ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI

113

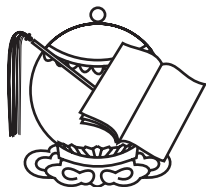


Nội san Cao Đài Giáo Lý số 113

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 113

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

mục lục

QUAN ĐIỂM: XUÂN AN NHIÊN TỰ TẠI	4
■ <i>Ban biên tập.</i>	
THẤY LÀ BẢN THỂ CỦA CHÚNG SANH	6
■ <i>Thiện Chí.</i>	
MÙA ĐÔNG - TIỀM PHỤC CỦA XUÂN	12
■ <i>Kim Dung.</i>	
NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN BIẾT VỀ TAM ĐÀI	17
■ <i>Huệ Nhân.</i>	
TRỞ VỀ BẾN KHỞI NGUYÊN	23
■ <i>Bạch Cúc.</i>	
THÔNG CÔNG	39
■ <i>Đạt Tường.</i>	
LUÂN LÝ NHO GIÁO	44
■ <i>Tu sinh Lương Thị Phi Yến.</i>	

THẦN TIÊN THI DIỆU BÚT	52
■ <i>Đạt Tường sưu tầm.</i>	
CHIA SẺ KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO THỂ HỆ TIẾP NỐI	53
■ <i>Huệ Ý.</i>	
TỪ MỘT CHUYẾN ĐI ĐẦU NĂM	59
■ <i>Tu sinh Ngô Thị Thảo.</i>	
ÔNG ĐỊA QUA CƠ BÚT CAO ĐÀI	61
■ <i>Đạt Tường.</i>	
MÙA XUÂN - MÙA CHIA SẺ VÀ KẾT NỐI YÊU THƯƠNG	64
■ <i>Xuân Mai.</i>	
THĂM TÒA THÁNH TÂY NINH	68
■ <i>Nhóm tu sinh khóa 3.</i>	
TÁI SINH Ở PHƯƠNG TÂY	72
■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	
ĐIỂM SÁCH: “XỨ PHẬT HUYỀN BÍ”	77
■ <i>Cao Triều Thiên Tâm.</i>	
ĐỨC PHẬT ĐÃ CỨU SỐNG TÔI	79
■ <i>Eiko Sugimoto.</i>	
MÙA XUÂN CỦA TÔI	82
■ <i>Công Huy.</i>	
NĂM THÌN NÓI VỀ RỒNG	86
■ <i>Lê Chí Thật sưu tầm.</i>	
HÃY ĐẶT CỐC NƯỚC XUỐNG	88
■ <i>Chí Như sưu tầm.</i>	
NHỮNG CÂU CHUYỆN HAY	89
TẾT NGUYÊN ĐÁN	91
■ <i>Trần Ngọc Tâm sưu tầm.</i>	
LẨU THÁI CHAY	94
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
TRANG THƠ: TA VỚI ĐỜI	95
■ <i>Công Huy.</i>	
TRANG DINH DƯỠNG: NHỮNG ĐIỀU THÚ VỊ VỀ DỪA LEO	96
■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	
CÂU CHUYỆN NĂM 2012	98
■ <i>Hồng Phúc sưu tầm và tổng hợp.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	105
■ <i>Bạch Cúc.</i>	

Xuân

A N N H I Ê N TỰ T A I

Năm nay, Xuân Đông phương là Xuân Nhâm Thìn, Xuân Tây phương là Xuân 2012. Bước vào thời điểm đặc biệt này, hình như do từ nhận thức quy luật tuần hoàn của vũ trụ, có những hiện tượng khiến Đông Tây đều dự báo những chuyển biến lớn lao của hành tinh.

Từ khi khởi đầu kỷ nguyên năm 2000, liên tiếp nhiều mùa Xuân, thiên hạ đón Xuân mà trong lòng luôn thắc thỏm. Xuân đến không được trọn vẹn an bình trong sâu thẳm tâm hồn bởi một lời tiên tri trong Kinh Thánh hay một di chỉ tôn giáo cổ thời về những biến động lớn lao sắp đến. Nghĩ cho cùng, có thời nào mà người đời chẳng cảnh báo những nguy cơ trong cuộc sống. Thiên nhiên là môi trường nuôi dưỡng sinh vật nhưng vẫn phải chịu nhiều tác động bất thường của vũ trụ. Thế gian là cuộc sống chung của nhân loại, nhưng tham vọng con người không ngừng gây nên chia rẽ, hận thù và chiến tranh. Một cơn bão dữ dội, một triều đại sụp đổ, một cuộc chiến tranh đe dọa, nhất nhất đều khiến lòng người không yên. Tuy vậy, *“đã trót sanh ra trong trần thế, phải chịu điều dâu bể đổi thay!”* Người đời không thể trốn chạy quy luật dịch biến trong trời đất và giữa cõi nhân gian. Đó là lẽ đương nhiên! Thế mà loài người vẫn tồn tại và tiến hóa hàng triệu năm qua. Vậy cái lẽ sống, sự sinh tồn là chân lý vĩnh cửu.

Lẽ vô thường đương nhiên, lẽ sinh tồn vĩnh cửu, phải chăng là hai lẽ rất mâu thuẫn, trái ngược, không thể nào song hành? Thật ra cả hai thuộc về thiên cơ, luôn luôn diễn tiến theo quy luật tiến hóa của vũ trụ như hai nguồn năng lực Âm Dương. Bởi vì đó là cơ nguyên Hủy diệt–Bảo tồn do Nguyên lý Sáng tạo thúc đẩy. Nhờ đó vũ trụ vạn vật mới tiến hóa không ngừng. Vật chất tan rã, nhưng năng lượng của vật chất sẽ cấu tạo hình thức vật chất mới. Sinh vật chấm dứt một chu kỳ phát triển để tái lập chu kỳ mới, và vô số chu kỳ của sự sống tiếp diễn mãi. Đó là quy luật tự nhiên của thiên nhiên trên địa cầu thì cũng là quy luật của toàn thể vũ trụ. Những bậc Thánh triết, Đại ngộ đã tóm tắt diễn trình tái tục SÁNG TẠO–BẢO TỒN–HỦY DIỆT trong một chữ ĐẠO vô cùng huyền nhiệm!

*Dầu sáng tạo, bảo tồn, hủy diệt,
Một mà ba ai biết lẽ Trời!*

ĐỨC QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN, MINH LÝ THÁNH
HỘI, 07-06-TÂN DẬU (08-7-1981).

Thế thì lời tiên tri hay cảnh báo về những biến đổi lớn nhỏ của xã hội nhân loại hay của hành tinh có tác dụng đánh thức loài người trong cơn ngủ mê giữa những thời kỳ hưởng thụ văn minh vật chất huy hoàng, mà quên đi những chuyển biến theo từng chu kỳ trong trời đất. Cảnh tỉnh không phải để chấp nhận cái chết hay tranh nhau đi tìm đất sống. Mà loài người thức tỉnh để tự xét mình đã tiến hóa đúng mức để tiếp tục một chu kỳ tiến hóa cao thượng hơn hay hối hận đã tự đánh mất bản vị của mình để rồi phải chịu thoái hóa một khi thiên cơ chuyển sang khúc quanh khác. Cuối cùng vấn đề còn lại là cuộc tiến hóa. Mà tiến hóa là vượt qua, vượt lên trên tất cả những gì hữu hạn. Tiến hóa vượt qua hữu hạn của vật chất, hữu hạn của tri thức, hữu hạn của tâm linh cá thể. Mức tiến hóa sau cùng phải đạt đến không gian và thời gian vô hạn, hội nhập vào bản thể vô biên.

Trở lại mùa Xuân năm nay, cũng như bao nhiêu mùa Xuân trước, thiên hạ vẫn mừng đón khí Xuân ấm áp, cảnh Xuân tươi đẹp, chúc tụng tân Xuân nhiều ước vọng... Nhưng liệu Xuân Nhâm Thìn có phải là Xuân cảnh báo cuộc đổi thay của đất trời mà thế giới đang hoang mang xao xuyến? Xuân thiên nhiên vẫn vô tư, vẫn đến cách hạ thu đông theo quy luật dinh hử tiêu trưởng, luật tiến hóa tuần hoàn. Dù hạ có nắng lửa mưa dầu, dù đông có rét mướt giá băng, Xuân vẫn trở lại để minh chứng sự tồn tại của những giá trị bất diệt trong trời đất. Thế thì tại sao lòng người cứ thắc thỏm lo âu? Nếu con người biết bảo tồn vun đắp những giá trị bất biến vượt không thời thì mùa nào cũng an nhiên tự tại. Vì một khi cái Đạo tự hữu và cái Đạo của Càn Khôn vũ trụ hiệp Một thì Cơ Tiến hóa không dừng ở Hủy diệt hay Bảo tồn, mà Nguyên lý Sáng tạo của Tạo Hóa vẫn vận hành bất tức.

*Đã trót sinh vào buổi Hạ ngưng,
Cơ trình tiến hóa khó dùng chơn.*

ĐỨC VĂN HƯƠNG THÁNH MẪU, MINH LÝ THÁNH
HỘI, 14-01 QUÝ SỬU (16-02-1973).

Con số 20 thế kỷ hay hơn nữa chỉ là một khoảnh khắc trong sự tồn tại bất tận của vũ trụ. Từ khai thiên lập địa đã có biết bao lần thay trời đổi đất mà sinh linh vẫn hiện hữu. Trăm năm đời người có nghĩa gì đâu so với thời gian tái sinh vô lượng kiếp; nhưng ý nghĩa quý báu nhất của kiếp này là kiếp tích tụ thành quả tiến hóa từ khởi sinh và hiện sinh trong quá khứ. Nếu đã đến khúc quanh sau cùng thì chủ thể phải làm “cá vượt vũ môn thành rồng”. Trong hoàn cảnh nào con người cũng là một chủ thể, một chủ nhân ông tự do tự tại mang lấy sứ mạng tiến hóa cho chính mình và cho cả đồng loại. Thế nên, những biến cố nhất thời không thể làm mai một ý chí tiến thủ. Bi quan, ngã lòng không phải là thái độ của bậc đứng vào cương vị của Tam Tài.

Hơn nữa, đối với sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, hành giả phải hướng đến Mùa Xuân Vĩnh Cửu mới xứng đáng là người con tin của Thượng Đế, như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

“Bản Đạo thiết tưởng xuân hữu hạn đối với thể nhân, xuân bất tái lai nên phải có ly rượu Giao thừa, chung trà khai thái để đón giờ xuân đến, tiễn giờ xuân đi. Còn hàng chơn tu thọ Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp thì xuân lại vô cùng vô tận.”

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI, 14-01
CANH THÂN (29-02-1980).

*Đã là một nhân sanh tại thế,
Khó tránh điều dầu bể đổi thay,
Đọc ngang giữa cõi trần ai,
Phải đem đạo lý dựng gầy thể nhân.
Có bản chất đơn thuần Tạo hóa,
Sẵn thiên lương chơn ngã con người,
Trường sinh trong một cõi đời,
Non sông gấm vóc của Trời dành chung...*

ĐỨC LÊ ĐẠI TIÊN, CƠ QUAN PTGL, 15-02 CANH
TUẤT (21-3-1970).■

THẦY LÀ BẢN THỂ CỦA CHÚNG SANH

■ THIÊN CHÍ

THÀNH NGÔN

“Thầy đã từng dạy các con: Thầy sanh trưởng bảo tồn các con. Thầy đến nước Việt Nam này mở đạo dạy dỗ các con, Thầy không đòi hỏi các con làm những gì đem lại riêng tư cho Thầy, Thầy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ, đùm bọc cho nhau, bảo tồn cho nhau để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chớ không được thù hằn ganh tị ghen ghét hại nhau rồi tự diệt nhau, vì các con là một trong vạn vật chúng sinh mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy. Nếu các con ghét nhau, chính là các con ghét Thầy. Mà Thầy có bao giờ làm gì đến nỗi để các con ghét Thầy, có phải vậy hôn các con?

Thầy đã nói:

*Thương nhau khác thể
thương Thầy,*

*Ghét nhau khác thể ghét
Thầy sao nên!”¹*

I. Ý NGHĨA DANH TỪ “BẢN THỂ”

Danh từ “bản thể” thường dùng để chỉ cái gốc chung nhất, từ đó mọi hiện tượng, mọi vật thể được sanh ra và phát triển thành vô vàn hình thái, nhưng vẫn luôn luôn ẩn tàng phẩm chất của bản thể.

Ví như nước biển là bản thể của hơi nước, của mây, của nước mưa, của suối, sông rạch...

Trong mỗi sinh vật, cái phối đầu tiên là bản thể của tất cả các tế bào, của tất cả các mô, các cơ quan trong cơ thể sinh vật đó.

Nhưng xa hơn nữa, bản thể của vũ trụ vạn vật là gì?

Bản thể vũ trụ vạn vật đã có

từ lúc vũ trụ chưa hình thành, vạn vật chưa phát sinh, là Tuyệt đối thể. Phật gọi là Chân như. Lão gọi là Hư vô (Đạo). Dịch gọi là Vô cực.²

Đức Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Như Lai dạy:

“Ngày nào nhân loại tìm hiểu, nhìn nhận lẽ Đạo, không còn phân chia nhĩ ngã, không còn

2. Phật tánh nằm trong Chân như, Chân tánh ở trong Hư vô, Thiên tánh nằm trong Vô cực.

Chân như, Hư vô, Vô cực là một, là Bản thể tuyệt đối của vũ trụ vạn vật. Phật tánh, Chân tánh, Thiên tánh là một. Tánh ấy ví như tâm điểm của một vòng tròn làm biểu tượng Bản thể tuyệt đối.

Cũng như Thái cực phát sinh từ Vô cực. Vô cực là Bản thể, Thái cực cũng là Bản thể vì Thái cực là động năng nguyên thủy sinh ra vạn vật. Đến khi vạn vật tiến hóa do một quyền năng chủ sử, thúc đẩy tiến hóa, gọi là Hoàng Cực, thì Hoàng Cực cũng là Bản thể đối với chúng sanh đang trong quá trình tiến hóa.

Vậy tuy bản thể là Tuyệt đối thể, nhưng tùy giai đoạn vận động, biến dịch của vũ trụ vạn vật mà bản thể có một danh xưng tương ứng. Do vậy, Bản thể còn có ý nghĩa là cái tổng thể làm điều kiện cho sự phát sinh, biến dịch của mọi cá thể mà vẫn luôn luôn có mối tương quan với tổng thể ấy.

1. Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, HT. Hậu Giang Minh Chơn Đạo, 14-7 Kỳ Dậu (26-8-1969). (Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý).

phân biệt đạo này, tôn giáo nọ, tất cả chúng sanh từ nhân loại đến thú cầm thảo mộc cùng đều chung một bản thể, mỗi một đơn vị cá nhân, cá tính, cá vật đều là một phần tử của đại toàn thể hay là của Đạo, chừng đó may ra nhân loại mới thấy được yển sáng đạo lóe ra trong tâm thức mà tìm mối phăng về cùng khối đại toàn thể.”³

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

Người là bản thể của thiên nhiên,

Hữu hữu vô vô diệu diệu huyền,

Tuy ở hồng trần đừng dấy bợn,

Không ham phạm thể đắc Chơn Tiên.⁴

II. MẠC KHẢI CỦA THẦY

Muốn hiểu được huyền nghĩa của Thánh ngôn trên đây của Đức Chí Tôn, cần phải tập trung suy nghiệm những sự kiện lịch sử khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhất là những mạc khải siêu mẫu về Thượng Đế, về Đại Đạo, về Cơ cứu độ Kỳ Ba.

1. SỰ LÂM PHẠM CỦA ĐỨC THƯỢNG ĐẾ ĐỂ MỞ RA TAM KỲ PHỔ ĐỘ QUẢ THẬT LÀ MỘT DẤU ẤN NỔI BẬT NHẤT CỦA ĐẠO KỲ BA MÀ CŨNG CHÍNH LÀ SỰ BIỂU THỊ ĐẠI ĐẠO

Ngày 24-12-1925, đúng vào đêm kỷ niệm lịch sử của Đức

Ki Tô giáng sanh, Đức Chúa Trời, Thượng Đế Chí Tôn, chính thức báo tin mừng cuộc thân hành giáng lâm của Ngài tại trần gian bằng danh xưng như sau:

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG”

với bốn câu thơ:

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,

Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên,

Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,

Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.⁵

Bốn câu thơ có ý nói Ngài đã lâm phạm, Ngài nhắc cho chúng sanh biết Ngài vẫn hiện hữu và vẫn nắm giữ chủ quyền cả Càn Khôn vũ trụ. Đây là một cảnh cáo đối với kẻ tội lỗi và một sự trấn an cho những người lành. Dẫu sau cũng còn Ngài, hãy vui lòng tu niệm để được ơn cứu rỗi của Ngài.

Ít lâu sau Ngài công bố: “Thầy nhất định đến chính mình Thầy độ rỗi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phạm nữa.”⁶

Lời xác quyết đó khẳng định Ngài là Giáo chủ Vô vi của Đại Đạo, Giáo chủ của tất cả các Giáo chủ. Chỉ có Ngài là Đấng duy nhất ở địa vị đó. Trên Ngài không còn có thần

quyền nào nữa cả, Ngài ngự trị vạn linh của tất cả các địa cầu và trên tất cả các Đấng trong cõi vô hình, nên người phạm lẫn các bậc Thiêng Liêng đều xưng tụng Ngài là “Thượng Đế Chí Tôn”.

Kinh “Tiếng Trống Giác Mê” có viết:

“Thầy là bậc hoàn toàn, vĩnh viễn, trường cửu trong cõi hư vô tuyệt đối. Nay vì lòng bác ái của Thầy muốn cho các con tiến hóa về nẻo tinh thần đạo đức, nên chi Thầy dụng cái phương pháp phi thường ngoài sự hiểu biết của phạm nhân mà dạy các con. Thầy tức là nguyên lý của vô vi Đại Đạo, chủ quyền tạo hóa của cả Càn Khôn vũ trụ và sinh sản của các thiên lý để gieo truyền cho nhân vật từ giống thấp hèn đến loài cao trọng, ấy là nguồn cội vô thí vô chung đó các con.”

2. THEO ĐÓ TA THẤY TRƯỚC NHƯT NGÀI LÀ Đấng TUYỆT ĐỐI THUỘC VỀ HƯ VÔ

“Khí Hư Vô sanh có một Thầy. (...) Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn thế giới này, mà nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy.”⁷

Vậy xét về bản thể thì Thầy là Hư Vô Chi Khí, còn xét về nguyên nhân sinh hóa vũ trụ thì Thầy là Nguyên Lý Đại Đạo.

3. Thiên Lý Đàn, 24-7 Bính Ngũ (08-9-1966).

4. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I, 1973, tr.5.

5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I, 1973, tr.13.

6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I, 13-6 Bính Dần (22-7-1929).

7. Đức Chí Tôn, Huấn Từ xuân Tân Hợi, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

Chúng ta hãy nghe Ngài xưng danh với đầy đủ bản thể, chủ thể và quyền năng của Ngài như sau:

HUYỀN huyền diệu diệu chí linh linh,

KHUNG sắc hào quang hiện Ngọc Kinh.

CAO ngự chương tòa thần mặc mặc,

THƯỢNG triều Bửu điện khí khinh khinh.

ĐẾ cung Thánh, Phật giai cung hỷ,

KIM khuyết Thân, Tiên cụ tiếp nghinh.

VIẾT Thích, viết Nho, viết Đại Đạo,

CAO ĐÀI dưỡng dục hóa quần sinh.⁸

Phân tích ý nghĩa các câu thơ, ta thấy:

• 2 câu đầu: Bản thể của Thượng Đế:

HUYỀN huyền diệu diệu chí linh linh,

KHUNG sắc hào quang hiện Ngọc Kinh.

• 2 câu 3 & 4: thần khí của Ngài:

CAO ngự chương tòa thần mặc mặc,

THƯỢNG triều Bửu điện khí khinh khinh.

• 2 câu kế: thần oai của Ngài: ĐẾ cung Thánh, Phật giai cung hỷ,

KIM khuyết Thân, Tiên cụ tiếp nghinh.

• 2 câu cuối: Quyền năng

chấp chương các mối đạo và hóa dục quần sinh của Đức Chí Tôn Cao Đài:

VIẾT Thích, viết Nho, viết Đại Đạo,

CAO ĐÀI dưỡng dục hóa quần sinh.

3. THẤY LÀ NGUYÊN LÝ CỦA VÔ VI ĐẠI ĐẠO

Để giúp chúng ta trực giác được Ngài là Nguyên lý Đại Đạo, Ngài từng mượn 3 chữ A, Ă, Â để làm ký hiệu của Ngài trong những lần còn ẩn danh lâm phạm:

- A Ă Â chẳng phải là tên vì không ráp được thành chữ. Không có cái tên nào hoàn toàn xứng đáng với Chủ thể tuyệt đối của vũ trụ.
- A Ă Â chẳng phải là hình vì không vẽ thành như vật. Không có hình ảnh nào mô tả nổi nguyên lý hằng hữu của vạn vật.
- A là đầu tiên, là nguyên thủy, Ă và Â là hai mặt của A; Ă Â vốn nhất thể nhất nguyên với A.

Đó là nguyên lý “Nhất Âm Nhất Dương chi vị Đạo” (Dịch hệ từ thượng).

4. NGÀI LÀ CHA, CŨNG LÀ THẦY CỦA CHÚNG SANH

Thuở mới khai đạo, một hôm Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc chấp bút, hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo): phạm hễ Cha là Cha, còn Thầy là Thầy, tại sao Đại Từ Phụ là Cha còn xưng là Thầy nữa?

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng bút dạy rằng:

Il est en même temps Père et Maître,

Parce que c'est de Lui vient tout son être.

Il nourrit notre corps de ce qui est sain,

Il fabrique notre esprit de ce qui est divin.

En Lui, tout est science et sagesse,

Le progrès de l'âme est son oeuvre sans cesse.

Les viles matières sont joyeux à ses yeux,

De vils esprits, il en fait des Dieux.

Sa loi est l'amour, sa puissance est la justice,

Il ne connaît que la vertu et non la vice.

Père: Il donne à ses enfants sa vitalité,

Maître: Il leur lègue sa propre divinité.

Xin tạm dịch:

Ngài là Cha lại là Thầy cao cả,

Vì từ Ngài sanh hóa hết muôn loài.

Thân phạm đây do thánh chất Ngài nuôi,

Nhân trí ấy nhận nơi Ngài linh tánh.

Trong Ngài đủ kiến văn và minh tánh,

Ngài không ngừng làm tiến hóa hồn con.

Vật đơn sơ xem ngộ nghĩnh muôn phần,

Tâm chất phác Ngài làm nên các Đấng.

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I, 13-3-1926.

Luật là yêu thương, quyền là công chánh,

Là Thiên tâm không vương vấn bụi trần.

Là CHA: đem sự sống đến cùng con,

Là THẦY: đã chia phần thiêng liêng đó!

Chúng ta cần chú ý câu: “C'est de lui vient tout son être” (Từ Ngài sanh hóa hết muôn loài) có nghĩa mọi tạo vật đều thọ bẩm nơi Ngài sự sống và trí khôn. Không phải vạn hữu được cấu tạo như một sở vật ngoại tại mà vạn hữu hình thành như bông trái nảy sinh từ nhựa sống của gốc rễ. Đức Chí Tôn xác minh:

“Một Chơn thân Thầy mà sinh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới.”

Ngài lại phán: *“Thầy nói cho các con hiểu rằng: muốn xứng đáng làm môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm.”*

Quả thật, Đức Thượng Đế vừa là Cha, (Đại Từ Phụ) vừa là Thầy của chúng sanh vì chúng sanh được Ngài sanh hóa ra rồi lại thúc đẩy cho tiến hóa. Thậm chí đến thời Hạ nguơn này còn đích thân lâm phạm thân nhận các con cái làm học trò để dìu dắt lên đường giải thoát.

Nhìn lại lịch sử nhân loại song song với lịch sử các tôn giáo, ta thấy chỉ trong thời

Tam Kỳ Phổ Độ mới có sự hi hữu là Đức Chí Tôn thân hành mở đạo phổ độ quần sanh.

Ngài là “Tột đỉnh” của “Nhất nguyên”. Sự lâm phạm của Ngài là tất yếu cho thời kỳ “Quy nguyên phục Nhất” khi thế gian đã đến giai đoạn cực kỳ phân hóa và ở bên thềm thoái hóa. Nhưng không phải Ngài đến để tỏ ra hiện hữu mà đến để thể hiện và thực hiện trọn đủ cái phạm trù: “Thượng Đế – Đạo – Chúng sanh”.

III. THƯỢNG ĐẾ – ĐẠO – CHÚNG SANH

Phạm trù này vốn là chân lý muôn đời, nhưng hiện thực nó là sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà đối tượng là toàn thể chúng sanh, cứu cánh là Thiên nhơn hiệp nhất, pháp môn là giáo lý thuần nhất của Đại Đạo.

Vậy việc giảng trần mở Đạo của Đức Thượng Đế là một dấu ấn của Tam Kỳ Phổ Độ, thiếu dấu ấn đó, Kỳ Ba không còn thực chất Đại Đạo.

Chính mình Thầy đến chốn Nam bang,

Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng.¹⁰

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lý đạo CHÚNG SANH = ĐẠO = THẦY = BẢN THỂ là một nguyên lý hết sức đặc biệt thuộc Cơ Cứu Độ Kỳ Ba. Vì nó bao gồm những xác tín:

- Xác tín bình đẳng giữa chúng sanh trong vũ trụ,
- Xác tín chúng sanh là thực thể của Đạo,
- Xác tín Thượng Đế là động năng tuyệt đối của Đạo,
- Xác tín Tổng thể Càn Khôn vũ trụ bao gồm Thực tại vô hình và Thực tại hữu hình mà BẢN THỂ là nguyên lý Hằng hữu và Tương quan bất tuyệt giữa Chúng Sanh – Thượng Đế và Đạo.

Vậy, đoạn Thánh ngôn: “chúng sanh là Bản thể của Đạo, mà Bản thể của Đạo là bản thể của Thầy” có thể phát biểu như một kết đề:

THẦY LÀ BẢN THỂ CỦA CHÚNG SANH.

Suy niệm kết đề này, chúng ta càng nhận thức được ý nghĩa đặc biệt của sự kiện lịch sử “Chính mình Thầy mở Đạo”, nhận thức được Sứ mạng Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ. Và nhất là biết được thực chất của chúng sanh, từ đó suy ra thực chất Thượng Đế là ai. Cuối cùng quy chiếu những nhận thức ấy vào sáu chữ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

1. XÁC TÍN BÌNH ĐẲNG GIỮA CHÚNG SANH TRONG VŨ TRỤ

Thương nhau: tặng vật hiến dâng Thầy,

Chẳng luận loài nào khắp đó đây.

Thương nhóm không quen nơi hướng Bắc,

9. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14–01 Bính Ngọ (04–02–1966).

10. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, sđd.

Thường đoàn lạt mặt chốn phương Tây.

Dắt người đọa lạc về đường chánh,

Dẫn kẻ gian tà lại nẻo ngay.

Khôn dại, ngu khờ, lo tận độ,

Thương nhau: tặng vật hiến dâng Thầy.¹¹

2. XÁC TÍN CHÚNG SANH LÀ THỰC THỂ CỦA ĐẠO

Thánh ngôn:

“Đạo muốn đạt được chỗ bí yếu là cái cứu cánh và tác dụng đó các con. Nếu không đạt được cái cứu cánh và tác dụng đó thì dẫu với danh từ nào tốt đẹp hoặc tổ chức nào nói rằng tốt đẹp cách mấy đi chăng nữa cũng không ý nghĩa gì hết. Có phải vậy không các con?”

Các con ơi! Luôn luôn lúc nào và bất cứ ở đâu cũng vậy, các con phải kiểm điểm và tâm niệm rằng mình là người có Đạo, mang một hoài bão cao cả, một lý tưởng cao cả trong sứ mạng thế Thiên hành hóa, giáo dân vi thiện, đem Đạo cứu đời. Mình phải nói gì, phải nghĩ gì và phải làm gì để thực hiện cái hoài bão, lý tưởng của người sứ mạng đó.¹²

Kinh nhập hội:

Thuận nơn tâm ắt thuận Trời,

Câu kinh vô tự độ người thiện duyên.

Kinh xuất hội:

(...) Vạn linh đã hiệp Chí linh,

Hội xong cây sức công bình thiêng liêng.

Đã gây dựng nên quyền giáo hóa,

Phòng hiệp vậy trọn cả nguyên nhân.

Vẹn toàn phạm thể Thánh thân,

Tùng theo chơn pháp độ lần chúng sinh.

3. XÁC TÍN THƯỢNG ĐẾ LÀ ĐỘNG NĂNG

TUYỆT ĐỐI CỦA ĐẠO

Đại La Thiên Đế,

Thái Cực Thánh Hoàng,

Hóa dục quần sanh,

Thống ngự vạn vật.

Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,

Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.

Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa,

Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh.

Thời thừa lục long du hành bất tức,

Khí phân tứ tượng, oát triển vô biên.

Cần kiện cao minh,

Vạn loại thiện ác tất kiến.

Huyền phạm quảng đại,

Nhứt toán họa phúc lập phân.

(...)

4. XÁC TÍN TỔNG THỂ CÀN KHÔN VŨ TRỤ BAO GỒM

THỰC TẠI VÔ HÌNH VÀ

THỰC TẠI HỮU HÌNH

Con ơi Thầy đến lúc đầu canh, Thông thấu thần quang cõi

trộn lành.

Gió núi sóng cồn chưa ổn định,

Sương mai nắng hạ vẫn xoay quanh.

Càn Khôn trẻ muốn cư chung thất,

Thiên địa con toan động tác thành.

Ngưỡng cửa viên dung là chữ Nhứt,

Không tìm sao thấy ở hình danh?¹³

IV. SÁU CHỮ “ ĐẠİ ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ ”

Nếu quy chiếu Nguyên lý “THƯỢNG ĐẾ = ĐẠO = CHÚNG SANH = BẢN THỂ” vào sáu chữ “ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ”, chúng ta có thể phân tích:

• Hai chữ “ĐẠI ĐẠO”: không đơn thuần có nghĩa là Con đường lớn hay Thiên đạo, vượt lên trên ý nghĩa tôn giáo; mà hơn thế nữa, Đại Đạo là thực tại vô biên bao gồm Bản thể của Thượng Đế, Bản thể của chúng sanh và Nguyên lý vận hành hóa sinh vũ trụ vạn vật. (ĐẠO)

• TAM KỲ PHỔ ĐỘ: Quyền năng Đại Đạo cứu độ nhân sanh vào Thời kỳ thứ ba của đại chu kỳ tiến hóa của vũ trụ theo Thiên cơ.

Nên khi dạy về thiên mạng của con cái của Thầy, Thầy có Thánh huấn như sau:

“Con ơi! Tạo Hóa đã sắp bày vũ trụ tất nhiên lẽ sanh diệt cũng phải là tiền định của Thiên cơ. Nhưng nếu các con hiểu Thầy

11. Đức Chí Tôn, sdd.

12. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-3 Tân Hội (10-4-1971).

13. Hườn Cung Đàn, 01-01 Nhâm Dần (04-02-1962).

là một Hu Vô Chi Khí, Thầy là linh tâm của chúng sanh, Thầy vẫn ngự trị tất cả vạn loài trong thế giới, thì chúng sanh tức là Thầy, dầu bốn mùa tám tiết có đổi thay, các con vẫn vững bền như tòng bá...”¹⁴

V. KẾT LUẬN

Xin đọc Thánh huấn của Thầy vào đêm giao thừa 30 tháng Chạp, Giáp Dần (10-02-1975) để thay phần kết luận:

“Này các con! Tiết Xuân hòa dịu đã đến trần gian. Các con đều dừng bước để đón xuân, vui xuân và gác hết nỗi ưu tư nhọc nhằn trong năm cũ. Các con cũng nên ghi lại những gì xấu tốt, nên hư bỉ thối, thăng trầm trên quang đường các con vừa đi qua.

Nắng hạ mưa thu đông tàn rét mướt, những kinh nghiệm

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

sống ưu và khuyết đó sẽ đem đến cho con kỳ vọng nào để canh tân hơn, hoàn thiện hơn, cho bước đường sang giai đoạn mới trong năm mới? (...)

Nhân đây Thầy dặn dò để mỗi đứa ghi nhớ: Thầy mở cơ tận độ Kỳ Ba này cho các con, cho thế giới nhân loại cũng như mùa xuân đến với vạn vật. Vạn vật đã trải qua những giai đoạn sanh sôi trưởng thành hoạt động thâu liễm và tàng ẩn để phục sinh, như cái nóng bỏng của mùa hè, mưa mát lạnh lùng của mùa đông, là cơ vi triển chuyển từng giai đoạn, vừa un đúc, vừa tạo thành cho vạn vật mà không hề hủy diệt. (...)

Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin Đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời Thánh

đức Thượng ngươn, thế giới an bình cho xã hội nhân loại trong tương lai.

Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.”

HUYỀN nhiệm Thầy ban khắp cõi trần,

KHUNG trời Đại Đạo thường ân xuân,

CAO Đài mở rộng đường sinh lộ,

THƯỢNG cảnh lấp ngăn lối tử thân.

ĐỂ khuyết vui vầy hàng Thánh Phật,

NGỌC giai vắng vẻ bóng nguyên nhân.

HOÀNG đồ Thầy chỉ từ năm trước,

ĐẠI chí THIÊN TÔN sẽ để phần. ■



THÁNH GIÁO

Bản Đạo không chúc lành hoàn toàn chư liệt vị, mà chỉ chúc chư liệt vị được tâm trung tịnh định, bình tĩnh trước mọi sự đổi thay, sáng suốt trước mọi nước cờ thế cuộc, tự nhận lấy trách nhiệm của hàng giác ngộ tu hành thể thiên hành hóa, ý thức được nhiệm vụ công dân đang làm lịch sử giống nòi cho thế hệ mai sau và hiểu được như thế này: Trong lúc vạn dân còn đau khổ lầm than, gia vong quốc phá, vận nước đảo điên, cơ đồ nghiêng ngửa, mình không khi nào nghĩ đến sự thụ hưởng cho riêng mình, mà phải nghĩ đến sự mất còn thịnh suy bỉ thối chung cho cả một dân tộc. Cũng không phải vào cửa đạo để độc thiện kỳ thân, tìm cơ siêu thoát cho cá nhân mình, mà phải làm nhiệm vụ của người giác ngộ cầm đèn đi trong đêm tối, cầm bầu nước đi giữa đám người khát, cầm linh dược đi giữa đám bệnh nhân đau khổ. Có ý thức làm được việc ấy tự nhiên lòng xuân phát khởi. Cái xuân ý nhị trung hiếu tiết nghĩa đạo đức tràn đầy vĩnh cửu, xuân bất tận.

ĐỨC HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG, 03-01 KỶ DẬU, 19-02-1969 ■



■ KIM DUNG

MÙA ĐÔNG TIỀM PHỤC CỦA XUÂN

Thế gian có bốn mùa trong một năm lần lượt trải qua Xuân – Hạ – Thu – Đông, mùa nào cũng có một công năng sứ mạng của Thời lệnh: Sinh – Trưởng – Thâu – Tàng. Nương theo đó người tín đồ Cao Đài hạ thủ công phu hàm dưỡng thân tâm trong bốn mùa tu: Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí.

Đức Tôn Sư có dạy:

Đã biết rằng xuân là ấm áp, đẹp đẽ, hy vọng, canh tân, nhưng nếu chỉ có xuân thì xuân cũng không thấy quý. Sở dĩ thấy quý vì có hạ, có thu, có đông. Vì hạ là diệu năng của xuân. Xuân sinh thì hạ trưởng. Thu là tiềm lực của xuân. Có sinh có trưởng phải có thâu kết. Đông là đức tiềm phục của xuân để tiếp tục phát sanh.¹

Như vậy mùa nào cũng lấy Xuân làm gốc.

- Tại sao mùa Đông là tiềm phục của Xuân?
- Và mùa Xuân mang ý nghĩa thế nào mà thời nào cũng lấy Xuân làm gốc?
- Người tu làm sao theo kịp thời tiết của Đất Trời, luôn tiềm ẩn một nét Xuân tiềm phục sẵn sàng phát triển thành Tâm Xuân.

Theo Kinh Dịch, ĐÔNG CHÍ là lúc khí Âm đã lên đến cực điểm, và khí Dương bắt đầu xuất hiện, thuộc quẻ ĐỊA LÔI PHỤC (Âm cực Dương sanh).

- Phục là trở về, quay trở lại, trở lại như cũ.
- Phục sinh: làm sống trở lại.
- Phục hồi: trở lại trạng thái cũ, khôi phục cái đã mất.

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).

- Phục quyền: lấy lại quyền đã mất.
- Phục hưng: làm hưng thịnh trở lại.
- Phục hoàn bản vị: trở về vị trí gốc, (về ngôi xưa vị cũ)

Đức Thánh Trần dạy về quẻ Địa Lôi Phục:

“Không kiếp chi tiền, âm hàm dương dã hư linh tịch chiếu, nên ta thấy tượng quẻ một Dương nằm dưới năm Âm có thể suy luận cái Lý Nhứt Dương này là Một Điểm sinh cơ tiềm phục là chơn ý, là tịnh cơ gồm có năm âm là:

Mắt, tai, mũi, miệng, thân. Ngũ quan thanh tịnh – chơn ý sáng soi.”

Tóm lại, Phục là đặc trưng của mùa Đông với một hào Dương quay trở lại, có ý nghĩa đối với con người cả hai mặt:

Thân ⇨ Phục là trở lại, phục hồi (sức khỏe).

Tâm ⇨ Phục hoàn bản vị. Phục nguyên trở về vị trí gốc.

- Phục kỳ kiến Thiên Địa Chi Tâm
- Điểm Nhứt Dương lai phục.
- Điểm phục phát sinh cơ.
- Điểm sinh cơ tiềm phục.

TẠI SAO GỌI MÙA ĐÔNG LÀ TIỀM PHỤC CỦA XUÂN?

MỖI MÙA CÓ CHỨC NĂNG RIÊNG

Sanh – Trưởng – Thâu – Tàng

Lẽ chung, lòng người ai cũng thích mùa Xuân vì cảnh vật đâm ấm tươi vui, vạn vật sinh sôi, ngàn hoa đua nở... và thể thường người ta chỉ nhìn thấy phần hiện tượng của mùa Xuân, Hạ, Thu mà không thấy được điểm tàng ẩn của mùa Đông là mầm sống của mùa Xuân.

Để thấy được chồi non trên cây mọc trở lại vào mùa Xuân sau mùa Đông băng giá, cây trơ cành tưởng chừng như đã chết, thì phải có một mầm sống tiềm tàng bên trong thân cây và mầm sống này bắt đầu chuyển mình hồi phục từ trong mùa Đông, lúc một điểm Dương xuất hiện trả lại cho vạn vật cái ấm áp của sự hồi sinh.

Điểm sống ẩn tàng bên trong đó, có một công năng diệu dụng (diệu năng) để làm khởi nguyên cho cuộc sinh tồn và phát triển. Đây là cái tiềm phục mạnh mẽ ẩn tàng chờ đợi đúng

thời đúng tiết sẽ phát khởi cho một chu trình tiến hóa khác theo luật của Trời Đất).

- Do đó con người mới nhận thấy:
- Cái ấm áp của mùa Xuân.
- Cái nóng bức của mùa Hạ.
- Cái ẩm đạm của mùa Thu.

Nói đến mùa Đông tiết trời lạnh, thì vạn vật đều ẩn tàng (sau mùa thâu kết, lấy lại sinh lực).

TÀNG: là để giấu kín cái vẫn về tốt đẹp ở bên trong.

- Là để gìn giữ cái mầm nguyên sơ cho được tồn tại mãi hết đời này sang đời khác.
- Vì thế mùa Đông có một ý nghĩa sâu xa (ẩn tàng ý xuân bình dị) nên Thánh Nhân dùng quẻ Phục để con người suy gẫm mà tường tận được cái nguyên lý của vũ trụ mầu nhiệm.

TẠI SAO MÙA NÀO CŨNG LẤY XUÂN LÀM GỐC?

Bởi theo Lý Đạo thì Xuân thuộc Đức Nguyên của Đạo Kiến.

Nguyên là gốc. Là đầu mối muôn sự vạn vật. Cái gì trên đời này không có gốc mà đứng vững được đâu?

• Ở Trời: là nơi phát xuất mầm sống cho muôn loài vạn vật ⇨ Trời có đức Háo sanh: *“Xuân là Đức của Chí Tôn.”* (Đức Lý).

Là (Đấng Tạo Hóa) vô cùng tận.

Đấng Cha lành sanh hóa muôn loài ⇨ Cha của sự sống.

Con người bảo vệ sự sống là làm đẹp lòng Cha, là được bảo tồn.

• Nơi Đất: vạn vật hấp thụ từ gốc. Hấp thụ nhựa sống của Đất và khí tiết của Trời mà bủa sung cành lá kết quả đơm hoa.

• Nơi Người: là Đức Nhân, là Thượng Đế tính. Thế nên Ôn Trên mới dạy:

Xuân là Đạo,

Là tâm

Là luật tắc vạn hành từ xuất sanh đến khi phân hoàn.

Cũng vì thế Đức Tôn Sư dạy chúng ta mùa nào cũng lấy Xuân làm gốc.

Hạ là diệu năng của Xuân (công năng diệu dụng của Xuân là làm phát triển muôn vật).

Trường nhờ có dưỡng.

Thu là tiềm lực của Xuân (sinh lực được thu kết lại có sanh, có trường thì phải có tiếp theo là thu kết).

Đông sau chuỗi dài phát triển, hồi thu lại sinh lực thì cần gìn giữ ẩn tàng phục hồi sinh lực (tiềm phục) chờ đúng thời điểm phục phát sinh cơ.

Như vậy, Mùa Xuân là một mùa trong bốn mùa, ứng với Lý Đạo là Đúc Nguyên của Đạo Kiền.

Nguyên là khởi đầu.

Mùa xuân là mùa phát sinh, vạn vật đều được phơi bày để phát triển khi hạ đến.

Xuân là Đạo, là tâm.

Nên người biết Đạo mới biết vui Xuân

Biết vui Xuân là biết mình cùng đại thể, cùng vạn vật, bởi vạn vật sinh tồn trong Lý Đạo.

Mùa Xuân: luật tắc vận hành từ xuất sanh đến phản hoàn.

Là gốc (chỗ ra đi cũng là chỗ trở lại).

Thế nên Đúc Thái Thượng có dạy:

“Những phương pháp, phương châm, bí quyết để con người được biết rõ chính mình và biết sống trong Lý Đạo để bảo trì nhân bản trên xã hội nhân loại này đều tóm vào một ý nghĩa của mùa Xuân, bởi xuân là mùa lập lại qua cuộc sanh trưởng thu tàng, biết hòa dịu để lưu hành trường dưỡng.”

- Biết rõ chính mình (gốc)
- Biết sống trong lý Đạo (gốc)
- Nhân bản của con người (gốc)

☞ Xuân

Đó là nói về gốc của con người. Còn nói về địa vị, năng lực của con người, Thầy dạy:

“Phương pháp làm cho các con đủ năng lực, và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa của mùa Xuân.”

- Địa vị con người.
- Năng lực con người.
- Quyền hạn con người.

Người tối linh tam tài đồng thể,

Chúng chúng sinh, Thượng Đế phân thân

Quyền năng hiệu ứng như Thần

Tham thiên, tán địa, góp phần công lao.²

Con người sở dĩ được cái quyền năng tối thượng như thế kia là do Thượng Đế ban cho một phần nguyên lý làm bản tánh tự tạo, tự hóa nơi mình.

Vì bản tánh ấy đồng thể cùng Trời đủ cương kiện trung chính, khuôn thước rất mực.

Con người nhờ đó mà thông đạt tận lẽ huyền vi cơ mầu.

Người thọ bẩm cái nguyên lý của Trời đất gọi là Tánh. Tánh ấy là bản căn nguồn mạch của con người. Bởi đó mà người mới được đứng trong địa vị tam tài.

Trời Đất Người cùng chung nguyên lý,

Gồm âm dương, tứ khí ngũ hành

Bản lai chơn tánh trọn lành,

Đóng vai phụ tướng, tài thành, hóa công.³

Tạo Hóa sáng tạo nên vũ trụ. Con người cũng sáng tạo nên hành vi của chính mình trong vũ trụ và những hành vi đó trợ giúp vào việc hoàn tất công trình sáng tạo của Tạo Hóa nơi vũ trụ. Như thế, con người không phải chỉ chịu luật nhân quả tác động mà con người còn có giá trị tự do. Tự do lựa chọn hành vi chính mình. Tự do ấy vượt lên tất cả những gì trong vũ trụ là thời gian, không gian.

Tự do tuyệt đối không bị một luật tắc nào, không bị hoàn cảnh nào chi phối, cũng không chịu một mệnh lệnh nào, có đủ toàn quyền định đoạt vì bản tánh ấy là bản thể của Trời Đất có một không hai. Con người mà đạt đến bản thể tự tánh của mình thì đồng quyền cùng Tạo Hóa. Đó là con người đã chứng được Đạo:

- Đã tận được tánh.
- Hiểu rõ chính mình.
- Sống trong Lý Đạo.
- Đã cùng Tạo Hóa hoàn tất công việc sanh thành.

Như vậy tất cả phương pháp, phương châm,

2. Đạo Học Chi Nam.

3. Đạo Học Chi Nam.

bí quyết giúp con người trở về nguồn cội – đạt Đạo, hòa cùng Trời Đất – nằm trong ý nghĩa của mùa Xuân.

Nên nói Xuân là Đạo, là Tâm, là luật tắc đi và về.
Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát

Đạo là Xuân, Xuân lạc thiên nhiên. (Đức Lý Giáo Tông).

Hay nói: xuân là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống hằng hữu.

Thầy dạy:

“Vậ thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn hầu nuôi nấng Chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.

Không cứ phải một mùa Xuân cách Hạ, Thu, Đông hai mùa Xuân hoặc trăm vạn mùa Xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chỉ những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận ấm áp dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó.”

☞ Xuân cảnh ngắn ngủi, Xuân Tâm bất diệt.
Xuân đạo đức không thời gian

“Ngày Xuân năm nay Thầy chỉ mong các con dọn sạch lòng mình để chào đón mùa Xuân và phải nhớ là mùa xuân đạo đức vĩnh cửu nghe các con.”

Làm sao con người có được mùa xuân đạo đức vĩnh cửu?

Thầy dạy thêm:

“Đại khái Xuân đời, cảnh vật có chi các con!

Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy.

Sao các con không vun tưới cội lành đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát.”

Xuân lòng con đượm sắc tươi

Hoa lòng con nở tỏa ngời vị hương

Tỏa bay chan khắp tình thương

Muôn loài vạn vật nơi trường thế gian.

Con người muốn có mùa xuân đạo đức vĩnh cửu thì phải trau sửa cho thân tâm tươi nhuận.

Tâm có điểm phục phát sinh cơ, ví như cây lớn lên nhờ mầm hạt ban đầu được có môi trường tốt, phân bón nước đủ đầy, nảy nở phát sinh thành trái vẫn lưu giữ hạt bất biến. Người có điểm Tiên Thiên – mầm sống muôn thuở.

Cõi Hậu thiên thân sanh vào đó,

Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân.

Là mầm sống, là Nguồn Thần,

Là Trời, là Đạo, là Nhân của Người. (Đức Mẹ)

Con người sống nơi cõi tạm, nếu biết tu hành làm cho Điểm Đạo sáng lên, thì lòng Nhân hay Đức Nhân phát triển. Giáo lý Phật dạy Giới – Định – Huệ.

- Giới: tức là răn đe lòng mình.
- Định: dừng lại, ngăn mọi dục vọng, tà tâm. Khép mình vào khuôn đạo đức. Tam độc không nhập xâm thì thanh tịnh. Định lâu rồi trí tuệ hiện ra, đó là Khôn thành Phục.

Vì rằng còn là con người, còn nhiều sơ thất cần rèn luyện liên tục nên phục lại nguyên sơ để thấy Tâm Thiên Địa không phải chuyện dễ làm mà các bậc Thánh Nhân đã dạy có nhiều trường hợp:

- Bồi tâm
 - Bồi cảnh
 - Bồi nghiệp duyên
- mà Thánh Nhân phân ra trong quẻ Phục.

1. BẤT VIỄN PHỤC

Bất viễn là không xa, đi không xa mà trở lại kịp nghĩa là xuống trần chịu mang lấy hình hài khí chất hậu thiên, mà lòng chưa chìm đắm biết phục thiện mà trở về chơn tâm bản tánh của mình. Tuy có lầm lỗi nhưng trải qua thời gian không xa mà trở lại tốt lành phục được mau chóng thời không đến nỗi ăn năn.

Thầy Nhan Hồi “bất nhị quá” nghĩa là dầu có điều lỗi, nhưng chỉ lỗi một lần thôi, không bao giờ lầm lỗi hai lần.

Đức Khổng khen: “Có điều gì chẳng lành tức khắc biết ngay, sửa ngay.”

2. HỮU PHỤC (HỮU= TỐT)

Khắc kỹ phục lễ trở lại lễ Trời.

- Bản thân trung chánh, tốt lành
- Thân cận người quân tử, đạo đức.

Mượn cái sáng suốt nhà người làm sáng cho mình thêm, đem cái nhơn tâm mình quy thuận đạo tâm, biết gần người hiền mà tu sửa nên Đạo, thật không gì tốt bằng.

3. TẤN PHỤC (TẤN = HẰNG HẰNG)

Biết Đạo là hay tốt, biết làm lành tu thiện là phải thế mà khởi tâm thì thiện ác xen kẽ, làm nghĩa thì muôn phước được theo. Có công tu, công học, song không lập được chí lớn. Tu rồi ngã, ngã rồi tu, gọi là “Tri thủ bất kiên” (theo điều lành mà không chắc chắn).

Biết chừa lỗi mà lại thường mắc lỗi, nhưng còn bám lấy Đạo, không đến nỗi ăn năn.

4. TRUNG HÀNH ĐỘC PHỤC

Đi giữa bầy ác, không tu, mà một mình phục theo thiện nhân.

Giữa đám mê luyện hồng trần, một mình theo về với Đạo (tùng theo Đạo).

5. ĐÔN PHỤC (ĐÔN = DÀY BỀN)

Hàng căn trí lãnh đạo, Đạo cao đức trọng, là một người phục thiện lại rất dày bền ví như một ngôi sao sáng giữa đêm trường, lấy Đạo Trung tự thành lấy mình (tự khảo), tự làm nên cho mình không cần ai bảo.

6. MÊ PHỤC (TUỢNG ĐỨA TIỂU NHÂN)

Phục mà còn hôn mê là người đi lầm đường cho đến cuối cùng kết quả, vừa gặp tai vạ từ ngoài đưa đến do lỗi chính mình làm ra. Bởi chẳng biết nghĩa nhân, phải trái chẳng chịu cải tà quy chánh, chìm sâu trong bể đục, càng cựa quậy càng lún sâu.

Đừng để như mê phục để tâm rong chơi không biết tỉnh ngộ quay về.

Nếu niệm vừa khởi, tâm vừa biết mà hối lỗi là **BẤT VIÊN PHỤC**.

Đừng như **TẤN PHỤC** cứ lầm lỗi rồi ăn năn

Ngoại cảnh khảo đảo chiến đấu kiên trì trong nội tâm là **TRUNG HÀNH ĐỘC PHỤC**.

Hoàn cảnh, tốt tâm tốt ➔ **HỮU PHỤC**.

Tốt nhứt là có đạo đức dày ➔ **ĐÔN PHỤC**.

Căn trí dày mau chóng đạt kết quả.

TÓM LẠI

Phần cao quý của mùa Đông là ý chí phục sinh

tức là nội tâm phục hồi trở lại **ĐIỂM NGUYÊN SO** của Đạo, cho tâm linh được mãi tuệ huệ khai.

Phần quan trọng là ý thức đặc biệt thanh tịnh theo hình tượng quẻ Phục, theo cảnh quan thiên nhiên của mùa Đông, bên ngoài trông thấy im lìm, nhưng bên trong thì mạnh mẽ biết bao một tiềm năng sinh tồn, là mầm sống khởi nguyên. Vạn vật manh nha ở đó.

Người tu hành cần học quẻ Phục mà hạ công lập địa hàm dưỡng **CHON NGUYÊN - ĐIỂM SINH CƠ TIỀM PHỤC**.

Xuân mùa Đông phát triển tâm Xuân.

Xuân là Đạo, là tâm, là gốc, thuộc Đức Nguyên, cũng là mùa lập lại.

Thế nên ý nghĩa mùa Xuân rất sâu sắc.

Con người hiểu biết sống trọn vẹn tâm xuân là sống trong Lý Đạo, trở về Nhân bản.

Ý Xuân bình dị thâm trầm

Muôn người đều hưởng Xuân Tâm rạng ngời. ■



THÁNH GIÁO

Xuân về cảnh vật thắm tươi,
Xuân về đem lại cho người trần gian,
Một năm sương gió phũ phàng,
Mùa Xuân êm ả dịu dàng tiết Xuân.
Nhìn xem thế cuộc hồng trần,
Nỗi niềm vì đạo vì dân nặng oằn.
Nhộn nhàng tiếp đón Xuân sang,
Để người gởi gắm tâm can nào nề.
Nhìn xem cảnh vật tư bề,
Đổi thay, thay đổi không hề yên vui.
Nhắc ra thêm những ngậm ngùi,
Năm Xuân chỉ để mấy lời thiết tha.
Chúc cho Thiên Mạng an hòa,
Công thành đạo đạt gần xa danh truyền.
Chúc cho liệt vị đàn tiên,
Lưỡng ban huynh tỷ muội hiền vui tươi.

ĐỨC AN HÒA THÁNH NỮ, CHON LÝ ĐÀN, 02-01 ẤT TỴ (03-02-1965). ■

NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ cần biết về TAM ĐÀI

■ HUỆ NHÂN

Tam Đài là một thuật ngữ trong đạo Cao Đài, chỉ 3 thành phần gồm:

- Cửu Trùng Đài
- Hiệp Thiên Đài và
- Bát Quái Đài

Thuật ngữ Tam Đài này được dùng ở cả hai phương diện:

1. Hệ thống tổ chức Đạo.
2. Cấu trúc xây dựng Tòa Thánh – Thánh thất.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chú trọng vào hệ thống tổ chức; một bài khác sẽ đề cập đến cấu trúc xây dựng.

Người tín đồ mới nhập môn vào Đạo chắc hẳn đã được nghe nhiều về các phẩm trật chức sắc, chức việc như: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự (nam và nữ); đôi khi tiếp xúc với các chức sắc cấp cao hơn như các vị Giáo Sư, Phối Sư, Hiến Thế, Tiếp Đạo, cao nữa là Hộ Pháp, Giáo Tông. Rồi những lúc

đọc Thánh giáo, Thánh ngôn nghe nhắc đến phẩm vị các Đấng Thiêng Liêng như Tam Giáo Tổ Sư, Tam Trấn Oai Nghiêm, đặc biệt, thường nghe nhứt là Thầy, Đức Mẹ.

Người tân tín đồ phải căn bản hiểu rõ các phẩm vị ấy. Biết đúng để ý thức đúng hệ thống tổ chức nền tôn giáo mà mình đã tham gia cả phần xác lẫn phần hồn.

Trước hết, nói về chữ Đài trong Tam Đài.

Đài (臺) nghĩa đen là cái nhà cao, to, từ đó có thể ngắm rõ bốn hướng. Đài cũng còn có nghĩa là một vị trí, một vị thế cao hơn chung quanh để mọi người có thể thấy được. Chữ Tam Đài ở đây nghiêng về ý thứ hai. Tam Đài là ba vị thế cao trội bên trên, được kính ngưỡng.

Người tín đồ mới nhập môn vào đạo Cao Đài là vào

phẩm đầu tiên của Cửu Trùng Đài, vậy xin trình bày về Cửu Trùng Đài trước.

I. CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu: chín; Trùng: tầng, lớp.

Cửu Trùng Đài là chín phẩm cấp của tất cả hàng tín đồ Cao Đài Giáo. Chín phẩm cấp ấy đi từ dưới lên trên gồm: 1. Tín đồ, 2. Chức việc, 3. Lễ Sanh, 4. Giáo Hữu, 5. Giáo Sư, 6. Phối Sư, 7. Đầu Sư, 8. Chương Pháp, 9. Giáo Tông. (riêng nữ phái chỉ đến phẩm Đầu Sư). Tất cả các phẩm chức sắc (từ Giáo Hữu lên đến Giáo Tông) do Ông Trên phân định rõ trong Pháp Chánh Truyền; sau đó, lãnh đạo Hội Thánh đưa đầy đủ vào Tân Luật. Cả Pháp Chánh Truyền và Tân Luật đã được Đức Chí Tôn ân phê và ban hành trong thời điểm Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng 10 năm Bính

Dẫn, tại Thánh thất Gò Kén, Tây Ninh.¹ Nói cách khác, các phẩm chức sắc trong đạo Cao Đài đều do Trời sắp đặt rõ ràng.

Trong chín phẩm Cửu Trùng ấy, phẩm 1: Tín đồ là đông nhất. Ở các Hội Thánh lớn, số tín đồ chiếm đến 98,99%. Thí dụ Hội Thánh có tổng cộng 100.000 tín đồ, số chức sắc chức việc hơn 1000 người, còn lại là tín đồ.

Trong Đạo còn có từ “Tam Thừa Cửu Phẩm”. Thừa nghĩa đen là chở đỡ, theo tôn giáo (Phật giáo) còn có nghĩa là cấp bậc.² Trong đạo Cao Đài, Tam Thừa là ba bậc từ dưới lên, gồm: Địa, Nhân, Thiên.³ Đó cũng là ba bậc nằm trong Cửu

phẩm, từ dưới lên: Địa Thần (Tín đồ), Nhơn Thần (Chức việc), Thiên Thần (Lễ sanh), Địa Thánh (Giáo Hữu), Nhơn Thánh (Giáo Sư), Thiên Thánh (Phối Sư), Địa Tiên (Đầu Sư), Nhơn Tiên (Chưởng Pháp), Thiên Tiên (Giáo Tông).

Các cấp phẩm từ Địa Thần lên đến Thiên Tiên gọi là Cửu Thiên Khai Hóa, bên trên có Cửu Thiên Thần Tiên ở Bát Quái Đài.

Đến đây có lẽ cần nói thêm về Cửu Thiên Khai Hóa, là các cấp phẩm thiêng liêng của Cửu Trùng Đài. Cụm từ Cửu Thiên Khai Hóa được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đề cập chi tiết trong loạt bài thuyết đạo “Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống” từ (16-9-1948 đến 27-4-1949) tại Đền Thánh, trong đó, ngay bài thứ I, Đức Hộ Pháp giảng:

“Trong cửa đạo Cao Đài có ba cách về với Đức Chí Tôn, hay là có ba cách lập vị mình.

- Cách thứ Nhất: Các chơn hồn mượn xác phàm phải đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa, tức là theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, dùng tài sức mình lập công để đạt Đạo, nghĩa là phải đi từ bậc Đạo Hữu lên Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư v.v. Phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa. Phải ăn chay từ sáu ngày mỗi tháng đến mười ngày, rồi ăn chay trường luôn (...). Các chơn hồn đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa còn phải tự tín

rời tha tín, tức là có tự độ mình rồi độ chúng sanh” (...)

- Cách thứ hai : lập vị mình theo Thập nhị Đẳng cấp Thiêng Liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi đây ngoài việc ăn chay, giữ gìn luật Đạo từng theo chơn pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng Đức để lập vị mình.

Muốn lập Đức phải đi tu: Minh Đức, Tân Dân, Thánh Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện v.v. (...)

- Cách thứ ba: Cách thứ ba là cách Tu Chơn hay Tịnh luyện cũng thế.

Những người đi trong Cửu Phẩm Thần Tiên (Cửu Thiên Khai Hóa - HN) hay đi trong Thập Nhị Đẳng cấp Thiêng Liêng, khi mình nhận thấy là đã lập Đức, lập Công, lập Ngôn rồi. Hay là đã thọ khổ, thăng khổ rồi mà còn sức nữa thì vào nhà Tịnh để được Tu chơn. Nơi đây các vị đó sẽ được học phương pháp luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thân, tức là Tinh Khí Thần hiệp nhất, là Hườn Hư đó vậy. (...)

Nếu đi theo con đường Cửu Thiên Khai Hóa và con đường Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng thì khác. Vì đi hai con đường đó là khi ta mãn kiếp về với Đức Chí Tôn, ta đi với cả linh hồn và thể phách. Còn hôm nay chúng ta về với Đức Chí Tôn bằng Chơn Thân, vì Bản Đạo may duyên được đặc ân của Đức Chí Tôn cho phép nên mới đi riêng cũng như đi tắt vậy.”

Riêng với “Cách thứ ba” này,

1. Các Thánh giáo phân định các phẩm chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đều được in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1.

2. Tiểu thừa: cấp thấp, chiếc xe chỉ đủ chở cá nhân (tự độ). Đại thừa: xe lớn, chở mình và thêm được nhiều người nữa (tự độ và độ tha).

3. Sự phân cấp này giống như các hào trong một quả Dịch: 2 hào dưới thuộc Địa, hai hào giữa thuộc Nhân và hai hào trên thuộc Thiên. Phần Nhân ở giữa nói lên sự chủ động tiến hóa của con người, đủ lớn để vượt lên “Thiên”, hay chưa đủ sức, phải còn ở lại Địa tu dưỡng tiếp (hoặc dước tại uyên).

Trong Đạo Đức Kinh đề cập theo chiều hướng khác: “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên”. Nhân ở đây nằm trong quá trình tiến hóa chung, đầu tiên phải thọ bảm sự dưỡng nuôi của Địa, học theo Đức của Địa đầy đủ, mới có thể “nâng cao” để “Pháp Thiên”, “Pháp Đạo” được.

Thiên - Địa - Nhân trong hai dẫn chứng trên hoàn toàn không mâu thuẫn nhau, tùy sự việc mà dụng.

Đức Hộ Pháp có nói rõ trong bài thuyết đạo này, như sau:

“Nhớ lại, từ khi Đức Chí Tôn chọn Bản Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bản Đạo phò loan và chấp bút, đặc biệt hơn hết là chấp bút, vì nhờ chấp bút mà Bản Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiên. Khi biết Tham thiên rồi mới Nhập Tịnh. Nhưng nhập Tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời. Nhập Tịnh vào không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn nhập tịnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ. Nhập Tịnh mà đúng rồi, còn phải nhờ các Đấng Thiêng Liêng mở Huệ Quang khiêu nữa, mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống đó vậy.”

Trở lại với chúng ta, là những tín đồ mới nhập môn vào cửa Đạo, con đường tu hành còn khá dài trước mắt, cần nên bước những bước vững chắc đầu tiên trong tâm trạng thận trọng nhưng đầy vinh dự: Bản thân mình giữ đúng nhiệm vụ và giới luật của người tín đồ, mình đã xứng đáng vào phẩm Địa Thần, một phẩm vị chánh thức trong Cửu Phẩm Thần Tiên, là đàn em của các vị Phật Tiên Thánh Thần đi trước. Chúng ta sẽ đi trên con đường các vị ấy đã đi qua. Chắc chắn chúng ta sẽ đi được.

II. HIỆP THIÊN ĐÀI

Trong quyển Pháp Chánh

Truyền chú giải, chương Hiệp Thiên Đài, có trích đoạn bài diễn văn của Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày 14-02 Mậu Thìn (1928), như sau:

“Thầy đến, quy các lương sanh của Thầy đã sai đến trước lại làm một, dựng lập Hội Thánh mà làm hình thể của Thầy, hầu tránh khỏi hạ trần trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này. Hội Thánh ấy có hai phần tại thế: Phần hữu hình là Cửu Trùng Đài, tức là Đồi, nghĩa là xác; một phần bán hữu hình là Hiệp Thiên Đài, nghĩa là nửa Đồi nửa Đạo, ấy là Chơn Thần. Còn phần vô vi là Bát Quái Đài, tức là Hồn, ấy là Đạo.”

Như vậy, Hiệp Thiên Đài là phần “bán hữu hình” của Hội Thánh. Bán hữu hình được hiểu đơn giản là Hiệp Thiên Đài có phân nửa là phần hữu hình, có hình tướng, có con người cụ thể, có chức trách cụ thể, có phẩm trật cụ thể. Phần nửa phần còn lại thuộc vô vi, không thấy cụ thể. Đây là phần huyền nhiệm, có khả năng thông công với cõi Thiêng liêng để tiếp nhận những lời Thánh giáo Ôn Trên truyền dạy cho Hội Thánh, và nói chung là cho cả Nhơn sanh.

– Phần hữu hình, các chức phẩm Hiệp Thiên Đài được Đức Chí Tôn ban trong Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài đêm 12 tháng giêng Đinh Mão (13-02-1927). Trước hết Thầy dạy:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy

ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.”

Tiếp theo đó Đức Chí Tôn phân định:

“Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm.”

- Ngài Hộ Pháp chưởng quản chi Pháp, dưới có 4 vị (từ dưới lên): Tiếp Pháp, Khai Pháp, Hiến Pháp, Bảo Pháp.
- Ngài Thượng Phẩm chưởng quản chi Đạo, có 4 vị Thời Quân (từ dưới lên): Tiếp Đạo, Khai Đạo, Hiến Đạo, Bảo Đạo.
- Ngài Thượng Sanh chưởng quản chi Thế, có 4 vị Thời Quân (từ dưới lên): Tiếp Thế, Khai Thế, Hiến Thế, Bảo Thế.

Tổng cộng có tất cả 12 vị Thời Quân trong cả ba chi Đạo, Pháp, Thế, gọi là Thập Nhị Thời Quân.

Về sau, để phụ trợ cho Thập Nhị Thời Quân, tuân theo Thánh chỉ của Đức Chí Tôn, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng tại Tòa Thánh ngày 16-02 Ất Hợi (1935), theo đó, Hiệp Thiên Đài có thêm hàng chức sắc cấp “Trung”, kể từ dưới lên có: Sĩ Tài, Truyền Trạng, Thừa Sứ, Giám Đạo, Cải Trạng, Chưởng Ấn và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn. Qua năm sau, Ngài Hộ Pháp có chọn thêm phẩm Luật Sự (dưới phẩm Sĩ Tài). Tính đối phẩm, Luật Sự sẽ ngang với Chánh Phó Trị Sự, phẩm

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ngang với phẩm Chánh Phối Sư.

– Về phần vô vi, là phần Hồn của Đạo, cụ thể là tiếp điểm Thiêng Liêng qua phương tiện cơ bút.

Đạo Cao Đài được lập thành nhờ cơ bút. Ở cả hai nhánh Nội Giáo và Ngoại Giáo, Đức Chí Tôn qua phương tiện cơ bút khai Đạo và phổ độ nhơn sanh.

Buổi đầu khai Đạo, ở nhánh Nội Giáo Tâm Truyền, vị đệ tử đầu tiên của Đức Chí Tôn là Ngài Ngô Văn Chiêu học Đạo pháp với Thầy qua đồng tử Lê Văn Ngưng. Nhánh Phổ Độ Công Truyền, đồng tử trong thời điểm đầu tiên là quý ngài Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh, và chư vị Thập Nhị Thời Quân.

Trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lại lời Thầy dạy về trách nhiệm của đồng tử trong việc thủ cơ chấp bút, có đoạn như sau:

“Thủ cơ hay chấp bút phải để cho Thần, tâm, tịnh mới xuất Chơn Thần ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy. Khi chấp thủ thì tay tuân theo Chơn Thần nói lại mà viết ra mừng tượng như con đặt đẽ, con hiểu đặng vậy (...) khi chấp cơ mà mê thì Chơn Thần ra trợn vện khỏi xác. Thầy mới dạy viết chữ chi đó, nó đổ theo. Thầy nói tên chữ, xác nó viết ra (...) Phải có một chơn linh tinh tấn mới mầu nhiệm huyền diệu. Phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh, Tiên

Phật mới phò cơ dạy Đạo cả chúng sanh. Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ.”

Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi ghi lại trong lời tựa quyển Đạo Sử (1975) một số ý kiến phân tích:

“Khiếu của đồng tử ngồi chấp cơ hai bên cũng như dây điện,⁴ bên nóng bên nguội. Bên tích cực mới phát sinh văn tự, bên tiêu cực thì nâng cơ trợ diễn mà thôi. Cặp cơ thứ nhất ông Cao Quỳnh Cư và ông Phạm Công Tắc, Chí Tôn ban ân huệ đặc biệt đầy đủ diễn lược, cả hai ông đều là đồng tử tích cực.(...)”

Đạo buổi phôi thai cần phải có đồng người chấp cơ để phổ độ. Nhưng bốn vị Thời Quân thuộc chi Thế thì chấp cơ không viết được. Một Đấng Thiêng Liêng cho biết lúc Đạo mới phôi thai ai ai cũng muốn tìm học hỏi về đạo đức hoặc bí pháp chơn truyền; mà quý vị này là chi Thế, nếu ban ân cho viết được, họ tuân ra đồ thế sự thì làm sao Đạo thi hành (...). Có được là khi một vị chi Thế chấp cơ với một vị chi Đạo hoặc một vị chi Pháp.”

Nói tóm lại:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền thiêng liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.” (Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài).

“Hiệp Thiên Đài là nơi Giáo Tông đến thông công cùng Tam

4. Vào thời ấy, việc phò cơ nhánh Phổ Độ gồm 2 đồng tử đồng chấp cơ.

Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, lục thập thất địa cầu, Thập Điện Diêm Cung, mà cầu siêu cho cả nhơn loại.” (Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài).

Đó là “sở dụng thiêng liêng” của Hiệp Thiên Đài, ngoài ra Hiệp Thiên Đài còn thêm “sở dụng phạm trần”:

“Phần phạm trần thì cầm quyền luật lệ, cũng như Đạo có phép Thiên Điều mà gìn giữ công bình thiêng liêng cơ tạo, chế sửa Ngươn Tranh Đấu ra Ngươn Bảo Tôn, làm cho nhơn loại đặng hòa bình, lánh xa cơ tự diệt.” (Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài chú giải).

III. BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài là phần vô vi thiêng liêng, linh thiêng nhất của đạo Cao Đài. Phần vô vi thiêng liêng này cũng có một hệ thống chức phẩm từ thấp lên cao. Các phẩm vị thiêng liêng thể hiện trên bàn thờ tại các Tòa Thánh, kể ra như sau:

Bên trên các ngài Nhơn Đạo của Đầu Sư, Chương Pháp và Giáo Tông là tượng hay linh vị Đức Khương Thái Công (Thần Đạo) khởi sự vào Bát Quái Đài, trên một bực là tượng hay linh vị Đức Chúa Jesus (Thánh Đạo). Trên nữa là tượng hay linh vị Tam Trấn Oai Nghiêm, giữa là Đức Lý Thái Bạch, Đức Phật Quan Âm Bồ Tát bên phải và Đức Quan Thánh Đế Quân bên trái linh vị Đức Lý. Trên phẩm Tam Trấn là Tam Giáo Đạo Tổ,

tượng hay linh vị Đức Phật Thích Ca ở giữa, bên phải là Đức Lão Tử và bên trái là linh vị Đức Khổng Tử.

Như vậy, thẳng một đường từ dưới lên là thứ tự theo Ngũ chi: Nhơn Đạo (Giáo Tông), Thần Đạo (Đức Khương Thái Công), Thánh Đạo (Đức Chúa Jesus), Tiên Đạo (Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên), Phật Đạo (Đức Phật Thích Ca Như Lai).

Tất cả được xếp dưới Thánh tượng Thiên Nhân, biểu thị Ngôi Chủ Tể Càn Khôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Các phẩm cấp từ Nhơn Đạo lên Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo là các phẩm được Thiên tôn, hay tiến hóa từ sau khi con người thoát xác, rời khỏi chốn phàm trần này.

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo. Tùy theo phong hóa của thân nhơn loại mà gầy chánh giáo (...) còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức (...) nên Thầy mới quyết định quy nguyên phục nhứt.” (TNHT).

Ở cõi Thiên, Thần là phẩm còn thấp nhưng đã vào chánh vị để thăng tiến. Còn các phẩm Thánh, Tiên, Phật cũng có thấp cao. Tuy nhiên bậc cao nhất của Thánh Tiên Phật hầu như ngang nhau, cụ thể là Tam giáo Đạo Tổ gồm các Đấng: Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đức Văn Tuyên Khổng Thánh và Đức

Phật Thích Ca Như Lai; đại diện ba nền tôn giáo căn bản được phổ độ xuống cõi trần (Đạo giáo, Nho giáo và Thích giáo). Ba nền tôn giáo này cũng là sự thể hiện của Tam Thanh: Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh. Tam Thanh xuất phát từ Trời, lan tỏa trong vũ trụ, xuống tận đến con người. Đây cũng là pháp môn giúp con người áp dụng vào sự tu hành tiến hóa của mình.⁵

Các Đấng ấy từ đâu mà có:

“Một Chơn Thần Thấy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới; nên chi các con là Thấy, Thấy là các con.”

5. Trích đoạn trong Minh Lý Chơn Giải:

“Tiên thiên khí là Tam Thanh xuất phát từ Trời, phóng tỏa ba luồng điển quang: đỏ, vàng, xanh, xuống cõi trần mà nuôi vạn vật, gồm đủ 3 thể chất: tinh thần, sinh khí và hình chất.

Khi Đạo tâm con người tiếp được Ngọc Thanh mà vận nó lên, cho màu đỏ hiển lộ thành hường, thì tình thương không cấu tạo mà nó đầy đầy, ngập tràn trên mọi loài nên hạnh từ bi mới có công năng hóa độ. Khi đã tiếp cùng Thượng Thanh mà vận lên nhập vào nê hườn, thì trí tuệ chiếu soi, vô minh dẹp sạch. Chẳng những đẹp cho mình, mà còn làm cho Trời Đất huy quang nhơn dân giác ngộ. Tinh đã ứng cùng Thái Thanh thì hùng lực mạnh mẽ, tinh tấn vô biên, cứu độ chúng sanh không mỏi. Trái lại, con người có đủ tinh khí thần mà không ứng tiếp được ba phần trên thì chưa đủ mở các luân xa (...) Nếu tiếp được mà vận theo Hậu Thiên thì sanh ra hung dữ, ghét ganh, dâm dục (...) Tiên Thiên, Hậu Thiên điều hòa vận kết thành kim đơn ở ngôi Trung huỳnh, để an thần dưỡng khí. Còn phải tu nhiều nữa để thần khí thượng thăng. Đó là cơ mầu nhiệm.” (tr.74, MLCG).

Xin nói thêm về ngôi Ngọc Hoàng Thượng Đế theo Cao Đài:

Trước nay, chúng ta đọc truyện (như Tây Du Ký) hay xem kịch trên tivi (như những vở kịch về Táo Quân dịp giáp Tết...) trong đó có vai Ngọc Hoàng Thượng Đế chịu ảnh hưởng của văn hóa dân gian,⁶ văn hóa Phật Giáo.⁷ Nói chung, từ trước khi có đạo Cao Đài, đã có rất nhiều quan niệm, định nghĩa về Thượng Đế (một số về Triết học nhưng đa phần về Tôn giáo). Ở đây, xin trích một đoạn bài viết của Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm (viết ngày 14-02-2011) trên trang web Bồ Đề Đạo Tràng:

“(...) Thượng Đế của Đạo giáo Trung Quốc khác với Thượng Đế của Nho gia, cũng khác với Thượng Đế của đạo Gia Tô, cũng khác với Thượng Đế của Ấn Độ giáo. Nếu đánh giá theo quan điểm và nhận thức của Phật giáo thì Thượng Đế của Lão giáo và Hồi giáo tương đương với vị chủ tể cõi trời Đại Lợi của Phật giáo. Thượng Đế của đạo Gia Tô tương đương với Phạm Thiên Vương của Phật giáo, Thượng Đế của Ấn Độ giáo đồng nhứt

6. Trong truyện dân gian Việt Nam có chuyện “con cóc là cậu ông Trời”, mỗi khi cóc nghiêng răng thì Trời phải làm mưa xuống.

7. Theo truyền thuyết chịu ảnh hưởng Phật giáo thì Ngọc Hoàng đã tu 1550 kiếp, mỗi kiếp 126 ngàn năm mới lên được ngôi vị Ngọc Hoàng.

với Đại Tự Tại Thiên Vương của Phật giáo.”⁸

Sở dĩ quan điểm về Thượng Đế của các tôn giáo được nêu ra đây là để chúng ta có một cái nhìn tổng quát và để không nhầm lẫn, sai lệch, vì trên thực tế đã có tác giả người đạo Cao Đài cho rằng Thượng Đế đã phải tu nhiều kiếp mới đạt vị Chí Tôn.

Giáo lý đạo Cao Đài, Thánh giáo đạo Cao Đài (dù chi phái nào) đều xác định rõ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, hay là Đức Chí Tôn, Đức Đại Từ Phụ, Đức Cao Đài... người đệ tử Cao Đài được điểm phúc gọi là Thầy, là Đấng Thiêng Liêng tối cao, chưởng quản tất cả thế giới hữu hình và vô hình trên bầu vũ trụ bao la này. Đức Thượng Đế đã xuất hiện ngay từ giây phút đầu tiên khởi sự hình thành vũ trụ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có lời Thầy dạy:

“Khai Thiên Đại vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một Chơn Thần mà biến Càn Khôn thế giới và cả nhơn loại.

8. Phạm Thiên Vương là vua cảnh Trời Đại Phạm, cai quản Tam Thiên Đại Thiên thế giới tức cõi ta bà này. “Trong những dịp đưa rước Đức Phật một cách long trọng (...) Phạm Thiên Vương cầm bảo cái (lọng báo) che cho Phật. Khi Phật giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa (...) Phạm Thiên Vương có hiện đến với một vạn hai ngàn chư Thiên trong Phạm giới mà dự nghe một cách cung kính.” (Thượng Đế – Wikipedia).

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.”

Kinh xưng tụng Đức Thượng Đế của đạo Cao Đài có câu:

“Thượng chưởng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới; Hạ ốc Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu.”

Từ “Tiên Thiên” đến “Hậu Thiên”, Thượng Đế đều thống chưởng tất cả.

Về vấn đề Thầy “khai Thiên Địa” và biến hóa ra Càn khôn thế giới. Đây là một trọng điểm giáo lý của Cao Đài Giáo. Trong phạm vi bài này, với đối tượng là những tín đồ mới nhập môn, ý thức đến đây là tương đối đầy đủ; chỉ xin nói thêm rằng, nhiều năm gần đây các nhà khoa học đã đề cập nhiều đến hiện tượng “Big bang” và “thuyết vũ trụ giãn nở”. Chúng ta biết là từ năm 1927 và nhiều lần sau đó, giáo lý Cao Đài đã đề cập đến vấn đề này, đơn cử một đoạn trong quyển Tiên Thiên Tiểu Học, tác giả là Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, viết năm 1927, như sau:

“Trước, trời đất chưa mở mang, giữa không trung chẳng có chi hết, ấy là Hư Vô. Thoạt nhiên hai lần không khí, một lần nóng (Dương), một lần nguội (Âm) đụng nhau, nó một tiếng lớn như sấm sét chúng ta từng nghe, hóa ra một

khối lửa. Đương khi tiếng sấm ấy vừa nổ, thì đã có chơn linh của Chí Tôn sanh ra ngự ngay giữa khối lửa đó, gọi là Thái Cực, Thái Cực càng ngày càng lớn thêm hoài...”

Đoạn sau, Ngài Nguyễn Trung Hậu diễn tả cảnh tượng vũ trụ và các tinh cầu hình thành, gần giống như các thuyết mà các nhà khoa học ngày nay đưa ra. Còn về nguồn gốc, đàn ngày 13-6 Bính Dần (1926), chính Đức Chí Tôn cho biết:

“Khí Hư vô sanh có một Thầy (...) các con nên biết. Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn thế giới này, mà nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy.”

TẠM KẾT

Hiểu về Tam Đài như vậy có thể xem là tạm đủ với người tân tín đồ. Điều cốt yếu, cần ghi nhớ là, cách thức để đi trọn con đường tiến hóa đến lúc giải thoát cho mình và cho cả chúng sanh đều có đầy đủ trong giáo lý và giáo pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Chí Tôn trọn quyền chưởng quản con đường tiến hóa ấy. Cũng chính Đức Chí Tôn sẽ điểm đạo cho các chơn linh đạt Đạo lên cõi Trời. Người tân tín đồ chúng ta cần thường xuyên gần gũi bạn Đạo, học hỏi thêm để hiểu một cách đúng đắn con đường tiến hóa ấy, và trong lòng luôn đặt trọn niềm tin vào sự cứu độ của Đức Thượng Đế Chí Tôn. ■

TRỞ VỀ BẾN KHỞI NGUYÊN

■ BẠCH CÚC

*Bến khởi thì đang chờ lũ khách,
Giác linh tâm rửa sạch bụi trần,
Sông Hà tắm gội pháp thân,
Mê hay tỉnh hỡi cố nhân phương nào?*

Lời kêu gọi của Ôn Trên thức tỉnh cơn mê của chúng ta. Từ lâu, từ lịch kiếp, ta rời bến Đại Đạo ra đi, vào đời tu tiến, tự độ, độ tha và khi nào tròn sứ mạng lập đời sẽ trở về bến cũ. Nhưng, đến thế gian, cảnh đời nhiều quyến rũ, đã lôi cuốn con người lạc bước đường trần, quên cội nguồn, quên bổn phận đang làm, quên mất ngày về, và đi xa, xa mãi...

Chờ hoài, ngóng trông mòn mỏi... mà phương trời biến biệt... bao nhiêu linh căn mang sứ mạng ra đi, không thấy trở về bến cũ... nên Thượng Đế lâm trần trong Kỳ Ba Đại Ân Xá cùng các Đấng Thiêng Liêng đến độ dẫn toàn linh trở về bến Khởi nguyên Đại Đạo.

I. KHÁI QUÁT

1. ĐẠO (HAY HƯ VÔ CHI KHÍ HAY NHẤT KHÍ CHƠN NGUYÊN)

Là bản thể của vũ trụ vạn vật. Đạo có trước vũ trụ vạn vật. Muôn loài thọ bẩm Khí Hư Vô (Đạo) mà sinh hóa mãi mãi.

Là nguồn gốc tối sơ của vũ trụ, khai sanh và tạo lập vũ trụ và sanh hóa muôn loài.

Là Thượng Đế, là Thầy, vì “*Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.*”

Vô Cực cũng là Bản thể của vũ trụ. Vô Cực phát sinh Thái Cực. Vô Cực là Bản thể tịnh.

Thái Cực cũng là Bản Thể của vũ trụ. Thái Cực gom tụ khí Hư Vô đặng hóa sanh âm dương. Âm dương được thống hợp (kết hợp) hóa sanh muôn loài vạn vật hữu chất, là Bản thể động, là cơ nguyên sanh hóa.

Là một động năng siêu việt, nguyên sơ, khởi thi, hằng cửu, phổ quát (= Thượng Đế vô ngã).

Là Thấy, là Thượng Đế (=Thượng Đế hữu ngã) khi Thái Cực là một chủ thể toàn tri, toàn năng, toàn thiện.

Đại Linh Quang là khối sáng lớn. Thái Cực là một “khối Đại linh quang” chia ra, ban cho mỗi người một điểm “tiểu linh quang”.¹

Vậy Đạo là Thái Cực – Thượng Đế – Đại Linh Quang.

Đạo vốn vô hình, vô tình, vô danh, vô thanh, vô xúc. Đó là một danh từ gượng đặt để chỉ Đại Đạo. Tuy nhiên, trong hình thức chữ Đạo đã nói lên ý nghĩa huyền nhiệm của Đạo.

Theo chiết tự, khi viết chữ Đạo, trước hết chấm một chấm bên trái (丶) = nhất dương, một phết bên phải (丿) = nhất âm. Châu Dịch dạy: “Nhất âm, nhất dương chi vị Đạo” nghĩa là một âm, một dương gọi là Đạo.

Kế đó, viết lên chữ nhất (一) có nghĩa là thống hợp, là hiệp lại làm một. Nếu âm dương nói trên, hai bên chia rẽ nhau thì không thể nào sanh hóa được, không sanh hóa được, không gọi là Đạo được, vì Đạo là nguồn gốc sanh của muôn vật. Vậy hai bên phải hiệp nhất nhau mới thành nhất khí Chơn Nguyên – mà nhất khí Chơn Nguyên tức là Đạo. Cho nên, một âm, một dương hợp lại gọi là Đạo (丿丶).

Âm dương là cơ động tịnh để “phản hườn chơn tánh” để “quy nhất làm một với Trời”, nên Nhất (一) đây là Chủ Tế của CƠ VẬN HÓA, làm THEN CHỐT cho cơ động tịnh của âm dương. Đó là một sự siêu mẫu, bí nhiệm, không nói ra được.

Kế đó viết chữ tự (卍). Tự nghĩa là chính

mình, tại nơi mình; là tự nhiên mà có tính độc lập: “tự hữu nhi hằng hữu”, không thể đổi thay thêm bớt, mãi mãi còn hoài, nên ta gọi là Lý Bản Thể hay Chơn Tánh ở tự lòng con người. Nghĩa chân chánh của hai chữ “tự do” là phải do theo, phải tùy thuận chữ tự, chớ không phải chữ tự theo nghĩa Ý THỨC hay BẢN NGÃ.

Ráp lại cả trên và dưới thành chữ Thủ (首).

Thủ là đầu tiên, nghĩa như chữ Nguyên trong Kinh Châu Dịch, tức là cái phát sanh trước hết. Ta phải nương vào đó để trở về Chơn Lý độc nhứt là Trời, là Thượng Đế. Đã là Tự ta phải tự cường, tự lập, tự tu tỉnh, tự cứu độ mình, chớ không nhờ ai cứu mình được. Tự mình giải thoát lấy mình thì nên Hiền, nên Thánh, nên Tiên, nên Phật đứng đầu muôn vật.

Chữ Thủ cũng có nghĩa là đầu. “*Cái Thái Cực tức Đạo đã sẵn tiềm ẩn nơi đầu não ta.*” (sách Tiên học Từ điển, tr.150).

Sách Tu Chơn Tiệp Cảnh viết: “*Đầu là nơi tối cao của người. Khí dương nơi người đều hội tụ nơi đó y như là một nguyên thủ quốc gia, một tôn trưởng trong nhà. Đã thế, trong đầu còn tiềm ẩn một huyền khiêu. Đạo từ hư vô mà sanh ra hữu cũng bắt đầu từ đó. Từ hữu phản về Hư, cũng không thể bỏ khiêu đó mà cầu nơi đâu xa lạ.*”

Kế viết chữ xước (乚). Xước là cơ lưu hành vận chuyển, chu tuần trong Càn khôn thế giới, mà dịch sử, mà hóa dục quần sanh. Đó cũng là máy tuần hoàn trong cơ thể mà cũng là cơ điều dương, chuyển khí, làm máy châu thiên hườn đơn luyện mạng.

Theo nghĩa chiết tự, ráp lại hết các thành phần thì thành chữ Đạo (道). Chữ Đạo này có nghĩa là cơ tự động đầu tiên, là nhân địa, phải bắt đầu từ đó tu lên, thì mới đắc thành quả vị Tiên Phật, mà huyền đồng cùng Thượng Đế.

Đạo là ngôi nhất nguyên chủ tế,

Đạo cũng là đồng thể vạn linh.

2. BỐN NGUYÊN

Bốn nguyên là gốc chung của vạn vật ở trung tâm.

1. Đại Thừa Chơn Giáo.

Vì chung, nên cũng gọi là nhất bản, nhất nguyên. Từ đó phóng phát ra ngoài những nguồn năng lực nuôi vạn hữu.



Đó là nhứt bản tán vạn thù, từ một tung ra thiên hình vạn trạng làm thành hiện tượng của vạn vật. Sau chu kỳ tiến hóa, vạn hữu từ vòng ngoài quay về hiệp với trung tâm.

Đó là vạn thù quy nhứt bản, từ thiên hình vạn trạng chuyển hóa, quay trở vào hội tụ thành Một tại tâm: Bản thể của Vũ trụ.

Bản thể của vũ trụ vô sanh diệt, không thi, không chung, không tăng giảm, bất biến, toàn thiện, có tính hằng thường, vĩnh cửu. Đó là cái gốc tuyệt đối, là Tâm ẩn tàng bên trong. Gốc này phát sanh từ chơn nguyên, khởi sanh ra vạn vật, là trung tâm hư vô, hay Thái Cực, hay Đạo.

Nguồn cội của Vũ trụ vạn vật khi tịnh là Đạo là Đại linh quang, còn khi động mà chuyển hóa, hóa sanh thì gọi là Trời, là Thượng Đế, là Đấng Tạo Hóa.

Vạn hữu là hiện tượng của Vũ trụ, cơ sanh diệt, cơ thi chung, luôn đổi thay, có tính “biến dịch, vô thường”. Đó là cái ngọn tương đối, là Tượng, thể hiện bên ngoài. Ngọn này được biến hóa từ Tâm, đi ra ngoài, rồi từ ngoài trở về Trung Tâm Đại Bản Thể. Vạn hữu là vạn vật hữu chất = chúng sanh.

Vậy thì, bốn nguyên của vạn vật là Trung tâm hằng cửu và toàn thiện. Do đó, thiên địa vạn vật đồng nhất thể: trời đất, muôn loài cùng một bản thể. Và con người, đứng trong trời đất, là một trong hàng “tam tài: thiên địa nhơn”, đứng giữa vạn loại chúng sanh, là một trong muôn vật của vũ trụ Càn Khôn, con người phải có một trung tâm trường cửu và toàn thiện, tuyệt đối – một điểm tiểu linh quang – một thiên tâm, một chơn ngã – trong khi chung quanh, tất cả đều là giả tạm, là ảo hóa, bất toàn, khuy khuyết.

3. CON NGƯỜI

Con người là một chủ thể tối linh trong vạn loại.

Có ba mối tương quan: giữa con người với vũ trụ vạn vật, với Thượng Đế, với con người trong xã hội.

A. TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VỚI VŨ TRỤ VẠN VẬT: “CHÚNG SANH LÀ BẢN THỂ CỦA ĐẠO.”

Mối tương quan:

- Nhất nguyên nhất bản vì cùng phát xuất từ một bản thể là Đạo, là Khí Hư Vô, là Vô Cực.
- Nhất thể vì cùng là những tiểu linh quang của khối Đại Linh quang tức Thái Cực.

Con người là một phần tử gắn liền với vũ trụ, hiện hữu trong vũ trụ để điểm tô cuộc sống thêm phần sinh động, vẽ đậm thêm nét đẹp thiên nhiên và dự vào sự tiến hóa của vạn vật.

B. TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VỚI THƯỢNG ĐẾ: “CHÚNG SANH LÀ BẢN THỂ CỦA ĐẠO, MÀ BẢN THỂ CỦA ĐẠO LÀ BẢN THỂ CỦA THẤY.”

Vậy thì: con người là bản thể của Thượng Đế, tức đồng thể linh quang với Thượng Đế. Thượng Đế ẩn tàng trong vạn vật, trong con người, nên con người có tính Trời, Thượng Đế tính, tâm Thiên Địa.

Con người hướng đức tin về Thượng Đế để tìm gặp Thượng Đế trong con người mình. Vậy khi biết có Thượng Đế hiện hữu, con người phải biết quay về hướng nội, tìm Thượng Đế nội tại trong tâm mình.

C. TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI

- Tất cả con người đều đồng thể với Thượng Đế, đều có nhất nguyên, nhất thể với vũ trụ, vạn sinh.
- Mọi người đều có Thượng Đế tính.

Như vậy, sự tiến hóa của từng con người phải

2. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-02 Kỷ Dậu (26-8-1969).

3. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-02 Kỷ Dậu (26-8-1969).

gắn liền với sự tiến hóa chung của nhưn quần xã hội. Đó là tương quan cả về tâm linh và nhân sinh, hồn và xác.

Biết được những tương quan đó, có thể xác quyết được rằng: con người vốn có nguồn gốc thiêng liêng cao quý, có cùng bản thể với Thượng Đế. Vậy có khả năng phát huy Thượng Đế tính để phối Thiên. Con người từ bến Đạo ra đi, đến thế giới vật chất hữu hình, đem Đại Đạo lập đời trong cơ tiến hóa; và sau khi làm tròn sứ mạng nhập thế ở cuối chu kỳ tiến hóa, công viên quả mãn sẽ trở về bến khởi nguyên Đại Đạo.

– Con người có nguồn gốc thiêng liêng và có khả năng trở lại nguồn gốc theo lời xác nhận của Cao Đài Thượng Phụ:

*Con là một Thiên Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang,
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang thiên đình.⁴*

Là một tiểu linh quang, chiết thân từ khối Đại Linh Quang của Thượng Đế, con người có cái nguồn gốc cao đại nên là một thực thể linh diệu, huyền bí có nhiều tiềm năng phi thường trong hàng thượng đẳng chúng sanh. Con người có hai năng lượng luôn tiềm ẩn trong người, một hướng ngoại, một hướng nội.

Phần hướng ngoại là vong ngã, là ảo hóa. Phần ảo hóa là:

- Những cảm giác của xác thân, sanh lục dục với nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý (tức tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý).
- Và những tình cảm của phàm tâm, sanh thất tình: hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ.

Phần bên trong ở con người, nguồn cội là Chơn Tâm, là chánh trung, bất biến. Nho gọi đó là Thiên Tâm, Thích gọi là Phật Tánh. Lão gọi là Thiên Lý.

Con người có một tri thức tương đối thông thường. Song tri thức này không giúp người tự suy niệm và lý giải những ưu tư về huyền nghĩa

của cuộc sống và cứu cánh của cuộc đời vì nó ở trong tầm nhân tâm, phàm ngã:

*Hò ơi... Hỡi ai mang kiếp con người,
Xin cho ta hỏi, con người là ai?
Hò ơi... Từ đâu đến cõi tạm này,
Đến đây rồi phải làm chi cho đời?
Rời trần rũ áo xa khơi,
Về đâu, đâu tá? Hỡi người thế gian?*

Tuy nhiên, ngoài cái tri thức thông thường, con người còn có một siêu tri thức gọi là linh tri hay lương tri ẩn tàng dưới lớp trí tuệ, tâm linh và nhờ đó, con người mới nhận ra rằng: mình có một nguồn chơn, một thiên tâm hay chơn tánh.

Do đó, Đức Cao Đài Thượng Đế nói: “*Thầy là các con!*” có nghĩa: các con chính là Thầy, mà Thầy cũng chính là các con vậy.

Khi Chơn Tâm rạng rỡ, đẩy lùi bóng tối vô minh, con người thấu triệt nẻo đạo đường siêu, phân tường cảnh giả, miễn chơn, thì có thể tự giải quyết những ưu tư đã kể trên, và tự cường bất tức trong nỗ lực khai phóng con đường vinh quang trở về hiệp Đạo bằng cách hướng thượng, vượt nấc thang tiến hóa, đạt mục tiêu tối cao của cuộc hành trình.

– Con người thừa khả năng phát huy Thiên tánh và trở về nguồn gốc.

Ánh sáng đạo lý dẫn bước đi ra khỏi vòng vô minh không lằm lặc trên thế lộ để tu tiến và lập đời, phục vụ tha nhân.

Ánh sáng tâm pháp soi đường giải thoát cho linh căn đẹp chuyển hoàn nguyên, phối thiên, đạt Đạo để phụng sự Thiên cơ.

Nhờ những phương tiện đó, con người – hàng tối linh trong vạn vật – ở cuối chặng đường tiến hóa, đã thu thập, tích dưỡng tinh ba của tạo hóa, đất trời, có thể tự trau luyện thân tâm, thấp sáng tự hữu, ngược vòng luân chuyển, trở về cùng Thượng Đế. Thầy dạy:

“Thầy do một khí Tiên Thiên mà sanh hóa. Con cũng do khí ấy mà sanh hóa. Thầy có những thứ gì thì các con cũng được phú bẩm có những thứ ấy. Các con lấy cái vốn liếng quý báu mà tu luyện, thì sẽ được thành Tiên, thành Phật mà về cùng Thầy.”

4. Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

Từ thuở đầu đời, chúng ta đã thọ bẩm vốn quý báu ấy:

- Trời có ba báu: Nhật, Nguyệt, Tinh.
- Đất có ba báu: Thủy, Hỏa, Phong.
- Thì Người cũng có Tinh, Khí, Thần làm tam bửu.
- Trời có Tiên thiên ngũ khí, hậu thiên ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ;
- Thì người cũng có ngũ tạng: Phế, Can, Thận, Tâm, Tỳ.
- Trời có âm dương, người có thân, tâm... những thứ đó là vốn báu để con người tu luyện mà khai mở đường về cội bản, là chìa khóa vàng mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

Con người phải chủ cái tâm, gìn cái ý mà bảo tồn tam bửu. Đó là món quý giá nhất của người: đường siêu cũng đó, nẻo đạo cũng đây. Phương thức tu thiên trong đạo pháp sẽ dắt hành giả đi sâu vào tâm pháp để trì hành và trau luyện.

Muốn thế, trước hết con người phải tu tâm, diệt phàm ngã. Phàm ngã không vượt khỏi thế giới hiện tượng, mà chỉ phán đoán theo kinh nghiệm, luôn biến đổi, vô minh, nó là tri thức tương đối. Nó là phản ánh của tiểu trí, bị vật cảnh bên ngoài chi phối làm điên đảo chinh nghiêng, loạn động.

Phàm ngã diệt, thì đạo tâm sanh.

Đạo tâm vượt khỏi thế giới hiện tượng, bất biến và sáng láng tuyệt vời. Nó là bản thể tuyệt đối. Nó là phản ánh của Đại trí, là Thượng Đế nội tại, không bị vật dục chi phối, nên công chánh, quang minh, bền vững, hòa hợp với bản thể vạn vật.

Đạt thiên tâm, con người cố công tu luyện, tồn dưỡng, bảo trì, và phát huy tối đa cái tâm hằng tại của Thượng Đế mà phụng sự Thiên cơ. Lúc đó, Trời và người hiệp một trong lý Thiên Nhơn hiệp nhất.

Vậy, con người có thể phát huy Đạo tâm, đạt chơn tâm để Trời và người gặp nhau ở Thiên tâm trong “Lý Thiên Nhơn hiệp nhất”.

Và, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng dạy:

*Tâm phàm rửa sạch, đạo tâm sanh,
Thiên thượng nhân gian hiệp tác thành,*

*Chánh đạo phổ truyền, tà đạo thối,
Người người ráng lọc cái tâm thanh.⁵*

Ngoài ra, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã đối chiếu giữa Trời với Người để thấy mối tương đồng một thể là Trời có gì, người có nấy, hầu phần khích con người: bền chí, gia công mà tu luyện, nếu muốn đạt đích điểm:

*Nhìn lên trái Càn Khôn vũ trụ,
Nhật nguyệt cùng tinh tú bao quanh,
Càn khôn vũ trụ vận hành,
Còn mình là một chúng sanh phàm trần.
Người cũng có pháp thân nội, ngoại,
Cũng như Trời là Đại Linh Quang,
Trên thì Thiên thượng Thánh Hoàng,
Dưới mình Thiên Hạ trần gian điển hình.
Trời thì có hành tinh nhật nguyệt,
Có âm, dương, hàn, nhiệt, nóng khô,
Con người là tiểu quy mô,
Cũng đều có bản Hà đồ Lạc thư.
Đó là máy huyền cơ tạo vật,
Trời với người thể chất song song,
Nếu người bền chí gia công,
Tu thân, luyện mạng cũng mong thành Trời.⁶*

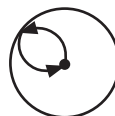
II. BẾN KHỞI NGUYÊN ĐẠI ĐẠO

Từ nơi khởi thi, bắt đầu phát xuất ra đi, những tiểu linh quang bồi thiên, xuôi theo chiều thuận hành ra ngoài vạn hữu, do nguyên lý vận hành “nhất bản tán vạn thù” để tạo lập đời.

Thầy dạy:

“Hỡi các con, Đại Đạo là bến khởi nguyên của các con.(...) Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường:

*Một, đem Đại Đạo lập đời,
Hai, trở về với Đại Đạo.”⁷*



5. Minh Lý Thánh Hội, 01-8 Kỳ Dụ (12-9-1969).

6. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

1. TỪ ĐẠI ĐẠO RA ĐI

Chuyến viễn trình nhập thế đưa các tiểu linh quang vào vòng tiến hóa để làm tròn sứ mạng ban trao ở từng giai đoạn.

“Trước khi đến làm người tại thế gian, chư hiền đệ muội cũng xuất phát từ chỗ khởi thủy. Mà chỗ khởi thủy ấy không phải là nhục thể của con người, mà là từ một khối Đại Linh Quang trong đức háo sanh của Thượng Đế. Các tiểu linh quang từ khối Đại Linh Quang phân thân xuống trần, tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi một đờn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công cuộc tiến hóa trong đức háo sanh ấy.”

“... những tiểu linh quang ấy đã ngấm ngấm ẩn tàng từ loài khoáng sản đến thảo mộc, côn trùng, nhân loại rồi tiến đến hàng Thần Thánh, Tiên Phật.”

“Sự tiến hóa mau chậm tùy theo trạng thái của mỗi thể, từ loài chỉ có một sanh hồn, đến loài có cả sanh hồn lẫn giác hồn, và chí đến loài có đủ cả tam hồn là sanh, giác và linh hồn” (sanh hồn= thực vật, giác hồn= động vật; sanh+ giác+linh hồn= con người).

“Trong một chuỗi tiến hóa đó, mỗi hồn hay là tiểu linh quang có mang mỗi hình thể khác nhau. Mỗi một giai đoạn, mỗi một tiến trình đều là tạm mượn để mà tiến, không nơi nào là trụ tướng bất di, bất dịch.”⁸

Đây là lời Đức Lý Giáo Tông mô tả chu trình tiến hóa của những tiểu linh quang và Ôn Trên nhấn mạnh thêm rằng *“Cõi đời là chốn phù du, là sông mê, là giả tạm, đừng ai quá chấp ngã mà ôm chầm lấy nó để rồi hủy hoại bước đường tiến hóa.”⁹*

Tiểu linh quang và đại linh quang cùng một thể, cũng giữ vai trò chủ thể trong cuộc tiến hóa, mà riêng tiểu linh quang cũng là đối tượng của cuộc tiến hóa. Tùy mỗi một giai đoạn, mỗi một tiến trình mà chủ thể mang

một thể chất tạm mượn, một đời sống thích ứng. Và tất cả đều phụ trợ cho mục đích rốt ráo là trở về nguồn cội. Từ khoáng vật tu tiến lên thành người, từ người tiến lên thành Tiên, Phật, hoàn nguyên chơn thân trở về hội hiệp với Đại Linh Quang.

Phát sinh từ Đại Linh Quang, Tiểu Linh Quang là bản thể trong muôn loài vạn vật. Muôn loài tu tiến, chuyển hóa và hoàn hảo hóa từ hình tướng, bản năng, đến linh hồn, qua nhiều vòng luân hồi, qua nhiều kiếp đến, đi, lên, xuống cho đến khi toàn hảo, đạt thiện, đắc chơn thì quay về cùng Đại Linh Quang.

Như vậy, Tiểu linh quang hoàn tất cuộc hành trình từ bến khởi nguyên Đại Đạo ra đi đến cõi dinh hoàn, làm tròn sứ mạng lập đời độ thế, tu tiến, giải thoát, tự độ, độ tha rồi trở về với Đại Đạo, kết thúc chu trình tiến hóa.

Qua quá trình tu tiến xứng đáng với bản vị mình, từ vật chất chuyển hóa thành tinh thần minh linh siêu xuất, tiểu linh quang là một chủ thể với Chơn như thường tại, thì hòa đồng cùng một thể linh quang với Thượng Đế, đóng góp vào phần vận hành cơ đạo, hoàn thành chuyển về phối nhứt bốn nguyên.

Con người nếu tự cường tự lực hoàn thiện, để trở về nguồn gốc thiêng liêng tối cao, tối đại, đó là con người đã đạt đến cùng đích của chuyến viễn hành trên quãng đường từ khởi thi đến hoàn nguyên.

Và quãng đường đó được Ôn Trên mô tả và hướng dẫn, khuyến khích:

*Phải nhiều kiếp luân hồi tiến hóa,
Đi từ từ chỗ đọa đến thăng,
Con người là Tiểu Linh Quang,
Từ trong khoáng sản, ẩn tàng cỏ cây.
Đến cầm thú ngô ngậy khờ dại,
Nhiều kiếp rồi biến cải linh hồn,
Tiến lên đến bậc vi nhân,
Có luôn thất phách, tam hồn quy nguyên.
Người tu được thành Tiên, tác Phật,
Khổ công tu, chẳng mất ai ơi,
Tu đi, một vốn, mười lời,*

8. Đức Lý Giáo Tông, Tây Thành Thánh Thất, 14-3 Canh Tuất (18-4-1970).

9. Ibid.

Nhà băng Thượng giới Cha Trời dành cho.¹⁰

Cũng từ lúc ra đi, Thầy ban cho mỗi Tiểu linh quang một mùa xuân, là đức Nguyên của vạn vật. Mùa xuân biểu tượng: – cho sự ấm áp – cho tình thương nơi Thầy, – cho sự sống vĩnh cửu, hằng hữu với vũ trụ không gian.

“Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng Chơn tánh toàn thiện, toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào!... Không cứ phải một mùa xuân cách hạ, thu, đông, hai mùa xuân hoặc trăm vạn mùa xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chỉ những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng, thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó.”¹¹

2. ĐỨC NGUYÊN CỦA VẠN VẬT

Trời có bốn đức: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh thì:

Đức Nguyên là:

- gốc của vạn vật – đầu sinh ra con người, – đức Nhân.
- nguyên sơ – ban sơ, – khởi đầu, – khởi thi, đầu mối.
- mùa xuân, – dương khí sơ sanh.

Vạn vật nhờ đức Nguyên của Trời mà sanh ra, phát triển, nảy nở. Đó là gốc của vạn vật.

Đức Trần Hưng Đạo nói:

“Nguyên là đầu mối sanh ra con người, mà cũng là bắt đầu làm việc. Người đã được đức tính tốt lại có chí hướng về mục đích chân chánh, thì trung gian tiến hành cũng được thông suốt và lợi tiện, thỏa thích, bền chặt đến cùng.”

Đó là đầu mối sanh ra con người và khởi đầu làm việc, hành động.

Nguyên là Đức Nhân. Nhân là cội rễ của người cũng gọi là nhân bản. Đức Nhân là

“nguồn cội vi nhân”. Người nương theo Đạo Trời mà sanh sanh bất cùng. Người theo đó mà hành động đúng với Đạo Trời, mỗi ngày siêng năng nuôi dưỡng lòng háo đức, lạc thiện, cái chí thành thanh cao, giải thoát để đạt đến lẽ nhiệm mầu của Tạo Hóa, hầu phụng sự cơ Trời. Nguyên là đức Nhân, là Thiện. Thể chất của đức Nguyên là trọn lành, toàn thiện, thuần chơn.

Nguyên sơ là lúc con người ra đời, xích tử hỗn nhiên, ngây thơ chân chất, vô tư vô tội. Lúc này con người còn vẹn tánh thiên phú bẩm, thuần chơn vô ngã. Ban sơ buổi ban đầu hay lúc mới bắt đầu, bao giờ cũng tốt đẹp, mới mẻ, tràn đầy hứa hẹn. Do đó, trong ca dao Việt Nam có câu: “Dạy con từ lúc còn thơ. Dạy vợ từ thuở ban sơ mới về”. Vì mọi hành động khởi sự thực hiện vào buổi đầu là hanh thông, tốt đẹp, thuận lợi.

Đức Nguyên là mùa xuân. “Thiên hữu tứ thời, xuân tại thủ.” Trời có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông thì Nguyên là mùa xuân đầu hết, phát sanh ra vạn vật, vì trong xuân dương khí sơ sanh. “Dương khí sơ sanh, mà vạn vật phát sanh là Đức Nguyên của Đạo Trời. Ở khí dương, cường kiện là lương tri, bản lai diện mục. Ở nơi người là khí tiên thiên, tàng ẩn ở trong hậu thiên mà không bị hậu thiên làm khuất được.” Nên:

Dầu trong cội tạm hồng trần,

Trọn gìn tâm đạo, thì xuân vĩnh tồn.¹²

Và con người:

Phàm thân tuy chẳng trường tồn,

Trong thân còn có linh hồn hiển vi.

Chủ ông vốn thiệt lương tri,

Để làm máy tạo hợp nghi tài thành.¹³

Đức Chí Tôn dạy:

“Đại Đạo là bản khởi nguyên của các con, cũng như Xuân là Đức Nguyên của vạn vật... còn trùng thảo mộc đều thâm tàng ẩn nấp từ tiết đông thiên, chờ đợi đủ tam dương mà sanh sôi vùng dậy. Còn

10. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

11. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

12. Đức Phục Đức Tôn Thần, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

13. Đức Nam Cực Tiên Ông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

*các con! Thầy đã ban ơn mỗi đũa một mùa xuân bất tận từ khởi nguyên. Con hãy nhớ lại, tìm lại để nuôi dưỡng tinh ba, thâu tàng tú khí, tích trữ cho đầy đủ; đến thời chánh khí hòa quang, con cũng sanh sôi vùng dậy, tạo cho mình cảnh Niết Bàn Cực Lạc, khởi vào trong chu kỳ ngắn ngủi của trần gian.*¹⁴

Từ ban sơ của đời người, Thượng Đế đã phát ban cho một điểm chơn tánh. Nó là một mùa xuân bất diệt của xích tử hồn nhiên. Tiết xuân là mùa sanh sôi nảy nở của vạn vật. Tiểu linh quang ra đi từ bến Đại Đạo, xuôi dòng vạn hữu để làm sứ mạng được giao ở trần gian, thì Thượng Đế đã ban cho một mùa xuân vĩnh cửu.

Ở con người, cái thưở đầu đời hồn nhiên vô ưu lự, vô não phiền, bất tranh, vô chấp, hãy còn tích trữ đầy đủ tinh ba, tú khí của đất trời chứng tỏ sự sạch trong tinh anh của tâm hồn thơ ấu chưa ô nhiễm bụi trần, rất thuần chơn, toàn thiện, gần với thiên nhiên. Cũng thế, một mùa xuân bất tận Thầy ban, sẽ giúp người khắc lòng ghi dạ để luôn luôn tôn dưỡng cái tâm thanh, cái lòng vô ưu vô niệm để tạo một xuân cảnh ở cõi trần và một cảnh Niết Bàn tự tại, thoát vòng sinh diệt, diệt sanh, dù có sống trong chốn não phiền sinh diệt. Như thế là để cho cuộc hoàn nguyên theo luật tuần hoàn được đẹp lành ở cuối chặn đường sứ mạng.

Dù vạn thù biến đổi, dù sự vật đổi thay, nhưng lý Đạo vẫn ẩn hiện trường lưu bất tận: mùa xuân sanh, trường cửu, vẫn trải dài trên bốn mùa, tám tiết. Nếu con người biết tôn dưỡng mà bảo trì đức Nguyên an lạc, hồn nhiên, thì giữ được xuân tâm, – một tâm chơn bất biến, mà tu hành tinh tấn. Đạo lý trường tồn, còn hữu thân thì hữu hạn. Nếu “*gặp lúc khí vận đủ đầy, thái hòa sung mãn, nhân tiết tam dương khai thái, hãy nắm lấy cơ vi mà nhiếp hóa nội tâm, linh thông triển chuyển, phát huy ngoại thể*

cho Đại Đạo hồng dương, Tam Tông rộng mở, kịp thời hòa hợp cơ năng vũ trụ, giúp cho vạn vật trở về nguồn.”¹⁵

Đó là phương sách noi theo đức Nguyên mà thực hành tâm pháp để tôn dưỡng tâm xuân Đạo Đức.

*Xuân là Đạo, đạo Trời ban phát,
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên,
Vui xuân vui với tâm điền,
Tiết thời hòa diệu, người yên vật lành.*¹⁶

3. VÀO ĐỜI

Thuận chiều nhập cuộc vào thế gian, sau những vòng tiến hóa gian nan, các thể trở thành người – hàng tối ưu trong vạn vật, nhận sứ mạng Thầy ban trao trong vai trò thể thiên hành hóa. Một sứ mạng lớn lao, hai giai đoạn với hai chiều “một ra đi, một trở lại Thầy”.

- Hướng ngoại, đem Đại Đạo lập đời: tu học, giúp đời, độ tha, giác chúng, tô bồi âm đức, làm tròn nhân đạo, dịu dặt nhưn sanh vào đường đạo lý cải ác tùng lương, hình thành một xã hội đại đồng, thánh đức trong hạnh phúc an hòa, ở phần thể đạo.

- Hướng nội, trở về Đại Đạo – tu thân luyện mạng, tự độ, tự giác, tự tu tiến, hoàn thiện hóa mình.

- Tu tâm, luyện tánh, trì hành đạo pháp, tìm phương tu giải thoát tâm linh, tạo con đường đặc nhất, ở phần thiên đạo.

Trần gian là nơi trồng cây Đại Đạo. Đời là chỗ thi công lập quả, làm cho cây Đạo nảy hoa kết trái. Để cho hột lành vẫn muôn đời giữ vẹn cái mầm sống nguyên sơ, Thượng Đế đã ban ơn cho mỗi hành nhân một mùa xuân bất tận từ lúc khởi nguyên. Như vậy, để khi hành đạo lập đời, bụi trần ai không phủ mờ linh tánh. Và tâm đạo lần lần phát khai, sum suê tàn lá, sanh sôi, nảy nụ đâm chồi trên mảnh đất hiền.

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Quý Sửu (22–01–1974).

15. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 02–01 Giáp Dần (24–01–1974).

16. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Giáp Dần (10–02–1975).

Lớp người đi trước dẫn bước lớp đi sau... lần lượt hoàn thành công cuộc trong đời người hữu hạn, và tu tiến trở về cội bốn.

Tuy nhiên, số Tiểu linh quang bối thiên vào đời thì khôn lường, còn số tiến hóa lên hàng thượng đẳng thiêng liêng để trở lại phối thiên thì ở một mức độ khiêm nhường đáng ưu tu. Vì sao?

Vì trần cảnh đã làm lòng người điên đảo, chinh nghiêng mê vọng, và cuốn lôi nhân tâm xa cội, quên nguồn.

Đời là vạn hữu, là nơi ảo hóa, cũng là nơi cho các linh căn chịu trui rèn trong cơ tiến hóa của cuộc tuần hoàn vẫn xoay. Đời là chỗ cho vạn linh tinh tấn, nhưng cũng là nơi đưa chúng sanh về vạn nẻo lạc lăm, vào vòng luân hồi chuyển kiếp do nghiệp lực tạo thành trong cuộc sống hữu vi.

*“Khổ thay! Khổ thay cho những nguyên căn đọa trần mãi mãi đi tròn vào bánh xe luân, quên cả căn kiếp và sứ mạng của mình, không tìm được đường trở lại nguồn cội từ lúc ra đi.”*¹⁷

Đó là niềm ưu tư của Ông Trên trước sự thoái hóa và luân lạc của con người:

*Mở cửa Càn Khôn ngắm bể dâu,
Chín mươi hai ức biết về đâu,
Sương phong, gió bão đường triều mộ,
Rừng rậm,, non cao nẻo cuối, đầu.
Nếu nhớ chia tay nơi đỉnh thượng,
Thì đừng lỡ bước chốn song mâu.
Trập trùng vó ký miên Ly Khảm,
Cứu cánh chờ ai gọi đạo mầu.*¹⁸

Đức Điều Trì Kim Mẫu, khi kêu gọi đàn con đang lặn hụp trong kiếp con người, nên nhớ lại bốn nguyên mà cố sống xứng đáng với bốn phận vi nhân, trong sứ mạng đặt để:

*Con nhớ chẳng con chốn Thượng Đình?
Mỗi con mang lấy mảnh hồn linh,
Vào đời tu học, bồi âm chất,*

17. Đức Đông Phương Lão Tổ, Trúc Lâm Thiển Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-01-1969).

18. Đức Đông Phương Lão Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 26-9 Mậu Thân (16-11-1968).

*Hành đạo, độ đời, giúp chúng sinh.*¹⁹

Thì Ngài cũng nói đến thực trạng của con người khi vào đời:

*Nhưng, lúc vào đời mang nhục thân,
Sớm trưa vùi lấp bụi phong trần,
Đỉnh chung danh lợi đua tranh mãi,
Quên cội, quên nguồn chốn cội nhân.*²⁰

Khi vào đời mang phàm thân nên dễ nhiễm tục. Nhiễm trần vì người lạc gốc bị vô minh che lấp linh tri, nên đi vào tội lỗi, đi vào diệt vong, đi mãi không về...

Ai có biết chẳng...?

*Vô minh phủ con đường sanh tử,
Bả hồng trần câu nhử mê nhân,
Xuống lên bao kiếp náo nằng,
Xa rời nguồn cội, chiếc thân lạc loài.
Chốn tha phương dặm dài thế lộ,
Cõi phù sinh cứ ngỡ quê nhà,
Áo trần là mảnh trần la,
Nghiệp trần gài chặt, cỡi ra được nào!*²¹

Nhưng may thay, có ánh sáng cứu tinh của Thượng Đế soi vào nẻo tối!... *“Hạ nguơn mặt kiếp, nhân loại sắp đi đến chỗ diệt vong do lòng tham vọng rời xa Thượng Đế. Bởi xa Thượng Đế nên Thế Đạo suy vi, nhân tâm điên đảo. Do đó, một cuộc đại sàng sảy không sao tránh được. Thế nhưng, do đức hiếu sinh, Thượng Đế khai Tam Kỳ Phổ Độ đại ân xá để cứu vớt những ai còn lại điểm lương tri.”*²²

Thầy đến kịp lúc, để dắt người lạc bước trở lại cùng Thầy:

“Các con ơi! Thế giới nhân loại hiện giờ đã xa Thầy, đã tách rời nguồn cội mà không hề trở lại. Tách rời nguồn cội thì cành rời, lá đổ, không còn nhựa thì làm sao mà sống? Dù là cành cây có to đến đâu, có nhiều hoa, nhiều lá, đơm bông kết nụ

19. Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

20. Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

21. L.H.M

22. Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-3 Mậu Thìn (30-4-1988).

bao nhiêu đi nữa mà nhựa sống không còn thì một lúc nào đó sẽ khô khan, úa xào.

Nhân loại đã bỏ hẳn sự sống thiên nhiên không ăn mà no, không mặc mà lành, để tìm sự sống cực khổ trong tham dục, để phải làm mới có mà ăn, mới có mà mặc. Như vậy cũng chưa an phận. Si mê, tranh giành, cướp đoạt, lấn át, hơn thua, tàn sát lẫn nhau cho đến nỗi đời ly loạn, cốt nhục tương tàn, tang điền thương hải. Càng tiến càng sâu, tiến mãi cho đến lúc cuộc đời sẽ hủy diệt cuộc đời.

Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin đạo nẩy góp tay vào công cuộc xây dựng đời Thánh Đức Thượng Nguơn, thế giới an bình cho xã hội nhân loại trong tương lai.

Thầy đã đưa tay đến với các con. Các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.²³

Mẹ cũng kêu gọi:

Hỡi tàng linh ơi, hỡi tàng linh!

Có nhớ quê xưa chốn Ngọc Đình?

Quày gót mau về nơi cội vạ,

Thôi, đừng dan díu kiếp phù sinh.²⁴

Có lẽ dù tội lỗi, dù đam mê trong trần lụy, con người cũng thấy lòng xúc động trước tình thương khoan dung mà thức tỉnh để quày chơn, trở bước.

III. TRỞ VỀ BẾN ĐẠI ĐẠO

Trở về bến khởi nguyên là từ ngoài, vạn hữu đi ngược dòng trở lại, theo chiều nghịch hành trở về trung tâm Đại bản thể do nguyên lý vận hành “nhứt bốn tán vạn thù” rồi “vạn thù quy nhứt bốn”.

Trở lại bốn nguyên là chặng đường cuối của cuộc đại tiến hóa của con người, Tiểu linh

quang, từ con người trở về Thượng Đế, gọi là huyền đồng hay phối thiên, hiệp Đạo.

1. THỨC TỈNH

Cuộc tiến hóa của vạn vật đến giai đoạn con người, không còn là sự biến đổi về thể xác nữa, mà chỉ là sự tiến hóa về trí não, để con người trở nên hiền, nên Thánh, nên “một Thiêng liêng tại thế”.

Một nhà nghiên cứu về thuyết tiến hóa, ông Le Comte de Nouy, cho rằng: “Giai đoạn tiến hóa nơi người là giai đoạn của trí não, của nội tâm.” Vậy con người có trở lại bốn nguyên được hay không là do nơi chính con người tự thức tỉnh, tự giác ngộ và quyết tâm.

Trên đường tiến hóa, hành giả sau nhiều truân chuyên thử thí, gặp được Đạo, nên giác ngộ và tự ý thức về sự trở về với Đạo. Và, con người thực hiện cuộc hành trình giải thoát, trở về thiên lý bằng cách bắt đầu tu học. Khi nhận thức rằng:

- Chính mình đang sống lệ thuộc dưới sự sai khiến của xác thân, với những đòi hỏi của lục dục, và dưới sự giung ruổi của phàm tâm với những biến ảo của thất tình.

- Tự mình có khả năng tiến hóa, có thể rèn luyện trở nên chí thiện, toàn mỹ, toàn chơn, nếu biết tự giải thoát khỏi lục dục thất tình đã làm con người lạc lảm, đảo điên, tội lỗi.

Rồi quyết lòng:

- Chối bỏ đời, rời bỏ cuộc sống vọng ngoại, không bám theo ảo cảnh vô thường, bỏ cái ngọn ở thế giới hiện tượng để tìm về gốc là bản thể hằng hữu.

- Đi ngược dòng thế tục thường tình, quay về bảo trì sinh lực nhơn thân – quay về mình, tìm sự an định và tồn dưỡng nội tâm.

Đó là người bỏ ngọn về gốc như lá rụng về cội. Gốc là Tâm. Tâm là Đạo. Nhưng, phải trải qua nhiều giai đoạn truân chuyên, chịu trui rèn và tự trau luyện, hành giả mới đủ điều kiện (điều kiện: 7 giai đoạn tu tiến từ khi gặp Đạo) để đi tới đích tối cao.

23. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

24. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Trúc Lâm Thiển Điện, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

Ra đi rồi trở về: Đó là con đường thiên lý mà hành giả phải nỗ lực nhiều để đạt mục tiêu, dù luật tuần hoàn tự nhiên rồi cũng sẽ đưa đến sự phục hoàn, tức đưa con người hướng thượng.

Muốn đạt sự phục hoàn thiên tâm, phải nhờ xác thân tứ đại hữu chất. Đời là ảo tạm. Cảnh là giả tướng. Vật chất hữu hình thì hữu hoại. Nhưng phải mượn xác thân làm phương tiện ở cõi nhị nguyên này mà tu tiến! Mượn cảnh để tá giả, tầm chơn, trở về với Đạo, với gốc nguồn cổ cội.

Nhưng, quay về mình cách nào? Đi về đâu? Đường hướng nào?

*Kìa nhân thế trong vòng nước lửa,
Mảnh thân phàm biết tựa vào đâu?
Tựa đời, đời lắm bể dâu,
Quay về tìm Đạo, đạo đâu mà tìm?*²⁵

Nếu dưới nhân tâm vọng ngã, có thiên tâm, thì con đường đó hướng vào tâm, ở trọn trong tâm ta. Ông Khương Tiết Thiện mô tả nơi cư ngụ của Đạo:

*Thiên thính tịch vô âm,
Thương thương hà xứ tâm?
Phi cao diệt phi viễn,
Đô chỉ tại nhưn tâm.*

Dịch:
*Trời xanh lặng im thính.
Biết nơi đâu mà tìm?
Không xa xôi, cao vội,
Mà chính tại lòng mình.*

Nguồn đạo ấy phát ra từ Thượng Đế và nằm trọn trong tâm ta.

*Đạo lý vô cùng, rộng khắp nơi,
Không riêng khuôn sáo ở trong đời,
Muốn tìm đạo lý, nhìn tâm nội,
Ánh đạo bên trong sẽ chói ngời.*²⁶

Vậy, thì quay về mình là quay về tự tâm qua con đường hướng nội bằng tâm pháp.

Do đó, cuộc hoàn nguyên đạt Đạo, đặc quẻ, không phải khởi sự bằng hành động mang hành

lý công kên, dắt nhau lên máy bay hay lên xe xuống tàu đi về một nơi nào ở ngoại cảnh, mà là một sự biến đổi từ phàm tâm ra thánh tâm, hướng về chơn tâm, là Thượng Đế nội tại, qua con đường Thiên đạo vô vi.

Từ đó, muốn đi tìm nguồn cội của đại vũ trụ càn khôn, con người cũng phải làm chủ tiểu vũ trụ nhưn thân, mà chủ nhân ông là tâm của mình.

Khi tâm chủ hướng về nẻo thiện chơn, thì con người tiến hóa, siêu việt. Ngược lại, tâm chinh nghiêng tà vạy, thì con người suy thoái, đọa trầm.

*Tâm là thiện ác khởi mầm,
Siêu thăng cũng đó, đọa trầm là đây.*²⁷

Lời Đức Đông Phương Lão Tổ xác minh: tất cả đều do tâm chủ sử...

(Một câu chuyện về một bốn đạo ở tuổi trời chiều ngã bóng, muốn đạt đạo ở cuối đường tiến hóa mà cũng cuối cuộc đời con người. Hành giả xách nhiều hành lý đến chùa tu học, tiến đạo. Muốn tìm bốn lai diện mục, hành giả nghe người ngoài, bỏ chùa, bán đồ đạc trong nhà, đi mua một quyển sách để tìm đạo, tìm bốn lai trong đó. Nhưng rồi hành giả rũ áo ra đi khỏi cuộc đời, đến nay không biết đã về đâu?)

Quách An Hòa thượng viết:

“Nguồn chơn của Phật, chúng sanh ai cũng có sẵn. Phật có nguồn chơn ấy, chúng sanh cũng có nguồn chơn ấy. Vì chúng sanh quên nguồn, nên trầm luân trong tam giới. Nếu giác ngộ, nhận được nguồn chơn sẵn có nơi mình, thì chóng thoát sanh tử. Do đó, mới có chư Phật nhận được nguồn chơn mà thành Phật. Và chúng sanh, vì còn tạo nghiệp nên đi trong tam giới là sắc giới, vô sắc giới và dục giới.”

Thật vậy, vì mê muội trong bóng tối trần dục con người quên nguồn, mà đi mãi trong vòng luân hồi chuyển kiếp. Hằng ngày ta sống, sáu căn tiếp xúc sáu trần, chạy theo ngoại cảnh,

25. Chư Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

26. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản, 01-4 nhuận Giáp Dần (22-5-1974).

27. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Vĩnh Nguyên Tự, 01-10 Quý Sửu (26-10-1973).

khởi vọng niệm, phân biệt, khiến tánh giác bị che mờ, lương tri lạc mất. Ví như có một que hương thanh bình, người người sống hòa vui hạnh phúc, bỗng dưng có người ly hương, phiêu bạt nhiều nơi, trải nhiều năm xa cách, đi mãi không về.

Nhưng khi qua nhiều chạm trán với đời, người ta chợt động lòng khi tâm thức vọng vang lời kêu gọi của ngàn xưa...

Đi phải nhớ phần hồi trở lại,

Mãi hướng về càng ngoài, càng xa,

Cõi trần tam giới ta bà,

Thiên khuynh, địa hãm lo mà định an.²⁸

Một giây phút chợt tỉnh nào đó, người ta muốn trở về quê hương cũ, nhưng đường về xa diệu vợi, có nhiều lối mòn ngả rẽ quanh co, không biết phải đi lối nào...

“Hò ơi... Biết đường nào dẫn đến cố hương. Cố hương ơi! Trăm lối muôn đường, ngàn xa tách dậm, đường xưa đâu rồi? Ra đi có biết ai (đội) chờ. Tha hương phiêu lãng trời đông, phương đoài...”

Sở dĩ có tánh linh mà không nhận được là do tâm bị che mờ dưới lớp bụi trần ai. Vì, khi cần tiếp cận thế gian – đối duyên, xúc cảnh – tâm bị ô nhiễm sanh đối đãi biệt phân, rồi toan tính, vui buồn, đắc thất, hơn thua, rồi phũ phàng, luyến tiếc, sân si, phải trái...

Tuy nhiên, “đạo lý vốn là đèn đêm tối”, đẩy lùi màn đen nhân dục, để hiển lộ linh tri rực sáng. Con người biết rõ như thế, để nương theo dòng Đạo luân lưu mà tìm về bản linh chơn tánh, đừng bỏ nó lạc loài tha phương mà tội nghiệp một kiếp phù sinh. Nên bảo dưỡng Tâm mà độ đời, giúp đạo, làm thăng hoa cho mùa xuân vĩnh cửu nhuận tươi dưới ánh đạo mẫu linh diệu.

Rời bỏ những ảo hóa, mê vọng của người, để trở về bản chất tinh toàn, anh minh mà Phật gọi là Chơn Như. Đó là bản thể, là chủ nhưn ông

thường tại, là chơn tâm chủ sử những sanh hoạt chánh chơn.

Hễ đạo tâm bất tử thì ngoại cảnh vô sanh. Thế nên Ôn Trên cứ dạy con người tu sao cho nhưn dục tịnh tận để thiên lý lưu hành miên viễn, và không bị lạc bước lưu hành trong cõi sanh diệt, diệt sanh.

2. CUỘC HÀNH TRÌNH HOÀN NGUYÊN

A. HOÀN NGUYÊN HAY QUY NGUYÊN CŨNG CÙNG MỘT NGHĨA TRỞ VỀ HIỆP MỘT

- Hoàn nguyên: trở lại cội nguồn,
- Quy nguyên: về với thiên chơn buổi đầu.

Quy tâm: là trở về tự nội tâm, hướng tâm về nhất bản, bằng cách tìm lại Chơn Tâm hằng tại, trường cửu, toàn thiện, bất biến. Tâm là tiểu linh quang trong con người. Nhờ tâm, con người nhận thức → tư duy → hành động hiện thực. Tâm điều khiển cuộc sống nhưn thân, phát triển trí tuệ. Tâm lành → con người cao cả. Tâm ác → con người thấp hèn. Tâm là gốc của tiểu vũ trụ nhưn thân. Thượng Đế là gốc của Đại vũ trụ càn khôn. Phải quy tâm nếu muốn quy nguyên.

Quy nguyên: là trở về nguồn cội, với nhân bản nguyên sơ, trở về Đại bản thể hay Đại Linh Quang, hợp cùng Thượng Đế, cùng Đại Đạo. Đó là sự rớt ráo của cuộc tiến hóa của vạn sinh. Đó cũng là điểm đặc thù của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo luật tuần hoàn của Tạo Hóa là “*Thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thi*”.

B. CÁC CHẶNG ĐƯỜNG

– Trên đường hướng về tâm, con người phải trải qua nhiều kiếp gian truân, khổ nhọc, luân hồi, chuyển kiếp lên xuống cõi trần nhiều lần mới về được điểm cuối. Qua xong mỗi kiếp, Tiêu Linh quang tinh anh hơn, linh hoạt hơn, sáng suốt hơn một bậc.

Nhưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có con đường tắt với những giai đoạn tu tiến từ thấp lên cao. Tu đến đâu, được chứng đắc đến đó, trong giới hạn một kiếp người, để đạt mục tiêu

28. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

lý tưởng là phối thiên. Đó là tu nhất kiếp, ngộ nhất thời qua ba bậc:

- Tiểu thừa: hướng dẫn người sống đúng đạo lý, đúng nhân phẩm trong xã hội, đối với cá nhân.
- Trung thừa: mở rộng lòng nhân, giúp ích xã hội, gánh vác việc nước, đối với tha nhân. Hạ và Trung thừa thuộc Thế Đạo. Con người đóng góp công sức vào đời, xây dựng cuộc sống an bình hạnh phúc trong đức háo sanh của Thượng Đế, cho bản thân, gia đình, dân tộc, nhân loại.
- Đại thừa: đi vào tâm pháp (đạo pháp) tìm về chơn ngã, để đạt sự giải thoát toàn diện. Đại Thừa thuộc Thiên Đạo, con người rèn luyện tâm linh phục hồi chơn ngã. Con người trở lại nguồn gốc nguyên sơ để phục hoàn sinh lực, có đủ đầy sức sống hầu tế chúng độ nhân một cách vững vàng.

Để trở về bốn nguyên, con người tu nối tiếp ba giai đoạn. Tuy vậy, có thể gọi song tu hai phần Thế Đạo và Thiên Đạo, tức phước huệ song tu.

C. ĐIỂM RỐT RÁO CỦA CUỘC HOÀN NGUYÊN

Cuối đường: Cuộc quy nguyên ở cuối đường tiến hóa của chúng sanh từ con người về hợp với Thượng Đế.

- Con người tự giải thoát được rồi, thì về được với chơn tâm, bản thể.
- Sống với chơn tâm, bản thể thì hòa hợp được với Trời.

Và:

- Có được một năng lực siêu đẳng giúp ích Nhơn loài và muôn vật trong tinh thần phụng thiên sự dân với vô tư, vô kỷ.
- Nhập thế: cư trần bất nhiễm.

Sau khi giải thoát, chơn tâm huyền đồng với Thượng Đế, đó là phần tự độ. Tuy nhiên, khi hiệp Thiên, phối Nhứt, hiệp Đạo thì vạn loại, vạn thù trong thế giới hữu hình đối với hành giả không còn xa cách. Vì khi đã ngược dòng đời để quy nguyên, rời bỏ được vạn hữu ảo tạm, tâm không còn bị cảnh cuốn lôi, tâm giải thoát,

hòa nhập với Tâm Đại bản thể: “Trời, người một đạo, chấp trì một tâm”. Rồi khi tâm đã huyền đồng cùng đại thể, thì tâm không còn là tâm, cảnh không còn là cảnh ảo của hiện tượng bên ngoài, của thế giới vật chất nữa, mà đối với hành giả, cảnh và người cùng đồng thể với Trời Đất vì Thiên Địa, vạn vật đồng nhất thể. Tất cả chúng sanh đều có chung Đấng Cha Lành Thượng Đế. Và muôn loài đều là những tiểu linh quang chiết thân từ khối Đại Linh Quang, xuống cõi dinh hoàn tu tiến. Có khác nhau chăng, là khác nơi hình tướng, căn trí mỗi loài, mà có sự tiến hóa chậm hay mau.

Cho nên, như lời Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:
*Cõi Nê hoàn Mẹ châm cúc tửu,
Vào Cao Đài Mẹ trụ sanh quang,
Rồi con đến đó hội bàn,
Đủ đầy sức sống, vững vàng độ nhân.²⁹*

Là sau khi đạt được thiên tâm, con người có đủ đầy sáng suốt, thọ nhận quyền pháp, để nhập thế độ tha. Dù mang thân tứ đại giữa cõi nhị nguyên, nhưng tâm không ô nhiễm trần ai, dẫn bước vào đời cứu độ quần sanh.

*Ở trần chẳng dính bụi hồng,
Ở trong sinh diệt, thoát vòng diệt sinh.³⁰*

Và cấm pháp Thấy ban rải khắp chúng sanh, đem tình thương bao la, sâu đậm rưới mát tâm linh, khơi dậy mầm sống đạo ẩn tàng trong lòng nhân thế. Dìu dắt nhau tìm đường về nguồn xưa trong tinh thần hòa ái, giúp nhau cùng giải thoát như chính mình đã giải thoát. Trên đường quy nguyên, bao giờ cũng tràn ngập tình thương: Đức Phật A Di Đà lập nguyện là Ngài “*chẳng thành chánh giác trước khi chúng sanh trở thành chánh giác*”. Và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đại nguyện là Ngài sẽ chẳng nhập Niết Bàn nếu còn một giọt nước mắt đau khổ của chúng sanh. Thế là các Đấng chánh giác đã đạt tận toàn thiên chức tuyệt vời của cuộc hoàn nguyên vậy.

29. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùì (03-10-1979).

30. Ibid.

3. ĐIỀU KIỆN HOÀN NGUYÊN

Khi nhập thế để độ đời, để hoàn thành sứ mạng phổ độ kỳ ba, mỗi hành giả thọ nhận quyền pháp đạo từ Ôn Trên, từ Thượng Đế qua lòng tu chứng của mình.

“Các con là những chức sắc, tín đồ, chức việc của Thầy, Thầy nhắc nhở các con nên thương yêu nhau trên đường tu học để hoàn thành sứ mạng phổ độ kỳ ba. Quyền pháp đạo, từ Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh, mỗi người Thiên ân chức sắc, dầu lớn, dầu nhỏ, hãy gìn giữ cho xứng đáng, nghiêm minh.

*Quyền pháp Đạo là tình thương và sự sống. Có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy.”*³¹

*“Quyền pháp là chìa khóa mở tâm linh con người, phá các quan ải trở ngại trên đường giao thông của nhân loại. Quyền pháp chính ở nơi lòng tu chứng ở mỗi người đã đạt cơ tâm thức.”*³²

Trên đường tu học, anh lớn dắt dìu em nhỏ, đào tạo một tương lai đạo nghiệp, cho nên phải sống đồng lao, cộng khổ với nhau và thương yêu nhau trong tình hòa đồng, tôn ti trật tự, để làm tròn sứ mạng phổ độ buổi hạ nguơn. Nói rộng hơn mọi người từ lớn chí bé, từ Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh đều phải giữ quyền pháp Đạo thật nghiêm minh. Có nắm giữ vững quyền pháp thì Đạo mới hoằng khai.

• Quyền pháp Đạo thể hiện trong tình thương để con người sống bên con người bằng tấm tình bảo sanh dưỡng dục. Thương người dưới, thương kẻ trên, thương người lành, thương kẻ ác. Trong thương yêu có chấp nhận bằng kiên trì, nhẫn nhục. Lòng từ trải khắp, lấy tâm từ ái mà dìu kẻ gần người xa, kẻ thân người sơ, để tạo thế nhân hòa trong nhịp bước độ tha, hầu đi đến tổng hợp “đại thể – tình thương” trong hồng ân Thượng Đế.

Tình thương đó giữa chúng sinh bền chặt,

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Quý Sửu (22–01–1974).

32. Trang 38 – MLTH

*Thì du thừa san lấp hố đau thương,
Trong tha chúng, dù muôn ngàn bão táp.
Ta dốc tâm dâng trọn tám can trường.”*³³

• Quyền pháp thể hiện trong sự sống. Có tình thương bảo toàn sự sống và dưỡng nuôi, hóa dục muôn sanh. Có tình thương, sự sống mới thái hòa an lạc.

Sự sống phải luân lưu khắp nẻo, thấm mát hồn người đang héo úa, cần khô. Sống bên nhau, hòa đồng nhau trên bước đường đời, chung vui sót khổ để dìu dắt nhau trong trường tiến hóa. Nhờ pháp mà tâm người giải thoát lụy trần, sống trong thanh cao, tự tại, hòa với lẽ hằng sống của đất trời vạn vật để mà:

*Sống sao người đặng nên người,
Cỏ cây chẳng thẹn, đạo Trời thung dung.”*³⁴

Điều cần khắc ghi là “phải thương yêu kẻ ghét mình”. Đó là điểm tối cần ở cuộc sống của người sứ mạng cầm quyền pháp:

*Con hãy thương yêu kẻ ghét mình,
Thương đời mặt kiếp khó tồn sinh...
để rồi:*

*Có thương con mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.”*³⁵

Nếu con người thực hành sự thương yêu cho ra chơn tướng, thì nhơn sanh mới thật sự thoát khổ. Thể hiện lòng vô chấp, vô ngã, rải tâm từ đến những người coi mình là thù địch, lấy thái độ ôn hòa đối lại những tâm địa bất hòa, đó là nét đẹp của tình Thượng Đế qua con người sứ mạng trong nhiệm vụ độ tha.

Thầy dạy:

“Thầy là Cha cả sự thương yêu. Do bởi thương yêu mới tạo thành càn khôn thế giới và sanh sản các con. Bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình, càn khôn an định. Đặng an định mới không thù nghịch lẫn nhau. Không nghịch lẫn nhau mới không tàn hại nhau. Mà không tàn hại nhau mới giữ bền cơ

33. L.H.M

34. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–11 Canh Thân (05–01–1981).

35. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26–12 Nhâm Tý (29–01–1973).

sanh hóa"... "Lẽ cùng cực của Đạo là mức tuyệt đối. Hễ tuyệt đối thì không nói đến điều thương sự ghét. Song vì các con sống nơi thế gian là trường đối đãi, thì sự từ bi, bác ái được nêu lên là việc thường để răn lòng mỗi con mà thôi."³⁶

Bác ái tức rộng lòng thương. Các tôn giáo vì tình thương nên phát sinh muôn điều đạo đức để giải khổ cho người đời. Và Đức Phật cũng dạy: "Hãy giữ tâm luôn luôn trong sạch giữa đám người đầy thù hận."

Sông núi đương chờ kẻ sĩ phu,
Chung tay lấp phẳng hố oan cừ,
Tình thương đem rãi cùng dân tộc,
Cho vẹn đạo đời chí trượng phu.³⁷

Cũng thế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:
Muốn phối Thiên, phải gột rửa lòng trần,
Muốn tịch diệt, đủ đầy nhân – trí – dũng.
Nhân là thương khắp muôn loài vạn chủng,
Không biệt phân nòi giống lạ hay quen,
Cũng không chia cao thấp sang hèn,
Thương kẻ ghét mình mà lo tế độ.³⁸

Nói về quyền pháp, Châu Dịch huyền nghĩa, chương I viết:

"Quyền là tình thương. Pháp là sự sống. Nếu tình thương không đủ cảm hóa, thì quyền ấy hóa ra quyền lực thế gian, sẽ làm cho nhơn sanh dưới quyền bị khổ đau, gây nên tai hại. Nếu sự sống không chảy đến cho các nẻo mát mẻ ở lòng người, thì tâm linh bị khô héo, thì pháp trở thành yêu thuật bàng môn.

Vì vậy, sứ mạng đặt vào người, là quyền pháp ở người. Quyền pháp ở người, thì người được sức mạnh, đủ che chở, đủ khiến nhơn sanh theo một định lý, trong sự trật tự của Trời".

Và "Minh Lý Chơn Giải" ghi:

"Quyền pháp" sứ mạng do đâu mà có? – Chính ở nơi sự tu chứng mỗi người. Con người quyền pháp cần phải:

- Giới luật tinh minh, để ngăn lòng dục và phá

36. Đức Chí Tôn, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

37. Đức Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Canh Tuất (08-02-1970).

38. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

tập quán, thói đời, mới giữ được đức tánh thanh cao, phẩm hạnh xứng đáng.

- Học tập để phá cái mê lầm, mở rộng trí tuệ, thấu suốt lẽ đạo đồng nhất, là chỗ cùng lý tận tánh để chứng nghiệm việc làm.

- Trì công tu tiến trên đường tự giác, giác tha để thọ trì bí pháp, mà đạt chứng lẽ đạo nhiệm mầu.

Vậy, mọi việc làm phải rõ ra bằng quyền pháp, bằng sứ mạng, luôn đứng trên lập trường thuần túy đạo đức, thuần chơn vô ngã. Để tỏ được con người thiên ân, thì trên dưới phải lấy lẽ mà đối đãi nhau, nữ nam trật tự trong vòng đạo pháp hầu đâu đó thể hiện một tinh thần giác ngộ, làm cho quyền đạo mạnh mẽ, pháp đạo linh nhiệm.

Quyền có mạnh thì cơ tâm độ được phổ truyền.
Pháp có linh thì sự huyền đồng giữa Trời
Người được duy nhất.

Pháp là sự sống thì lẽ hằng sống của Trời Đất, vạn vật được tự tại, an vui, không còn một chướng duyên ràng buộc. Ai cũng nhờ pháp mà giải thoát trần tình, sống nên thanh cao siêu tuyệt.

Quyền là tình thương được tràn ngập thấm nhuần đâu đó trở nên một khối thâm hòa, đậm ấm, mỹ miều. Người nào chiếm được tình thương sâu rộng là người đó có quyền. Quyền ấy mới thật là cao cả thiêng liêng. Trăm ngàn quả tim đều đập theo một nhịp động, thì người ấy gọi rằng Thánh, rằng Tổ. Người ấy chết, họ chết theo, đi đâu họ cũng không rời nửa bước, nói gì họ cũng đều nghe.

Vì vậy, các Thiên ân cần làm sao gây được một tình thương vô biên, cao thượng, gieo sâu vào lòng dạ mọi người, để phá tan lòng nghi kỵ, ý rẽ riêng, hầu đưa nhau đến một độ đường, dung hòa giữa đông tây, trời đất."³⁹

4. PHƯƠNG PHÁP HOÀN NGUYÊN

Đó là tâm pháp hay Đạo pháp.

Tâm pháp là phương tu nội quán tìm tâm, tỉnh sát, khắc trị và tồn dưỡng tâm, hầu giữ tâm thuần ngự trị mãi, không cho phóng tán. Tâm này làm chủ thân. Tâm pháp giúp giải thoát

39. Đàn 32, 08-12 Ất Tỵ (30-12-1965).

mọi buộc ràng hoặc mọi hệ lụy đến thân khiến tâm dung ruỗi ngàn phương. Tâm pháp giúp Tâm trở về Chơn Tâm để hòa nhập cùng đại thể, phối Thiên, đạt Đạo qua các pháp môn: Tôn dưỡng, chủ tình thức, tham thiền và tam công.

- Tâm là mầm sống, là Nguơn Thần, là Trời, là Đạo, là nhân của người nên được Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Ngoài tâm, không có Đạo, ngoài tâm không có Phật Tiên chi cả. Thiên địa vạn vật, tất cả đều do tâm.”⁴⁰ Cho nên phải dụng pháp môn tôn dưỡng để nuôi tâm và dưỡng cho Tâm được định hoài, vì Tâm là đích quay về bốn nguyên.

- Tâm là chủ sử của người. Nó ứng biến theo thế giới hiện tượng, tùy duyên mà sanh cảnh. Khi đối vật, xúc cảnh thì sanh tình thức, niệm lự, dục vọng. Vậy tâm pháp có cách giúp tâm làm chủ được tình thức, chế ngự thất tình lục dục, lục căn, lục trần, hướng chúng vào lục thông của đạo lý để ta an thân mà tu tiến. Cộng với ý chí tự quyết của hành giả, tâm pháp giúp biến dục tâm, vọng ngã ra chơn tâm. Chủ được tình thức thì tâm linh thấu suốt điều thọ, yếu, cùng, thông cho chơn tâm hiển lộ.

- Đốn tuyệt vạn duyên – vô chấp vô ngã.

Đốn tuyệt vạn duyên là trừ chướng vật bên ngoài, cho tâm lìa cảnh, để được thanh tịnh.

Vô chấp hay phá chấp để trừ những chướng ngại bên trong, để tâm không còn nghiêng chình tà vạy, vướng mắc và sẽ linh hoạt biến thông, hòa được với mọi người cho người thông cảm nhau, cho người đồng thông Trời Đất. Phá chấp để triệt hạ những định kiến thiên lệch tạo thành chấp ngã, chấp tướng, hầu đạt thiên tâm hay đắc nhứt, hay đắc đạo. Được vậy, Tâm không bị cảnh chi phối “*Tâm là Tâm, cảnh là cảnh, mới thật Thiên Địa chi tâm.*”⁴¹ Muốn đắc nhất, có pháp môn tham thiền. Tham thiền để phối thiên hòa vật. Đức Lý Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vạch rõ tác dụng của thiền định:

*Đắc nhất tâm rồi thế mới yên,
Muốn tâm đắc nhất phải tham thiền,
Tham thiền tâm sẽ hòa muôn vật,
Hòa ấy làm nên Đạo phối thiên.*⁴²

- Yếu tố cần thiết để thực hiện hoàn nguyên là pháp môn Tam công, đó là pháp môn tổng hợp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CÔNG QUẢ là tu phước, làm ích lợi tha nhân với lòng hiến dâng, hy sinh trong vô tư, vô kỷ để tự độ, độ tha quy nguyên.

CÔNG TRÌNH là tu đức: gắng rèn luyện cá tính trong tinh thần vô ngã với tánh chí thiện.

CÔNG PHU là tu huệ – tu tánh luyện mạng trong tinh thần vô cố, vô chấp, vô tướng để hòa đồng với đại bản thể.

Ba công này hỗ tương, hỗ trợ nhau để rèn luyện thân tâm con người trên đường giải thoát, thực hiện cuộc hoàn nguyên, với tấm lòng chí thành tâm đạo, tự nguyện tự lực vượt nấc thang tiến hóa, trở lại bến khởi nguyên.

IV. KẾT LUẬN

Trở về bến Khởi nguyên là con đường tất yếu của những Tiểu linh quang sau khi hoàn thành sứ mạng làm người. Con đường về bến Khởi đã được Đức Thượng Đế mở ra cho toàn thể loài người trong Kỳ Ba Đại Ân Xá. Con người có quyết tâm đi đến cuối con đường, thì phải nhật nhật thường hành lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng để nội tâm con người luôn nhận được sự an lạc, sáng suốt, có thể giải quyết mọi trở ngại khó khăn đưa đến cho con người trên cõi thế gian, đồng thời thoát được cảnh luân hồi sanh tử. Cho nên:

*Tâm biết Đạo, vun bồi căn bản,
Tâm trọn lành tế khổn phò nguy,
Trở về một tấm kiên trì,
Tâm đừng hướng ngoại, an nguy sẽ tương.*⁴³ ■

40. Đức Đông Phương Lão Tổ, 14-6. Ất Mão (22-02-1975).

41. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3. Bính Thìn (14-4-1976).

42. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Ất Mão (21-8-1975).

43. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiển Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

THÔNG CÔNG

■ ĐẠT TƯỜNG

Cao Đài thuộc về Tiên Đạo,¹ vì thế sử dụng phương tiện của Tiên gia để thông công tiếp nhận Thiên điển giáo hóa. Năm mươi năm đầu tiên của thời kỳ khai đạo (1925–1975), thông công là một hoạt động đạo sự bình thường trong cơ phổ độ, một khía cạnh văn hóa riêng biệt của Cao Đài giáo. Mọi tín đồ Cao Đài kể cả những người ngoài Đạo đều dễ dàng được hầu đàn cơ miễn là đáp ứng một số điều kiện tối thiểu về nghi lễ. Tuy nhiên vẫn có rất nhiều người chưa được có duyên may để tiếp xúc và tìm hiểu, ngay cả một số đồng tín đồ Cao Đài cũng thế, cho nên tỏ vẻ thắc mắc thậm chí nghi ngờ hiện tượng này. Bởi vì trong thực tế của xã hội, đã có không ít người lợi dụng hiện tượng lên đồng để lừa gạt những người nhẹ dạ, mê tín... hầu trục lợi cho cá nhân!

Vậy trước tiên, xin khẳng định điều này: Cơ bút trong Cao Đài giáo chỉ được dùng để thông công cùng các Đấng

1. “Thầy sáng khai ra Tiên Đạo thì quyết sẽ thành Tiên Đạo. Các con nào có duyên kỳ ngộ sau này sẽ đi đến cảnh mà cõi trần gian không hề bao giờ có đặng.” (Đức Chí Tôn, Hườn Cung Đàn, 01–11 Quý Mão, 15–12–1963).

Thượng đấng Thiêng Liêng hầu tiếp nhận những lời dạy dỗ về đạo lý chứ không phải là phương tiện mua vui hay cầu lợi với hạ đẳng thiêng liêng (ma, quỷ...).

Vì thế, để có thể thực hiện được một buổi lập đàn cơ không phải là điều dễ dàng vì phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện nghiêm ngặt.

Xin trích một đoạn Luật Hiệp Thiên Đài trong Ngọc Đế Chơn Truyền (1935):

“Nói tóm tắt là, cơ bút để cầu ra kinh, ra luật mà thôi, chớ không đặng cầu hỏi bề trần thế, còn tu cùng không tu, thì chỉ do nơi trật tự có ban hành rồi, cứ đó mà luận theo trình độ. Nói gộp là: từ đây sắp tới không muốn cho người ngoại phận sự Hiệp Thiên Đài biết vào cơ bút nữa, không muốn độ nhưn sanh bằng cách cầu cơ bút, bằng cách cầu đàn nữa.

Từ đây sắp tới chỉ muốn độ bằng cách Thánh giáo xuất bản rồi, các niêm luật lập xong, khuôn mẫu thành lập rồi đó, như vị nào liệu để đức tin thì tu, bằng không thì thôi, chớ Đại Đạo không ép người, không nhẹ thể Đại Đạo nữa.”

Và lời dạy của Đức Chí Tôn trong Đại Thừa Chơn Giáo:

“Cơ bút là để nắm quyền hành Đạo giáo mà phổ hóa chúng sanh, để làm ngọn đuốc

quang minh mà dẫn dắt người đến chỗ bốn nguyên là cùng mục đích đó thôi.

Ấy nghĩa là dùng cơ bút mà truyền đạo đức tinh thần để huấn luyện vạn linh cho trở nên hạng người chí đức cao siêu: Tiên Thánh Phật vậy.”²

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nếu như vào thuở sơ khai, đối với phần cơ tuyển độ, Đức Cao Đài Tiên Ông đã sớm giảng cơ độ dẫn Ngài Ngô Văn Chiêu qua cơ bút ngay từ năm Tân Dậu 1921 thì với cơ phổ độ đã được ghi nhận lại bởi người nữ điển ký đầu tiên, bà Nguyễn Thị Hiếu – Hương Hiếu.

Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu đã ghi lại trong Đạo Sử Xây Bàn I trang 36: “Xin quý ông nhớ ngày 02–01–1926 Thầy khởi dạy Đạo.” Và lời dạy Đạo đầu tiên của Đức Chí Tôn cho ba vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang từ lúc phôi thai của nhà Đạo là những lời dạy về việc thủ cơ chấp bút.

Những lời dạy Đạo ban sơ ấy cho chúng ta thấy những điều kiện căn bản để có thể tổ chức được việc thông công.

“Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

2. Đàn 25–9 Bính Tý (08–111936).

Thủ cơ – Chấp bút

Thủ cơ hay là chấp bút phải để cho thần, tâm tịnh mới xuất Chơn Thần ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy:

Khi chấp thủ thì tay tuân theo Chơn Thần nói lại mà viết ra, mừng tượng như con đặt đẽ, con hiểu đặng vậy.

Chơn Thần là gì? Là nhị xác thân (périsprit) là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu.

Cái Chơn Thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu, bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Cái Chơn Thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy.

Như chấp cơ mà mê, thì Chơn Thần ra trợn vện khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo. Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra ngoài. (Độc giả) Nói tên chữ trật nó nghe đặng, không chịu. Thầy buộc viết lại và rầy kẻ độc trật ấy.

Còn chấp bút. Khi Thầy đến thì làm cho Thần con bất định một lát cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết. Ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhất, mới thấu đáo Càn Khôn, tinh thông vạn vật đặng.

Trước khi thủ cơ hay là chấp bút, thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng tắm gội cho tinh khiết; rồi mới đặng đến trước bửu điện mà hành

sự, chẳng nên thiếu sót mà thất lễ. Nếu chấp cơ phải để ý (tu tưởng) thanh bạch, không đặng tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc.

Phải có một chơn linh tinh tấn mới mau nhiệm huyền diệu; phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn; phải tập tánh chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy Đạo cả chúng sanh.

Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường.

Còn việc truyền thần lấy điển quang, thì ai ai cũng có điển trong mình, nó tiếp điển ngoài rồi thần của nó viết ra, có khi trúng, có khi trật.

Vậy khi nào chấp cơ thì phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành.”³

Xin được trình bày cùng quý độc giả những học hỏi, những điều mắt thấy tai nghe của một tín đồ đã có duyên may được sinh ra và lớn lên trong một gia đình có ông ngoại là 1 thành viên trong Bộ Phận Thông Công Huyền Cơ, cha và 2 em gái là Tứ Bửu của Bộ Phận Thông Công. Nhờ thế chúng tôi đã được dự các buổi lập đàn cơ từ khi tuổi còn niên thiếu đến tuổi thanh niên trưởng thành và khi đã chọn

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1964, tr. 06, đàn ngày 03-01-1926.

con đường hành đạo là lẽ sống của cuộc đời. Với số lần đã tham dự các buổi cầu cơ trên 300 lần, với những khảo cứu từ những lời giáo huấn liên quan đến Bộ Phận Thông Công trong Thánh giáo của các chi phái và đến thực tế tiếp xúc, trò chuyện cùng quý vị có trách nhiệm sứ mạng thông công, chúng tôi xin ghi chép lại với mong ước mang đến cho quý vị có quan tâm đến lĩnh vực này một phương tiện căn bản để tìm hiểu khảo sát đúng theo chân truyền của Cao Đài giáo.

Trong nền tổ chức của Cao Đài giáo, Hiệp Thiên Đài là bộ phận bán hữu hình trung gian giữa phần hữu hình Cửu Trùng Đài với phần vô vi là Bát Quái Đài. Hiệp Thiên Đài có 3 nhiệm vụ căn bản sau: giữ gìn chơn truyền luật pháp của Đạo, truyền bá Đạo pháp tịnh luyện, thông công cùng các Đấng Thiêng Liêng. Tùy theo từng giai đoạn của Thiên cơ trong cơ phổ độ mà chức năng thông công được thực hiện công khai rầm rộ hoặc âm thầm lặng lẽ chứ không bao giờ bị triệt tiêu hoàn toàn. Một Đấng Tiên Khai Đại Đạo đã nhắc qua phương tiện này:

“Các em còn nhớ lời Chí Tôn nói chẳng? Hễ còn đạo Cao Đài là Hiệp Thiên Đài vẫn còn, vì đạo Cao Đài đã phát sinh từ Hiệp Thiên Đài, từ huyền cơ diệu bút. Chỉ tiếc vì người đời còn quá vọng tâm bản ngã, không biết chấp hành cơ bút và

sử dụng Hiệp Thiên Đài, nên nếu để áp dụng rộng rãi nơi địa phương, e đã và sẽ xảy ra những gì đáng tiếc.”²⁴

BỘ PHẬN THÔNG CÔNG

1. THÀNH PHẦN CỦA BỘ PHẬN THÔNG CÔNG

“Thầy có tiên tri rằng: Cơ bút là tối nhiệm mầu, Thầy cậy huyền diệu này mà trực tiếp dạy dỗ các con để dễ bề phổ thông Chơn Đạo. Than ôi! Thầy biết rằng: Trao cho các con món cơ bút, khác nào trao cho vạn loại một con dao rất bén! Nếu chúng sanh biết là một lợi khí thì sẽ giành giựt nhau cũng chết, còn chúng sanh cho đó là một vật vô dụng cũng sẽ lằm mà đứt tay. Bởi thế bao giờ Thầy cũng nắm chắc phần lưỡi, nào dám trao trọn quyền cho các con ... Thầy có tiên tri rằng: “Sau một thời gian truyền Đạo nơi ấy, Thầy sẽ bế cơ.”²⁵

Vì thế về mặt vô vi, Đúc Đông Phương Lão Tổ được Đúc Chí Tôn trao quyền chưởng quản Hiệp Thiên Đài. Do đó thành phần của một Ban Hành Sự Thông Công bao giờ cũng phải do “quyền pháp” của Ngài đặt để qua những sắc lệnh hành chánh cụ thể. Thí dụ:

4. Đúc Chí Tôn, Thánh Truyền Trung Hưng 1, trang 188, 25-12 Mậu Dần (1939).

5. Đúc Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-02 Tân Dậu (29-3-1981).

“... Mẹ phân cho các con tước. Như các cơ cấu tạo thành do Đông Phương Chương Quán trách nhiệm Hiệp Thiên Đài tạo ra từng thành phần, chọn lọc những nguyên căn để trao phần trách nhiệm tiếp diễn Tiên Thiên.”²⁶

“ĐÔNG phong thu nguyệt cảnh trần ai,

PHƯƠNG chúc thực hành chọn đức tài,

CHƯỜNG chấp cơ quan y lệnh phán,

QUẢN truyền phận sự Hiệp Thiên Đài.

BẢN ĐẠO CHƯƠNG QUẢN VÔ VI HIỆP THIÊN ĐÀI mừng chung chừ Thiên mạng lưỡng phái. Bản Đạo miễn lễ, chừ hiển bình thân. Hôm nay, Bản Đạo thừa vưng lệnh sắc Tam Tòa lai cơ để truyền lời dạy về phận sự Hiệp Thiên Đài trong đôi phút.”²⁷

Hiệp Thiên Đài nói chung và Bộ Phận Thông Công nói riêng phải là những người được Ôn Trên ban ân thi hành sứ mạng đặc biệt này. Đó là những vị được Thiên phong chứ không có trường hợp nào được công cử hay phạm phong như một số trường hợp chức sắc của Cửu Trùng Đài. Đọc trong Pháp Chánh Truyền, chúng ta chỉ thấy Luật Công cử với chức sắc Cửu Trùng Đài mà thôi!

6. Đúc Lý Giáo Tông, Hườn Cung Đàn, 15-10 Quý Mão (29-11-1963).

7. Đúc Đông Phương Chương Quán, Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ (10-5-1965).

Đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy:

“Chiếu luật Hiệp Thiên Đài, không có nữ nhơn.

Vì đây là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được ân tứ đặc biệt, tùy giai đoạn mà sắp xếp Bộ Phận Thông Công, nên Bộ Phận Thông Công hiện tại, nếu không có lệnh của Thiêng Liêng thì không có được thay đổi hay thêm bớt.”²⁸

Thành phần căn bản của một Ban Hành Sự Cầu Cơ gồm có: Đồng Tử (hay còn gọi là Đồng Loan), Pháp Đàn, Điển Ký (hay Điển Văn), Độc Giả, Tứ Bửu, Hộ Đàn, Chương Nghiêm Pháp Quân (hay Tuần Đàn). Một thí dụ sau đây cho chúng ta thấy:

“Lệnh dạy tam muội: Diệu Lý, Diệu Thê, Diệu Chơn Quang lo phần cân y cho Đồng Tử, còn Pháp Đàn, Điển Ký, Độc Giả, Tứ Bửu, Hộ Đàn tự lo lấy đúng như thể thức dưới đây: khăn Pháp Đàn cũng như Đồng Tử, ở chính giữa trán có thêu Thiên Nhân, vòng Vô Vi bề kính ba phân, 12 chấn; áo tràng bên mặt có 12 thẻ; dây sắc lệnh dài một thước tám tấc, mỗi đầu có 6 tuột. Còn Điển Ký, Độc Giả, Tứ Bửu, Hộ Đàn: khăn áo, sắc lệnh đều giống Pháp Đàn, nhưng trên khăn không

8. Đúc Đông Phương Chương Quán, Đạo Lý 56, tr.37, Cao Minh Quang, 01-6 Canh Tuất (1970).

có thêu Thiên Nhân. Tất cả đều màu trắng.”⁹

Ngoài ra ở một số nơi, cơ cấu Bộ Phận Thông Công có thể được ân ban thêm một số thành phần sau: Sĩ Tài, Văn Đàn, Võ Đàn...

Sĩ Tài: là phát thanh viên đọc lại đàn vừa được tiếp nhận.

Văn Đàn, Võ Đàn: giống như ban khánh tiết, có nhiệm vụ trang bị phương tiện sắp xếp nhân sự đúng vai trò và vị trí của mỗi người.

Chúng ta hãy xem một trường hợp khi xưa của Hội Thánh Truyền Giáo được ân ban cho thành phần chính của Bộ Phận Thông Công là Đồng Tử và Độc Giả.

“ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN. Bản Đạo chào chư chức sắc lưỡng đài, chào đệ muội lưỡng ban. Bản Đạo đến giờ này để dạy về việc khai khiếu Đồng Loan nơi Trung Hưng Hội Thánh. Miễn lễ an tọa nghe dạy:

Hiệp Thiên Đài là cơ quan tối đại để thông công giữa Thánh và phàm, giữa Thượng Đế và Vạn linh, nên chi Đồng Loan cần phải chọn những người chơn tu thánh khiết, đức độ tài ba mà lại là thông dịch giả cho Thiên Liêng. Chư hiền hẩn đã lưu ý nhiều về điều đó.

Bản Đạo rất buồn giữa thời

ly loạn, đạo pháp phân vân, chơn lý và tà thần vẫn không được nhơn sanh xác nhận, mà nhơn sanh chỉ trông chờ ở Thần cơ diệu bút, ở Đồng Loan. Nhưng than ôi! Đồng Tử là một cơ quan kiến nghiệp cho Đại Đạo, mà cũng là một tai hại làm cho tiêu trầm tan tác cơ đạo. Vậy có phải chăng đây là bài học để người hướng đạo hành đạo được hiểu trong hiện tại...

Muốn trị bá thì phải dùng vương, muốn trị loạn thì phải dùng thượng Tín, Thành, Lễ, Nghĩa. Nếu dùng bá trị bá, dùng loạn trị loạn thì bá nọ chống lên bá kia, loạn kia chống lên loạn nọ, thì thiên hạ đại nguy. Ngày nay thế sự như cờ tủng nước, mà thiên hạ vẫn tranh nhau giành lấy con cờ, nhưng không biết tạo cái thế. Nếu không tạo thế thì làm sao biết sử dụng con cờ. Cái thế ấy là xương minh chánh đạo vậy! Người lãnh đạo cần nên lưu ý điều này.

Về việc khai khiếu Đồng Loan, trước giờ thọ Thiên lệnh, Đồng Loan Phúc, Lộc phải qua một tuần sám hối, để giữ sạch lòng trần. Vào Thiên bàn, trước đặt một bàn Ngũ Lôi trong ngoại nghi, trên có một đôi nến trắng, và một cốc tịnh thủy để ngay chính giữa bàn. Đồng Loan vận sắc phục vào quỳ đối diện âm dương, dùng ba thước sáu lụa xanh (3m60), trên có đề hai chữ “Thần Thông” phủ lên đầu hai

Đồng Loan. Thanh Long họa phù “Tam Thiên” nơi nê hoàn cung gọi là khai khiếu, xong đến họa phù “Kim Quang” vào cốc tịnh thủy. Khi Đồng Loan minh thệ xong, chia đôi tịnh thủy, ban cho uống.

Vào giữa giờ trang nghiêm ấy, chúc sắc phải phân ra hai hàng để lưỡng đài chứng kiến việc hành pháp nghi lễ, Thanh Long đã hiểu. Tuy trong thời hạn hai năm, nhưng điều quan trọng vẫn được Thiên Liêng hoàn toàn ban bố.

Đây Bản Đạo ban Thánh danh cho Phúc và Lộc:

BÀI

Lãnh sứ mạng chấp cơ độ chúng,

Rửa lòng phàm vận dụng Thánh tâm,

Quên bao dĩ vãng luân trầm, Vì đời vì Đạo quyết tâm phụng hành.

Phúc, Thanh Liên Thánh danh ban phó,

Lãnh cơ huyền dẫn độ nhơn sanh,

Thông công thế tục Thiên đình,

Phải cần gìn giữ cho tinh lòng phàm.

Trí thông minh đã ham tu học, Nghiệp duyên trần cố dốc vượt qua,

Rèn lòng gọi nước ma ha,

Nơi miền Nam Hải sắc hoa điểm mầu.

Lộc, Ngọc Trúc lo âu phận sự, Thánh danh ban cần giữ thân tâm,

Luyện rèn hạnh đạo cơ cầm,

9. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 22, tr.10; Huần Cung Đàn, 14-8 Đinh Mùi (1967).

Phò loan sứ mạng đồng âm
điểm truyền.

Lòng ái mộ tâm Tiên học
Đạo,

Giữ lòng phàm chớ tạo
nghịch duyên,

Lối đàng giải thoát cần
chuyên,

Lo tròn phận sự ân Thiên
hưởng đồng.

Bình, Độc Giả gắng công
tập luyện,

Dầu nữ nam đồng tiến đồng
hành,

Lo tròn sứ mạng tuổi xanh,

Con đường giải thoát trường
thành mới nên.

Tấn, phụ trách đôi bên Độc
Giả,

Giữ tâm thành trợ tá Đông
Loan,

Hợp hòa tinh tấn điển quang,
Độ đời cứu thế thời gian sử để.

Gương nhi nữ bốn bề soi
sáng,

Đức tu hành chói rạng
Trung Châu,

Hiệp Thiên đượm sắc khoe
màu,

Tinh thần đạo đức nêu cao
hằng ngày.

Bản Đạo khuyên trước đây
chức sắc,

Phận lương đài sắp đặt lo
toan,

Kịp thời đồng tiến đồng hàng,
Trung Hưng Hội Thánh

vững vàng muôn năm.¹⁰

• Một thí dụ sắc lệnh được
ban ơn làm Pháp Đàn:

10. Đức Đông Phương Chương Quán,
Đạo Lý 51, tr. 58, Hườn Cung

Đây sắc lệnh đã trao Thiên
Hiệp,

Hải Thần lo tương tiếp
chơn truyền,

Sắc để đồ đệ Như Liên,
Trải qua một bước Hiệp

Thiên chỉ truyền.

Phân Pháp Đàn điển thiên
bố hoá,

Vì nguyện cầu Trần Khả
trước đến,

Ban cho lập quả gây nên,
Công duyên dày dặn khá

bền chí ni.¹¹

• Một thí dụ khác về Sắc
Lệnh ban ơn lập đàn, ban
nhiệm vụ Độc Giả và Điển Ký.

“Kim Quang Đồng Tử, Tiểu
Thánh chào chư Thiên mạng,
chào chư liệt vị đàn tiên. Tiểu
Thánh vâng lệnh Đức Đông
Phương Lão Tổ chuyển sắc lệnh
đến Phụ Tá Bảo Pháp Chơn
Tâm thi hành. Xin quý vị thành
tâm tiếp sắc. Tiểu Thánh xin
tuyên đạo.

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯƠNG QUẢN
HIỆP THIÊN ĐÀI chiếu Sắc Lệnh
đến Phụ Tá Bảo Pháp Chơn
Quân hành sự:

Điều 1: Đàn cơ Tuất thời
mùng 6 tháng 7 tại Minh Lý
Thánh Hội, Đồng Tử Hoàng
Mai, Thanh Thủy thủ cơ.

Điều 2: Chiếu sắc lệnh Tòa
Tam Trấn, truyền Bộ Phận
Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ
Thông Giáo Lý, ban đạo phục
cho Kim Nhung, Lập Hạnh,

11. Đức Đông Phương Chương Quán,
Đạo Lý 56, tr.37, Cao Minh Quang,
01-6 Canh Tuất (1970).

Hồng Mai, đến tam cá nguyệt
thọ hồng ân Độc Giả, Điển Ký.

Điều 3: Hiệp Thiên Đài
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý,
Minh Lý Thánh Hội chiếu sắc
lệnh thi hành.

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯƠNG QUẢN
Ấn Ký.¹²

• Thí dụ về sắc lệnh ban ân
nhiệm vụ Tứ Bửu:

“Đây Bản Đạo chuyển sắc
Đông Phương đến phân tách
cho chư hiền để liên hiệp Bộ
Phận Hiệp Thiên Đài mà hành
sự nghe.

Nơi Tân Định sắc truyền hội
diện,

Giờ lành đây tiếp chuyển
bút để,

Tứ Bửu lời Lão sắc phê,
Quách Thành trách nhiệm
điểm để Thánh Danh.

Thiện Nguyễn lấy tâm thành
đạt đạo,

Anh hiền đệ khá tạo tâm linh,
Thiện Đạo ban cho sắc gìn,
Cùng nhau Tứ Bửu tận tình
quả công.”¹³

“Như Cúc! hiền đồ trang
lệnh sắc,

Quách Thủy Diệu thọ sắc
thừa hành,

Hiệp Thiên Đài tạo bảng danh,
Lãnh phần Tứ Bửu thi hành
khuôn viên.”¹⁴

(CÒN TIẾP).■

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-6
Quý Sửu (29-7-1973).

13. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 22,
tr.10; Hườn Cung Đàn, 14-8 Đinh
Mùi (1967).

14. Đức Đông Phương Chương Quán,
Đạo Lý 51, tr. 58, Hườn Cung Đàn,
08-01 Canh Tuất (1970).

LUÂN LÝ NHO GIÁO

■ TU SINH LƯƠNG THỊ PHI YẾN

■ LỜI GIỚI THIỆU

Để đạt được cứu cánh “Thế Đạo Đại Đồng”, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra con đường “Nho tông chuyển thế” như là một sứ mạng giúp cho nhân sanh thấy được việc thực hành luân lý Khổng giáo chính là giải pháp tối ưu để làm thay đổi cuộc diện thế giới nhân loại đang đứng trước nguy cơ tận diệt hiện nay.

Nhưng dưới con mắt của con người ngay nay, đặc biệt là giới trẻ, Nho giáo chỉ là mớ lý thuyết khô khan, lỗi thời, không còn thích hợp với thời đại văn minh khoa học và thậm chí còn làm chậm bước tiến của xã hội hiện đại, một xã hội mà mọi giá trị đều được quy ra thành những con số rõ ràng hoặc thành những tiện ích vật chất cụ thể. Đó chính là lý do mà Thiêng Liêng dạy Tập đoàn Giáo sĩ phải đưa môn Nho giáo vào giáo trình dạy các lớp Tu sĩ với thời lượng tương đương với môn Cao Đài giáo nhằm để đào tạo một thế hệ truyền giáo tiếp nối có khả năng thực hiện sứ mạng thiêng liêng, xây dựng một xã hội đại đồng Thánh đức.

Tu sinh Lương Thị Phi Yến đang theo học lớp Tu sĩ khóa 2 tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, được các Giáo sĩ dạy môn Nho giáo hướng dẫn viết bài thu hoạch về chương “Luân lý Nho giáo”, đã thể hiện sự hiểu biết về vai trò và vị trí của Nho tông.

Xin cảm ơn Tu sinh Phi Yến đã tiếp thêm lửa cho quý huynh tử giáo sĩ hướng dẫn và tạo được niềm tin mạnh mẽ vào thế hệ tiếp nối cho những người đang thiết tha với tiền đồ Đại Đạo.

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả Nội san Cao Đài Giáo Lý bài “Luân lý Nho tông” của Tu sinh Lương Thị Phi Yến.

■ BAN GIẢNG HUẤN LỚP TU SĨ 2. ■

Xuất hiện từ rất lâu, Nho Tông, chính xác là Khổng giáo, đã trải qua bao cuộc thăng trầm theo sự biến dịch của Trời Đất, biến thiên của lịch sử nhưng Luân lý Khổng giáo vẫn hiện hữu. Giáo lý Khổng giáo đã, đang và sẽ luôn là ngọn đèn soi rọi cho các thế hệ nhân sinh trên con đường ổn định xã hội loài người và tiến hóa tâm linh. Xã hội càng văn minh, tiến bộ thì tâm linh con người lại càng cần và khát khao tiến hóa để quân bình cho cả hai mặt nhân sinh và tâm linh. Vì sự khát khao đó của toàn thể nhân loại, ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Nho Tông chuyển thế lập trường,

Tam Tông quy hợp mở đường chân tông.¹

Với tôn chỉ của Đại Đạo là “Tam Giáo quy nguyên” nhưng “Nho Tông chuyển thế” không đơn thuần là một giáo điều trong hệ thống Tam Giáo mà được nâng lên thành sứ mạng cao quý. Thực hiện sứ mạng không phải để biến Khổng giáo trở thành tôn giáo có những giáo đường nguy nga lộng lẫy, có số lượng tín đồ đông đảo hay để người người đều thuộc nằm lòng Tứ Thư–Ngũ Kinh mà là biến giáo đường trở thành vô số trường học dạy con người những điều hay lẽ phải, giáo đường là những mái nhà yên ấm hạnh phúc; là quốc gia giàu mạnh ổn định; là xã hội nhân loại thái bình, trong đó, mỗi một con người biết thực thi luân thường đạo lý, chánh danh định phận và thương yêu lẫn nhau. Để thực hiện sứ mạng cao quý này, hiểu và thực hành luân lý Khổng giáo là điều không thể thiếu.

1. Đức Lý Giáo Tông; Chí Thiện Đàn, Tuất thời, 26–8 Nhâm Tý (3–10–1972).

Luân lý Khổng giáo không phải là những giáo điều quá sâu xa, huyền bí, cao siêu, khó hiểu, khó thực hiện, hóa ra lại rất gần gũi, trước là dạy cho con người những “lẽ sống trong thường nhật”, sau là đưa con người lên con đường huyền nhiệm Trung Dung để giải thoát. Chính con người chứ không ai khác là đối tượng trọng tâm của Khổng giáo, con người chính là trung tâm tạo nên sức sống cho toàn thể xã hội nhân sinh và rộng hơn là vũ trụ vạn vật. Thật vậy, Lễ Ký có viết:

“Nhơn giả, kỳ Thiên Địa chi đức, âm dương chi giao, quý thần chi hội, ngũ hành chi tú khí”, con người với sắc vóc nhỏ bé yếu ớt nhưng lại được định nghĩa là đức của Trời Đất, giao điểm của âm dương, nơi hội tụ của quý thần, tinh túy của ngũ hành.

Chính nhờ thọ bẩm cái “minh đức” mà giá trị con người trở nên vô cùng cao quý, muốn được thể con người cần phải tiến hóa đến chỗ chí thiện, chí mỹ. Con người trong Khổng giáo trước khi xuất thế, phải là con người nhập thế bằng một thái độ tích cực vì con người không phải sống cá nhân riêng lẻ mà được đặt trong nhiều mối quan hệ: bản thân, gia đình, quốc gia, xã hội nhân loại và vũ trụ vạn vật. Dù được đặt trong mối quan hệ nào, trong hoàn cảnh nào thì con người cũng phải làm tốt vai trò của mình trong vị trí đó. Chính vì lẽ đó Đức Khổng Tử đã từng nói: “Vi nhân nan, vi nhân nan” (làm người thật khó, làm người thật khó), nhưng không vì thế mà cho rằng các mối quan hệ là gánh nặng ràng buộc con người vào lễ giáo khắc nghiệt, phong kiến bảo thủ mà chính khi con người được đặt trong những mối quan hệ đó thì giá trị con người mới được thể hiện thiêng liêng và rõ ràng nhất.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không thể đạt được mục đích “Thế Đạo Đại Đồng – Thiên Đạo Giải Thoát” nếu như từ trong bản thân con người vẫn còn “bất ổn”, vai trò Khổng giáo trong lúc này lại nổi bật hơn hết nhằm giúp tái lập sự an định, trật tự cho bản thân và vũ trụ

vạn vật. Con người mà Khổng giáo hướng đến là người quân tử – là người có đức hạnh, sáng suốt, hành động luôn nhắm đến điều đạo lý và khi đã thấu suốt được lẽ huyền vi của Trời Đất, đủ khả năng nối kết cùng Trời Đất thì tiến lên thành bậc Thánh nhân. Thánh nhân là những người đã thể hiện được sự toàn thiện, các Ngài sống hoàn toàn phù hợp với Thiên lý. Thành quân tử đã khó, thành Thánh nhân lại càng khó hơn, thực hiện các luân lý chính là phương thức để giúp con người trở thành người quân tử.

Đầu tiên chính là thực hiện luân lý nơi chính bản thân mỗi người. Luân lý nơi bản thân không đòi hỏi con người phải làm những công việc thật vĩ đại, lớn lao như đời non lấp biển nhưng cũng không phải sống cuộc đời buông trôi, tạm bợ cho qua ngày, mà cuộc sống phải thật có ích cho bản thân và mọi người. Dám đối diện với chính mình, nghiêm khắc, sửa đổi chính mình, đó chính là quá trình tu thân.

*“Thành giả, Thiên chi Đạo dã. Thành chi giả, nhân chi Đạo dã.”*²

Hoàn toàn chí thành, chí thiện vốn là Đạo Trời, tự tu thân để trở nên hoàn thiện giống như vậy ấy là Đạo người. Vậy tu thân chính là sửa mình trở nên hoàn thiện, sống hợp với đạo lý. Tu thân là việc không chỉ dành riêng cho bậc trí thức hay hiền nhân mà ai cũng cần phải tu thân. Đức Khổng Tử đã từng dạy: “Hữu giáo vô loại”,³ bất cứ loại nào cũng có thể dạy. Vậy thì, bất cứ ai cũng có thể học, ai cũng có thể tu thân được.

Trung Dung đã tóm tắt quá trình tu thân như sau:

*“Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.”*⁴

Học cho rộng, hỏi cho cùng, nghĩ cho kỹ, lý luận cho sáng tỏ, làm cho siêng.

Hay:

“Háo học cận hồ trí. Lực hành cận hồ nhân.”

2. Trung Dung, XX.

3. LN, XV, 38

4. Trung Dung, XX.

*Tri sĩ cận hồ dưng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân.*⁵

Càng ham học hỏi nghiên cứu thì gần với đức trí. Ra sức làm lành thì gần đức nhân. Biết xấu hổ thì gần đức dũng. Biết ba việc ấy, ắt biết tu thân.

Qua đó thấy rõ: muốn tu thân trước tiên phải là con người hiếu học.

Lễ Ký viết: “*Nhân bất học bất tri đạo.*”

Người mà không học thì không thể biết điều đạo lý. Học là để giáo dục, trau sửa bản thân trở nên con người đức hạnh vẹn toàn chứ không cầu việc mưu sinh, công danh phú quý hay để được văn hay chữ tốt.

Tử viết: “*Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập. Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã.*”⁶

Đừng lo không có chức vị, hãy lo không đủ tài đức để lãnh chức vị mà thôi. Đừng lo người ta không biết mình, cầu làm sao cho mình trở nên tài giỏi đáng cho người ta biết mình. Việc học không nhằm mục đích đạt được chức vị hay vì tiếng tăm của bản thân mà cốt yếu là trở nên tài giỏi và đức độ.

Biển học rất rộng lớn. Dầu là bậc Thánh nhân nhưng Đức Khổng Tử khi xưa cũng rất am tường và coi trọng về: *lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số*, chính vì thế Ngài có dạy: “*Văn chất bản bản, nhiên hậu quân tử*”⁷, vừa chất phác thật thà nhưng cũng phải có văn vẻ để tạo nên sự phong phú cho tâm hồn, đó mới trở nên người quân tử.

Ngài còn dạy: “*Mẫn nhi háo học, bất sĩ hạ vấn.*”⁸ Thông minh, hiếu học thì không thẹn hỏi kẻ dưới mình. Không hề có sự phân biệt tuổi tác hay giai cấp trong việc học nên đừng xấu hổ hay để sự cao ngạo làm hạn chế việc học của bản thân. Cũng như hoàn toàn có thể học hỏi từ bạn bè, Tăng tử có viết: “*Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ*

hữu phụ nhân”⁹, quân tử lấy văn để hội tụ bạn bè, bạn bè có thể giúp nhau nên Nhân.

Nhưng tốt cùng của việc học không chỉ là học chữ nghĩa từ sách vở từ bạn bè hay học cách cư xử, học cách ăn uống, đi đứng... mà là học Đạo Phối Thiên.

“*Triều văn Đạo, tịch tử khả hĩ.*”¹⁰

Cái Đạo mà sáng học, chiếu chết cũng cam lòng thì đó không đơn thuần là đạo lý bình thường. Đó chính là đạo Trung Dung giải thoát mà Đức Khổng Tử đã ẩn áo khi Ngài còn sống.

Đã học thì phải suy gẫm đó là thái độ học tích cực. Khi suy tư là ta đang phân hóa và chuyển hóa những kiến thức vào chính trong con người ta. Thầy giáo có thể truyền đạt kiến thức cho ta, sách vở có thể bổ sung chữ nghĩa cho ta nhưng tất cả đều không suy nghĩ giúp đỡ cho ta được, suy gẫm chính là quá trình tự học ở mỗi người. Chỉ có sự suy tư, tìm tòi mới giúp thấu suốt mọi lẽ, mới rõ ràng mọi việc. Vậy điều gì đã khiến ta học, suy gẫm mà không mệt mỏi? Đó chính là tìm được niềm vui trong sự học. Trong việc học, cần hiểu để thấy được cái hay, thấy hay thì sẽ vui, có vui thì sẽ say mê, đã say mê rồi thì thành công sẽ không xa. Công việc mà chúng ta làm một cách say mê sẽ ít nhọc nhằn hơn là làm một cách chán chường. Chính niềm vui, sự say mê sẽ giúp cho ta vượt qua những điều khó hiểu khi học và ngay cả những khó khăn do ngoại cảnh mang đến. Bên cạnh đó, không nên đi sâu vào những học thuyết mà quên việc thực hành. Cuối cùng của việc học cũng là để hành động. Hành để ứng dụng việc học và thể hiện sự hữu ích của việc học. Học mà không hành thì sự học dần dần cũng sẽ mai một đi. Thực hiện những gì mình đã học, được biến những điều mình học thành hành động, ngẫm nghĩ đó là điều rất hạnh phúc.

“*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ.*”¹¹

5. Trung Dung, XX

6. LN, IV, 14.

7. LN, VI, 16.

8. LN, V, 14.

9. LN, XII, 23.

10. LN, IV, 8.

11. LN, I, 1.

Nếu như tột cùng của việc học là học Đạo Phối Thiên thì rốt ráo của việc hành là noi theo Trời mà hành sự. Kinh Dịch–Đại Tượng Truyện, Quẻ Kiển viết: “*Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất túc.*” Trời vận hành vũ trụ vạn vật rất mạnh mẽ, người quân tử noi theo đó mà tự mình hành động một cách mạnh mẽ không lúc nào ngừng nghỉ.

Bên cạnh đó, muốn thành công trong công việc, từ đầu tất phải lập chí và bền chí. Lập chí là sự định hướng tư tưởng nhắm đến một mục đích, hoài bão nào đó và để hết tâm ý mà kiên trì thực hiện cho đến khi thành công, chứ không phải khi vui đâu thì làm đó, đến lúc buồn thì bỏ dở.

Người xưa có câu: “*Hữu chí giả, sự cánh thành.*” Thành công là kết quả của sự cố gắng và trì chí chứ không do khối óc thông minh, sở học cao rộng hay trí nhớ dẻo dai vì tất cả điều đó sẽ vô nghĩa khi ta gặp khó khăn, thiếu nghị lực và chán nản. Nhưng lập chí phải hướng đến những điều đạo đức, tốt đẹp như: chí vụ học, chí ư đạo, chí ư nhân... Muốn hiểu biết phải lập chí mà học, muốn thực hiện hoài bão thì phải lập chí để hành, muốn thành người quân tử thì phải lập chí tu học và trở nên đạo đức, muốn có Nhân thì phải lập đại chí thành Nhân, lấy nhân loại làm sự nghiệp. Và khi vi Nhân chính là khi ta thực hiện được luân lý nơi bản thân mình. Nhân được xem như là gốc lớn của sự sinh hóa trong trời đất cho nên Khổng Giáo lấy Nhân làm tôn chỉ, là cái đích tu dưỡng nơi con người. Đức Nhân là tài sản vô giá và là thước đo sự cao quý nơi con người nên người không bao giờ được rời xa Nhân.

“*Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân. Tháo thứ tất ư thị, điền bài tất ư thị.*”¹²

Người quân tử trong bữa ăn cũng không trái nhân, vội vàng cũng phải theo nhân, hoạn nạn cũng phải theo nhân. Hễ theo Nhân thì làm việc gì cũng đúng đạo lý, hợp Thiên lý. Nhân là “ái

nhân”, chính vì yêu người nên những gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác “*kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*”¹³ hay là “*kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân*”¹⁴, mình muốn được gì thì cũng làm như vậy cho người khác, muốn như thế thì bản thân phải tập lần “*khắc kỷ*” và “*phục lễ*”. Lòng Nhân nơi con người phải là cái vô hạn, vừa sâu mà phải vừa rộng. Nhân nơi luân lý bản thân không có nghĩa hạn hẹp là yêu thương bản thân mà để hoàn thiện bản thân để bắt đầu bước ra gia đình, xã hội mà thực hiện Nhân.

Theo lẽ thường, con người phải yêu thương cha mẹ anh em rồi mới có lòng nhân với những người khác vì gần gũi, gần bó với bản thân mỗi người nhất đó chính là gia đình – một tổ hợp mà thiên nhiên đã gắn kết. Luân lý gia đình được thực hiện dựa trên tâm tình và huyết thống, tức là trên tình yêu và tình máu mủ ruột thịt. Chính vì thế gia đình trở thành một trường học dạy nhân luân tốt nhất vì là nơi đầu tiên hình thành nhân cách của con người, nơi đầu tiên con người được giáo dục và cũng chính nơi đây là môi trường thực tập nhân luân thường xuyên nhất. Trong gia đình tồn tại rất nhiều mối quan hệ như: phụ–tử, huynh–đệ, phu–phụ.

Soán truyện, quẻ Phong Hỏa Gia Nhân có viết: “*Phụ phụ tử tử huynh huynh đệ đệ phu phụ phụ phụ nhi gia đạo chính, chính gia, nhi thiên hạ định hỷ.*”

*Cha hết nghĩa vụ làm cha, con hết nghĩa vụ làm con, anh hết nghĩa vụ làm anh, em hết nghĩa vụ làm em, chồng hết nghĩa vụ làm chồng, vợ hết nghĩa vụ làm vợ. Người trong một nhà, ai nấy cũng làm cho trọn nghĩa vụ người ấy, thời đạo nhà chính rồi, chính được một nhà xong, suy rộng ra cho khắp cả thiên hạ, cũng có thể bình định hết thủy.*¹⁵

13. LN, XII, 2.

14. LN, VI, 28.

15. Soán truyện, quẻ Phong Hỏa Gia Nhân; Chu Dịch–Phan Bội Châu.

12. LN, IV, 5.

Mỗi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm thực hiện “chính danh” và giúp nhau trở nên ngay chính, trở nên lý tưởng. Ta thử nhìn một mô hình gia đình lý tưởng mà Đức Khổng Tử đã từng dạy:

*“Phụ từ, tử hiếu; huynh lương, đệ đễ; phu nghĩa, phụ thánh; trưởng huệ, ấu thuận.”*¹⁶

Thật là đẹp biết mấy! Ở vai trò con cái thì phải hiếu thảo với cha mẹ; vị trí cha mẹ thì phải thương yêu, chăm sóc và trở thành tấm gương tốt cho con cái, muốn con hiếu hạnh cha mẹ phải là người hiền lương; anh em thương yêu, đùm bọc, che chở cho nhau; vợ chồng sống với nhau lấy lễ nghĩa mà xử sự. Có được như vậy, thì gia đạo mới chính, mà gia đạo có chính thì thiên hạ mới an bình. Tại sao vậy?

Vì gia đình là một quốc gia thu hẹp. Một người con hiếu thảo, sẽ trở thành một bầy tôi trung nghĩa. Anh em trong nhà, biết xử sự với nhau, trên kính, dưới nhường, đến lúc ra đến ngoài xã hội sẽ biết tôn trọng những bậc trưởng thượng, bảo vệ những người dưới mình. Chính vì vậy mà người xưa quan niệm rằng chẳng cần ra khỏi nhà mà vẫn làm được chính trị, người nào hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, thì hành được việc chính trị nơi nhà mình, đó cũng là làm chính trị rồi, đợi chi làm quan mới ra làm chính trị.

Tử viết: *“Duy hiếu, hữu vu huynh đệ, thì ư hữu chính. Thị diệc vi chính. Hề kỳ vi vi chín.”*¹⁷

Trong luân lý gia đình thì thực Hiếu Đạo là căn bản. Hiếu là gốc của con người, đứng đầu trong các đức hạnh.

*“Hiếu giả bách hạnh chi tiên.”*¹⁸

Công ơn sanh thành, dưỡng dục, chăm lo khi bệnh tật, dạy dỗ cho nên người của cha mẹ sâu nặng lắm thay, thế nên người con hiếu thảo phải ở với cha mẹ hết lòng tôn kính, nuôi cha mẹ thì hết lòng vui vẻ, cha mẹ đau

ốm thì hết lòng lo lắng, cha mẹ mất thì phải hết lòng xót thương, khi tế tự thì nghiêm trang hết mực.

*“Hiếu tử chi sự thân, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm.”*¹⁹

Hiếu còn là không để cha mẹ lo lắng cho mình, phải tự biết lo cho bản thân. Anh em hòa thuận thương yêu nhau, cha mẹ nhìn vào cũng vui lòng. Đôi khi, vâng lời nhưng cũng phải can gián một cách nhẹ nhàng bằng thái độ lễ phép, nếu như cha mẹ không thuận thì vẫn phải cung kính, không làm trái, có cực khổ cũng không than trách.

Tử viết: *“Sự phụ mẫu cơ gián. Kiến chí bất tùng, hựu kính, bất vi, lao nhi bất oán.”*²⁰

Và nếu như không được ở gần để chăm lo cho cha mẹ như lời Đức Khổng Tử dạy: *“Phụ mẫu tại, bất viễn du”* thì khi đi phải có mục đích, chủ trương, đường lối rõ ràng *“du tất hữu phương”*²¹ vì *“Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế. Dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã.”*²²

Không hề có một định nghĩa rõ ràng hay hành động cụ thể để nói về hiếu nhưng tựu trung vẫn là cốt ở tấm lòng chí thành chứ không chuộng phần hình thức, lấy lòng thành thật, cung kính, tùy hoàn cảnh mà thực hiện sao cho luôn giữ được đạo Nhân.

Quốc gia được hình thành bởi sự tập hợp nhiều gia đình. Luân lý quốc gia không hề xa rời luân lý bản thân và luân lý gia đình, ngược lại rất gắn bó.

*“Quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân.”*²³

Quan hệ quân–thần hay nhà lãnh đạo–dân được ví như mối quan hệ phụ–tử trong gia đình. Đại Học chương 10, Kinh Thi nói:

16. Lễ Ký, Lễ Vận.

17. LN, II, 21.

18. Tăng tử.

19. Hiếu Kinh.

20. LN, IV, 18.

21. LN, IV, 19.

22. Hiếu Kinh.

23. Mạnh Tử.

“*Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu*” – vui thay người quân tử, là cha mẹ của dân.

Điều gì dân thích, thì mình thích, điều gì dân ghét, thì mình ghét. Như vậy thì gọi là cha mẹ dân. “*Dân chi sở hiếu, hiếu chi, dân chi sở ố, ố chi. Thử chi vị dân chi phụ mẫu.*”²⁴

Trong luân lý quốc gia chủ yếu vẫn là việc tu thân và thực hiện chính danh, trước là ở bậc cầm quyền, sau là đến dân. Từ vua cho đến dân, ai ai cũng phải lấy việc tu thân làm gốc.

“*Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản.*”²⁵

Cả quân và thần, mỗi ngày mà biết chế ngự lòng tư dục, sửa đổi cho ngay chính theo những điều lễ tiết thì thiên hạ tự nhiên sẽ được cảm hóa mà theo điều Nhân.

“*Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên.*”²⁶

Đặc biệt, nhà lãnh đạo phải luôn là người đi đầu trong việc tu thân để làm gương

Tử viết: “*Chính giả, chính dã. Tử suất dĩ chính, thục cảm bất chính?*”²⁷

Việc cai trị là do nơi ngay thẳng mà ra, dạy dỗ cho dân trở nên ngay thẳng. Bậc đứng đầu trong dân mà đã ngay thẳng thì còn ai dám mà không ngay thẳng, đó là cách giáo dân tốt nhất. Trị dân phải lấy Lễ, lấy Đức, lấy Nhân mà trị. Nhà cầm quyền còn phải biết dùng người, trọng hiền, biết nghe lời can gián, không cố chấp.

Theo Đức Khổng Tử, việc chính trị có ba điều hệ trọng là: Thứ, Phú, Giáo.²⁸ Làm cho dân trở nên đông đúc; cuộc sống sung túc và dạy cho biết đàng lẽ nghĩa. Trước khi giáo dân thì dân phải có đủ ăn, đủ mặc thì mới có thể học được lẽ nghĩa. Nếu nhà cầm quyền chỉ biết gom góp thì:

“*Tài tụ tắc dân tán, tài tán tắc dân tụ.*”²⁹

Trị dân phải theo lối: “*Túc thực, túc binh, dân tín cật hĩ*”³⁰, lo cho dân đủ ăn, đủ binh và dân tin cật thì mới đủ. Điều quan trọng nhất là giữ được lòng tin của dân. Nếu bất đắc dĩ phải bỏ đi thì phải bỏ việc binh, kể đến là việc ăn, còn lòng tin của dân thì không thể bỏ.

Vậy thì làm dân phải chăng là sung sướng, thanh thoi và tránh được phần trách nhiệm?

Tử viết: “*Vi quân nan, vi thần bất dị.*” (Làm vua khó mà làm tôi cũng không dễ).

Thọ ân của quốc gia thì phải báo đáp, trước là tu thân để trở nên người tài giỏi, sau là hết lòng vì quốc gia mà phụng sự, đem tài đức để giúp dân, giúp nhà cầm quyền trong việc phát triển và bảo vệ quốc gia. Trong Nho Giáo Tâm Kinh có ghi:

“*Thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung.*”

Muốn vận mệnh của quốc gia được trường cửu thì trước tiên là ở tại lòng trung thành, hết mực phụng sự tận tụy cho nước, cho dân.

Vậy bề trên thì luôn lấy lễ mà sai khiến người dưới, kẻ dưới thì trung thành mà phụng sự người trên. Cả quân và thần lúc đó đều đã giữ trọn đạo của mình.

“*Quân sử thần dĩ lễ. Thần sự quân dĩ trung.*”³¹

Nếu cả quân và dân đều chính danh, đều thực hiện đúng bổn phận của mình thì:

Tử viết:

“*Kỳ thân chính, bất lệnh nhi hành.*”³²

Trên nếu người lãnh đạo đất nước ngay thẳng thì không cần ra lệnh, ép buộc, dân cũng sẽ ngay thẳng, phục theo mà không miễn cưỡng. Vì quân quyền không phải là dùng để cai trị mà để đi đầu trong việc làm gương và giữ kỷ cương cho cộng đồng quốc gia. Nhưng mối quan hệ quân–thần không phải dùng để phân biệt bên nào sang bên nào hèn, bên nào trọng bên nào khinh, bên nào có uy quyền, quyền lực hơn mà để thể hiện sự tương hỗ, tương thân, tương

24. Kinh Thi.

25. Kinh Lễ–Đại Học.

26. LN, XII, 1.

27. LN, XII, 16.

28. LN, XIII, 9.

29. Đại Học.

30. LN, XII, 7.

31. LN, XII, 7.

32. LN, XIII, 6.

ái cùng hướng đến một mục đích duy nhất là sự an lạc no ấm của dân và cường thịnh của quốc gia. Vai trò của người giữ quân quyền sẽ ảnh hưởng đến sự tiến bộ, vận mệnh của toàn thể xã hội, trị hay loạn đều do đó, nhưng trách nhiệm suy thịnh của đất nước không phải của riêng nhà cầm quyền hay của dân mà là của cả quân và dân.

Dân trong giáo lý của Đức Khổng Tử là đối tượng phải được yêu thương, quý trọng. Còn Thiên tử là một người đức hạnh tuyệt vời khiến trăm họ phải noi theo, là một nhà lãnh đạo sáng suốt, có mắt tinh đời, biết người, biết dùng người, trên thì được mệnh Trời, dưới thì được lòng dân, biết dạy dỗ và đem lại ấm no cho dân. Như vậy Thiên tử có trách nhiệm cả về vật chất lẫn tinh thần đối với dân. Đó là thay Trời mà lo cho dân.

Đức Khổng Tử ở vào một thời đại phong kiến, xã hội loạn lạc. Trong nước thì quan quân tranh giành địa vị quyền lực; kẻ dưới thì dòm ngó địa vị người trên, người trên thì hãm hại kẻ dưới. Bên ngoài, các nước chư hầu thì lấn le xâm chiếm đất đai, lãnh thổ của nhau. Chịu khổ nhất vẫn là dân chúng, đói rách, cơ hàn, thống khổ trăm bề. Chính vì thế, luân lý Nho Giáo không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia nhỏ hẹp. Mà mở rộng ra đến xã hội nhân sinh. Ngài đã nhìn thấy được cái loạn và cái khổ trong toàn thể nhân sinh, Ngài cũng nhìn ra là mọi người vẫn còn gắn kết với nhau bởi “tình nhân loại”, lòng nhân ái phải là lòng của cả nhân loại, chính vì thế mà Ngài đã không được vua các nước chư hầu trọng dụng vì không thể đáp ứng được yêu cầu cấp thiết là dùng cường bạo chỉ để thống nhất về mặt lãnh thổ, đem về lợi chỉ cho dân chúng của riêng nước mình mà quên đi sự đau khổ mất mát của dân chúng nước khác.

Lễ ký: “*Thánh nhân hay lấy thiên hạ làm một nhà.*”

Sự góp phần lớn lao nhất cho đời sống nhân loại không phải là sự đầy đủ tiện nghi về mặt

vật chất, công trình thế kỷ được xây dựng to lớn, hay những phát minh khoa học vĩ đại mà chủ yếu là đem đến đời sống an lạc, hoàn hảo cho nhân loại. Đó là khát khao của loài người: “*thiên hạ thái bình, văn minh đạo đức.*”

Nền tảng của xã hội nhân sinh phải được đặt trên đức Nhân, đó cũng chính là Thiên Tánh– điểm chung giống nhau Tạo hóa ban cho mỗi người– để nối kết con người với con người. Sự tồn tại và phát triển của xã hội chính là kết quả của giáo dục, lễ nghĩa và thực hiện chánh danh để có thể đi đến “*tứ hải chi nội giai huynh đệ gia.*”³³

Là một phần tử trong xã hội nhân sinh, chúng kiến sự loạn lạc, thái độ của ta phải chăng là chán chường mà ẩn dật?

Tử Cống viết: “*Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư, cầu thiện giá nhi cố chư?*”

Tử viết: “*Cố chi tai! Cố chi tai! Ngã đãi giá giả dã.*”³⁴

(Tử Cống hỏi: Ở đây có viên ngọc đẹp, nên cất giấu vào rương hay cầu giá đắt mà bán đi? Đức Khổng Tử trả lời: Bán đi chứ! Bán đi chứ! Ta đang đợi giá đây).

Đức Khổng Tử chủ trương: nếu là người có tài đức thì hiển nhiên phải quay ra mà giúp đời nhưng không vì nóng lòng mà vội vàng, phải chọn cho đúng đường mà đi, đúng thời mà làm, đúng người mà theo. Tất cả đều nhắm đến “*thân dân*” và “*chí thiện*”. Hãy đem bản thân mà đổi mới con người sao cho đạt đến đạo đức hoàn mỹ mới thôi.

Bao năm học tập và bốn ba chu du các nước chư hầu, chí nguyện của Đức Khổng Tử chỉ là “*lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi.*”³⁵ Thật giản dị! Đó là cảnh thiên hạ thái bình: đem an vui cho người tuổi già, đem niềm tin cho bạn bè, đem hoài bão cho người tuổi trẻ.

33. LN, XII, 5.

34. LN, IX, 12.

35. LN, V, 25.

Nhưng bên ngoài xã hội nhân sinh hữu hạn, vẫn còn vũ trụ vạn vật bao la vô hạn. Chính trong cái bao la vô tận này mà con người mới nhận rõ được địa vị, chân giá trị của mình. Con người vốn được thọ bẩm “Thiên mệnh” nên linh tánh hơn hẳn mọi loại sinh vật, có đầy đủ các tố chất để có thể vận hành cùng vũ trụ, góp phần vào cơ sanh hóa dưỡng dục của Trời Đất, giúp duy trì và phát triển cõi hữu vi. Với vũ trụ vạn vật bên ngoài, thực hiện luân lý chính là giúp cho mỗi đơn vị trong vạn vật được phát tiết hết tinh hoa và chu toàn hết những chức năng tự nhiên vốn có để trở nên hoàn hảo, hỗ trợ lẫn nhau trong cơ sinh tồn và tiến hóa.

“Vũ trụ nội sự nãi kỳ phận nội sự. Kỳ phận nội sự nãi vũ trụ nội sự.”

Việc trong vũ trụ là việc trong bốn phận mình; việc trong bốn phận mình chính là việc ở trong vũ trụ.

Nhưng ngoài vũ trụ bao la bên ngoài vẫn còn có tiểu vũ trụ ẩn áo bên trong mỗi con người. Vậy làm sao để có thể thực hiện luân lý nơi vũ trụ vạn vật bên trong ấy?

Mạnh Tử nói: *“Vạn vật giai bị ư ngã, phần thân nhi thành, lạc mạc đại yên.”*

Vạn vật đều đầy đủ nơi bản thân ta, chỉ cần trở về đó một cách thành thật, thì còn gì vui bằng... Tìm về với Thiên tánh, sống đúng với bản chất đó là thuận theo Thiên mạng. Lúc này, con người đã tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để trở nên an nhiên tự tại, cũng là lúc con người hòa hiệp với vũ trụ, trở nên bậc Thánh nhân.

“Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tánh.

Năng tận kỳ tánh, tắc năng tận nhơn chi tánh.

Năng tận nhơn chi tánh, tắc năng tận vật chi tánh.

Năng tận vật chi tánh, tắc khả dĩ tán Thiên Địa chi hóa dục.

Khả dĩ tán Thiên Địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ Thiên Địa tham hĩ.”³⁶

Trong thiên hạ chỉ có bậc chí thành mới có khả năng biết tường tận cái bản tánh của mình. Biết tường tận bản tánh của mình thì mới có thể biết trọn vẹn bản tánh của người (vì mọi người đều giống nhau ở cái Thiên tánh). Đã biết rõ bản tánh của người thì có thể biết tường tận bản tánh của vật. Có thể hiểu biết tường tận bản tánh của vạn vật, thì có thể giúp Trời Đất trong việc nuôi dưỡng và chuyển hóa. Có khả năng góp phần vào công việc nuôi dưỡng và chuyển hóa của Trời Đất thì có thể tham dự cùng Trời Đất. Đó là ta đã thực hiện trọn vẹn luân lý nơi vũ trụ vạn vật.

Con người sống trong các mối quan hệ chằng chịt: bản thân, gia đình, quốc gia, xã hội nhân loại và vũ trụ vạn vật; phải thực hiện hàng loạt các nghĩa vụ, bổn phận, đó chính là sứ mạng vi nhân; và khi đã hoàn thành sứ mạng cao cả này thì con người đã đạt được trạng thái thông dong, tự do, tự tại vì đã hòa hợp được cùng Trời Đất.

Đức Khổng Tử từ xưa đã rất tin tưởng vào con người. Ngài tin con người hoàn toàn có thể trở thành bậc Thánh nhân. Ngài cũng tin nhân loại có thể đi đến thái bình. Đáp lại niềm tin đó, mỗi người chúng ta – những người học trò của Ngài trên đường thực hiện “sứ mạng Nho tông chuyển thế” phải minh chứng cho điều đó. Hãy làm sáng cái linh diệu, tinh anh của bản thân, để xoay chuyển thế đời, mang đến cho nhân sinh một sức sống mới, lập một xã hội đại đồng, an lạc trước vực thẳm điêu tàn của thời mạt kiếp.

“Sứ mạng Nho Tông chuyển thế” đã trở thành một đặc ân để tiến tới hoàn tất quá trình quy nguyên hiệp cùng Trời Đất trong Tam Kỳ này. Vậy còn chần chừ gì nữa mà mỗi người không bắt tay vào việc thực hành luân lý Nho Giáo để cùng nhau đạt được cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy muộn nhưng mà không muộn, bài học khi xưa một lần nữa đã được mở ra, chỉ chờ những môn sinh Cao Đài thực hiện mà thôi.■

36. Trung Dung, XXII

THẦN TIÊN THI DIỆU BÚT

■ ĐẠT TƯỜNG SƯU TÂM

**ĐẠO LÝ 78, TR.74 (ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG, TÂY
THÀNH THÁNH THẤT, 12—3 NHÂM TÝ, 1972)**

THI BÀI

HỘI kỷ niệm QUANH năm tái diễn,
GIÁO điều chung ĐƯỜNG tiến lối đi;
CAO quang MẮT dạng hồi quy,
ĐÀI sen trở dậy TRỖN đi lần dò.
TÁI xuất hiện CHUYỂN đồ độ thế,
PHỤC bản thân ĐỒ để vượt sông;
SANH vân CHIỀU uốn theo dòng,
HÒA bao tư tưởng SÓNG trong bể hoàn.
ĐỒNG đường lối BÙA tràn sóng đã,
NÊN Đạo khai BAO cả tam tông;
TÀNG nên DÒNG nước đục trong;
HIỆP hòa một chí GỌN lòng chẳng sanh.
TÂY hướng mạnh GIÓ gành khóa sóng,
THÀNH Nam xây HIU bóng trời chiều;
MỘT thân THÀNH quách đồ xiêu,
NGUỒN sông cửu khúc LŨY chiều xác xơ.
CHUNG tư tưởng ĐÁP bờ đạo đức,
CHẢY tuôn tràn XÂY bực bao vòng;
KHÔNG không TRÊN chiếc thuyền không,
CHIA tâm rẽ chí BÀI lòng khó phân.
GIỌT nước đổ CÁT quảng nổi cạn,
BAO bọc nền MÓNG dựng thác sanh;
MỐI giếng NÊN đạo đạt thành,
GOM về cội cả VŨNG sanh dân lòng.
VỀ nguyên thủy CHẮC đồng đường hướng,
TRƯỚC lóng nguồn ẤY trường dưỡng thanh;
LĂN nhau ĐỀ bảng sử xanh,
THANH tâm đạt mục TIÊU thành căn nguyên.
HƯỚNG đạo đức DANH hiền chạm khắc,
THIỆN lạc tôn LƯU đặc thiên niên;
BẢO toàn ĐỂ lại trần miên,
TÔN khai Thánh dụ LẠI truyền ban ra.
TÂM đảo lộn ĐỜI là tâm tạng,
ĐẠT Thánh môn GHI bảng Đài Cao;
LẤY lòng TẠC khắc Ai Đào,

CHƯƠNG để một đoạn CHẶN vào điểm tồ.
TRÌNH độ nào NÚI xô sông lấp,
QUY nẻo nào NGĂN lấp đời tàn;
NHỨT hào NGANG trái chứa chan,
CHÍ hùng quật khởi KHUẤT màn vệt minh.
PHÂN đây đó BÓNG hình một thể,
HÀNH tiếng tiêu THIÊU để trở lên;
ĐI trong SANH kế xây nên,
VÀO đường hướng lập NGHIỆP nên thế tàn.
NÈO vinh hư VẢY tràn đạo dụng,
TẮT con đường VÙNG (dùng) đúng nhưn tâm;
BÌNH tâm ĐÂY để tri tâm,
MINH khai chánh pháp SÓNG trăm vượt lên.
LỘ ánh sáng TẠM đèn bóng nguyệt,
CHẠY theo đường ANH kiệt lưu danh;
THẰNG vùng HÙNG chí đạt thành,
CON tâm chẳng loạn TẠO sanh nghiệp trần.
ĐƯỜNG Đại Đạo ĐỨC ân Từ Phụ,
CHỖ phân vân ĐẠO đủ tam quyền;
LỘN về QUY hiệp một thuyền,
QUANH trong Đại Đạo ĐIỀU thiên luật để.
Vậy bài này khoán thủ, khoán tâm thuận
nghịch, chiết thành thi.

CHIẾT KHOÁN THỦ

Hội giáo Cao Đài tái phục SANH,
Hoà đồng nền tảng hiệp Tây THÀNH;
Một nguồn chung chảy không chia giọt,
Bao mối gom về trước lẫn THANH.
Hướng thiện bảo tồn tâm đạt lấy,
Chương trình quy nhứt chí phân HÀNH;
Đi vào nẻo tắt bình minh lộ,
Chạy thẳng con đường chỗ lộn QUANH.

CHIẾT KHOÁN TÂM THUẬN

Quanh đường mất trốn chuyển đồ CHIỀU,
Sóng bủa bao dòng gợn gió HIU;
(XEM TIẾP TRANG 85)

Chia Sẻ kinh Nghiệm ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI

■ HUYỆ Ý

Thực hiện sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song song với việc hoằng giáo độ nhơn, vấn đề đào tạo thế hệ tiếp nối kế thừa, phát triển Đạo nghiệp là việc làm tất yếu không chỉ của các Hội Thánh mà cả các Thánh thất, Thánh tịnh. Tuy nhiên, cho đến nay, công việc này vẫn chưa được quan tâm đúng mức...

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Cái khuyết điểm là Thánh đường hiện nay rất nhiều, từ Tòa Thánh, Hội Thánh đến Thánh thất Thánh tịnh. Đáng lý ra những nơi này phải là nơi dùng làm trường đạo giáo dân, trong lúc đó chỉ có một ít hành động, lấy tỷ lệ như những hạt cát trong bãi sa mạc. Đừng quan niệm xây dựng Thánh thất và kiếm được một người thủ tự để bốn thời quỳ hương cúng nước là đủ. Thượng Đế

Chí Tôn không bảo làm việc quá nghèo nàn ít oi như vậy.

Vì như đã nói: Thánh thất là trường giáo dân, ngoài chỗ thờ phượng tôn nghiêm đơn giản, nếu mỗi Thánh đường dùng mọi trang trí lộng lẫy huy hoàng tôn nghiêm tráng lệ mà chung quanh vùng đó chưa có nhiều người vào đạo, hiểu đạo, thậm chí đến con em trong gia đình hướng đạo cũng không được sự dạy dỗ đạo lý, đó là trái với mục đích mở đạo của Thượng Đế Chí Tôn.(...)”¹

THÁNH SỞ LÀ TRƯỜNG GIÁO ĐẠO.

Tuân hành lời dạy này, mỗi Thánh thất, Thánh tịnh phải là một trường giáo đạo với việc làm cụ thể như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

1. Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

“Bản Đạo muốn thấy mỗi một Thánh thất Thánh tịnh ý thức thể hiện được một hình thể tạm gọi là trường giáo dân.

1. Trước nhất là giáo dục con em trong gia đình đạo hữu để làm đà tiến cho các lãnh vực rộng rãi khác trong khuôn viên đạo đức.

2. Mỗi Thánh thất Thánh tịnh hoạch định một chương trình hành đạo tối thiểu để có việc cho mọi người cùng làm, cùng vui, cùng hứng thú trong nếp từ hòa đạo đức. Khi cần đi đây đi đó là để liên giao hoặc học hỏi thêm.

3. Còn điều căn bản là sở tại địa phương nào phải lo theo địa phương ấy trong đường hướng đào tạo mầm non hướng đạo tương lai, đừng bao giờ quan niệm rằng ngôi không chờ ngày Chí Tôn vận hành cho cơ đạo thành. nếu không có lớp người căn

bản nòng cốt, không chương trình ý thức đào tạo mầm non, chẳng những đạo không phát triển khai phóng mà trái lại thối lùi là khác.”²

Như vậy, có thể hình dung, tại những ngôi trường này:

- Vị Đầu họ đạo là Hiệu Trưởng,
- Vị Chánh Hội Trưởng là Giám Học,
- Các vị chức sắc, chức việc còn lại là giáo viên.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy: “*Thượng Đế vì nhơn sanh mà mở Đạo. Tam Giáo Thánh Nhơn vì nhơn sanh mà giáo Đạo, thì các em là hàng hưởng đạo phải vì nhơn sanh mà hành Đạo, truyền Đạo.*”³

Tuy nhiên, để thực hiện thành công mọi chương trình kế hoạch, yếu tố quan trọng là con người. Tạo tăng rồi mới tạo tự thì cơ đạo mới ổn định, thường chúng ta làm ngược lại tạo tự rồi mới tìm tăng nên chương trình bị hụt hẫng, chưa kể có thể khó thành công.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“*Chư hiền đệ, muội hãy về lo cố gắng tu công lập quả và nên nhớ rằng:*

- *tạo tự thì dễ,*
- *tạo tăng thì khó.*

Muốn tạo tự, trước hết chư

2. Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

3. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 02-9 Nhâm Tý (08-10-1972).

đệ, muội hãy học làm tăng đi đã. Chư Hiền suy nghĩ lời Bản Đạo mà hành.”⁴

HỘI THÁNH LÀ BỘ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO, ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Trong việc tạo tăng, có thể nói, vai trò và chức năng của Hội Thánh là:

1. Bộ Giáo Dục Đào Tạo (trong cửu viện của Tòa Nội Chánh có Học Viện),
2. Đại Học Sư Phạm (cụ thể là Hạnh Đường⁵ để đào tạo giáo viên là các Chức sắc, Chức việc).

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo từ lâu đã dạy:

“*Hồi chư chức sắc nam nữ!*

Những điều chư hiền mong Bản Đạo giải quyết, Bản Đạo khuyên chư hiền trong tình cảnh ngày nay, Hội Thánh chỉ nên dốc cả toàn lực vào những điều hệ trọng liên quan đến cả nền Đạo:

1. *lo hướng dẫn tín đồ*
2. *xây dựng các cơ sở*⁶
3. *đào luyện giáo sĩ, kịp thời ứng dụng các công cuộc truyền đạo, hành đạo tương lai.*”⁷

Thực tế, ngày nào chưa thống nhất được nền Đạo thì

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng 7 Quý Sửu (13-8-1973).

5. Trước 1975, Tòa Thánh Tây Ninh đã mở hạnh đường cho: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, Lễ Sanh, Giáo Hữu.

6. Thiên Lý Đàn, 10-8 Quý Mão (27-9-1963).

7. Thiên Lý Đàn, 10-8 Quý Mão (27-9-1963).

việc đào tạo vẫn chưa đủ tâm, lực để thi hành. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“*Một nhu cầu cấp thiết rất đáng sớm được xướng minh, nhưng than ôi, có pháp thiếu người, có người thiếu sức, có sức thì lại bị phân tán tiêu hao.*

*Trong ba mươi sáu năm khai đạo, nào bên ngoài chịu đựng với cường quyền lấn át, bên trong phung phí vào việc lập phái phân chi, còn đâu sinh lực để đào tạo nhơn tài, xướng minh chánh đạo!”*⁸

Về cơ sở đào tạo “Tu Xá”, Ôn Trên dạy:

“*Việc tu xá: các hiền ý thức tu xá là nơi sống chung tập thể,*

- *dành cho những tu sĩ hy sinh, dâng mình phục vụ Hội Thánh,*
- *là nơi rèn luyện các giáo sĩ hướng đạo và cán bộ xã hội,*
- *các tu sĩ sau này có thể nhập vào tịnh đường mật thất, theo tinh thần đó lập nội quy.”*

MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI

1. THUẬN LỢI

Có sự hợp tác giữa hai cõi sắc không

PHẦN THIÊN

Ngay từ khi tổ chức việc đào tạo thế hệ tiếp nối tại Cơ Quan

8. Thiên Lý Đàn, 10-8 Quý Mão (27-9-1963).

Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ,
Ởn Trên ban cho hệ thống
chương trình đào tạo trong
cầm nang gọi là LỊCH TRÌNH
HÀNH ĐẠO.

PHẦN NHƠN

Thuận lợi nữa là khi bắt
đầu, đã có những vị lãnh đạo
Cơ Quan như Đạo Trưởng
Huệ Lương Trần văn Quế
(nay là Đức Quảng Đức Chơn
Tiên) và các Đạo trưởng Địa
Châu (Nguyễn Văn Trương),
Chơn Tâm (Nguyễn Triều
Kha) vừa dạy học ngoài đời,
vừa nghiên cứu và giảng giáo
lý trong đạo nhiều năm, triển
khai Lịch Trình Hành Đạo
thực hiện ngay cho nhân viên
các cấp.

Làm sao đào tạo thế hệ
kế thừa là mối ưu tư quan
trọng của Đạo Trưởng và
Ban Thường Vụ Cơ Quan nói
chung. Thấu hiểu tâm tư này
Đức Giáo Tông Vô Vi Đại
Đạo dạy:

*Tre cần côi dẫn đo mai hậu,
Mãng mun còn kết cấu
tinh anh,*

*Học tu giữ vẹn tánh lành,
Đó là cái đạo tài thành
tương lai.⁹*

Chư Tiên Bối ở côi vô hình
cũng cùng chung lo việc đào
tạo. Đức Tiên Bối Cao Triều
Phát dạy:

*Sắc không dù phải cách xa
nhau,*

Tâm sự người, ta có khác nào,

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm
tháng 7 Quý Sửu (13-8-1973).

*Những ngại tre tàn măng
chẳng mọc,*

*Vườn đời luống chịu cảnh
tiêu hao.¹⁰*

2. KHÓ KHĂN

Dù thuận lợi, nhưng việc
tiến hành trên thực tế vẫn có
một số khó khăn:

VẤN ĐỀ CHIÊU SINH

Tìm được một em có tâm
nguyện hiến dâng trọn đời,
luôn cả sự ủng hộ của cha và
mẹ không dễ chút nào. Chính
vì thế Đức Quảng Đức Chơn
Tiên dạy: *“mỗi năm dù chỉ có
một em cũng khai giảng khóa.”*
Cơ Quan không tổ chức lễ
nhập môn để thâm tín đồ, Cơ
Quan là của toàn Đạo, nên Cơ
Quan xin thưa *“chiêu sinh chứ
không chiêu dụ”*, mở rộng cửa
để nhận học viên.

VẤN ĐỀ GIẢNG VIÊN

Lớp Giáo Sĩ đầu tiên của
Cơ Quan do Đạo trưởng Huệ
Lương hướng dẫn. Ởn Trên dạy
phối hợp với Minh Lý Thánh
Hội và Hội Thánh Truyền Giáo
để hình thành Ban Giảng viên
chung. Các Khóa Giáo Sĩ sau,
Ởn Trên ban Thánh ý triển
khai mang tính phổ quát nên
dạy hiển huynh Huệ Thiện, đặc
trách Thanh Thiếu Niên:

*“Huệ Thiện! Hiến đệ hãy
thay mặt cho chúng Tiên
Huynh đến thỉnh... hiến đệ
Thiên Vương Tinh và các
vị Minh Lý Thánh Hội, Hội*

10. Nam Thành Thánh thất, 23-8
Canh Tuất (22-9-1970).

*Thánh Truyền Giáo để lo về
vấn đề huấn luyện giáo sĩ cho
các em Thanh Thiếu Niên
chọn lọc.”¹¹*

Minh Lý Thánh Hội cử
Đạo Trưởng Khai Sắc và sau
đó là Huynh Tường Khai, Hội
Thánh Truyền Giáo cử Giáo Sư
Trần Luyện và sau đó là Huynh
Trưởng Huệ Minh.

Các lớp hiến dâng trọn đời,
Ởn Trên chỉ ban ân cho các
anh chị giáo sĩ đàn anh hiến
dâng trọn đời hướng dẫn mà
thôi. Số anh chị đúng chuẩn
cũng đếm trên đầu ngón tay
nên phải gánh gồng *“vừa
học vừa dạy, vừa dạy vừa học
quanh năm suốt tháng.”*

THIỆU CƠ SỞ VẬT CHẤT

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại
Đạo dạy:

*Thiếu phương tiện luyện
thành cán bộ,*

*Nhiều nước phân mới trở
trái ngon,*

*Do người lòng dạ sắt son,
Mới nên sứ mạng, mới tròn
quả công.¹²*

Đức Chí Tôn dạy:

*Thầy không mượn lâu đài
chùa thất,*

*Mượn lòng con chân thật
mà thôi,*

*Không chức sắc, không vị ngôi,
Mà còn khổ cực, còn hồi
gian nan.*

*Trước liệu lượng sau toan
hứa hẹn,*

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-
02 Giáp Dần (07-3-1974).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý,
Rằm tháng 7 Quý Sửu (13-8-1973).

Lãnh linh Thầy đừng thẹn
với Thầy,
Thủy triều vận tải đông tây,
Danh con được rạng đạo
Thầy hoàng dương.¹³

TỔ CHỨC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CƠ QUAN

1. CHỨC NĂNG GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

Nhằm nâng cao mặt bằng
giáo lý, tâm hạnh mang tính
phổ thông cho con em trong gia
đình nhân viên Cơ Quan cũng
như của các đạo hữu. Ôn Trên
rất quan tâm đến vấn đề này:

*Cần lo việc nhập môn tổng
hợp,*

*Cho mầm non các lớp thiếu
niên,*

*Cha tu con phải được hiền,
Lập thành số bộ trò Tiên
đó là.¹⁴*

Đức Bảo Pháp Chơn Quân
Huỳnh Chơn dạy gia đình:

*“Sau cùng Bốn Huynh nhờ chư
hiền muội chuyển lời Bốn Huynh
đến hiền nương Diệu Lý, dặn hiền
nương và các con hãy bình tĩnh
trước mọi sự thử thách, lấy đạo
tâm làm thế tựa, và đem thẳng
Khải¹⁵ đến sinh hoạt thiếu nhi
với Thanh thiếu niên Cơ Quan
để tập lần nếp sống đạo đức.”¹⁶*

Từ thấp lên cao Cơ Quan có
các lớp:

1. VƯỜN ƯƠM: cho các em lứa
tuổi mẫu giáo.

2. LỄ NGHI ĐẠO ĐỨC: cho các
em cấp 1.

3. PHỔ HUẤN: cho các em cấp
2 + 3. (sau lớp này các em có
tâm nguyện hiến dâng trọn đời
sẽ theo học lớp tu sĩ).

4. Bồi dưỡng giáo lý cấp 1:
cho nhân viên đã trưởng thành.

5. Bồi dưỡng giáo lý cấp 2:
cho nhân viên đã trưởng thành.

Ngoài những lớp học mang
tính hệ thống, Cơ Quan còn
tổ chức:

- Thuyết minh giáo lý mỗi
Rằm, mừng Một.
- Đạo đàm hằng tuần để bồi
dưỡng vừa kiến thức tổng
quát vừa giáo lý, đồng thời
tạo cơ hội cho nhân viên
Cơ Quan thực tập thuyết
trình, thảo luận trao đổi
ý kiến về các vấn đề phục
vụ việc tu học.

2. CHỨC NĂNG ĐÀO TẠO

Đây là chương trình đặc biệt
tiến hành theo lời dạy của Ôn
trên trong “LỊCH TRÌNH HÀNH
ĐẠO” để thực hiện hai lãnh vực
phổ thông giáo lý: siêu đẳng
đạo mẫu và thế sự nhân tình.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại
Đạo dạy:

*“Cần nhớ thực hiện hai điểm
chánh nữa như sau:*

1. *Phổ thông giáo lý siêu đẳng
đạo mẫu để cứu rỗi về mặt tinh
thần hay linh hồn.*
2. *Phổ thông giáo lý về thế sự*

*nhân tình và những điều thiết
thực hữu ích cho thể chất hay là
xác thân.*

*Thanh thiếu niên là mầm
bất diệt,*

*Trái ngon nhờ người biết
gieo trồng,*

*Đạo mẫu hòa điệu quốc
phong,*

*Tương lai nếu có nhờ trong
hội này.¹⁷*

Các bậc đào tạo từ thấp lên
cao có:

1. Tu sĩ:¹⁸ 4 năm
2. Giáo sĩ: 6 năm
3. Phó Ban:¹⁹ 2 năm.
4. Trưởng Ban.
5. Vụ Trưởng.

Cơ Quan chỉ mới đào tạo
đến Phó Ban.

Mỗi danh xưng thể hiện một
nội dung đào tạo và một cương
vị trách nhiệm chứ không phải
là chứng nhận văn bằng.

- Tu Sĩ có phương vị hành
đạo là giáo dân vi thiện.
- Giáo Sĩ và Phó Ban có
phương vị hành đạo là
hoàng nhân phổ hóa.
- Trưởng Ban là tư duy giáo
đạo (dạy tu sĩ).
- Vụ Trưởng là tư duy giáo
đạo (dạy giáo sĩ).

Trước đây chưa xác định
chuẩn tối thiểu về văn hóa

13. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất
Tỵ (02-02-1965).

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-
02 Giáp Dần (07-3-1974).

15. Tạ Đăng Khải: cháu nội của
Đạo trưởng.

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-5
Đình Tỵ (17-6-1977).

17. Ngọc Minh Đài, Rằm tháng
7 Bính Ngọ (30-8-1966).

18. Lớp Tu Sĩ đầu tiên do các ngài Địa
Châu và Chơn Tâm (nay là Đức Viên
Thông Chơn Tiên) hướng dẫn.

19. Tốt nghiệp thì về trí thức tương
đương cấp tiến sĩ về phương pháp và
nội dung học tập.

cũng như tâm đạo, nên sau 4 năm học lớp Tu Sĩ, sáu năm học lớp Giáo Sĩ, rồi nếu phát nguyện hiến dâng trọn đời thì Cơ Quan sẽ tấn phong Giáo Sĩ. Cách đào tạo này mở rộng đầu vào, nhưng cuối cùng đầu ra còn ít vì nhiều lý do.²⁰

Từ năm 2.000, bước vào thế kỷ 21, để nâng cấp chất lượng về văn hóa, nhứt là tâm hạnh, tiêu chuẩn vào học được nâng cấp ngay từ đầu:

1. Tu sĩ: muốn vào học phải hội đủ các điều kiện:

- Học vấn: tốt nghiệp tú tài²¹
- Tâm hạnh: tự nguyện hiến dâng trọn đời có sự đồng ý của cha và mẹ để phục vụ nhơn sanh và Đại Đạo.
- Kỹ luật: tuân theo sự dạy dỗ hướng dẫn của các Huynh, Tỷ phụ trách.
- Tuổi: 40 trở xuống và có đủ sức khỏe để học tập và đảm trách đạo sự được phân công.

2. Giáo sĩ:²²

Sau khi tốt nghiệp lớp tu sĩ hành đạo tích cực, hoàn thiện hơn nữa tâm, hạnh, đức, tài và chờ Ôn Trên ban ơn để học tiếp.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

20. Tu sĩ, Giáo Sĩ phải nhờ cơ duyên từ tiền kiếp và tự nguyện trong kiếp này.

21. Tốt nghiệp thì về trí thức tương đương cấp đại học về phương pháp và nội dung học tập.

22. Tốt nghiệp thì về trí thức tương đương cấp cao học về phương pháp và nội dung học tập. Cho đến năm 2000 Cơ Quan đào tạo được 5 khóa Giáo Sĩ (trung bình mỗi khóa 5 năm).

*Lớp Giáo Sĩ khá tua đào luyện,
Chọn mầm non tình nguyện
hiến dâng,*

*Tài nguyên tu sĩ tiến thân,
Nền trang hạnh đức mười
phân vẹn mười.²³*

Một số Giáo Sĩ được ban ân để phổ truyền lãnh vực thứ nhất, các Giáo Sĩ, Tu Sĩ, nhân viên nông cốt phổ truyền giáo lý lãnh vực thứ hai.

MÔ HÌNH ĐÀO TẠO

1. CHÍNH QUY

Trong tình hình chưa đủ cơ sở vật chất, chưa đủ giáo viên, Cơ Quan tập trung giảng dạy vào mỗi chủ nhật, sau đó là tự học, tự sưu tầm, biên khảo, trăn thuyết thêm ở nhà.

Cơ Quan không áp dụng mô hình đào tạo hàm thụ hay đào tạo từ xa vì huấn luyện Tu Sĩ, Giáo Sĩ phần tâm, hạnh, đức là chính, còn tài cũng là quan trọng nhưng không phải yếu tố quyết định.

2. LIÊN KẾT²⁴

Theo yêu cầu của Thánh sở các nơi về giáo dục đào tạo, Cơ Quan hỗ trợ địa phương về chương trình, giáo viên giảng dạy để mở lớp giáo lý. Cụ thể như Vĩnh Nguyên Tự²⁵ (Cần

23. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

24. Mô hình này bốn đạo địa phương tham dự được đồng đảo.

25. Ôn Trên dạy Đạo trường trụ trì “Nếu chưa đào tạo được người kế thừa là chưa tròn sứ mạng”, sau đó Vĩnh Nguyên Tự mở lớp Tu Sĩ.

Giuộc Long An), Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn²⁶ ở Tiền Giang, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài ở Tp. Hồ chí Minh cùng lúc mở lớp BỒI DƯỠNG GIÁO LÝ:²⁷

- 80 Học viên cộng thêm dự thính viên.
- Học một tháng hai ngày vào Mùng 1 và Rằm: sáng một bài, chiều một bài.
- Thời gian: 4 năm (1994-1998).

(Mỗi năm: 4 đề x 12 tháng = 48 đề).

(trọng khóa: 48 đề x 4 = 192 đề).

Ngày bế giảng, nhiều huynh đệ tiếc vì không tham dự nên khó có cơ hội thứ hai (hầu hết bốn đạo từ trẻ đến cao tuổi đã tham gia đầy đủ khóa học, số còn sót lại ít quá Ban Cai quản không mở lớp nữa.)

3. HỖ TRỢ

Theo cách này, Hội Thánh, Thánh sở địa phương mở lớp, khóa đào tạo Hạnh đường, chương trình gồm có nhiều môn học (pháp luật tôn giáo, hiến chương của Hội Thánh, hành chính, nghi lễ, giáo lý...) Cơ Quan chỉ hỗ trợ giáo viên, giáo trình về môn giáo lý tại một số nơi:

26. Ở Thánh tịnh Thiên Trước muốn liên kết theo cách khác là mỗi năm mở LỚP GIÁO LÝ MÙA HÈ trọn một tháng (mỗi ngày 3 bài x 30 ngày = 90 bài), Cách làm này học viên khó tiếp thu vì quá dồn ép, ví như lúc thi nhện đối, lúc thi ăn quá tải.

27. Cùng một lúc Cơ Quan có thể mở nhiều lớp, ở nhiều nơi, do có Chương trình, Giáo trình, Giáo viên để phụ trách.

- Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài²⁸ (Đà Nẵng),
- Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan (Bình Định),
- Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (Kiên Giang),
- Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu (Cần Thơ).

đã mời Cơ Quan tham gia trong các khóa Hạnh Đường các năm vừa qua.²⁹

KẾT LUẬN

1. Trên cơ sở Lịch Trình Hành Đạo của Ôn Trên dạy, Cơ Quan tiến hành việc giáo dục để nâng mặt bằng giáo lý chung cho đồng đạo và nhân viên.

2. Việc đào tạo hàng ngũ kế thừa tiến hành từ: Tu Sĩ, Giáo Sĩ... cho các học viên hội đủ điều kiện về tâm hạnh (hiển dăng trọn đời có sự

28. Hội Thánh Truyền Giáo đã mở: Hạnh đường Hưng Đức Khóa Đặc biệt, sau đó là Hưng Đức I, Hạnh Đức II (đang học năm thứ 3) (mỗi khóa 4 năm).

29. Mỗi mô hình được các em theo học mang một dấu ấn riêng. Lên thành phố Hồ chí Minh học tập, một phần nào các em có tâm lý như đi du học.

chấp thuận của cha mẹ), về văn hóa (tối thiểu tốt nghiệp tú tài), về tinh thần kỷ luật (nội quy, lời hướng dẫn của Huynh, Tỷ phụ trách...). Ôn Trên chú trọng về phẩm cũng như lượng “ít cho tinh vi, nhiều đùng ô hợp”.

3. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo là chung cho toàn Đạo nên Cơ Quan đã thỉnh các vị Chức sắc các Hội Thánh đến tham gia vào ban Giảng huấn (cụ thể là Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo...).

4. Cơ Quan sẵn sàng tùy theo yêu cầu của Hội Thánh, Thánh sở các nơi để hợp tác về giáo dục và đào tạo từ các mô hình liên kết hoặc hỗ trợ.

5. Cơ Quan là của toàn Đạo, Ôn Trên dạy Đạo trưởng Huệ Lương mà cũng là chung cho Cơ Quan và mọi huynh đệ thiện chí:

*Trước sứ mạng Cha Trời ban phó,
Ngoài nhơn gian các ngõ trông chờ,
Chờ con hành đúng Thiên cơ,
Vững niềm tin tưởng qua bờ hồng sanh.³⁰
Xin cầu và nguyện thực hành được như thế.■*

30. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).



Trời Phật chẳng bảo đời thờ phượng,
Xây cốt to lớn tượng hình hài,
Đạo người nếu vẫn đơn sai,
Nghĩa nhân nếu vẫn chẳng ai thi hành.
Thì thờ phượng trở thành giả tướng,
Chẳng linh thiêng ảnh hưởng chi đâu,
Đó là mê tín vọng cầu,
Cầu danh lợi lộc với cầu tư riêng.
Đó là xa chơn truyền Tam Giáo,
Đó là xa Tam Bảo thiêng liêng,
Đạo khai dốc dạy người hiền,
Thế gian cư xử ba giếng năm luân.
Cốt xây dựng cõi trần thánh thiện,
Cho người đời tinh tiến tu hành,
Thiên đàng cực lạc nhơn sanh,

Do người đạo đức lập thành tại đây.
Đừng có tưởng sắp bày lễ vật,
đem hiến dâng Trời Phật hằng ngày,
Trong khi hành động đơn sai,
Giữa người nhân thế hằng ngày với nhau.
Tu chánh tín mới hầu đắc vị,
Hành chánh tâm vong kỷ vị tha,
Thương người như thể thương ta,
Kính người như thể mẹ cha ông bà.
Đó là tu tại gia hành thiện,
Khỏi trèo non vượt biển đó đây,
Đôi dòng nhấn gởi ai ai,
Chữ tu là vậy hằng ngày nhớ ghi.

ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN, VĨNH NGUYÊN TỰ,
21-6 KỶ DẬU (03-8-1969).■

TỪ MỘT CHUYẾN ĐI ĐẦU NĂM

■ TU SINH NGÔ THỊ THẢO

Đi lại trên những con đường mình đã từng rong ruổi, tôi chợt thấy xao lòng trước những hình ảnh quen thuộc của thuở nào. Vậy mà trong cái khung cảnh quen thuộc ấy tôi lại bỏ quên những góc nhỏ vô cùng đặc biệt; đó là các Thánh thất, Thánh tịnh mà hôm nay tôi có dịp cùng phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đi chúc Tết. Tự dưng tôi cảm thấy mình như đang tìm lại được một điều gì đó rất quan trọng tưởng chừng đã lãng quên từ lâu lắm. Những kỷ niệm của ngày nào bỗng ùa về trong tâm trí tôi. Tôi sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Gò Công – vùng đất nghèo nằm cuối dòng sông Cửu Long, thuở nhỏ tôi thường nghe người lớn bảo nhau “Nơi đây nước mặn đồng chua, mỗi năm chỉ có một mùa trồng trọt, làm ăn chẳng biết chừng nào mới khá nổi.” Thế nhưng mỗi khi được nghe các cụ kể chuyện về quê hương mình, tôi nhớ các cụ luôn bảo đất này địa linh nhân kiệt, mảnh đất mà dòng dõi Hoàng gia Phạm Đăng đã sinh ra và lớn lên, đến bây giờ di tích lăng Hoàng gia là một ấn chứng cho điều đó, rồi Nam Phương Hoàng Hậu cũng là người con của xứ Gò Công... Lúc đó tôi

không nghĩ nhiều về chuyện mọi người nói, chỉ cảm thấy một chút tự hào về nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Mặc dù tôi được sinh ra trong một gia đình nghèo, cha mẹ là những người nông dân lam lũ, nhưng thật may mắn chúng tôi vẫn được đến trường và hơn thế nữa còn được đến “Chùa”. Ngôi “Chùa” cách nhà tôi không xa lắm, đó là ngôi Thánh thất mà chúng tôi quen gọi với nhau là “Chùa có hai nóc nhọn”, chung quanh là những căn nhà lá lụp xụp, ngôi Thánh thất sừng sững oai nghiêm như là điểm tựa vững chắc của dân làng thời bấy giờ. Mỗi lần có biển cố hay giông bão, người trong làng thường hướng về “Chùa” để khẩn nguyện hoặc kéo nhau vào trú ngụ. Còn tôi mỗi lần đi đầu về, cứ nhìn thấy hai nóc nhọn của Thánh thất là tôi biết mình sắp đến nhà. Từ nhỏ tôi đã được bà dắt đi Chùa, nhà nghèo không có áo dài đủ cho cả bốn chị em gái, chúng tôi phải chia nhau để mặc. Rồi chúng tôi cũng được học các nghi lễ: cách lạy, đọc kinh, ngâm thi vào mỗi buổi chiều. Lúc đó chúng tôi đã biết ăn chay theo gia đình, mỗi lần ra đường gặp điều gì bất an thì luôn bắt ấn Tý và niệm danh Thầy. Riêng tôi, mỗi khi

gặp khó khăn tôi thường cầu nguyện Thầy và hầu như đều có được sự linh ứng, lúc đó tôi đã có lòng tin vào Thầy.

Sau khi bà tôi mất, chuyện đi chùa ngày một thưa dần, chị em tôi đã lớn, áo dài không còn vừa vặn nữa, cha mẹ luôn tất bật trong cảnh túng quẩn nghèo đói, không còn quan tâm nhắc nhở chúng tôi về việc đi chùa thất nữa. Ngày lại qua ngày chỉ lo chuyện cơm áo, chúng tôi mỗi ngày ngoài việc phụ giúp cha mẹ, bận rộn học hành, không còn lo việc cúng kính nữa. Tuy nhiên quãng thời gian đi chùa ấy vẫn còn hoài trong ký ức, tôi vẫn nhớ đến buổi tối cúng sóc, vọng; lúc đó mọi người về Chùa rất đông, những chén cháo trắng ăn với muối ớt hoặc nước tương, hôm nào thịnh soạn lắm thì củ cải muối, nhưng sao ngon đến lạ. Dù không có dịp đi cúng nữa nhưng những bài kinh tứ thời tôi đã nằm lòng, sau này mỗi khi đọc lại tôi vẫn nhớ từng câu từng chữ.

Mãi cho đến khi tôi vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, tôi mới biết Gò Công có nhiều Thánh thất, Thánh tịnh mà trước đây tôi chưa bao giờ nghe qua. Tôi luôn ao ước khi nào có dịp về Gò Công tôi sẽ đi thăm hết tất cả các Thánh thất, Thánh tịnh đó.

Rồi cái ngày ấy cũng đến. Theo thông lệ, hằng năm, cứ vào mừng 1 Tết, nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo lại chia thành nhiều phái đoàn đến chúc xuân các Thánh sở trong thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác. Nhìn danh sách Thánh thất, Thánh tịnh mà đoàn 1 do đạo huynh Huệ Ý phụ trách chúc xuân phía Nam phà Mỹ Lợi, tôi vui mừng khôn xiết. Thật là “thiện nguyện Thiên tòng”, có lẽ Thầy đã ban ơn cho tôi cũng như ngày nào lúc tôi còn bé.

Vì tôi phải về quê đón giao thừa cùng gia đình nên đạo huynh Huệ Ý hẹn tôi và Trúc An – một đạo muội đồng hương – gặp phái đoàn tại một địa điểm trên đất Gò Công. Sáng mừng một tết, như đã hẹn, tôi và Trúc An chuẩn bị chu đáo đón đạo huynh Huệ Ý cùng phái đoàn. Như vậy là đoàn chúng tôi giờ đây gồm năm thành viên: đạo huynh Huệ Ý, đạo đệ Thanh Hiển, Hiển, đạo muội Trúc An và tôi. Chúng tôi xuất phát với niềm hân hoan giữa âm thanh rộn rã ríu rít của hàng trăm chú chim én cư ngụ trên các tòa nhà hai bên đường như một bản hợp xướng chào đón mùa xuân...

Đầu tiên, chúng tôi ghé Thánh tịnh Hòa Quang Minh Phước tại ấp 5, xã Tân Phước. Dẫn vào Thánh tịnh là một con đường gồ ghề đầy sỏi đá; lúc đó tôi buột miệng cầu nguyện cho mọi người đi đến nơi về đến chốn. Những đạo hữu tại Thánh tịnh hoan hỷ đón chúng tôi. Buổi gặp gỡ đơn sơ nhưng vô cùng ấm cúng. Vì lộ trình còn dài nên sau khi đánh lễ Thầy và uống vài ly trà cùng những câu chúc lành đầu năm, chúng tôi chia tay quý đạo hữu trong tình cảm quyến luyến.

Địa điểm thứ hai là Thánh thất Tân Phước thuộc Ban Chính Đạo. Chúng tôi được Đạo trưởng Đầu Họ Đạo đón tiếp niềm nở chân tình như anh em lâu ngày gặp gỡ, dù đây là lần đầu tiên chúng tôi đến Thánh thất này, tỏ rõ được sự hòa ái “cùng nhau một Đạo tức một Cha”.

Trên con đường đến địa điểm thứ ba, bỗng tôi nghe tim mình xao động khi nhìn thấy dòng chữ “Đền thờ Trương Công Định”. Con đường này tôi đã nhiều lần đi qua khi còn là giáo viên

ở trường PTHH Gò Công Đông. Khi ấy tôi cùng học trò đến đây tham quan lịch sử, vào đền thờ và “rừng lá” bẻ dứa nước. Biết bao kỷ niệm ủa về trong tôi. Tôi bất chợt khe khẽ hát “ai về rừng lá nhớ Gia Thuận lừng danh... cuối dòng sông Cửu Long... quê tôi Gò Công.” Tôi tự hỏi sao lúc ấy tôi không thấy Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang và rồi cũng tự trả lời, có lẽ ngày đó màn vô minh vẫn còn che phủ tâm hồn tôi; đến khi nhận ra, tôi đã lạc bước khá xa ở nơi nào đó, giờ quay về con đường mình đã từng đi sao thấy dài thăm thẳm.

Về đến Thánh thất Vĩnh Hòa – địa điểm thứ tư, tôi phấn khởi vô cùng khi nhìn thấy tín đồ thật đông đúc, lại gặp một đồng nghiệp cũ giờ cũng là đạo hữu nơi đây. Một Đạo huynh với vẻ ngoài hiền hậu và điềm đạm, đón tiếp chúng tôi với những lời ân cần thăm hỏi. Trong câu chuyện hàn huyên, Đạo huynh chân thành nói với chúng tôi: “Các em là những mầm non hội đủ những điều kiện để trở thành Bồ Tát... Anh và anh Huệ Ý đây sẵn sàng làm tất cả mọi việc bất kể khó khăn thế nào để các em có thể luôn đặt chân vào con đường Đạo.” Mấy chị em chúng tôi hầu như ai cũng rưng rưng nước mắt.

Từ Vĩnh Hòa, cả đoàn quay ngược về Thành Công để kịp giờ Đạo huynh Huệ Ý thuyết trình. Những chiếc áo trắng nổi bật giữa màu xanh biếc của đồng ruộng và những hàng cây, những tâm hồn hòa chung nhịp bước trên con đường nối liền tình huynh đệ. Dọc đường đi, gặp ai mặc đạo phục, Đạo huynh Huệ Ý đều vui vẻ chào, chúng tôi cứ nghĩ là người quen nên cũng cúi đầu chào, mãi lúc sau hỏi ra mới biết chẳng ai quen ai.

Đến Thành Công, đập vào mắt tôi là hình ảnh một Thánh thất nhỏ bé nhưng lại hết sức đông đúc. Từ những em nhỏ 4-5 tuổi đến những cụ già tóc bạc phơ, từ những vị tươm tất trong chiếc áo dài trắng đến những vị giản dị với y phục ngày thường, tất cả đã tụ họp dưới mái chùa, chờ nghe Đạo huynh Huệ Ý thuyết giảng.

(XEM TIẾP TRANG 67)

ÔNG ĐỊA QUA CƠ BÚT CAO ĐÀI

■ ĐẠT TƯỜNG

ÔNG ĐỊA GIÁNG ĐÀN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI TỪ KHI NÀO?

Theo quyển Đạo Sử 1 của bà Đầu Sư Hương Hiếu còn lưu lại, lần đầu tiên có một vị xưng danh là Thổ Địa Tài Thần nhập cơ Xây Bàn là vào ngày 25-9 năm Ất Sửu (11 Novembre 1925).

Từ khi Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng chính thức sử dụng Đại Ngọc Cơ để dạy Đạo cho quý vị bên nhóm Phổ Độ vào đầu năm 1926, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển cũng như các quyển Thánh Ngôn sưu tập sau này của Tây Ninh, chúng ta không thấy có thêm bài nào của Đức Thổ Địa. Tuy nhiên, Hiến Tài Nguyễn Văn Hồng của Tây Ninh có ghi lại truyện Thổ Địa Thần bảo vệ Đàn Cầu Kho như sau:

“Nhà ông Đốc Bản, buổi ban sơ trong thời kỳ khởi nguyên của Cao Đài giáo, là một nhà Đàn. (Khi đó chưa có Thánh thất).¹

Năm 1926, một buổi nọ bốn đạo Đàn Cầu Kho chuẩn bị lập đàn cầu cơ trong đó có các vị: Đoàn Văn Bản, Vương Quang Kỳ, Huỳnh Trung Tuất, v.v. Cơ vừa chuyển, ngay lúc đó Thổ Địa Thần giảng cơ dạy rằng: “*Chư nhu khá bình tâm nghe Địa... Khoảng 5 phút nữa, mã tà Tây sẽ đến vây bắt. Chư nhu bình tĩnh, yên lặng. Việc ấy đã có Thiêng Liêng lo rồi.*”

Ngay lúc đó, người cháu của ông Đốc Bản bỗng nhiên bị mê man đứng chết trân tại chỗ.

Rồi thỉnh linh nhà đèn cũng cúp điện. Thời cơ đến, các vị liền xả đàn, ai nấy lặng lẽ ra về.

Khoảng 15 phút sau, có điện trở lại. Người cháu của ông Đốc Bản cũng tỉnh lại. Lính Tây vào Đàn quan sát không thấy chi khác lạ bèn rầy kẻ chỉ điểm, rồi cũng rút êm.

À! Hóa ra kẻ điểm chỉ là cháu ông Đốc Bản!

Sau đó, y bị ông Bản đuổi đi, không cho ở đó nữa. Tuy nhiên, sau sự kiện đó, y đã ăn năn hối cải và xin nhập môn vào Đạo.”²

ÔNG ĐỊA GIÁNG ĐÀN QUA CÁC CHI PHÁI NÀO?

Về sau qua các Thánh giáo của các chi phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta có thể ghi nhận được sự hiện diện của một số Đấng Thiêng Liêng khi giảng cơ có xưng danh ĐỊA như: Môn Quang Thổ Địa, Nam Phương Thổ Địa Thần Kỳ, Thổ Địa Chánh Thần, Thần Hoàng Thổ Địa, Linh Quang Phước Thần, Linh Quang Phật Địa... nhưng phổ biến nhất là Linh Quang Thổ Địa...

Phần trình bày này chỉ tập trung vào các lời Thánh giáo của riêng Đức Linh Quang Thổ Địa, được gọi tắt là Ông Địa. Ông đã giảng cơ qua các Ban Hiệp Thiên Đài của các Hội Thánh như Tây Ninh, Chiêu Minh, Minh Thiện, rồi Tiên Thiên, Hội Thánh Truyền Giáo, Hội Thánh Hậu Giang – Bạc Liêu, Cao Đài Thống Nhất, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Tịnh Thiên Trước, Ngọc Linh Thánh Tịnh...

1. Cho đến Rằm tháng 10 Bính Dần, Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo, Thiển Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh mới được khánh thành trở nên Thánh thất Cao Đài đầu tiên.

2. Theo Khảo Luận Xây Bàn và Cơ Bút, tr.62, Hiến Tài Nguyễn Văn Hồng, Ất Dậu 2005.

3. XỨNG DANH

Trong một số đàn, khi giáng cơ, có khi Đức Linh Quang Thổ Địa không những không xưng danh tánh mà chỉ cho 4 câu thơ ẩn danh và còn các cố đồ bốn đạo giải đáp Ngài là ai thì mới dạy tiếp. Đúng là ông Địa, thật gần gũi và đầy dí dỏm. Thí dụ:

A. ĐÀN TẠI THÁNH TỊNH THIÊN TRƯỚC, Ô MÔN-CẦN THƠ.

THI

*Lính tráng còn đây sắc bỏ đâu,
Quảng chi chẳng hỏi lại câu mâu;
Thơ sơ hỏi lại tình sau trước,
Đi đến đại đồng ạ, Á, Âu.*

GIẢI:

Chữ Lính, sắc bỏ, tức là bỏ dấu sắc còn lại chữ Linh.

Chữ Quảng: chẳng hỏi, không có dấu hỏi là chữ Quang

Chữ Thơ: hỏi lại, nghĩa là mang lại dấu hỏi thành chữ Thổ

Chữ Đi: đến... đồng ạ, là chữ Địa.

B. MỘT LẦN KHÁC, NGÀI ĐỒ:

THI

*Hiển hách diệu huyền bút chuyển lai,
An trong ánh sáng rạng danh bai;
Ngũ hành lựa chọn đành ứng cuối,
Đổi ngược Thiên đàng tại trước nay.*

*Vậy trung đàn hãy tìm xem danh hiệu Lão ẩn
nghĩa trong bài thi. Nếu giải thích được rõ ràng từng
câu thì cứ tọa an! Bằng không thì hãy cảm phiền quỳ
đó! Sĩ Tải bình lại bài thi để tất cả cùng suy nghiệm!*

(Bạch: ...)

*Khen thay! Khen thay! Hãy rót cho Địa một
ly rượu đây!*

*Đây! Ly rượu này Địa thưởng ban cho hiển
đó! Cười! Cười!*³

GIẢI:

3. Theo Khảo Luận Xây Bàn và Cơ Bút, tr.62, Hiên Tài Nguyễn Văn Hồng, Ất Dậu 2005.

• *Hiển hách diệu huyền bút chuyển lai*

Hiển hách diệu huyền nghĩa là linh hiển. Lấy chữ Linh.

• *An trong ánh sáng rạng danh bai*

An trong ánh sáng ẩn nghĩa là quang minh. Lấy chữ Quang.

• *Ngũ hành lựa chọn đành ứng cuối*

Ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) chọn... cuối. Lấy chữ Thổ.

• *Đổi ngược Thiên đàng tại trước nay*

Đổi ngược Thiên đàng là “Địa ngục”... trước nay là lấy chữ Địa.

4. LINH HIỂN DIỆU HUYỀN

Trong dân gian, người kính trọng tin tưởng Ông Địa, mỗi khi mất vật gì mà tìm không ra thì van vái với Ngài xin giúp cho. Và quả thật, nhiều người đã tìm lại được và sau đó tạ ơn Ngài chỉ với nải chuối hay ít bánh quà đơn sơ.

Trong Cao Đài giáo, sự linh hiển của Ngài đã được nơn sanh tín hữu chứng nghiệm nhiều lần. Vài chuyện kể sau đây sẽ minh họa.

A. THỬ CƠ BÚT

Câu chuyện như sau:

“Ông Bùi Thiện Lai (Thánh danh Thiên Thông Tâm) thử cơ bút tại Thánh tịnh Thiên Trước vào Đàn Ngộ thời Rằm tháng 6 Quý Sửu 1973 như sau:

Ông giấu kín tờ phái quy y về bên Phật Thầy Tây An. Để lá phái trong khăn đóng đội trên đầu rồi ông vào hầu đàn cơ. Đức Linh Quang Thổ Địa giáng đàn về minh việc này:

THI BÀI

*Giục hồi chuông âm thanh tuông đổ,
Giục hồi kèn như chũ oai linh;
Điểm xong ba tiếng thỉnh linh,
Phút đầu đổi lại hậu tình thể nhiên.
Dùng một lối uy quyền trao lại,
Đáp cho người hầu phải noi theo;
Giờ đây chớ có gạt nghèo,
Can trường lao lý là treo danh mình.
Cũng có người vô tình khảo Đạo,
Lại có điều thiện bảo nên chẳng;*

Địa đây nhận thấy biết rằng,
Với lòng thử thách trước đàn xét xem.
Vậy ai thử xin kèm lời nói,
Địa không thềm buộc trói bao giờ;
(Không có ai ra mặt trả lời, Đức Linh Quang
Thổ Địa dạy tiếp)

Thiện Tâm kêu gọi đơn sơ,
Cho lòng tin tưởng một tờ vô vi.
Thử Đồng Loan việc gì đó vậy,
Hàng chữ kia có phải vẹn toàn;
Cho là Phật Thầy Tây An,
Khăn kia liền gỡ ra làm thử xem.

Ông Thiện Thông Tâm run rẩy quỳ lên tái
xanh nét mặt, liền hai tay dỡ khăn đóng. Tờ giấy
phái đạo cấp của bên Đức Thầy Tây An rớt ra
trước sự ngạc nhiên của bao nhiêu người hầu
đàn đang chăm chú theo dõi.

Đức Linh Quang Thổ Địa dạy tiếp:
Rồi đứng dậy đã kèm tờ giấy,
Hỏi thử lòng, lòng ấy toại nguyên;
Hỏi rằng tờ ấy linh thiêng,
Ra sao Địa giảng cho hiền tìm ra.
Đó là tờ của cha hiền sĩ,
Giao lại hiền cất kỹ linh thiêng;
Đến nay mới biết nhiệm huyền,
Nên hiền thử thách, cũng phiến gắng lên.
Rồi sau này vững bền một mối,
Cứu bệnh tình nhờ bởi bùa linh;
Hiền ơi hãy khá nhận nhìn,
Địa còn thấu rõ muôn nghìn việc chi.

B. ĐỊA KHÔNG ƯA THỊT GÀ

Có một người ngoài đời ở gần Thiên Lý Đàn
Ô môn – Cẩn Thơ, nhà đàn của ông Nguyễn
Kim Sanh (Thánh danh Thông Tâm, chức sắc
Giáo Sư, là thân phụ của hiền hữu Nguyễn Kim
Bia ở Ô Môn hiện nay), thường đến nhà đàn này
để hầu đàn cơ. Bà rất tin tưởng Ôn Trên.

Một bữa nọ bà về nhà nói lại với người
chồng rằng:

– Ông ơi! Tôi đi hầu đàn. Có một vị về đàn
xưng danh là Linh Quang Thổ Địa, nói rất hay,
việc gì cũng biết rõ hết.

Người chồng bảo:

– Bà nói hay như thế, bây giờ tôi viết một “bức
thơ” xin mách cho tôi mua một con đẽ (sổ đẽ),
nếu trúng thì tôi mới tin.

Chồng viết xong bảo vợ khi nào đi hầu đàn
thì đem theo, lén dờ chân đèn mà giấu kín,
không để ai hay biết!

Trong một buổi lập đàn, có Đức Linh Quang
Thổ Địa về xưng danh rồi nói: “Hiền Thiện Mỹ,
hãy lên Thiên Bàn, dỡ chân đèn lên lấy phong thơ
gửi cho Địa. Hiền quỳ cầm giữ nó, chờ Địa phân
trần xong rồi sẽ mở ra đọc.”

Sau đó Đức Linh Quang Thổ Địa cho bài thi:

Ở muội Sen! Lòng hiền muốn thử,
Rõ chánh tà căn cứ Đạo gia;
Anh Địa vốn thật là ta,
Ở nơi Thiên Lý, thịt gà không ưa.
Nay Địa muốn cho vừa lòng muội,
Rõ chánh tà, cạm cùi lo tu;
Chánh tà hai nẻo xa mù,
Tu là đàng chánh, quyết tu đắc thành.

Phong thơ được mở ra và đọc lên. Trong thơ
người chồng viết như vậy: “Kính gửi anh Địa!
Anh có linh thiêng hộ độ cho tôi trúng được con
đẽ 36 thì tôi cúng cho anh một con gà.”

■

Bên cạnh hình thức văn nói, hình thức ngôn
ngữ thi ca của Ông Địa rất phong phú với nhiều
thể loại như: phú lối văn, thơ vô vi, thơ tam
ngôn, thơ ngũ ngôn, thơ đường luật thất ngôn
bát cú, thi bài lục bát rồi đến song thất lục bát
nhưng thông dụng nhất vẫn là thể loại vè mỗi
câu có 4 chữ mang âm sắc dí dỏm rõ nét. Ông
Địa là một hình ảnh trong văn hóa tín ngưỡng
dân gian Á Đông. Qua cơ bút Cao Đài, Thiêng
Liên đã dùng ngôn ngữ mang tính văn hóa bản
địa để nhẹ nhàng phổ thông đạo lý vào quần
chúng. Đây chính là một dạng thức trào phúng
độc đáo, thú vị của văn học Cao Đài.

Ngày xuân, nếu có thêm hình ảnh màu sắc
hay ngôn ngữ của Ông Địa thì nét tươi vui chắc
chắn sẽ được tăng thêm rất nhiều và làm cho
hương xuân càng thêm đậm đà ý vị. ■

Mùa xuân

MÙA CHIA SẺ VÀ KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

■ XUÂN MAI

XUÂN CẢNH, XUÂN TÂM

Mùa xuân được xem là thời điểm bắt đầu cho sự phát triển, là mùa của một sức sống mới, sự hồi sinh của cuộc sống. Cây cỏ hoa lá khoác lên mình chiếc áo đầy màu sắc rực rỡ tươi vui. Khắp nơi, cảnh vật đua nhau khoe sắc thắm, khiến lòng thế nhân càng ngày ngất đắm say trước vẻ đẹp của đất trời. Đó chính gọi là xuân cảnh.

Xuân cảnh nơi thế gian này quả là những bức tranh tuyệt tác để con người thưởng ngoạn. Đây là sự thay đổi tất nhiên trong máy tuần hoàn của tạo vật, là sự chuyển biến xoay vần theo định luật vô thường của vũ trụ. Trong khi cây cối đâm chồi nảy lộc, cỏ hoa tươi tốt khoe sắc khoe hương, con người như được tiếp thêm một luồng sinh khí mới vào đúng thời khắc mỗi mòn sau một năm lo toan vất vả.

Người học Đạo cũng vui xuân, cũng vẫn cứ thưởng xuân, hòa với cảnh vật thiên nhiên, ngắm nhìn hoa tươi khoe sắc nhưng với một tâm hồn thanh thoát nhẹ nhàng, an nhiên, tự tại. Bởi niềm vui chân thật không nằm trong cảm nhận của giác quan, mà là sự an lạc của tâm thức. Thường thức hương xuân nồng ấm, ngắm cảnh, ngắm hoa, đón nắng, suy gẫm đạo lý trong sự chiêm ngưỡng những công trình tuyệt mỹ của Tạo hóa, với lòng biết ơn T

hóa đã dành tặng cho con người những món quà vô giá, những cảm xúc thẩm mỹ trước cảnh xuân thiên nhiên tươi đẹp trên con đường tiến hóa, quy nguyên đầy chông gai – vì đời *Mai trở để hầu đón xuân*.

XÂY CẤT NGÔI CAO ĐÀI NỘI TẠI

Trong giây phút đó, con người hiểu Đạo, cảm nhận được cái tinh anh nguyên sơ, mẫu nhiệm nơi bản thân mình, vượt lên khoái lạc của trần tục, không dính mắc, không vướng nhiễm giữa dòng đời vô thường đổi thay, thay đổi; biết “*triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ để Thần được linh hoạt mà đem Khí thể tiên thiên, tinh hoa lưỡng cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại*”¹ như lời Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn từng dạy bảo. Đó là xây cất ngôi Cao Đài nội tại huyền nhiệm vĩnh cửu để tu luyện. Hoa nở, hoa tàn đều là mùa xuân. Bên cạnh cái tàn phai vô thường của thân tâm cảnh, vẫn có một đóa hoa tâm luôn nở mãi theo thời gian. Muôn ngàn đợt sóng sinh diệt trùng điệp trên biển cả nhưng đại dương bao la vẫn mặc nhiên trường tồn không biến chuyển.

Cuộc đời luôn biến đổi ngay trong từng sát na sinh diệt. Tất cả con người đều phải trải qua bốn tướng vô thường: Sinh, bệnh, lão, tử. Chúng luôn rình rập làm cho chúng ta đau khổ triền miên trong vòng quay bất tận. Nguyên nhân của nỗi khổ đau chính là do con người tham đắm tiền tài, danh vọng... nào biết *thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành*.² Niềm vui nơi thế gian chỉ mang tính chất giả tạm, không phải là niềm vui chân thật. Trong cái hào nhoáng của cuộc đời có một sức cuốn hút, nhưng đối với người trí sẽ nhận ra nơi đó có sự bất toàn: Đó là mọi vật đều vô thường, giả hợp, sinh sinh, diệt diệt.

Nhờ tham thiền tịnh định – công phu tu tập, lặng yên mọi suy nghĩ, mọi ý niệm phân biệt nhị

nguyên, ta nhận diện và chuyển hóa được phiền não khổ đau, từng bước làm tâm ta yên tĩnh, an lạc, tự tại trong lẽ Đạo hằng thường. Yên lặng để giúp ta hòa vào vạn vật, lắng nghe được tiếng nói vô thính:

“*Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hiểu sinh trong vạn vật. Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.*”³

Khi biết bản thân ta nơi thế gian này là hạt sương mong manh, sự tồn tại của con người giữa thế gian này không khác gì hạt sương mong manh buổi sớm, tâm chúng ta sẽ tự tại trước mọi cảnh giới của lục trần.

Thiền sư Vạn Hạnh từng nói:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô;
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.
(Thân như ánh chớp có rồi không,
Cỏ xuân tươi tốt thu đượm nồng
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi,
Thịnh suy như cỏ giọt sương đông.)*

XUÂN BẤT DIỆT

Cũng như thế, nếu chúng ta thấy được thân này là không, là vô ngã thì mọi đau khổ đều được hóa giải. Ngay đó, chúng ta hưởng một niềm vui bất tận. Chúng ta cảm thụ được trong mọi khoảnh khắc của đời sống đều có tâm xuân bất diệt. Xuân đó thể hiện ngay tại đây và bây giờ, hiện hữu trong mỗi sát na của thời gian. Nghĩa là, trong tất cả mọi lúc mọi nơi, chúng ta đều sống thân nhiên, tự tại, bình lặng trước ngoại cảnh. Người học Đạo có xuân tâm mới cảm nhận ý xuân sâu sắc, mới chứng được lý trường lưu bất tận trong xuân để hòa điệu cùng xuân, hiệp nhất với Đạo, cùng góp tay vận hành thiên lý để xây dựng một mùa xuân miên viễn thái hòa cho sanh chúng. Nên người biết Đạo vui

1. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-3 Mậu Ngọ (05-5-1978).

2. Thiền sư Vạn Hạnh.

3. Thầy, TGST 1972-1973, Tr. 88.

xuân, thường xuân không phải chỉ để ngừng nghỉ, để hưởng thụ, mà hòa dịu để chuẩn bị bắt đầu cho cả một sự vận chuyển mạnh mẽ suốt cả Hạ Thu Đông.

ĐÓN XUÂN, NHỚ ƠN CÁC ĐẮNG...

Đón năm mới, chúng ta tạ ơn Trời Đất đã dưỡng nuôi, che chở; nhớ ơn các bậc Tiên nhân đã khai phá, dựng xây để lại một dải non sông gấm vóc với truyền thống dân tộc hiếu hòa, bất khuất; tưởng nhớ công lao các Đấng Tiên bối Đại Đạo đã nhiều gian khó dày công xây đắp và vun quén mối đạo Trời trong những buổi đầu khai Đạo; cảm tạ muôn loài vạn vật điểm tô cho mùa xuân, kết nối giao hòa giữa thiên nhiên và con người.

ĐÓN XUÂN KHÔNG QUÊN SỨ MẠNG VI NHÂN

Đón xuân, nhưng không quên việc sẻ chia với người người, đó là nền tảng của Đức Nhân, xóa đi sự cách biệt, tạo điều kiện cho con người dễ gần gũi, thân thương nhau hơn, nhất là đối với những người đang tiến bước trên con đường giác ngộ, giải thoát.

Phải tập xả bớt lòng tham lam, nhỏ nhoi, ích kỷ, để sống hòa mình cùng tha nhân, với quan niệm ai cũng là người thân, người thương yêu, nên mỗi người đều phải có trách nhiệm và bổn phận thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần vô ngã, vị tha.

Thông cảm, hiểu biết, thương yêu, bao dung, tha thứ cho nhau, sẵn sàng dẫn thân và phục vụ trên tinh thần vì lợi ích cộng đồng. Dạng rộng vòng tay, mở rộng tấm lòng đón nhận và chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn của chúng sinh, đem nụ cười hoan hỷ thay cho tiếng khóc đón đau. Thực hiện được như vậy thì tâm ta sẽ thanh thản, cuộc sống của chúng ta sẽ an lạc. Lúc ấy, không chỉ một mùa xuân mà cả bốn mùa đều như có mùa xuân hiện hữu, đều là hữu dụng để tự độ, độ tha. Điều ấy chính là cái chơn thường trong vô thường của muôn vật.

(...) Ngày nay chư hiền Thiên ân sứ mạng dù

chưa đặt mình vào nhiệm vụ người xưa, nhưng với sứ mạng Thiên ân bảo trì quyền pháp, phụng Thiên sự dân trong thời mạt kiếp này, sự quan trọng ấy nào có kém chi đâu. Thế nên chư hiền không có mùa Xuân riêng biệt mà Xuân Hạ Thu Đông đối với chư hiền đều là sở hữu sở dụng để song tu tánh mạng, hành đạo độ đời.⁴

Với suy nghĩ như thế, mùa xuân sẽ là mùa kết nối tình yêu thương với niềm vui chia sẻ khắp nơi, sẽ chia từ những điều đơn giản nhất.

LỜI KẾT

Trải nghiệm cuộc đời, bao buồn vui, thương ghét, đắc thất, vinh nhục, hạnh phúc, khổ đau, chúng ta gom góp cho mình những kinh nghiệm về cuộc sống nhân sinh, hiểu sâu sắc hơn về giá trị tinh thần trong đời sống tâm linh. Cho nên, trong mọi hoàn cảnh, chúng ta đều phải duy trì sự tỉnh giác với một tâm sáng suốt để chuyển hóa khổ đau, sống an nhiên tự tại. Hình tượng Đức Phật Di Lặc với nụ cười tươi tắn tràn đầy một sức sống hồn nhiên từ đời sống nội tâm sung mãn nói lên sự an lạc nội tại, là tâm xuân bất diệt đã cho ta một ý niệm sâu sắc về công phu tu tập.

Với mục đích của Đại Đạo là đem lại hạnh phúc cho nhơn sanh trên hai phương diện nhân sinh – thế đạo đại đồng và tâm linh – thiên đạo giải thoát, chúng ta một mặt tinh tấn công phu tu luyện, một mặt tích cực nhập thế, sống đời mà vẫn vui với Đạo, chúng ta hãy từ mùa xuân nhân gian mà nhận ra ý xuân bất diệt trong đất trời; xem hoa nở, hoa tàn chỉ là hiện tượng sinh diệt của mùa xuân nhân thế để tìm thấy hoa xuân nơi tâm chưa bao giờ héo úa, tàn phai.

Hiểu như vậy, chúng ta cần nỗ lực tu hành để hòa mình trong ánh sáng giác ngộ; gìn giữ tâm linh được điều hòa, an lạc, thanh tịnh, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Đức

4. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Giao thừa Bính Thìn (30-01-1976).

Chí Tôn đã ban cho ngày nào để xuân bắt diệt được hiển hiện trong tâm thức của mỗi người.

*An lạc nơi lòng ấy thường xuân,
Hòa cùng Xuân Đạo cảnh thanh tân,
Thánh ân sẵn có trong trần thế,
Nương chút Thiên ân rạng điểm Thần.⁵*

Mùa xuân Nhâm Thìn năm nay, chúng ta hãy cùng suy gẫm lời khuyên dạy của Đức Vạn Hạnh Thiên Sư để làm phương hướng hành đạo cho niên trình mới: “*Sứ mạng này (sứ mạng của người môn đệ Cao Đài trong Tam kỳ Phổ độ) không phải đem ra tranh tài với những người bạn tôn giáo khác, để mong cho tập thể mình, danh nghĩa mình được đề cao, được rạng rỡ trên trường thế giới, rồi sanh ra những nghi ngờ, những ty hiềm lẫn nhau. Nhưng sứ mạng này phải vượt lên tất cả những thói thường ấy.*”⁶

Sứ mạng Thiên ân một chí bền, làm bay hồ hàn gấn mọi sứt mẻ, làm nhịp cầu thông cảm để tình thương từ Thượng Đế sẽ chan hòa trong mọi phân biệt, Được như thế thì xuân bắt diệt sẽ mãi trong tâm người sứ mạng chơn tu dấu cảnh ngộ có tang điền thương hải.

Xin nguyện cầu cho chúng ta luôn hiện hữu mùa xuân trong lòng mình, cảm nhận được tâm mình bốn mùa nở hoa và chan rải hương xuân ấy cho người xung quanh, để hạnh phúc thay thế khổ đau trên khắp mọi miền trần thế. Xin nguyện cầu cho người người đều hiểu được lý Đạo của mùa xuân, cho muôn loài đều được hưởng xuân tâm rạng ngời. Cầu chúc tất cả chúng ta đều biết cách quay gót trở về quê nhà muôn thuở, vĩnh viễn an vui trong xuân tâm bắt diệt.

*Xuân tâm ấy của Trời ban phát,
Không thời gian truyền đạt mỗi người,
Đời ôi mấy kẻ khóc cười,
Dang tay nắm lấy thuyền từ ái tha.⁷■*

5. Đức An Hòa Thánh Nương, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Giáp Tý.

6. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Trúc Lâm Thiên Điện, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).

7. Hội Đồng Tiên Bối Đại Đạo, Thánh Thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

TỪ MỘT CHUYẾN ĐI ĐẦU NĂM

(TIẾP THEO TRANG 60)

Thật cảm động xiết bao, mọi người ai cũng chăm chú lắng nghe đến hết bài thuyết trình.

Đạo huynh Huệ Ý và mấy chị em chúng tôi lại tiếp tục chuyến hành trình chúc Tết đến Thánh thất Thạnh Trị, một Thánh sở đơn sơ nép mình bên dòng sông quê lặng lẽ. Mặc dù đã trưa, quý vị đạo hữu nơi đây vẫn còn ở lại khá đông chờ đón chúng tôi. Sau bữa cơm đạm bạc nhưng chứa đựng nhiều chân tình, những vị đạo hữu lần đầu được gặp phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo vui mừng thăm hỏi và mời Đạo huynh Huệ Ý nán lại để đàm đạo thêm.

Rời Thạnh Trị, chúng tôi đến Thánh tịnh Long Đức Quy Châu tại thị xã Gò Công, rồi lại vượt tiếp một chặng đường dài để đến Thánh tịnh Vĩnh Minh Quang, và cuối cùng dừng lại tại Thánh thất Tân Trung – ngôi “Chùa có hai nóc nhọn” thân quen của tôi ngày nào. Vậy là kết thúc một ngày công quả đầu năm. Đạo huynh Huệ Ý cùng hai đạo đệ Thanh Hiền và Hiến chia tay tôi và Trúc An để trở về thành phố, không quên nhắc nhở mấy chị em chúng tôi cố gắng thực hiện thật nhiều công quả.

Chuyến đi nào cũng để lại trong lòng người đi nhiều cảm xúc và nhiều ấn tượng về cảnh vật, về con người...; hướng chi là một chuyến đi hành đạo đầy ý nghĩa thế này. Chuyến đi ngày đầu năm thật là một món quà xuân quý giá đối với tôi, đã cho tôi sống lại những kỷ ức đẹp để thuở nào, và hân hoan nhận thêm những kỷ niệm mới, những bài học mới – những bài học về tình huynh đệ đại đồng và những tấm lòng hết mình vì Thầy, vì Đạo.■

THĂM TÒA THÁNH TÂY NINH



■ NHÓM TU SINH KHÓA 3

Hôm nay, 5g45' ngày 02-01-2012 tức ngày mừng chín tháng chạp năm Tân Mão, đúng như kế hoạch đã phổ biến, sau khi quý Đạo trưởng và Đạo huynh cúng thời Mẹo xong, chúng tôi xếp thành 2 hàng bước vào chánh điện để đánh lễ Đức Chí Tôn, trước khi khởi hành cuộc hành hương về nguồn. Hướng dẫn đoàn hôm nay là Đạo huynh Đạt Tường – Vụ phó Văn Hóa Vụ làm Trưởng đoàn.

Được biết, theo thông lệ mỗi quý, Tập Đoàn Giáo Sĩ có kế hoạch cho các học viên thực tập công quả phụng sự tại miền đất Thánh Tây Ninh. Những quý trước, công quả này được ưu tiên dành cho các em cấp lớp Phổ Huấn. Nhưng lần này do một vài lý do khách quan nên nhân sự của thanh thiếu niên có thay đổi, chọn đối

tượng là các tu sinh, đặc biệt ưu tiên cho những ai chưa lần nào được viếng Tổ đình – Thánh địa.

Đoàn chúng tôi gồm có: Đạo huynh Đạt Tường, Đạo tỷ Xuân Mai – phó đoàn, Đạo tỷ Kim Tuyển phụ trách hậu cần cùng một vài huynh tỷ khác và chúng tôi – nhóm tu sinh khóa 3 và 4 gồm: Ngọc Ngân, Anh Đào, Trúc An, Kiều Diễm, Công Thị Út, Minh Quân, Quyển.

Khi xe khởi hành, Đạo huynh trưởng đoàn dặn dò chúng tôi một số vấn đề liên quan trong đó có vấn đề phục vụ văn nghệ cho quý huynh tỷ ở những nơi sẽ đến làm chúng tôi náo nức lắm. Xe mới chạy được một lúc, sau khi dần bụng với phần xôi, mọi người đã nhanh chóng hâm nóng không khí trên xe rồi, tất nhiên là hát. Là những ca sĩ không chuyên nên có hát mới biết là

hát có đúng giọng hay không nên chúng tôi cố gắng cứ hát hoài hết lần này đến lần khác. Lâu lâu Ngọc Ngân hay chị Xuân Mai nhắc chúng tôi tập lại những chỗ bị sai giọng. Có lẽ “Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân” nên khi xe chạy vừa đến Thánh địa cũng là lúc chúng tôi hoàn tất phần tập hát.

Xe đến Tây Ninh lúc 8g45 sáng và điểm tập kết đầu tiên của chúng tôi là Dưỡng Lão Đường Quy Thiện là nơi nghỉ dưỡng của những vị chức sắc, đạo hữu hiến dâng trọn đời, trong đó có những vị đã từng có mặt trong những buổi ban đầu xây dựng Tòa Thánh. Tại đây chúng tôi được quý Đạo tử đón tiếp ân cần. Sau khi mọi người chào hỏi nhau và an vị xong, Đạo huynh Trưởng đoàn khai mạc buổi nói chuyện bằng những lời động viên thăm hỏi sức khỏe cũng như mục đích của chuyến đi về nguồn này.

Trong khi bộ phận hậu cần chuẩn bị buổi ăn, thanh thiếu niên tu sinh phục vụ món ăn tinh thần là phần văn nghệ và ngâm Thánh giáo. Phải kể đến là giọng ca vàng của anh Chánh Tâm và chị Xuân Mai. Hôm nay, chị Xuân Mai “trổ tài” cho mọi người xem và nghe một bài Thánh giáo của Đức Mẹ với giọng ngâm thì trầm bổng du dương và một bài ca vọng cổ làm chúng tôi “ái mộ” quá. Còn anh Chánh Tâm thì hát không micro mà giọng vẫn to, khỏe như đang cầm micro vậy. Mọi người nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng. Dĩ nhiên là không thể thiếu phần của chúng tôi vì tốp ca của tu sinh hát đến ba bài và cũng được mọi người hồ hởi thưởng thức. Tiếp theo phần văn nghệ là phần trao quà và lộc mừng tuổi đến tận tay quý Đạo tử.

Đặc biệt nhất là sự nỗ lực vượt thời gian của Đạo tử phụ trách ẩm thực của đoàn. Chỉ vồn vẹn có hai nhân sự: đạo tử Kim Tuyền và đạo đệ Quyển, chỉ trong gần một giờ đồng hồ đã hoàn tất xuất sắc việc chuẩn bị cho buổi cơm trưa đặc sắc để chiêu đãi. Nào là món Ragout với bánh mì; cơm dùm với chả kho năm; canh rau sà lách soong nấu năm... Buổi cơm thân mật diễn ra nhanh chóng và ấm áp, đã gói trọn bao tình

cảm thương kính và tri ân của nhân viên Phổ Thông Giáo Lý đến những người đi trước đã hết lòng phụng sự đạo Thầy.

Giờ chia tay đã đến, Đạo huynh trưởng đoàn nói lời tạm biệt mọi người. Đạo tử đại diện nhà dưỡng lão nói lời đáp từ cảm ơn đoàn công quả. Chúng tôi rời Dưỡng lão đường Quy Thiện trong không khí quyến luyến của cả hai bên.

Địa điểm đến thứ hai mà Đạo huynh trưởng đoàn ưu ái tranh thủ thời gian dành cho tu sinh chúng tôi là tham quan Tòa Thánh Tây Ninh. Tại đây chúng tôi được tận mắt nhìn thấy ngôi Tòa Thánh nguy nga là công trình nổi tiếng với kiến trúc đặc sắc và độc đáo. Nhìn từ bên ngoài ngôi Tòa Thánh thật là to lớn, được bao bọc chung quanh những con đường chính trải dài và rất sạch sẽ. Mặt chính Tòa Thánh nhìn từ bên ngoài vào là tòa nhà ba tầng (một trệt, hai lầu) nằm giữa hai tháp vuông là Lầu Chuông và Lầu Trống gọi là Hiệp Thiên Đài. Bên Lầu Chuông có tạc tượng Ngài Quyển Giáo Tông Lê Văn Trung mặc đạo phục đứng trên quả địa cầu, tay mặt cầm quyển Thiên thư. Bên Lầu Trống có tạc tượng Ngài Nữ đầu sư Lâm Hương Thanh mặc đạo phục đứng trên quả địa cầu, tay mặt cầm nhánh bông, tay trái xách giỏ hoa lam. Hai bên cửa chính Tòa Thánh có hai pho tượng lớn, sát bên Bạch Ngọc Chung Đài là tượng Ông Thiện, bên Lôi Âm Cổ Đài là tượng Ông Ác. Bên trong Tòa Thánh có Tịnh Tâm Điện nằm ở tầng trệt của Hiệp Thiên Đài, qua Tịnh Tâm Điện là đến Cửu Trùng Đài được chia ra làm chín bậc. Bậc thứ chín đặt bảy cái ngai trạm trổ rất đẹp dành cho bảy vị chức sắc cao nhất, hai bên bảy cái ngai là hai hàng tàn, lọng và dàn bát bửu của Bát Tiên, trên trần nhà chín cấp đều có hình sáu con rồng. Kế tiếp là Bát Quái Đài với quả Càn Khôn thật lớn ở chính giữa vẽ hình Thiên Nhân, bên dưới Quả Càn Khôn là long vị của các đấng Giáo chủ Tam Giáo, Tam Trấn và các Thánh tử đạo...

Cùng tham quan chiêm ngưỡng với chúng tôi là từng đoàn khách du lịch, trong đó có không ít là khách nước ngoài. Điều đặc biệt mà chúng

tôi muốn nói ở đây là khâu tổ chức, từ khi bước vào cửa chúng tôi đã gặp người hướng dẫn rồi, ở mỗi bậc khách tham quan đi qua đều có người đứng hướng dẫn mặc đạo phục trên cánh tay mang băng BTC. Ở bậc thứ chín bên dưới Thiên bàn có vị hướng dẫn đặc biệt, vị này sẽ trả lời những thắc mắc của khách tham quan hay kể lại những sự kiện đặc biệt nếu khách có yêu cầu. Chúng tôi đi một vòng quanh Bửu Điện đến bên quả Càn Khôn, xem cách bày trí thờ phụng... và nghe Đạo huynh trưởng đoàn kể chuyện đức tin; gương anh dũng một lòng vì Đạo của quý Tiên bối đã được Thầy sắc phong Thánh tử Đạo, trong đó điển hình nhất là tấm gương của tiên bối Nourm Dinh – đạo hữu Kampuchia đã được Thầy ân ban và được đặt bài vị thờ phượng ngay trên Thiên bàn của Tòa Thánh. Chúng tôi vừa được chiêm ngưỡng vừa được nghe diễn giải chi tiết nên ai nấy cũng đều thích thú.

Giờ Ngọ đã đến, đoàn chúng tôi hòa cùng đoàn đạo hữu đông đảo nơi đây đứng chờ nơi Tĩnh Tâm Điện để dự lễ cúng Ngọ. Mọi người yên lặng xếp thành hàng đi vào Chánh Điện, dưới sự hướng dẫn của Ban Tổ Chức. Chúng tôi đứng thành hàng thật ngay ngắn. Buổi cúng bắt đầu, Ban đồng nhi đọc kinh trong tiếng đàn của Ban nhạc lễ, kết thúc phần đọc kinh là phần đọc sớ. Điều làm chúng tôi thích thú ngạc nhiên không chỉ là phần đọc kinh chuẩn của Ban đồng nhi hay phần đọc sớ thanh thoát với giọng to khỏe của người đọc sớ mà là phần kết cấu kiến trúc đặc biệt của phần Chánh Điện tạo ra một sự cộng hưởng âm thanh, làm cho âm thanh từ người đọc được khuếch đại nhiều lần mà không cần bất kỳ một dụng cụ hỗ trợ âm thanh nào, mà vẫn to và âm vang. Phải nói rằng, đây là một điều kỳ lạ và thú vị, kỳ lạ vì với một không gian quá rộng lớn mà ta vẫn nghe rõ mồn một âm thanh trầm bổng, thanh thoát. Thú vị vì chúng ta nghe được giọng hoàn toàn tự nhiên. Thật đáng khâm phục và ngưỡng mộ.

Rời đền Thánh, chúng tôi tiến thẳng đến

tham quan Báo Ân Từ. Vì thời gian hạn chế nên nhóm tu sinh chỉ tham quan được hai địa điểm chính mà thôi. Trong không khí hân hoan của những người được ban ân sau khi cúng Ngọ, chúng tôi chia tay với Tòa Thánh để tiếp tục lên đường làm nghĩa vụ thiêng liêng của đoàn.

Điểm đến thứ ba của chúng tôi là Điện thờ Phật Mẫu ở Trường Tây là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc những người cao tuổi không nơi nương tựa, những người tật nguyền, là những cảnh đời kém may mắn, một số là người Đạo và một số người không có Đạo. Có đến đây chúng tôi mới tận mắt chứng kiến “cái khổ của người đời” với nhiều nỗi bất hạnh. Có người đang nép chân bằng một bảng inox, có người thiếu năng không nói được chỉ biết biểu thị cảm xúc của mình bằng những tiếng ê-a, có người dị tật sống trong cái giường được thiết kế giống như cái lồng, có nhiều người bị tai biến đi loạng choạng, có người phải nằm một chỗ và vệ sinh ngay tại giường, có người khiếm thị cả 2 mắt, có người tâm thần bất định...

Có đến đây chúng tôi mới hiểu tại sao các anh, chị lại tổ chức chuyến đi này. Đây là những người thật sự cần được chia sẻ cả về vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng và xã hội. Họ rất cần những bàn tay nhân ái, những tấm lòng vàng để một phần nào đó có thể xoa dịu những đau thương bất hạnh của họ, để họ có thể tiếp tục sống, tiếp tục tiến hóa ở cõi thế gian này. Đến đây chúng tôi mới hiểu vì sao Đức Chí Tôn dạy chúng ta phải thực thi quyền pháp đạo là “tình thương và sự sống”, vì sao “lá lành đùm lá rách”, vì sao Đức Phật Thích Ca lúc là Thái Tử khi Ngài đi qua 4 cổng thành nhìn thấy cảnh sinh, lão, bệnh, tử, chứng kiến tận mắt nỗi khổ của người đời để đi đến quyết định từ bỏ ngai vàng tìm nơi giải thoát con người khỏi những đau khổ, bất hạnh đó. Và điều đó làm chúng tôi chợt nhớ lời dạy của các huynh tỷ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý: “Các em có biết rằng các em được ngồi đây để học Đạo thì các em là những

người hạnh phúc nhất không, trong lúc các em được ngồi đây để nghe những điều đạo lý thì bên ngoài còn có biết bao nhiêu người phải chật vật vì miếng cơm manh áo, khổ sở vì việc mưu sinh hay không biết gì đến ánh sáng của đạo lý. Có hình dung được như vậy thì các em mới thấy việc được ngồi học ở đây là quý như thế nào, có biết quý, các em mới tự nguyện chuyên tâm mà học tập để ra người xứng đáng.”

Và đó cũng chính là mục đích mà các anh, chị trong Ban tổ chức muốn hướng đến khi cho chúng tôi đi theo đoàn công quả từ thiện này để chúng tôi có sự trải nghiệm, cọ sát với thực tế về phần đời. Vàng, được làm người rất quý, vì con người là sinh vật được tiến hóa cao nhất ở cõi thế gian, nhưng được làm người bình thường thì lại càng đáng quý hơn, và đáng quý hơn vạn lần khi được làm người tiến hóa về mặt tâm linh, mà muốn được tiến hóa thì phải hợp với Đạo, hiểu được chân giá trị của Đạo và hành đúng Đạo là mong muốn mà các anh, chị trong Ban tổ chức hướng đến cho chúng tôi.

Bây giờ thì chúng ta thực tập phần chia sẻ nhé. Chúng tôi chia làm 2 nhóm đến bên từng bệnh nhân để thăm hỏi và tặng quà. Nhìn những gương mặt rạng rỡ của người bệnh, những ánh mắt chờ đợi thì bao nhiêu mệt nhọc của chúng tôi dường như tan biến mất và như được tiếp thêm sức mạnh. Một buổi trình diễn văn nghệ ngoài trời được thiết lập ngay lập tức. Mọi người không ai bảo ai đến ngồi thành dãy dài để thưởng thức nhạc sống, sau khi anh Trưởng đoàn chào thăm hỏi xong là đến phần văn nghệ. Đầu tiên là tốp ca mới được thành lập sáng nay của chúng tôi, hát nghe rất hùng hồn, hát bằng tâm với tinh thần phổ thông giáo lý. Tiếp đến là hai ca sĩ chính của đoàn là anh Chánh Tâm mà quý vị khán giả “tưởng là” nghệ sĩ Minh Vương và chị Xuân Mai, mỗi người một vẻ làm “nóng” hẳn bầu không khí lên, mọi người vỗ tay tán thưởng rất nhiệt tình làm anh Chánh Tâm “phấn khởi” quá hát chạy luôn, không cầm micro. Một đạo tử bệnh nhân phấn khởi bước lên mạnh

dạn trình bày bài ca cổ với giọng hát chân chất của mình. Còn chị Xuân Mai đọc Thánh giáo, ngâm thi và ca vọng cổ cho mọi người nghe và tất nhiên kết thúc là tốp ca tập thể không thể thiếu được của chúng tôi. Tuyệt nhất là tinh thần phục vụ văn nghệ ngay tại giường bệnh của anh Chánh Tâm cho những bệnh nhân bị liệt không còn khả năng di chuyển.

Chia tay mọi người trong sự luyến tiếc, chúng tôi lại tiếp tục lên đường để đến nơi tập kết cuối cùng là Sóc Bàu Éch để thăm các em thiếu nhi, là nơi có đa số đạo hữu là con em những tiền bối người Miền xưa kia đã góp công không nhỏ trong việc khai phá đất rừng xây dựng nên di sản văn hóa là Tòa Thánh nguy nga tráng lệ như ngày nay. Đoàn đã dành 45 phút cho nơi này. Chúng tôi đến nơi cũng đã gần chiều, khoảng 15g30'. Như đã quen thuộc, khi xe vừa chạy vào sóc thì các em kéo nhau đến rất đông đầy cả nhà thờ Thầy của vị Chánh trị sự. Các anh, chị sinh hoạt với các em rất vui. Huynh Trưởng đoàn hôm nay thật đặc biệt, huynh hướng dẫn sinh hoạt rất hay, các em hưởng ứng thật nhiệt tình, sôi nổi. Sau khi thực hành ôn lại nghi thức làm lễ Thầy Mẹ, huynh Trưởng đoàn dành ít phút cho bài giáo lý ngắn gọn, đạo huynh hỏi các em ai là giáo chủ đạo Cao Đài và dạy các em cách gọi ngắn gọn Đức Cao Đài và Đức Điều Trì Kim Mẫu là Thầy và Mẹ... Đến lượt chúng tôi phát quà bánh cho các em, còn huynh Trưởng đoàn thì lì xì. Có gần 80 em nôn nao chờ đợi nhận bao đồ lì xì. Huynh Trưởng đoàn phải ưu tiên phát lần lượt từ em nhỏ. Các em được cầm bao lì xì và gói bánh kẹo đều rất vui vẻ. Các em kết thúc buổi sinh hoạt bằng một bài hát vui và chúng tôi từ giã để trở về Sài Gòn.

Sau khi chúng tôi đã an vị ổn định trên xe rồi, Đạo huynh để nghị bác tài tranh thủ ghé qua Trí Huệ Cung của Đức Phạm Hộ Pháp trong nửa tiếng. Ô! chưa xong đâu nhé vì sau đây mới là phần hấp dẫn nhất của chuyến đi. Phần này sẽ là phần kiểm tra kết quả thu (XEM TIẾP TRANG 95)

TÁI SINH Ở PHƯƠNG TÂY

"Reborn in the West" của Vicki Mackenzie. Nguyên Ngọc chuyển Việt ngữ.

■ V.T. ST.

BBT: Vicki MacKenzie là tác giả quyển "Reincarnation: The Boy Lama", hiện đang sống ở Sydney, Úc châu, từng là ký giả trong 27 năm, phần lớn làm cho báo chí Anh.



TÁC GIẢ VICKI MACKENZIE.



GIÁO SƯ HAZEL DENNING.

Vào một buổi chiều lười biếng ở Sydney, tôi mở tivi và thấy chương trình Oprah Winfrey đang tranh luận về kiếp trước kiếp sau, cuộc tranh luận rất sôi nổi. Đây là một

"talk show" của Mỹ. Khách mời là Dr. Hazel Denning, bác sĩ phân tâm học, là một phụ nữ có tuổi, thông minh, ăn nói rất lưu loát và là sáng lập viên của hội Association for Past life and Therapies (Hội Nghiên cứu kiếp trước kiếp sau để ứng dụng vào việc chữa trị). Là một người tiên phong trong lãnh vực này, bà đã đi nhiều nơi trên thế giới thuyết giảng về thuyết luân hồi.

Ngoài tài ăn nói rõ ràng lưu loát về đề tài luân hồi, về vấn đề kiếp trước ảnh hưởng đến kiếp hiện tại, bà còn là một bác sĩ tâm lý trị liệu rất giỏi. Tôi nghĩ công trình nghiên cứu của bà về luân hồi vào khoa tâm lý trị liệu ở Tây phương sẽ là những tài liệu quý báu cho tôi, nên tôi tìm cách hội kiến với bà.

Máy bay hạ cánh xuống một phi trường nhỏ ở miền Nam California. Giáo sư Denning thân hành ra đón tôi. Người nhỏ thó, lưng thẳng đi đứng nhanh nhẹn tuy đã ngoài tám mươi. Bà ung dung lái xe về nhà ở Riverside, nơi sản xuất cam nổi tiếng của Cali. Trong căn phòng làm việc của bà treo đầy

bằng cấp, chứng chỉ: hai bằng tiến sĩ, hai bằng thạc sĩ, bằng cấp cử nhân và rất nhiều văn kiện chứng thực bà rất uyên bác về khoa thôi miên và khoa cận tâm lý (Parapsychology).

Trong hai ngày tôi ở lại nhà bà, bà kể cho tôi nghe về công việc của bà và giải thích lý do bà chọn công việc này. Từ hồi nhỏ, giáo sư Denning hay thắc mắc muốn tìm hiểu "tại sao" về việc này việc nọ, tại sao con người phải chịu khổ đau. Bà không tin đó là ý Chúa (God). Bà cho là tin như vậy có vẻ không hợp lý.

Năm ngoài hai mươi tuổi, tình cờ bà được đọc một cuốn sách về luân hồi. Bà vui mừng, "Ôi chào! Tôi đã tìm được giải đáp cho những thắc mắc của tôi rồi. Tôi quá đổi vui mừng và suy nghĩ: cuối cùng thì tôi cũng tìm được một lời giải hợp lý, có thể lý giải được tất cả những bất công của thế gian."

Hồi đầu thì bà chưa tin lắm. Bà tìm đọc những tài liệu xưa để xem những thức giả đời trước nghĩ sao về luân hồi, và khám phá ra rằng tất cả những tôn giáo lớn trên thế giới đều tin luân hồi kể cả Thiên chúa giáo

cho đến năm 533 sau Tây lịch, thì một ông vua La Mã và bà hoàng hậu cấm không cho nói đến luân hồi nữa. Có hai giáo hoàng bị giết vì muốn giữ đoạn nói về luân hồi trong kinh sách. Ít người biết biết đến dĩ kiện này. Cũng không mấy ai biết chuyện những cha cố ngày xưa như cha Origin và ông thánh Augustin đều tin có luân hồi.

Bà nói “VẬY NHỮNG NGƯỜI NÀO NÓI RẰNG TIN CÓ LUÂN HỒI LÀ TRÁI VỚI GIÁO ĐIỀU THIÊN CHÚA GIÁO LÀ KHÔNG BIẾT NHỮNG CHUYỆN NÀY”. Bà càng thích thú hơn khi khám phá ra những nhân vật nổi tiếng từ cổ chí kim đều tin có luân hồi, từ Plato, Aristotle, Socrates đến Henry Ford, Gladstone, Thomas Edison, đại tướng Patton và nhiều người khác nữa. Bà áp dụng những hiểu biết về luân hồi vào khoa chữa bệnh tâm thần để tìm hiểu nguyên do sâu xa do đâu mà bệnh nhân dường như sống ở một thế giới khác, hay có nhiều sợ hãi vô lý (phobia).

Tôi nóng lòng muốn biết giáo sư Denning làm sao dung hòa được hai vai trò có vẻ trái ngược, vai trò của một bác sĩ tâm thần và vai trò của một người dùng thuật thôi miên đưa bệnh nhân trở về kiếp trước. Làm sao bà có thể chấp nhận lối giải thích của các bác sĩ tâm lý trị liệu hiện nay dùng chữ nghiệp (karma) để giải thích rằng những gì xảy ra trong đời này đều do

NGHIỆP CHƯỚNG ĐƯƠNG SỰ ĐÃ TẠO NÊN TỪ NHIỀU ĐỜI TRƯỚC. Giáo sư Denning không tin môi trường sống là tác nhân chính ảnh hưởng đến cách hành xử của một người. Bà công nhận hoàn cảnh bao quanh đời sống cũng đóng một vai trò khá quan trọng nhưng không phải là yếu tố chỉ huy. Theo bà thì mục đích của đời sống ở thế gian là để tu tâm hướng thượng. Một người tái sinh ở lại cõi trần là để thanh toán, thành tựu những gì mình làm dang dở trong những kiếp trước. Bà nói có những đứa trẻ sanh ra với một bản tánh yêu đời, đứa khác thì hay cáu giận, tức là mang theo chủng tử của kiếp trước.

Theo bà thì số phận (destiny) của mỗi người không thể thay đổi được những phước báu của cha mẹ hay môi trường chung quanh có thể làm cho đời sống của người ấy thoải mái hơn hay khó khăn hơn.

Vì thế giáo sư Denning quyết định trở nên một nhà thôi miên chuyên nghiệp. Bà muốn dùng thuật thôi miên đưa bệnh nhân trở về sống lại kiếp trước của mình. Bà rất cẩn trọng, tỉ mỉ và trung thực trong công việc này. Bà không tìm cách khống chế tư tưởng của bệnh nhân. Bà nói ngay trước trong khoa thôi miên người ta thường dạy phương pháp gợi ý cho bệnh nhân (post-hypnotic suggestion) dùng những câu như “Không được ăn thức ăn

này. Thức ăn này ghê lắm v.v.”. Tôi không dùng phương pháp ấy, trái ngược với nguyên tắc của tôi. Tôi tìm được cách riêng của tôi mà không cần khống chế tâm ý của bệnh nhân. Vì thế tôi muốn dùng cụm từ “đổi đời” (altered state) thay vì hai chữ thôi miên”.

Ở Mỹ những người tìm đến với Dr. Denning gồm đủ mọi thành phần xã hội. Bà dùng phương pháp thông thường trước. Nếu không có kết quả thì bà đưa bệnh nhân trở về kiếp trước để tìm hiểu nguyên nhân. Bệnh nhân của bà gồm đủ mọi hạng người, mục sư có, chuyên viên có, rất nhiều nhà giao, nhiều quân nhân và các thành phần khác.

Bệnh nhân của bà thường ở lứa tuổi ba mươi đến bốn mươi, nhưng có một cô bé chín tuổi xin cha mẹ đến gặp bà để tìm hiểu tại sao cô sợ máu lắm. Mới chín tuổi nhưng cô rất chững chạc. Vừa tiếp đi cô bé thấy kiếp trước của mình là một ông già đang giẫy chết vì bệnh tim. Bỗng đứng cô la lên “Không, tôi không phải chết vì bệnh mà vì tôi quá đau khổ.” Rồi cô bắt đầu kể đến ông già – tức là tiền thân của cô – đưa vợ đi ăn tiệm. Một tên cướp vào tiệm bắn chết nhiều người trong đó có vợ ông. Cô thấy người “vợ” chết trong vũng máu – ấn tượng hãi hùng đó theo thần thức qua đến đời này. Thêm vào đó là mặc cảm tội lỗi đã không cứu được người “vợ”

của mình ray rức hành hạ cổ, bà kết luận.

Quan điểm của giáo sư Hazel Denning về vấn đề này rất rõ ràng vì bà chứng kiến hàng ngàn bệnh nhân đã đổi đời, bà đã thấy rõ bao nhiêu thảm cảnh trong nhiều kiếp của họ và bà đã khai triển riêng lý thuyết của bà.

Cuộc đàm thoại sau đây giữa cô Mackenzie với giáo sư Denning, vì vậy, không những có giá trị về mặt thông tin mà còn rất thú vị và hào hứng.

▪ VICKI MACKENZIE: Tại sao lại có hiện tượng tái sanh?

▪ HAZEL DENNING: Khi đưa một người trở về kiếp trước và tìm hiểu tại sao đương sự chọn tái sanh vào gia đình này, và mục đích của họ trở lại thế gian để làm gì thì ai cũng có câu trả lời tương tự: “Quả thật tôi không muốn trở lại thế gian chút nào. Ép mình vào cái xác phàm như đi vào tù, ngột ngạt lắm.” Khi tôi hỏi lại: “Vậy tại sao ông/bà lại trở về, có ai bắt mình ở lại đâu?” thì câu trả lời luôn luôn là: “Vì thế gian là một trường học để rèn luyện nhân phẩm của mình. Muốn trau dồi tâm linh, muốn hướng thượng thì phải trở lại thế gian. Mà thật tình tôi muốn tu tâm nên tôi phải trở lại thế gian này.” Đó là câu trả lời tôi ghi lại.

▪ VICKI MACKENZIE: Theo kinh nghiệm của bà thì người ta trở lại thế gian này bao nhiêu lần?

▪ HAZEL DENNING: Vô lượng kiếp, cho đến khi họ học hỏi

thành tựu được những điều mong muốn. Ngay cả trong đời hiện tại này có người phải mất nhiều năm mới thấy rõ ý nghĩa của những chướng ngại khó khăn xảy ra cho mình. Có một bà khi đến phòng mạch lần đầu tuyên bố rằng “Tôi đến đây muốn hỏi về tình yêu lứa đôi.”

Trả lời thế nào với bà này? Là bác sĩ chuyên môn về khoa tâm lý, tôi không thể nói bà cứ yêu đi rồi sẽ được yêu. Bà vẫn đến phòng mạch nhưng không thường xuyên. Mãi đến mười tám năm sau bà mới tìm ra “chân lý”. Trong thời gian không gặp mặt, bà có một đời chồng, ly dị, ăn ở với một ông khác, lấy chồng lần thứ hai, rồi cũng ly dị, ăn ở với năm, sáu ông khác nữa cho đến một hôm bà không chịu đựng được cảnh sống một mình nữa và cương quyết đi gặp tôi mỗi ngày cho đến khi nào tìm được nguyên nhân tại sao bà không thể chung thủy với một người. Cuối cùng thì bà thấy kiếp trước bà là con gái của một gia đình giàu có ở Hy Lạp. Khi chừng mười bốn tuổi, cô bé yêu cậu người làm cùng tuổi. Khi biết được, cha cô nổi trận lôi đình đày người yêu của cô ra một hòn đảo và bán cô cho một người đàn ông lớn tuổi. Quá đau buồn uất ức, cô tự tử chết. Trước khi chết, cô nguyện rằng “Tôi sẽ không bao giờ, không giờ thương yêu ai nữa.”

Qua bao năm kinh nghiệm với công việc này, tôi thấy tư tưởng hay ý nguyện cuối cùng

trước khi chết, nếu là tiêu cực sẽ theo người đó qua kiếp sau. Thí dụ nếu mình chết với lòng giận dữ, với tâm thù hận thì kiếp sau mình phải tu tâm dưỡng tánh để rửa lòng, để xả bỏ những thù hận của kiếp trước.

Trở lại chuyện bà khách. Sau khi biết tiền kiếp của mình, bà gặp được một người chồng tử tế và có hai đứa con. Bà đang hụp lặn trong hạnh phúc mà trước đây bà không thể tưởng tượng có ngày bà có thể được hưởng.

Sau khi chứng kiến câu chuyện bà này, tôi nghiệm rằng có nhiều người không thể một sớm một chiều mà tìm được lời giải. Họ cần phải trải qua nhiều biến cố nữa trước khi thấy cái nghiệp của mình. Và câu chuyện này cũng giúp tôi đi đến kết luận rằng mình không thể tự dối lòng. Cho đến khi mình thấy được cái nhân của đời trước, mình mới có thể giải quyết cái quả của đời này. Nhiều khi phải đi sâu vào nhiều đời trước mới thấy được cái “nhân” chính đang chi phối đời sống hiện tại.

▪ VICKI MACKENZIE: Có bao giờ bà chứng minh được những mẫu chuyện tiền thân thật sự xảy ra không?

▪ HAZEL DENNING: Có chứ. Tôi vẫn để tâm theo dõi mỗi khi có dịp tốt. Thí dụ trường hợp một thân chủ nhất định không cho các con đi coi buổi trình diễn của gánh xiếc. Bà biết cấm đoán như vậy thật là

vô lý nhưng bà không thể làm gì khác hơn. Khi được đưa trở về kiếp trước thì bà thấy chính bà là “con mụ mập” (the fat lady) của một gánh xiếc và bà ghét cay ghét đắng vai trò của mình. Bà nhớ cả tên người đàn bà mập ấy và cả tên thành phố nữa. Có một bệnh nhân khác có mặt hôm đó biết thành phố này. Ông tình nguyện sẽ tìm đến xem thì quả nhiên đầu thế kỷ 20, ở thành phố đó có một bà mập tên đó đã theo đoàn hát xiếc kiếm ăn như lời bà kia tả lại. Trong đời hiện tại bà này cũng mập. Một bệnh nhân khác nhớ lại kiếp trước bà là một phú thương đàn ông bị chết chìm theo chiếc tàu Titanic. Bà nhớ tên tuổi của người đàn ông này. Về sau tìm xem sổ sách thì quả nhiên người đàn ông ấy là hành khách trên chiếc tàu Titanic. Bà kể khi nhìn thấy tên trong sổ bà rùng mình ớn lạnh! Ngoài những chứng cứ cụ thể này, những chứng cứ cho thấy những chuyện tiền thân mà các thân chủ tôi nói ra là có thật, và nó rất hợp tình hợp lý với bối cảnh riêng của từng người. Nhờ đó họ có thể đổi đời, có thể thoát được những ray rứt, những sợ hãi vô lý làm xáo trộn đời sống hiện tại của họ.

▪ VICKI MACKENZIE: Có ai tỏ ra có mặc cảm tội lỗi khi nhìn thấy những việc xấu họ đã làm trong những đời trước?

▪ HAZEL DENNING: Không hẳn

như thế sau khi họ hiểu mục đích của sự tái sinh và duyên nghiệp. Tôi giải thích cho họ thấy rằng những chuyện xảy ra trong quá khứ không quan trọng mấy. Quan trọng chẳng là những gì mình học hỏi được từ những biến cố ấy, và dường như đây mới là nguyên tắc căn bản.

Có một trường hợp rất lạ lùng. Một bệnh nhân vừa bước vào phòng mạch là ngồi phịch xuống ghế, đấm mạnh hai tay vào thành ghế và la lớn “Tôi ghét Chúa! Jesus Christ là một kẻ lừa đảo! Tôi đã cố gắng làm hết mọi thứ, đã đi tìm thầy chuyên môn, đã học hết kinh Thánh mà vẫn không thay đổi gì được cuộc sống của tôi. Tôi khổ quá!” Bà gặp toàn chuyện xui. Rờ tới cái gì thì hỏng cái đó mặc dù bà là một người có khả năng xuất chúng. Sự nghiệp làm ăn bà gây dựng nên tưởng như thành công, cuối cùng cái gì cũng thất bại. Đường chồng con cũng xấu. Tuổi còn trẻ mà trông như một bà già. Bác sĩ nói cơ thể của bà già trước tuổi đến hai chục năm.

Khi được hướng dẫn trở về kiếp trước thì thấy bà là một hồng y trong Tòa Án Dị Giáo (The Inquisition) do giáo hội La Mã Thiên Chúa chủ trì để trị tội những người ngoại đạo. Sự việc này làm đức hồng y (tiền thân của bà) rất đau khổ. Ngài biết trị tội những người ngoại đạo là sai lầm, nhưng đó là việc giáo hội muốn làm. Khi được hỏi tại sao bà trở thành

công cụ chính trong Tòa Án Dị Giáo thì bà buột miệng nói rằng “Đó là để cải tổ lại giáo hội vì giáo hội thời ấy quá hủ hóa, và tôi được giao trọng trách này.” Qua những chuyện tương tự, tôi thấy rằng những việc làm khủng khiếp đều có mục đích riêng.

▪ VICKI MACKENZIE: Bà có thấy ai chọn trở về gắn gũi với những người họ quen biết từ nhiều kiếp trước không?

▪ HAZEL DENNING: Có, Nhưng vai vế thì thay đổi. Có người tái sinh với nhau để giải quyết nhiều vấn đề còn dang dở. Có người muốn trở lại để giúp đỡ những người thân. Tôi cho rằng các thánh tử đạo, hay những người chọn cái chết vì chính nghĩa là họ tự nguyện làm như vậy để thức tỉnh lương tri của nhân loại. Cho nên nói rằng nghiệp báo chỉ thể hiện như một sự trừng phạt thì không đúng, cũng có nghiệp dữ, nghiệp lành. Đó là luật nhân quả.

Tôi có quen biết một bà bác sĩ, một người đàn bà rất dễ thương mà lấy một ông chồng dễ ghét nhất trần gian. Khi nào ông cùng mè nheo, gắt gỏng, độc ác mà chính ông không cố tình độc ác. Dần dần, bà chán nản không còn thương chồng nữa. Nhưng không bao giờ bà có ý định ly dị. Một hôm bà đến xin soi căn và thấy rằng bà đã gặp ông này ở một kiếp trước khi ông là một linh hồn lạc lỏng. Bà hứa kiếp sau sẽ lấy ông

làm chồng và sẽ giúp ông tìm lại linh hồn mình. Và sau đó thì bà thay đổi thái độ, thật tình yêu thương ông, dịu dàng kiên nhẫn với ông và chỉ một năm sau thì ông cũng đổi tính. Ông đi nhà thờ với bà, ông lái chiếc xe sport màu đỏ rong chơi khắp phố phường. Ông nói năng vui vẻ, hài hước ai cũng thích.

Tôi dùng câu chuyện này để khuyên răn những gia đình có chồng nghiện rượu. Tuy người vợ tha thứ sự nghiện ngập của chồng nhưng tình cảm đối với chồng thì đã sút mẻ. Tôi nói với họ rằng “Nếu chị thật tình thương yêu và muốn cải hóa chồng thì chị không nên dùng giọng lời gay gắt với chồng mà nên bộc lộ tình thương, ăn nói dịu dàng thì ông sẽ thay đổi.” Có nhiều bà nghe lời và đã thành công.

▪ VICKI MACKENZIE: Bà cho biết sau khi chết, hồn có một thời gian nhất định để đi đâu thai không?

▪ HAZEL DENNING: Có người tái sinh trong vòng vài tiếng đồng hồ sau khi chết, nhất là lính tráng chết ngoài trận mạc. Họ không chịu được cảnh hồn họ lang thang. Họ muốn nhập xác liền. Có lẽ lý do này giải thích được hiện tượng thiên hạ sinh đẻ nhiều sau những trận chiến tranh. Có nhiều người thì mấy trăm năm sau mới tái sinh. Có nhiều linh hồn từ thời Atlantean Age mà bây giờ mới trở lại trần gian. Có lẽ họ chờ đúng thời cơ để

đem những hiểu biết mới giúp cho sự chuyển tiếp qua thời đại mới (New Age).

▪ VICKI MACKENZIE: Có khi nào bà đã gặp những người đã từng sống ở hành tinh khác hay cõi giới khác không?

▪ HAZEL DENNING: Thành thạo cũng có. Rất nhiều người cho rằng hạ giới là hành tinh thấp nhất trên cột luân hồi (the totem pole). Có mấy người nói rằng trước kia họ sống trên một hành tinh khác. Có một ông viết một thứ chữ lạ hoặc rồi dịch lại tiếng Anh. Ông nói hành tinh ấy có một văn hóa khác hẳn. Ông còn nói khi ấy ông hiểu được “nguyên lý đồng thời” – hiện tại, quá khứ và vị lai đều đang thể hiện ở giây phút này. Thật là khó hiểu.

▪ VICKI MACKENZIE: Theo như bà nói thì mọi chuyện xảy ra đều có lý do? Và cuối cùng thì cũng đưa đến sự tốt đẹp?

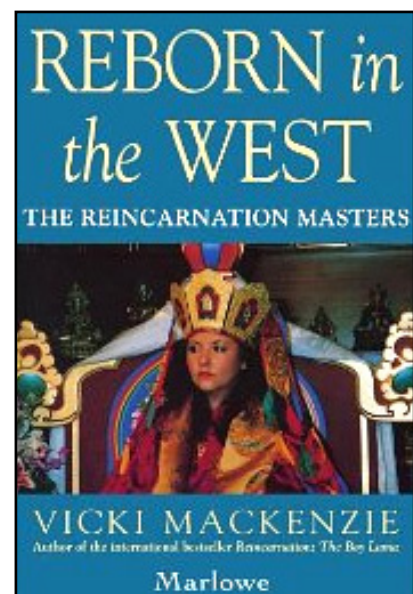
▪ HAZEL DENNING: Đúng thế... Tôi cho rằng con người được sinh ra với một trí tuệ sáng tạo vô bờ mà chúng ta đã ngu muội không thông hiểu, đã phá hoại và lãng quên những khả năng ấy. Thời đại này là thời đại chúng ta có thể trở về với bản năng chân thật của chúng ta.

Cũng giống như những mẫu đối thoại với các vị “gurus” Tây phương khác về luân hồi, buổi nói chuyện với Dr. Denning thật là hứng thú. Những điều tôi học được ở bà cũng như ở nhiều nhà chuyên môn khác về kiếp trước kiếp sau cũng

không khác những điều tôi đã được nghe mấy Lạt Ma của phương Đông giảng dạy.

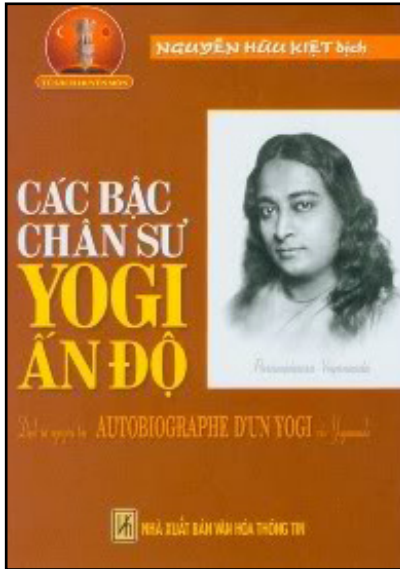
Chi tiết về trường hợp tái sinh có thể khác nhau nhưng chân lý thì chỉ có một, là chân lý mà Lama Yeshe và Lama Zopa đã nói cho chúng tôi nghe trong chiếc lều trên sườn núi của Kopan rằng sau khi chết sẽ có một đời sống khác; rằng đời sống kế tiếp như thế nào là do nghiệp báo của bao đời trước quyết định; rằng trạng thái tâm thần khi hấp hối đóng một vai trò quan trọng ảnh hưởng đến đời sau; rằng người ta thường trở lại sống với những người có nghiệp duyên với chúng ta; rằng những đau khổ của đời này là chính chúng ta tạo ra v.v. Không nên oán ai, đổ lỗi cho ai vì chính mình vẫn luôn luôn làm chủ đời mình.■

[HTTP://WWW.PASTLIFETIMES.NET/PSYCHIC_PHONE_READINGS_PSYCHIC_RESEARCH_HAZEL_DENNING.HT](http://www.pastlifetimes.net/psychic_phone_readings_psychic_research_hazel_denning.ht)■



BÌA SÁCH TIẾNG ANH.

“XỨ PHẬT HUYỀN BÍ”



BÌA SÁCH VỚI BỨC CHÂN DUNG CỦA YOGANANDA.

Trong ngăn tủ sách huyền môn do ông Nguyễn Hữu Kiệt biên dịch, quyển chúng tôi để tâm đầu tiên là “XỨ PHẬT HUYỀN BÍ”. Đây là tự thuật của Yogananda mà W.Y Evans-Wents giới thiệu “Quyển sách của một người Yogi viết về những người Yogi”. Sách dày 540 trang, gồm 30 chương, tái bản lại với tựa đề “CÁC BẬC CHÂN SƯ YOGA ẤN ĐỘ” (chỉ in 11 chương đầu) (NXB. Văn Hóa Thông Tin).

HIỆU NĂNG CỦA HÀNH PHÁP

Chúng ta kính cẩn trước các bậc sư giả như Đức Trần Hưng Đạo kêu gọi:

*Chừ ai gánh nặng phần
trọng trách,*

Chừ ai toan kế hoạch cứu nguy,

*Ai đâu hướng đạo Tam Kỳ,
Ai thương nhân loại, ai vì
nước non!*¹

Ngoài ra chữ thường nhân vào thế gian không nhiều thì ít đều mang nghiệp lực. Đức Mẹ dạy:

*Trải lịch kiếp nghiệp còn
triu triu,*

*Kỳ xá ân nường níu trì tu,
Huyền môn giải phá trần tù,
Phất trần quét sạch ngút mù
từ lâu.*²

Nhờ hành pháp mà nghiệp lực dần nhẹ và mờ tan.

Hiệu năng của yoga được đề cập trong “Xứ Phật Huyền Bí”: “Kriayoga có nghĩa là hiệp nhất với Đấng Vô Cùng do sự trung gian của một nghi thức hay hành động. Người yogi thực hành đúng đắn pháp môn này sẽ lần lần tự giải thoát khỏi sự trói buộc của nghiệp quả.”

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ôn Trên dạy chúng ta:

*“Khi chừ hiển đệ muội đạt
được sự chứng đắc thì vượt
ngoài vòng sanh tử. Những
nghiệp lực kết tập bấy lâu cũng
từ từ tan biến...”*³

1. Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ (10-5-1965).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bình Thịn (19-01-1977).

3. Đức Hà Tiên Cô, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Có một sự trùng hợp làm chúng ta ngạc nhiên “XỨ PHẬT HUYỀN BÍ” viết “Một lần công phu chừng nửa phút đồng hồ vòng quanh xương sống theo pháp môn Kriya, giúp cho con người thực hiện một sự tiến bộ bằng một năm tiến hóa tâm linh thông thường...”

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Trễ một giờ là mất một năm
tiến hóa. Nếu làm một nhưn
sanh nơi cõi thế mà không tiến
hóa được thì thật uổng phí một
kiếp nhưn sanh.”*⁴

HẬU QUẢ CỦA NGHIỆP NÓI CHUNG, KHẨU NGHIỆP NÓI RIÊNG

Trong mỗi tiếp xử giữa nhau, việc cẩn trọng ngôn ngữ, hành động bao giờ cũng cần thiết, nhứt là hành giả đã cầu tu giải thoát. Tác động của tam nghiệp: thân, khẩu, ý, khó lường được hậu quả.

“Xứ Phật Huyền Bí” viết:

“Trên cành cây những con
két đang mổ vào những trái
sung chín đỏ. Uma, chị tôi kêu
đau vì mọt nhọt dưới chân và
lấy thuốc xoa bóp lên chỗ đau.
Để giỡn chơi tôi cũng lấy một

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-01-1983).

chút thuốc và xoa trên cánh tay tôi.

– Em không đau mà cũng thoa thuốc trên tay làm gì? Chị tôi hỏi.

– Chị không biết, ngày mai em sẽ bị mụn nhọt. Em thoa thuốc trước ở chỗ mà nó sẽ xuất hiện.

– Đồ nói láo.

– Chị ơi! Chị không có quyền mắng em như thế trước sáng ngày mai, rồi chị sẽ thấy đúng như lời em nói.

Tôi tức mình nên nói càn như vậy. Sáng ngày hôm sau, quả thật nơi cánh tay tôi mọc lên một mụn nhọt khá lớn và đỏ au. Còn mụn nhọt của Uma sưng vù lên trông thật dễ sợ. Chị tôi la hoảng lên và chạy kiếm mẹ tôi:

– Mẹ ơi! Mukunda đã thành phù thủy!

Mẹ tôi nghiêm nghị bảo tôi không bao giờ dùng quyền năng của lời nói để làm điều chẳng lành. Tôi vâng lời mẹ, từ đó không hề quên lời dạy ấy.

Mụn nhọt của tôi về sau phải đem đi mổ; tôi hãy còn giữ lại cái sẹo trên cánh tay mặt, nó luôn nhắc nhở tôi trước khi nói phải suy nghĩ cho kỹ tới hậu quả sẽ đến.”

Về Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta phải cẩn trọng thân, khẩu, ý luôn luôn như đang đi trên cầu tre không tay vịn. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy “Các hiền đệ muội đã tiến bước khá dài trên đường đạo hạnh, lập công bồi đức, nhưng phải luôn luôn

cẩn thận, khắc kỷ, trau dồi càng thêm chặt chẽ, kỹ lưỡng hơn, để tránh khỏi những khúc quanh vì nghiệp quả. Tâm tâm thường tợ quá kiêu thời”.⁵

3. ĐỊA TRONG “PHÁP, TÀI, LỮ, ĐỊA”

Địa là không gian, nơi hành giả tu công, luyện kỹ.

Thánh sở, Thánh thất là địa tập thể, nơi tu học chung.

Đối với cá nhân, các bậc đại căn, chánh duyên sâu dày thì tu đâu cũng được. Dân gian truyền miệng câu “nhứt tu thị, nhị tu gia, tam tu tự” (bậc cao, hạng nhất thì tu giữa chợ; bậc trung, hạng nhì tu ở nhà; bậc thấp, hạng ba tu ở chùa.)

“Xứ Phật Huyền Bí” viết:

Yogananda: “Bạch sư phụ, xin sư phụ cho phép con đi lên dãy Tuyết Sơn. Con hy vọng rằng trong vùng núi cô tịch trên đó, con có thể đạt tới sự giao cảm tâm linh với thiêng liêng.”

Tôi trình với sư phụ những lời nói bạc bẽo ấy một ngày nọ. Sư phụ cảnh cáo tôi với một giọng yên tĩnh:

– Những thổ dân trên dãy Tuyết Sơn không phải đã đắc đạo.

Tôi lập lại lời yêu cầu một lần nữa. Sư phụ không nói gì. Tôi lại hiểu lầm rằng sự im lặng đó nghĩa là sự bằng lòng,

vì chúng ta luôn luôn tưởng rằng mộng là thật.

(...)

Sau hai ngày mệt mỏi vì đi lạc, Yogananda mới gặp Muzumbar “vị tu sĩ không ngủ”. Muzumbar hỏi:

– Em hãy cho tôi biết Thượng Đế ở đâu?

– Ở nơi ông, ở nơi tôi, và ở khắp cả.

Tu sĩ tiếp:

– Điều mà người ta không chịu khó tìm trong cái chân ngã thâm sâu bí ẩn của mình thì người ta không thể tìm thấy bằng cách đi đó đi đây. Em có một gian phòng nhỏ để sống biệt lập trong sự yên tịnh chăng?

– Phải tôi có.

Tôi nghĩ rằng tu sĩ đang lập luận từ đại cương đến chi tiết một cách mau chóng lạ thường.

– Đó chính là cái động đá của em.

Người yogi phóng đến tôi một cái nhìn nảy lửa mà tôi không bao giờ quên.

– Đó chính là ngọn núi thiêng của em. Chính đó là nơi mà em sẽ đạt tới cõi Đạo diệu huyền.”

Tam Kỳ Phổ Độ, thời gian có sau trước, pháp môn có tân cựu. Môn đệ Đức Chí Tôn không phải vào rừng lên núi mà phải đi vào chính động đá, chính đơn phòng nơi tâm mình. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy một đạo huynh tên Thạch muốn về miền Hà Tiên như sau:

*Thạch động cần chi nhọc
kiếm tâm,*

(XEM TIẾP TRANG 97)

5. Thánh giáo sưu tập năm Ất Tỵ 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 2010, tr.9.

ĐỨC PHẬT ĐÃ CỨU SỐNG TÔI

■ NGUYÊN TÁC: EIKO SUGIMOTO ■ CHUYỂN NGỮ: HOÀ THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN

LỜI NGƯỜI DỊCH

Dưới đây là một câu chuyện thực, rất cảm động, xảy ra tại Nhật Bản nhiều năm trước đây. Bà Eiko Sugimoto, mắc chứng bệnh Minamata, toàn thân bị tê liệt gây nên bởi sự dùng thức ăn cá, tôm, cua v.v.. trong biển bị ô nhiễm chất độc thủy ngân do các hãng xưởng chế tạo hóa phẩm phế thải ra. Trong lúc tuyệt vọng chờ chết nhờ sự hướng dẫn của người thân bà gia nhập “Lập Chánh Giao Thành Hội” (Rissho Kosei-Kai), một tổ chức Phật Giáo lớn tại Tokyo ra đời năm 1938, do ông Nikkyo Niwano sáng lập và làm Chủ tịch. Hội lấy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa làm căn bản tu học. Bà Sugimoto, sau nhiều tháng ngày thành tâm tụng kinh cầu nguyện và nhờ sức nhiệm mầu gia hộ của đức Phật, cuối cùng bà ta đã lành bệnh. ■

Vào lúc hừng đông, tôi nằm mơ thấy đức Phật với tướng hảo trang nghiêm rực rỡ, Ngài dang hai tay ra ôm tôi vào lòng. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn còn nhớ rõ giấc chiêm bao này. Lúc ấy, tôi đang mắc chứng bệnh Minamata gây nên bởi sự nhiễm độc hóa chất thủy ngân. Sau một thời gian lâu nằm chữa trị tại bệnh viện, các bác sĩ đành chịu bó tay, và tôi bị tê liệt hẳn khi trở về nhà. Trải qua bốn năm, trong tình trạng bại絮 này, tôi cảm thấy vô cùng đau đớn khi cử động. Da thịt nơi thân thể tôi trở nên tím bầm và sưng phù lên. Chân tay tôi không thể co duỗi dễ dàng và tôi cũng không còn cách nào tự mình lăn qua hay trở lại gì được. Tôi nằm liệt trên giường bất động như một khúc gỗ.

Tôi không còn thích sống trong bệnh tật nữa. Tôi mong

được chết sớm một cách an lành. Tôi thực sự muốn từ giã cõi đời, vì tôi đã từng chứng kiến sự đau đớn vào những ngày cuối cùng của nhiều người không may mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo Minamata.

Ba tôi cầm đầu một nhóm ngũ phủ từ ba mươi đến bốn mươi người. Năm 1969, ông ta đã chết vì bệnh Minamata. Sau ngày ba tôi qua đời, rất ít người đến thăm gia đình tôi. Tuy nhiên, vào buổi chiều ngày cái hôm tôi nằm chiêm bao thấy đức Phật, một người bạn đã đến thăm tôi. Ông ta tên là Tetsuya Seki, một hội viên của Lập Chánh Giao Thành Hội (Rissho Kosei-Kai). Sau khi nghe ông Seki thuyết giảng về việc cầu siêu cho người quá cố, tôi nhận biết rằng có thể ông ta là sứ giả của đức Phật mà tôi đã nằm mộng thấy hồi sáng nay.

Do sự khuyến khích của ông, tôi liền xin gia nhập Hội Phật Giáo Rissho Kosei-Kai vào tháng 5 năm 1972.

Cuộc gặp gỡ đạo hữu Seki đã mang tôi lại gần với đức Phật, nhưng vẫn không chấm dứt được sự đau đớn vì chứng bệnh của tôi. Những ngày tháng tiếp theo là sự tranh đấu không ngừng. Tôi thực sự thành tâm tụng kinh cầu nguyện đức Phật từ bi gia hộ. Vì chân tay tôi không thể nào cử động, nên chồng tôi đã giúp cầm mở cuốn kinh ra cho tôi thâm lặng chí thành tụng niệm, trong khi đầu tôi đau nhức như búa bổ, sắp vỡ tung và tôi cũng không thể nói năng gì được.

Từ nhà đạo hữu Seki đến nơi tôi ở mất hai giờ rưỡi lái xe, nhưng ông ta đã không ngại đường xá xa xôi, vẫn thường đến thăm và an ủi tôi mỗi ngày. Cuốn sổ ghi pháp

danh các hương linh quá cố của Chi Hội chúng tôi ban đầu chỉ có một, sau đó tăng lên hai tập, vì tôi nhận làm công tác cầu nguyện cho những Phật tử đã không may qua đời vì bệnh Minamata cũng như các ngư phủ bị tai nạn chết ngoài biển cả.

Do sự khuyến khích của đạo hữu Seki và chồng tôi, mỗi sáng chiều tôi tiếp tục cầu nguyện, và tôi cảm thấy bệnh tôi lần lần thuyên giảm, có thể cử động chút ít thân hình bại liệt của tôi. Cuối cùng tôi có thể ngồi dậy được trong khoảng thời gian ngắn. Sau hơn một năm, tôi nghe tin chi bộ Hội Phật Giáo của tôi dự định sẽ tổ chức một phái đoàn hành hương lên viếng thăm ngôi bảo điện trang nghiêm tại trụ sở ngôi chùa trung ương của Hội Rissho Kosei-Kai ở Đông Kinh (Tokyo). Tôi tự nghĩ biết rằng tôi không thể đi đứng bình thường được, nhưng hy vọng dù thế nào, tôi cũng sẽ cố gắng tham dự cùng đi chung với phái đoàn; vì tôi ước mong ít nhất một lần trong đời mình được cầu nguyện ngay tại chánh điện thờ Phật của ngôi chùa Hội quán trung ương đó.

Để giúp tôi thành tựu điều mong ước này, toàn thể hội viên trong Chi bộ Lập Chánh Giao Thành Hội (Rissho Kosei-Kai) tại thành phố Yatsushiro đã hết lòng cầu nguyện cho tôi. Đại đức chi bộ trưởng Akihiro Kuga cũng đã khuyến khích tôi nên tham gia cùng đi với phái đoàn. Đại đức nói: “Này, đạo hữu Sugimoto, tôi

nghĩ nhân dịp này đạo hữu nên trình bày trước đại hội ở hội quán trung ương cho mọi người biết những kinh nghiệm bản thân đạo hữu về sự mầu nhiệm của niềm tin cầu nguyện nơi đức Phật”. Cuối cùng, tôi đã thực hiện chuyến đi hành hương lên Tokyo.

Tôi được sắp xếp nằm ở chiếc ghế dài trên một chuyến xe lửa đặc biệt. Ngày sau, trong hơi thở hỗn hển, tôi được chồng và chú tôi giúp đỡ đi bước lên những bậc cấp để đi vào chánh điện tại ngôi chùa hội quán trung ương. Tôi nghe tiếng nói “Kính chào quý vị” vang lên trong tai và xâm nhập vào lòng tôi. Tôi ngạc nhiên nhìn lên thấy trước mặt mình chính đức Phật mà tôi đã nằm chiêm bao thấy hơn năm trước tại nhà tôi. Tôi reo lên: “Lạy Phật, hôm nay con tới đây với Ngài rồi!”. Quá xúc động, nước mắt tôi chảy ràn rụa, và tôi cứ để cho những dòng lệ tiếp tục chảy như thế. Lúc ấy, tôi cảm thấy lòng mình thanh tịnh và trong giây lát, như từ nơi bóng tối, tôi đã thoát ra ngoài ánh sáng. Những cơn đau đớn dữ dội hành hạ vì chứng bệnh của tôi từ nhiều năm qua, giờ đây dường như đã biến mất. Tôi cảm thấy thân thể trở nên khỏe mạnh và tinh thần vô cùng vui vẻ, thoải mái.

Tại hội trường “Phổ Môn” với đồng đạo Phật tử trong phái đoàn hành hương của tôi đang họp mặt, tôi được đạo hữu trong Ban Quản Trị của chùa mời lên phát biểu cảm tưởng. Lúc ấy mầu nhiệm thay, tôi đã có thể một mình đứng



lên được mà không cần ai nâng đỡ. Trước sự hiện diện của hàng trăm thiện nam tín nữ, tôi đã phát biểu ngắn gọn như sau: “Tôi cảm thấy đức Phật đối với tôi giờ đây thực hết sức nhiệm mầu! Nhiều người đang đau khổ cùng cực vì mắc phải chứng bệnh Minamata. Tôi mong rằng quý vị sẽ giúp đỡ để một ngày nào những bệnh nhân bất hạnh đó cũng sẽ có được cùng niềm tin Phật Pháp như tôi hôm nay”. Tiếp theo là những tràng pháo tay nổ đòn từ các thánh giả vang lên như phá vỡ sự yên lặng của cả hội trường, trong lúc lòng tôi cảm thấy vô cùng sung sướng vì lần đầu tiên sau những tháng năm dài đau ốm, tôi đã đứng dậy được một mình, không phải nhờ người khác giúp đỡ. Từ Tokyo trở về nhà, tôi bước ra khỏi xe lửa mà không cần ai phụ giúp. Những người đến tiếp đón tôi thấy vậy đều kinh ngạc.

Từ hôm ấy, tôi đã dành hết thì giờ chú tâm vào việc đến thăm những người mắc bệnh Minamata và giảng cho họ thấy rõ sự cao siêu nhiệm mầu của giáo lý đức Phật, cùng mọi phước đức trong việc cầu nguyện cho người quá cố, ông bà tổ tiên. Công tác Phật sự này đã trở thành lẽ sống và nguồn vui của tôi.

Bệnh Minamata đã mang lại sự đau đớn khủng khiếp cho nhiều người và tệ hại hơn nữa là không có thuốc gì chữa lành hẳn được chứng bệnh này. Cho nên tôi không ngạc nhiên khi thấy nhiều bệnh nhân mà tôi đến thăm, họ tỏ ra vô cùng xúc động. Họ thường hỏi



tôi: “Ai bảo bà đi làm công tác này?”. Khi họ nhận biết rằng tôi đã từng đau khổ vì mắc phải cùng chứng bệnh và hiện tại tôi đã ráng sức di chuyển cái thân thể yếu đuối của tôi để đến thăm họ thì tất cả đều thông cảm. Nhiều bệnh nhân dần dần đã nghe tôi quay về theo giáo lý của đức Phật.

Khi khuyến khích, hướng dẫn các bệnh nhân gia nhập Hội Phật giáo Rissho Kosei-Kai, tôi nhận thấy rằng tôi đã có thể làm một công việc phước đức giúp đỡ cho những kẻ khác. Điều đó đã nâng cao tinh thần tôi và tôi cảm thấy sống qua những ngày thực sự hạnh phúc.

Mười bốn năm đã trôi qua kể từ hôm đầu tiên tôi quỳ xuống cầu nguyện đức Phật qua tiếng khóc nức nở tại chánh điện của hội quán trung ương Lập Chánh Giao Thành Hội ở Tokyo. Từ đó, tôi lần lần được chữa lành khỏi bệnh Minamata. Tôi tìm thấy qua sự luyện tập các vũ điệu dân tộc như phương cách hữu hiệu nhất trong việc phục hồi sức khỏe của thân thể. Có người bảo rằng tập vũ đối với các bệnh nhân Minamata là điều không tốt, nhưng theo kinh nghiệm của tôi thì nó lại rất là hữu ích.

Tôi tập múa như một đứa trẻ, chồng tôi có lần bảo: “Anh sẽ đi mua cho em một cái quạt dùng để múa thật đẹp và mượn một vũ sư để dạy cho em”. Tôi đã cảm động khóc, khi nghe chồng tôi nói như vậy. Từ đó, tôi cố gắng hết lòng tập múa, nhưng điều ấy không phải dễ. Đầu tiên tôi đi tới một bước lại té xuống, rồi tiếp đi bước thứ hai lại ngã xuống nữa. Nhưng tôi đã tự khuyến khích mình bằng cách quán tưởng rằng đức Phật như đang nhìn tôi múa hát và tôi tiếp tục gắng sức để tập múa cho được.

Gần đây, tôi đã có thể chèo thuyền với chồng tôi ra biển Shiranui và theo đuổi những đàn cá bạc óng ánh lợi ngoài khơi, cánh tay tôi không còn cảm thấy đau nhức và lòng tôi tràn đầy hạnh phúc. Được nuôi dưỡng lớn lên giữa tiếng gào thét của sóng biển như điệu hò ru con dưới bầu trời trong xanh của vùng đảo Kyushu nên tôi đã vô cùng yêu thương biển cả. ■

Mùa xuân

C Ủ A T Ô I

■ CÔNG HUY

Sau nhiều lần lỗi hẹn, xuân này tôi quyết tâm về Hội Thánh lập công một thời gian, lâu hay mau còn tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu ở đó nữa, tôi chưa nói trước, nhưng với nguyện lực là phải quyết tâm, lần này không hẹn nữa. Y như rằng, cứ mỗi lần về thăm Hội Thánh, trong tôi lại dâng lên những cảm xúc vui mừng và đầy phấn khích như người cháu lâu ngày được về thăm ông bà nội vậy.

Từ xa, khi nhìn thấy hàng rào quen thuộc bao quanh ngôi Thánh đường, trông thật hiền lành, dường như chỉ mang tính tượng trưng ranh giới hơn là sự bảo vệ an ninh bên trong. Bởi vì không như những hàng rào mà ta thường thấy nơi các tư gia hay công sở, có cọc sắt nhọn hay găng miếng chai... Với ý nghĩ đó, niềm hân hoan trong tôi lại nhân lên gấp bội như hồi thúc bước chân tôi vội vã hơn.

Đúng là mình đã về với quê nội sau bao ngày mong ước đây rồi. Bỗng dưng tôi như muốn dừng lại chốc lát để được nhìn thật lâu cho thoả thích cái khung cảnh thanh tịnh, im lìm, hiền hòa đượm đầy màu sắc thiêng liêng đó. Từ cánh cổng chính luôn khép kín đến mái ngói cũ kỹ và những hàng cây cao, thấp đan xen nhau vẫn như ngày nào nhưng sao mà thương nhớ quá, mang lại cho tôi những cảm xúc lạ lùng, vừa mới tới mà đã sợ rồi phải đi xa.

Bước qua cổng phụ, nhìn lên Hiệp Thiên Đài với hai lầu trống Lôi âm và chuông Bạch ngọc sừng sững, giữa là dòng chữ Trung Hưng Bửu Toà, tôi như ngập trong niềm hạnh phúc, cảm xúc dâng trào như mình được nằm nhõng nhẽo trong lòng ông nội với khuôn mặt già nua, hiền từ và đôi tay ông đang ve vuốt trên đầu mình vậy. Hình như ông cũng đang vui lắm khi thấy đứa cháu về thăm. Vẫn hai cặp cột tròn đứng trước, trên bậc tam cấp

dẫn lên hàng hiên, vẫn nền gạch, tường vàng quen thuộc đang âm thầm, kiên nhẫn đến cũ kỹ chờ đợi đàn con cháu từ mọi miền đất nước trở về và cả những đứa ở tận bên kia bờ đại dương xa tít.

Tôi bất chợt nhớ lại một kỷ niệm thời thơ ấu. Có lần, cũng vào dịp xuân nào đó, tôi đi theo cha về Hội Thánh, nhìn thấy hàng lang chạy dài hun hút từ trước ra sau như vô tận. Đã có lần tôi núp dưới lan can cao vòi vọi nẩy chơi trò cút bắt. Thế mà bây giờ nhìn lại sao thấy quá thấp, thật không khỏi ngỡ ngàng khi nhận ra rằng mình đã lớn theo thời gian tự bao giờ.

Vừa đi vào nhà sau đã gặp quý cụ và các cô chú vui vẻ và niềm nở hỏi han đủ chuyện, sau đó tôi được tự do đi xem vài nơi tôi thích, từ chánh điện đến hội trường, từ phòng nghỉ vắng lai đến nhà ăn, vườn kiếng. Vào phòng riêng để thăm hỏi và chúc sức khỏe quý cụ lãnh đạo Hội Thánh, cũng như gặp lại vài bạn bè xưa vẫn còn kiên tâm tu học nơi đây...

Từ góc vườn, dưới gốc cây bồ đề quen thuộc, ngồi một mình trên ghế đá giả gỗ mà ai đó đã để bên hồ cá cảnh từ bao giờ. Bên ngoài là cảnh sinh hoạt hối hả thường ngày: Tiếng xe cộ, tiếng rao hàng theo giọng miền Trung đặc quánh thường ngày... Tuy nhiên những âm thanh này không làm mất đi không gian thanh bình và tĩnh

lặng bao trùm Thánh đường bên trong. Tôi thông dong tự tại ngồi nhìn mãi cái uy nghi của Hiệp Thiên Đài cao vút hướng thẳng lên những đám mây đang cố che khuất bầu trời nhưng không trọn, vẫn còn loang lổ những khoảng xanh thẳm xa xôi.

Bao nhiêu kỷ ức ngày nào như có dịp tranh nhau hiện về, tạo nên một bức tranh vô hình, sống động với nhiều mảng màu cảm xúc. Chen lẫn trong đó tôi lại nhớ bài thơ “Hoa viên đến Thánh” mà tôi đã được đọc qua trong cuốn “Đạo Áo Trắng” của Giáo sư Phạm Văn Liêm:

*Chung góp cùng nhau dựng
hoa viên,*

*Nay về vừa đúng một chu
niên,*

*Đền xưa sáng đẹp màu vôi
mới,*

*Vườn cũ tươi xinh ánh nắng
hiên.*

*Đây ngọn giả sơn ngâm nước
tục,*

Kìa ao thất bửu nở hoa tiên.

*Khóm hoa lối cỏ, lan, tùng,
cúc...*

*Giữa chốn phần hoa dật nét
thiên.*

Trường hợp của tôi không giống như tác giả khi trở về Hội Thánh vì chưa từng cùng nhau dựng hoa viên, trở về không có màu vôi mới cũng không có lan, tùng, cúc nhưng rất giống nhau ở câu cuối: Giữa chốn phần hoa dật nét thiên mà tâm đặc lắm. Đúng như có

người đã nói: Những khoảnh khắc tĩnh lặng ngăn ngủ trong tâm hồn còn quý giá hơn cả tài sản được cất giữ quanh ta.

Qua đó tôi cũng muốn đánh dấu một kỷ niệm ngẫu hứng như các vị đàn anh nhân ngày trở về này. Tại sao lại không có vài câu thơ nhỉ? Rồi sửa tới sửa lui trong đầu, cuối cùng cũng sáng tác được mấy vần thơ:

Hội Thánh xưa, giờ không thay đổi,

Xoay vẫn năm tháng cũng thế thôi,

Có chăng vài nhúm vàng lá đổ,

Ai đó đi qua lượm mất rồi.

Nhớ lúc hội, hè đông biết mấy,

Náo động vài hôm như lũ trôi,

Lẳng đọng tâm hồn ai ở lại,

Thương về Hội Thánh chuyện riêng tôi...

Vô tình một tia nắng xuyên qua tàn lá động trên vai, tôi ngược nhìn những đám mây tưởng chừng như bất động. Nhưng không, nhìn kỹ nó vẫn đang liên tục di chuyển và thay hình đổi dạng, khi hợp khi tan, văng trên đám dưới, cái chậm cái nhanh cùng nhau trôi về một hướng mà không có sự ngược chiều. Với mắt thường có thể thấy các tầng mây đang di chuyển nhưng đứng dưới bóng Thánh đường phải nhìn bằng trái tim mới cảm nhận được sự vận hành âm thầm nhưng đầy thử thách và thiếu thốn, đang níu kéo nhau trong

đa dạng vướng ngăn trên con đường cùng chung phụng sự sứ mệnh Trung Hưng. Trong đó phải kể đến sự thiếu thốn nhỏ nhoi của mỗi người chúng ta.

Là một tín đồ Trung Hưng, hãy về Hội Thánh mỗi năm ít nhất một lần để lập công và cùng chia sẻ, để thấy sự thiếu sót của chính mình đối với Hội Thánh. Ở đây ngày này qua ngày khác, dù mưa hay nắng, dù mùa đông gió rét hay mùa hè oi bức cũng vẫn những con người quen thuộc ngày nào. Hầu hết họ đã lớn tuổi, đang âm thầm hy thân, bỏ lại sau lưng bao việc riêng tư để mỗi người một việc trong cố gắng thực hiện sứ mệnh phụng sự nhưn sanh...

Ta thường nghe nói tu để giải thoát, tu để phàn bốn hoàn nguyên theo nguyên lý vạn thù quy nhất bốn, để cùng nhau hòa đồng tìm về quê xưa vị cũ... Đó là nói chuyện sau khi thoát xác, còn hiện tại, Hội Thánh chính là quê hương tại thế gian. Hãy tập hướng về Hội Thánh khi còn tại thế để lãnh hội sự mầu nhiệm của Thiêng Liêng theo từng cung bậc giác ngộ của mình.

*Của con Thấy để thiếu chi đây,
Hễ đũa nào ngoan cứ lấy xài.¹*

Nghĩa là có ngoan mới được lấy xài, ngoan nhiều lấy nhiều, ngoan ít lấy ít. Không ngoan sẽ không thấy của Thấy để

đâu mà lấy. Do đó tùy theo cái “ngoan” của mỗi người mà có cái tình cảm khác nhau khi về Hội Thánh vậy.

*Nguyên căn nhớ kiếp sớm
quay về,*

*Chớ đấm hồng trần lụy bến
mê.*

*Nường thế để làm công quả
đạo,*

Vẹn tròn sứ mạng sẽ hồi quê.²

Đức Tôn Sư dạy: “Nường thế để làm công quả đạo”. Vậy còn gì nữa mà không nường vào Hội Thánh để lập công, để vẹn tròn sứ mạng lại còn hện đến bao giờ. Khi còn sống đây mà không tập hướng về Hội Thánh thì làm sao sau khi thoát xác biết phương mà về Thấy được. Hay cứ mãi “đấm hồng trần, lụy bến mê.”

Về Hội Thánh để làm gì ư?

Thế gian có câu “Có đi mới tới” nghĩa là không đi thì không bao giờ tới. Ở đây có rất nhiều công việc phù hợp cho mọi người, cho mọi cấp bậc tu hành, cho mọi trình độ, mà việc nào cũng đang cần cho cơ Đạo. Không sợ thiếu việc, chỉ sợ chê việc mà thôi. Hãy về đi mỗi khi có dịp, biết đâu đến đây bén rễ xanh cây rồi không chịu rời. Chúng ta chỉ về Hội Thánh vào các dịp lễ hội đông vui nhưng những ngày thường thì vắng vẻ, chỉ còn lại ít người, mỗi người một việc âm thầm,

lặng lẽ thường ngày kéo kẹt thoi đưa. Trong đó có ba đạo huynh gây ấn tượng nhất trong tôi:

Thứ nhất:

Mưa khuya lất phất trời
đông lạnh,

Chánh điện hàng hiên vẫn
vắng tanh.

Mấy ai còn nhớ người
chuông, mõ,

Đều đặn quanh năm trọn
tín thành...³

Thứ hai:

Sớm chiều thui thui một
mình,

Cắt cành, tỉa lá, tạo hình,
tưới phân.

Để cho đạo hữu xa gần,

Khi về Hội Thánh ngẩn ngơ
đứng nhìn...⁴

Thứ ba:

Lom khom chăm sóc vườn
rau nhỏ,

Chốc chốc nhìn lên Bát
Quái Đài.

Hỏi ai thường lạc bằng nơi đó,
Một mảnh trời riêng chẳng
chi lo...⁵

Nói đến đây tôi lại sang đàng một chút về câu chuyện Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma thời vua Lương Võ Đế vào năm 520 ở Quảng Châu Trung Quốc. Vì vua Lương không lãnh hội được đạo lý nên Ngài chuyển qua nước Ngụy đến chùa Thiếu Lâm ở Trung Sơn ẩn tu. Trọn ngày, Ngài cứ ngồi xoay mặt

2. Đức Đông Phương Chương Quán, Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỳ Dậu (30-8-1969).

3. Tặng Giáo hữu Đinh Hữu Xí.

4. Tặng Lễ sanh Trần Ngọc Bản.

5. Tặng Hành thiện Nguyễn Văn Hồng.

1. Đức Chí Tôn, 15-10 Ất Tỵ (07-11-1965).

vào vách núi im lặng trong suốt 9 năm trời gọi là cữu niên diện bích.

Ngày kia có vị tăng tên là Thần Quang đến cầu đạo nhưng Ngài vẫn ngồi yên. Nhưng không vì thế mà Thần Quang bỏ cuộc. Ông cứ dầm mình trong giá tuyết chờ đợi. Cuối cùng, Thần Quang tự chặt lia cánh tay dằng lên thấy để bày tỏ lòng chí thành tham cầu đạo pháp. Lúc bấy giờ Ngài Tổ Sư mới chấp nhận, đổi tên Thần Quang thành Huệ Khả rồi trao y bát kèm với lời dặn:

"Xưa Như Lai đem đại pháp nhân tạng trao cho Tổ Ca Diếp, lần lượt truyền đến ta, nay trao lại cho người để làm pháp tín. Người phải nhớ là hai trăm năm sau khi ta diệt độ, y bát này đừng lại không truyền nữa vì lúc đó Phật pháp rất thịnh hành, người biết đạo rất nhiều nhưng người hành

*đạo lại quá ít, người nói lý thì nhiều mà ngộ lý thì ít. Tuy nhiên, người thâm thông lặng chứng đạo rất nhiều, gắng xiển dương, chớ khinh người chưa ngộ."*⁶

Có vẻ Hội Thánh bằng tấm lòng hòa ái, cái tâm vô tư để phụng sự, lập công bồi đức thì mới nghiệm ra rằng: Mình đã sống quá lâu trong một thời gian dài tự mãn và định kiến hẹp hòi, cố biện minh cho lòng kiêu ngạo đã bị nhốt chặt trong ngôi nhà bản ngã nhỏ nhoi của chính mình. Đã đến lúc tôi cần phải bước ra khỏi cửa để ngắm nhìn vào sự mệnh mông bát ngát của đất trời bao la, của biết bao cánh tay đang ân cần vẫy gọi. Tôi đã cảm nhận được niềm vui khi lòng mình rộng mở và thắp sáng lại niềm tin trên con đường sống đạo. Hình

6. Trích Cao Đài Từ Điển của Hiến tài Nguyễn Văn Hồng.

như đã đến lúc tôi phải nhìn lại và tự cười vào những ấu trĩ do chính mình tạo ra bằng những chất liệu phàm phu mà không biết có tự bao giờ.

*Thời gian yên lặng lững lờ
Nhưng đi, đi mãi không chờ
đợi ai."*⁷

Tôi biết thời gian và cơ hội không còn chờ mãi. Mọi dòng sông cứ chảy đều ra biển, mọi con đường chân lý đều hướng về nẻo Đạo vô biên, và mọi yêu thương chung cuộc đều phải đạt đến chân hạnh phúc, phải được khởi phát từ trong tâm hồn.

Tôi bắt đầu dọn đất trồng lại các loài hoa cho ngay hàng thẳng lối trên chính mảnh vườn đang còn ngổn ngang của mình, hơn là cứ mãi nhìn vào vài đóa hoa hư trong vườn nhà ai đó. Mùa xuân của tôi đã đến thật rồi. ■

7. Ca dao.

THẦN TIÊN THI DIỆU BÚT

(TIẾP THEO TRANG 52)

*Thành lũy đắp xây trên bãi cát,
Móng nền vững chắc ấy để
TIÊU.
Danh lưu để lại đời ghi tạc,
Chặn núi ngăn ngang khuất
bóng THIÊU;
Sanh nghiệp vẫy vùng đây
sống tạm,
Anh hùng tạo đức đạo quy
ĐIÊU.*

CHIẾT KHOẢN TÂM NGHỊCH

*Điều quy đạo đức tạo hùng
ANH,
Tạm sống đây vùng vẫy
nghiệp SANH;
Bóng thiếu ngang khuất
ngăn chặn núi,
Ghi tạc lại đời, để lưu DANH.
Tiêu đề ấy chắc vững nền
móng,*

*Bãi cát trên xây đắp lũy
THÀNH;
Gió hiu gợn dòng bao bủa sóng,
Chiều đò chuyển trốn mất
đường QUANH. ■*



NĂM THÌN

NÓI VỀ RỒNG

■ LÊ CHÍ THẬT ST.

Trong 12 con giáp thì Rồng là con vật do trí tưởng tượng của con người. Thế nhưng, hình ảnh Rồng lại rất phổ biến trong đời sống xã hội nước ta. Rồng được xem như một linh vật đứng đầu trong tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng) có sức mạnh vô biên và biến hóa vô cùng, khi ẩn lúc hiện, thổi gió đi mây, hút nước phun mưa... thật là kỳ diệu. Chính vì thế, Rồng được thờ phụng và kính trọng.

Đối với người dân Việt, Rồng còn là biểu trưng cho nguồn cội giống nòi với truyền thuyết: “Con Rồng cháu Tiên” chứa đầy huyền thoại. Chính vì vậy, hình tượng Rồng đã ăn sâu vào tiềm thức, văn hóa của người Việt Nam.

Rồng trong đời sống người Việt:

Hình tượng rồng được trang trí trang trọng nơi đền đài



cung điện lăng tẩm, chạm khắc trên nhà cửa và các vật dụng quý giá. Hình tượng rồng vượt ra khỏi chốn cung đình, đến với làng quê dân dã. Rồng uy nghi trên các mái chùa, đình làng, ẩn hiện trên các bình gốm sứ, cột đình, cuộn tròn trong lòng bát đĩa, khi thì trở thành linh vật canh gác cổng chùa hay các dinh thự quốc gia... Rồng cũng là hình tượng được phóng tác nhiều trong nghệ thuật điêu khắc, hội họa, biểu hiện tư tưởng phóng khoáng, bay bổng, hướng tới sự thịnh vượng, viên mãn. Rồng được lồng trong văn hóa ẩm thực của người Việt Nam, được trang trí trên những món ăn sang trọng, hay rập nổi trên những chiếc bánh Trung thu cổ truyền, bánh đậu xanh Rồng vàng một thương hiệu có tiếng của miền Bắc.

Trong đời sống tâm linh của người Việt, rồng được gắn với những điều huyền bí về long mạch, phong thủy: “mộ táng hàm rồng”, “tả thanh long, hữu bạch hổ”...

Thời phong kiến, rồng là biểu tượng của nhà vua. Cái gì liên hệ đến vua đều có chữ rồng kèm theo: Long thuyền là thuyền của vua đi, long bào hay long cốn là áo thêu rồng của vua mặc. Long chủng là nòi giống nhà rồng, con rồng cháu tiên là long phụ tiên mẫu. Tục truyền xưa kia Lạc Long Quân nước ta là con của rồng, lấy bà Âu Cơ là con của tiên sanh ra trăm trứng nở ra trăm người con. Đó là dòng giống Tiên Rồng, tổ tiên ta thờ trước. Chỗ vua ở là long cung, xe vua đi là long giá hay long xa, sân vua họp triều thần là long đình. Long hành hổ bộ, rồng đi cạp bước là tướng của vua đi. Dung mạo của vua là long nhan – mặt rồng; vua lên ngôi ví như vua bay lên trời gọi là long phi. Long tiềm là rồng giấu mình, vừa chun lên ngôi. Long ngự thượng tân – cỡi rồng về châu trời, tức là vua chết. Giường chỗ vua nằm là long sàng. Long môn là cửa rồng, tục truyền xưa cá chép vượt vũ môn (chỗ nước chảy rất mạnh) sẽ được hóa thành rồng...

Các triều đại vua chúa ngày xưa đưa múa rồng trở thành một loại hình nghệ thuật truyền thống không thể thiếu trong các lễ trọng của

cung đình. Trong đời sống dân gian, rồng được thể hiện rất phong phú: múa rồng trên sân đình dịp hội hè, lễ tết; trò chơi rồng rần lên mây của trẻ con; rồng trong tranh dân gian Đông Hồ, rồng trên giấy điệp.

Hình thể đất nước Việt Nam từ Bắc chí Nam với hình cong chữ S, không khác con Rồng nằm uốn khúc dọc theo bờ biển. Và trên khắp mọi miền đất nước có rất nhiều các địa danh gắn với từ rồng như: Long Biên, hoàng thành Thăng Long, cầu Hàm Rồng, Vịnh Hạ Long, sông Cửu Long, Bình Long, Phước Long, Long Thành, Long Khánh, Long Hải, Long Bình, Long An (nằm trong lãnh thổ Vĩnh Long), Thới Long (đây là một xã thuộc quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ). Ở miền Tây có 2 địa danh mang tên Long, trở thành tỉnh lỵ, trù phú với cây lành trái ngọt, đó là Vĩnh Long và Long Xuyên.

Qua ca dao, người bình dân Việt Nam quan niệm con rồng như là một hình ảnh đẹp, có giá trị trên hai phương diện thể chất lẫn tinh thần. Nó cũng thuộc về loài vật, nhưng là loài vật có mức tiến hóa cao. Có nhiều câu ca dao đã sử dụng hình tượng con rồng để nhân cách hóa các nhân vật, sự vật đáng quý:

- *Trúng rồng lại nở ra rồng,
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.*
- *Một ngày dựa mạn thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.*

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ trong dân gian Việt Nam có nhiều câu nói đến rồng như:

- “Rồng bay phượng múa” chỉ nét chữ đẹp, là lướt, bay lượn, uốn khúc.

- “Ăn như rồng cuốn” là ăn rất nhiều, trái với “ăn như mèo” là ăn ít.

- “Nói như rồng leo, làm như mèo mửa”: nói huyền thuyên những chuyện to tát, lớn lao, nhưng làm thì ít oi và rất dở.

- “Rồng đến nhà tôm” câu nói khách sáo chỉ người hơn mình về tiền bạc hoặc địa vị đến thăm mình.

(XEM TIẾP TRANG 103)

HÃY ĐẶT CỐC NƯỚC XUỐNG

■ CHÍ NHƯ ST.



Một trong những câu chuyện điển hình về việc gỡ bỏ stress để cười.

Một giáo sư bắt đầu giờ giảng của mình với một cốc nước. Ông giơ nó lên và hỏi các sinh viên:

– Các bạn nghĩ cốc nước này nặng bao nhiêu?
– 50 gam!... 100 gam!... 125 gam!... – các sinh viên trả lời.

– Tôi không thể biết chính xác nếu không cân – giáo sư nói – nhưng câu hỏi của tôi là: “Điều gì sẽ xảy ra khi tôi cứ giơ cái cốc thế này trong vài phút?”

– Chẳng có gì cả! – các sinh viên nói.

– Được! Vậy điều gì xảy ra nếu tôi giơ trong một giờ? – giáo sư hỏi.

– Tay thầy sẽ bắt đầu đau ạ! – một sinh viên trả lời.

– Đúng vậy, và nếu trong một ngày thì sao?

– Tay thầy có thể tê cứng, và thầy có thể bị đau cơ, tê liệt, chắc chắn phải đến bệnh viện – một sinh viên khác cả gan nói. Và tất cả lớp cười ồ.

– Rất tốt! Nhưng trong tất cả các trường hợp

đó, cân nặng của cái cốc có thay đổi không? – giáo sư lại hỏi.

– Không ạ! – các sinh viên trả lời.

– Vậy, cái gì khiến cho tay bị đau, cơ bị tê liệt? Và thay vì việc cứ cầm mãi, tôi nên làm gì?

Các sinh viên lúng túng. Rồi một người trả lời:

– Đặt cốc xuống!

– Chính xác! – giáo sư nói – Các vấn đề trong cuộc sống cũng giống như thế này. Khi bạn giữ nó trong đầu vài phút thì không sao. Nghĩ nhiều hơn, chúng làm bạn đau. Và nếu cố giữ thêm nữa, chúng bắt đầu làm bạn tê liệt. Và bạn sẽ không thể làm gì được nữa.

Nghĩ đến những vấn đề trong cuộc sống là điều quan trọng, nhưng điều quan trọng hơn là hãy nhớ “đặt chúng xuống” vào cuối mỗi ngày khi bạn đi ngủ.

Nhờ vậy, bạn tránh được stress để khởi đầu một ngày mới thật tinh táo, khoẻ mạnh. Và đó là thứ giúp bạn có thể giải quyết mọi vấn đề.

TRÍCH “CUỘC SỐNG QUANH TA” - BÁO SGGP.■

NHỮNG CÂU CHUYỆN HAY

HÃY THA THỨ THIÊN ĐƯỜNG ĐỂ NHẸ TÂM ĐỊA NGỤC

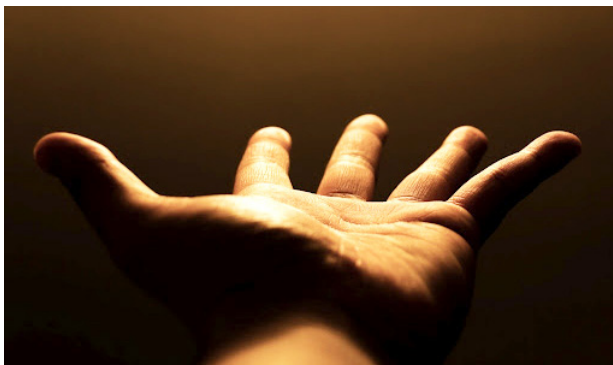
Một thiên sinh hỏi: “Thưa sư phụ, con đau khổ vì cha mẹ tàn nhẫn, vợ con ruồng bỏ, anh em phản bội, bạn bè phá hoại... Con phải làm sao để rũ bỏ được oán hờn và thù ghét đây?” Vị sư phụ đáp: “Con ngồi xuống tịnh tâm, tha thứ hết cho họ.”

Vài hôm sau, người đệ tử trở lại: “Con đã tha thứ cho họ sư phụ ạ. Nhẹ cả người! Coi như xong!”

Sư phụ đáp: “Chưa xong, con về tịnh tâm, mở hết lòng ra và thương yêu họ”. Người đệ tử gãi đầu: “Tha thứ thôi cũng đã quá khó, lại phải thương họ thì... Thôi được con sẽ làm.”

Một tuần sau, người đệ tử trở lại, mặt vui vẻ hẳn khoe với sư phụ là đã làm được việc thương những người mà trước đây đã từng đối xử tệ bạc với mình. Sư phụ gật gù bảo: “Tốt! Bây giờ con về tịnh tâm, ghi ơn họ. Nếu không có họ đóng những vai trò đó thì con đâu có cơ hội tiến hóa tâm linh như vậy.”

Lần sau người đệ tử trở lại, lần này tin tưởng rằng mình đã học xong bài vở. Người đệ tử hớn hờ thưa rằng mình đã ghi ơn hết mọi người vì nhờ họ mà anh đã học được sự tha thứ! Sư phụ cười: “Vậy thì con về tịnh tâm lại đi nhé. Họ đã đóng đúng vai trò của họ chứ họ có lầm lỗi gì mà con tha thứ hay không tha thứ?”.■



Một vị tướng quân đến gặp thiên sư Ekaku hỏi:

– Bạch thầy, thiên đường hay địa ngục có thật hay không?

– Thế ngài là ai?

– Tôi là tướng quân.

Bất ngờ, thiên sư cười lớn:

– A ha! Thăng ngọc nào cho ông làm tướng vậy, trông ông giống anh hàng thịt.

Tướng quân nổi giận, rút gươm:

– Tao băm xác mi ra!!!

Thiên sư vẫn điềm tĩnh:

– Đây là mở cửa địa ngục.

Chợt giác ngộ, vị tướng sụp xuống lạy:

– Xin... xin thầy tha lỗi cho cử chỉ thô bạo vừa rồi của tôi.

– Đây là mở cửa thiên đường – thiên sư Ekaku mỉm cười.

LỜI BÌNH

Thiên đường, địa ngục không phải là chỗ con người tới sau khi chết mà nó ở đây và bây giờ! Lành, dữ đều do tư tưởng. Cửa thiên đường địa ngục mở ra bất cứ lúc nào.■

THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC ĐỀU DO TÂM TẠO

Có một bà lão biệt danh “mụ già hay khóc”. Trời mưa, mụ cũng khóc, trời không mưa mụ cũng khóc. Có người hỏi bà:

– Bà lão ơi, sao bà lại khóc?

– Tôi có hai con gái, cô chị bán giày vải, cô em bán dù. Khi trời nắng ráo, lão nghĩ tới con em bán dù không được. Khi trời mưa, lão lại lo cho con chị, mưa gió không có khách nào chịu mua giày.

– Lão nên nghĩ rằng khi trời đẹp đứa lớn sẽ bán được, khi trời mưa đứa nhỏ bán dù rất chạy.

– À, ông có lý.

Từ đó, “mụ già hay khóc” thôi khóc. Bà lão cười suốt ngày dù trời mưa hay nắng.

LỜI BÌNH

Một điều lợi hay bất lợi sẽ tùy thuộc vào cách nhìn, cách suy nghĩ của bạn. ■



CON SÓNG NHẬN THỨC



Nhìn thấy một con sóng cao lớn bên cạnh, con sóng nhỏ tỏ ra bực mình:

– Bực ghê. Sóng kia lớn quá, sao ta bé tí. Chúng mạnh mẽ xiết bao sao ta yếu đuối thế này.”

Con sóng to cười đáp:

– Đó là vì không nhận ra gốc gác của mình mà bạn buồn bực thế.

– Tôi không là sóng thế là gì?

– Sóng chỉ là hình thức tạm thời trong bản chất của bạn. Kỳ thực bạn là nước. Một khi nhận ra bản chất của chính mình là nước, bạn sẽ không còn ảm ức với cái vỏ sóng này và không còn buồn bực gì nữa.

Con sóng nhỏ hiểu ra, cười vui vẻ:

– À, bây giờ thì tôi hiểu. Bạn và tôi tuy hai mà một.

LỜI BÌNH

Con người cho rằng “ngã” là ta nên xảy ra phân biệt ta và người mà buồn khổ. Thực ra loài người được cấu tạo cùng một bản chất trong thiên nhiên bao la. ■

Tết

NGUYỄN ĐÁN

■ TRẦN NGỌC TÂM ST.

TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM TỪ THƯỢNG CỔ TỚI TRƯỚC 1945

Thời Thượng Cổ: Ngay từ thời Hồng Bàng- buổi bình minh lập quốc, dù người Việt còn sống lạc hậu nhưng tổ tiên ta đã biết tới Tết. Thật vậy, qua một mùa đông rét mướt, lạnh lẽo, mùa xuân bỗng trở về rực rỡ với cảnh hoa đồng cỏ nội sắc sỡ trong ánh nắng hồng ấm lung linh. Tinh thần của con người, dù là con người thượng cổ còn hỗn nhiên, chất phác nhưng họ vẫn thấy sinh tình trước sự kích thích của vũ trụ bao la, mang đến cho con người nguồn sinh lực dồi dào. Trai gái trước cảnh xuân nồng mới, đã biết tìm đến nhau trên khắp các nẻo đường quê hương đất nước, phát sinh ra những trò chơi mộc mạc, hoặc đánh vòng, tung cầu hay họp nhau hát hò đối

đáp dẫn đến câu chuyện trâu cau đầu mối của chuyện hôn nhân giữa nam nữ cũng như sự tích bánh chưng, bánh dầy, quả dưa đỏ đời Hùng Vương thứ 6, không theo truyền thống Nho giáo truyền ngôi cho con trưởng mà lại truyền ngôi cho con thứ 18, nói lên tính chất đặc biệt của truyền thống Việt Nam lúc nào cũng thực tế.

TẾT CỔ TRUYỀN DƯỚI THỜI LÝ, TRẦN

Sau khi đánh tan quân Nam Hán trên Bạch Đằng Giang, Ngô Vương Quyền đã coi ách nô lệ cho dân tộc sau mười thế kỷ bị Bắc thuộc. Đó là năm 939, mở đầu cho thời đại tự chủ, tự cường của dân tộc.

Tới đời Lý Trần, người Việt đã tiến bộ nhờ ảnh hưởng của Nho, Lão, Phật. Nhiều phong tục tập quán thuần khiết được tạo dựng. Ngoài những năm

chinh chiến chống ngoại xâm như Tống Nguyên và nội loạn, dân chúng an cư lạc nghiệp, đất nước thanh bình.

Ngày tết bắt đầu từ 30 tháng chạp, dân được phép đốt pháo. Pháo thời đó là những ống lệnh chứa thuốc nổ, có ngòi, chứ không phải loại pháo có ngòi làm bằng giấy bọc thuốc như ngày nay. Pháo được đốt khắp nơi, từ ngoài cổng làng, cổng nhà hay đình chùa. Dân chúng giết lợn, gà, vật trâu bò, dê để cúng tạ Trời Phật, ông bà, cha mẹ quá cố liên tiếp trong ba ngày Tết.

Ngày mồng 5 Tết, nhà vua cho làm tiệc khai hạ rồi cùng với văn võ bá quan yến tiệc vui vẻ. Mọi người trong nước đều đi lễ chùa và du ngoạn. Ngoài ra khắp nơi đều có các sân khấu lộ thiên để các phường chèo đến giúp vui cho dân chúng trong mấy ngày Tết. Tại các nơi công cộng còn có các

trò chơi lý thú như đánh vật, chọi gà, đá cầu...

Trong mục đích khuyến nông, tập tục vua đánh vào trâu đất trong ngày lập xuân được lưu truyền cho đến cuối đời Nguyễn (thời Bảo Đại). Theo An Nam Tạp Chí của Lê Tắc đời Trần cho biết, mỗi năm vào mồng ba tết, các vua Trần ngự ra gác Đại Hùng để xem các thái tử thi đá cầu. Riêng các quan thi đánh cầu bằng tay, có khi cỡi ngựa. Đá cầu là môn thể thao thịnh hành trong những ngày Tết vào dịp đó, phổ biến từ giai cấp quý tộc cho tới giới bình dân ở kinh đô, thành thị cũng như tại thôn quê.

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, một bộ sử cũ nhất của nước ta còn lưu lại đến ngày nay thì nam nữ Đại Việt trong ba ngày Tết đã bắt đầu chơi đánh đu từ năm 1365 là niên lịch ghi rõ ranh giới Việt Nam đã chạy tới Hóa Châu (Thừa Thiên) và nam nữ Hóa Châu lại là những người sành sỏi về trò chơi này.

TẾT VIỆT NAM DƯỚI THỜI VUA LÊ, CHÚA TRỊNH

Từ thế kỷ thứ XVI, nhà Hậu Lê đã suy tàn, dọn đường cho Mạc Đăng Dung cướp ngôi, đất nước chia năm xẻ bảy, chính sự đổ nát, dân chúng lầm than. Đại Việt lâm vào cảnh nội chiến triền miên kéo dài gần 300 trăm năm, lấy sông Gianh trong tỉnh Quảng

Bình làm ranh giới, phía Bắc thuộc quyền chúa Trịnh, vua Lê chỉ là hư vị. Trong Nam thì chúa Nguyễn xưng hùng một cõi. do đó những lễ Tết dưới thời vua Lê chúa Trịnh có phần nào khác biệt so với các đời Lý Trần là thời cực thịnh của Phật giáo.

LỄ TẾT TRONG CUNG VUA, PHỦ CHÚA.

Trước tết, tình hình trong cung Vua và phủ Chúa rộn rịp hẳn lên, nào là lo tổ chức lễ tiến xuân ngưư (tiến trâu đất vào tiết lập xuân), một tập tục có từ lâu đời với mục đích khuyến nông. Các nghi thức về Tết Nguyên Đán được sửa soạn vào cuối tháng chạp. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí thì ngày 25 tháng chạp, triều đình đã làm lễ phong kín các ấn tín đem cất vào kho và sẽ sử dụng lại sau tết. Tất cả các quan quân đều được nghỉ Tết mười ngày để vui chơi.

Ngày đầu năm, bá quan văn võ vào điện để chào mừng vua Lê tại điện Kính Thiên. Dẫn đầu bá quan là thế tử của chúa Trịnh gọi là quan Tiết Chế, sau đó cùng kéo qua lạy mừng chúa Trịnh tại phủ Chúa và được Chúa ban tiền thưởng cho tất cả các quan từ hàng nhất phẩm cho tới cửu phẩm, rồi cùng Chúa dự tiệc đầu năm vui vẻ. Sau đó lại kéo về dinh quan Tiết Chế để chúc tụng lẫn nữa mới giải tán.

Trong ba ngày xuân còn có lễ tế giao (lễ này bắt nguồn

từ thời Hậu Lý), với mục đích cúng tế Trời Đất, cầu cho mưa thuận gió hòa, trăm họ vui vẻ yên ổn làm ăn. Thời vua Lê chúa Trịnh, đàn Nam Giao được thiết lập tại Thăng Long (Hà Nội). Trong ngày tế lễ chính thức, vua Lê là chánh tế, hai cha con chúa Trịnh là bồi tế, ngoại trừ các năm vua Lê bị tang chế thì chúa Trịnh được cử làm chánh tế.

TẾT NƠI DÂN GIAN.

Căn cứ vào tập du ký của nhà du hành người Hòa Lan Tavernier có tên là “Recueil de Plusieurs Relations et Traités Singuliers et Curieux “ diễn tả dân làng ngoài ăn Tết như sau: Trước Tết ba ngày, dân chúng làng ngoài tại kinh đô Thăng Long cũng như các thành thị khác lo trang hoàng nhà cửa, sửa soạn bàn thờ tổ tiên ông bà có bày nhiều bài vị viết tên người quá cố. Tại kinh đô, hơn 40.000 binh lính và quan lại tập nập vui tết. Trong cung, vua Lê cũng bày nhiều bàn thờ, bài vị để cúng tế tổ tông tiên triều. Trong khi vua làm lễ trước bàn thì sủng lớn, sủng nhỏ được lệnh khai hỏa thay pháo mừng xuân. Cúng tế xong, vua đốt tiền giấy luôn cả bàn thờ để tế lễ.

Nơi nhà của dân chúng, mọi người dùng vôi vẽ những hình bát quái trên cửa, tường, mục đích làm ma quỷ sợ hãi không dám vào nhà phá phách. Tục xem chân gà đoán họa phúc bắt nguồn từ đó cũng như sự kiêng

cử khi xuất hành đầu năm, đến nay vẫn còn được dân chúng tin theo.

Theo sách Gia Định Thành Thống Chí của Trịnh Hoài Đức thì tập tục đánh đu có từ thời Trần đã theo chân chúa Nguyễn vào tận Nam từ đầu thế kỷ XIV, lúc đó người Việt vùng đất mới vừa khai phá ở miền Thủy Chân Lạp đã chơi đánh đu bằng bốn loại đầu tiên, đu thang, đu giăng xoay và đu rút. Cũng trong thời kỳ này, người Việt đã sáng chế thêm một môn chơi ngày Tết hết sức trang nhã đó là hát trống quân, rất được phổ quát trong tất cả nơi chốn công cộng, tế lễ, đình đám này xuân. Sự tích trống quân cũng như chiếc trống cơm theo các tác giả từ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Bưu Văn Phan Kế Bính, Vũ Ngọc Phan, Maspero, v. v.. đều có ý chung về nguồn gốc lịch sử dân tộc, nói lên sự phấn đấu hào hùng và tinh thần thượng võ của người Việt cũng như tình cảm thiêng liêng ẩn uất trong những lúc biệt ly:

“Tổng quân nam phổ, thương như chi hạ”...có nghĩa là tiễn người lên đường về Nam chinh chiến, lòng thiếp đau đến độ nào, có ai hiểu thấu?

TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ CUỘC DU XUÂN THƯỜNG NIÊN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Trước tết một tháng, trong cung nội đã tổ chức lễ Ban sóc (Phân phát lịch mới cho các quan) và lễ Phát Thúc (do

các quan đại thần lau chùi các ấn vua, kim sách, ngân sách). Ngày 30 tháng chạp, Bộ Lễ cử người mang phẩm vật đến cúng tại các lăng, miếu còn các hoàng thân, tôn tước thì tới các chùa, đình làm lễ. Từ giờ đó, các công thự, chùa, đình bắt đầu dựng nêu.

Đại triều được thiết tại Điện Thái Hòa rất nghiêm chỉnh với cờ quạt, nghi trượng, lính nhạc và voi ngựa dàn hầu từ ngoài cầu Kim Thủy vào tới tận Điện.

Vua ngự trước tiên tại Điện Cần Chánh, đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, cầm hốt, được xa giá rước sang Điện Thái Hòa giữa tiếng chuông, trống và 9 phát súng lệnh chào mừng.

Sau đó các hoàng tử, bá quan vào Điện lạy vua 5 lạy với lời chúc Tết được vua ban yến và tiền thưởng xuân.

Ngày mồng một tết, vua thiết đại yến đãi các quan văn võ từ tứ phẩm trở lên, cùng các hoàng thân, hoàng tử tại Điện Cần Giờ và hai dinh Tả, Hữu Vụ.

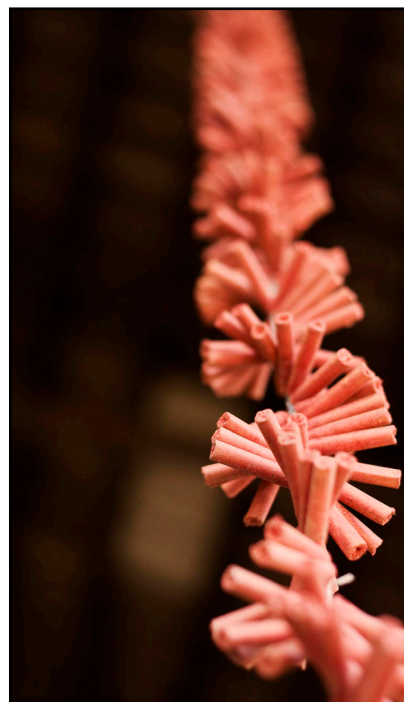
Mồng 2 Tết, vua, hoàng hậu và các quan đại thần đến cúng bái tại Điện Phụng Thiên, sau đó ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở xuống tại dinh Phủ Doãn Thừa Thiên.

Lễ Tết Nguyên Đán kéo dài trong 7 ngày. Các hoàng thân, hoàng tử được thưởng tết 20 lạng bạc còn các quan văn võ tùy theo phẩm trật được lãnh từ 1 lạng đến 12 lạng.

Tục du xuân của các đẳng

quân vương đã có từ thời nhà Lê nhưng gián đoạn ở các vua đầu triều Nguyễn, mãi tới đời Đồng Khánh mới tổ chức lại. Trong dịp du xuân, ngoài nhà vua với cung tần mỹ nữ trong cung, các hoàng thân, hoàng tử, công chúa và các quan đại thần đều được tham dự trên các thuyền rồng rực rỡ, du hành trên sông Hương thơ mộng, từ cửa Thượng Tứ cho tới các lăng tẩm đền đài của tiền nhân nằm trên núi Ngự Bình chạy song song với dòng sông. Lễ du xuân được tổ chức trong 3 ngày Tết, ngoài du thuyền, vua còn du hành trên bộ bằng kiệu khắp kinh thành Huế, vừa thưởng ngoạn vừa xem dân chúng ăn Tết.¹■

1. 1. Mường Giang.. http://www.binhtrung.net/index.php?option=com_content&view=article&id=2107:xuan-tren-van-neo-duong-dat-nuoc-qua-cac-thoi-dai-trong-viet-su&catid=50:tai-lieu-nghien-cuu&Itemid=149



LẨU THÁI CHAY

NGUYÊN LIỆU (CHO 10 NGƯỜI ĂN)

- 500 g nấm rơm nở.
- 2 gói gia vị lẩu Thái.
- 4 cây đậu hủ non.
- 200 g các thứ thực phẩm chay khác tùy thích (vò viên...).
- 100 g mỗi thứ nấm rơm búp, đùi gà, bào ngư và nấm kim châm.
- 2kg bún tươi.
- 1 củ riềng nhỏ, một ít lá ngò gai.
- Ít sả băm, củ hành tím băm, ớt bột (tùy cay nhiều hay ít).
- 1 vá nhỏ nước mắm chay.
- ½ trái thơm.
- 0,5 kg cà chua.

- 200g mỗi thứ rau: rau muống, bông so đũa, rau nhút, kèo nèo, bắp chuối bào.

CÁCH CHẾ BIẾN

- Nấm rơm gọt chân, rửa sạch, ngâm nước muối chừng 15 phút, rửa sạch vắt ráo.
- Bắc nồi nước khoảng 3 – 4 lít nấu, rửa xả, đập dập cọng xả thả vào.
- Trong khi chờ nước sôi, bắc chảo lên bếp, cho 2 muỗng súp dầu vào, cho củ hành tím băm vào xào thơm, cho nấm rơm nở vào xào, nêm hai muỗng súp bột nêm nấm và một

muỗng súp đường vào, trộn đều chín nấm, nhắc chảo xuống, cho nấm vào nồi nước sôi. Kế cho gói gia vị lẩu và thơm xắt miếng vào.

- Bắc chảo lên bếp, cho một muỗng dầu ăn vào, dầu nóng, cho củ hành tím băm vào, kế cho riềng xắt lát mỏng, sả băm và ớt bột vào xào, cho một muỗng cà phê đường, một muỗng cà phê bột nêm và nước mắm vào, cho cà chua vào trộn đều, nhắc ra.
- Cho hỗn hợp đã xào vào nồi nước nấu đang sôi, cho sôi lại khoảng 10 phút. Nêm nếm vừa ăn, nếu thiếu chua dầm thêm me. Tắt lửa.
- Các loại nấm rửa sạch, cắt ra tùy theo ý thích, đậu hủ cắt vuông và các thực phẩm chay khác tùy thích sắp ra đĩa, các loại rau rửa sạch, sắp ra đĩa, cà chua còn lại cắt múi cau trình bày đẹp mắt với rau.
- Lẩu Thái chua cay dùng với bún tươi và kèm theo là đĩa rau, nấm, đậu hủ và chén nước mắm chay có cắt vài lát ớt đỏ.■



Ta với đời

■ CÔNG HUY

Vì ám ảnh cuộc đời là cõi tạm,
Nên hững hờ, lãnh đạm với nhân gian;
Chỉ ước mơ xa thẳm chốn thiên đàng
Quên thực tại, còn kiếp người hữu chất
Hoặc cứ tưởng cuộc đời là cõi thật,
Nên vô tình lặn hụp chốn trần ai
Để thảng năm trong vật chất miệt mài
Nuôi ảo vọng một kiếp người uống phí
Bởi không biết đời là trường khảo thí
Để học hành, để bồi đức lập công;
Để chung tay xây dựng cảnh đại đồng
Cho “lẽ thật và tình thương” ngự trị
Nếu đã hiểu cội nguồn từ khởi thủy
Trời với người cùng bản thể linh quang
Cõi thế gian tặng vật của Trời ban
Người nhận lãnh, phải tròn câu sứ mạng.■

THĂM TÒA THÁNH TÂY NINH

(TIẾP THEO TRANG 71)

liễm được sau khi tham quan Tòa Thánh. Huynh Trưởng đoàn cung cấp cho chúng tôi thêm nhiều thông tin về lịch sử xây dựng Tòa Thánh, về tinh thần phụng sự đạo Thầy của quý vị Tiên bối, nhưng cũng đưa ra cho chúng tôi nhiều câu hỏi để thảo luận như: Chư vị tiên khai nào có công nhiều nhất trong việc hình thành và xây dựng Tòa Thánh?... Chúng tôi bàn cãi rất nhiều như: Muốn xây dựng Tòa Thánh thì trước tiên phải có đất, ai là người có công nhiều nhất trong việc mua đất? Bà

Lâm Hương Thanh hay ông Nguyễn Ngọc Thơ? Người có công nhiều nhất trong việc khai phá rừng hoang là ai? Quy hoạch xây dựng Thánh địa là Ngài Cao Quỳnh Cư, Ngài Nguyễn Ngọc Tương hay Ngài Phạm Công Tắc? v.v. Tiếp theo là phần không kém hấp dẫn, dĩ nhiên là phần kể chuyện về những kỳ tích khi xây dựng Tòa Thánh của anh Trưởng đoàn như: bài vị đặt ở bậc Thần vị dưới cùng của Cửu Trùng Đài được viết bằng 3 thứ tiếng là ai và tại sao Thần vị này được đặt ở nơi trang trọng như vậy để đời đời chiêm ngưỡng và bái tụng. Đã có đến hơn 2.000 người Miên tham gia đồn rừng khai hoang vỡ đất, nhờ đâu quý vị có được sức khỏe dẻo dai mặc dầu khi đó việc ăn chay rất khổ cực. Còn xây dựng Đền Thánh, toàn bộ công quả là những người đồng trình và ai là người chịu trách nhiệm phụ trách lo ăn cho họ, kỳ tích về bản vẽ kiến trúc của Tòa Thánh mà kỹ sư kiến trúc không phải là người phạm... rất hay và rất hấp dẫn. Những câu chuyện này sẽ được “bật mí” và nếu bạn nào quan tâm xin đăng ký tham gia chuyến công quả phước thiện cuối năm Nhâm Thìn với huynh Trưởng đoàn của chúng tôi để đăng ký hành hương về Tòa Thánh, lần sau các bạn sẽ được nghe và thấy tận mắt vì trăm hay không bằng tai nghe, tận mắt nhìn thấy các bạn nhé!

18g30, xe về đến Thành phố, cũng là lúc chúng tôi chia tay với nhau, câu chuyện vẫn còn nhưng biết làm sao, đến nơi rồi. Huynh Trưởng đoàn hướng dẫn chúng tôi lên Bửu Điện Cơ Quan để bái tạ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã hộ trì chuyến đi hành đạo hoàn toàn mỹ mãn. Chúng tôi chia tay nhau, nhưng bên tai vẫn còn âm vang bài hát Ân Đức Chí Tôn: “*Ân Đức Chí Tôn đầy khắp Càn Khôn mang yên bình cho nhân thế. Xin mang đức yêu thương của Thầy gieo khắp thế gian, xin mang đức yêu thương của Thầy cho cả chúng sanh...*” Chúng tôi đồng ước như vậy và xin nguyện được như vậy.■

NHỮNG ĐIỀU THÚ VỊ VỀ DƯA LEO

■ V.T. ST.



Tài liệu về quả dưa leo này đã được đăng tải trên tờ The New York Times vài tuần trước đây, một tờ báo thường giới thiệu những phương pháp khá sáng tạo và lạ lùng, để giải quyết những vấn đề thông thường. Sau đây là những khám phá thú vị về quả Dưa leo.

- Dưa leo chứa rất nhiều loại sinh tố mà chúng ta cần mỗi ngày như Vit. B1, B2, B3, B5, B6, Calcium, Iron, Magnesium, Phosphorus, Potassium, and Zinc.

- Khi cảm thấy mệt mỏi vào buổi trưa, quý vị hãy để qua một bên các loại thức uống có cà phê, và hãy chọn lấy một quả dưa leo. Dưa leo có các loại Vitamin B, và Carbohydrates, có khả năng làm quý vị hưng phấn trở lại được vài giờ đồng hồ.

- Khi chiếc gương trong phòng tắm bị mờ đi vì hơi nước, quý vị hãy dùng một lát dưa leo, thoa dọc theo gương, chỉ trong chốc lát, gương sẽ trong lại và tỏa ra một mùi thơm tựa như quý vị đang ở trong phòng tắm hơi.

- Khi loài ấu trùng và ốc sên đang hủy hoại những luống cây ngoài vườn nhà, quý vị hãy đặt vài lát dưa leo vào trong một lon đồ hộp nhỏ, vườn của quý vị sẽ không còn những loài sâu hay ốc sên phá hoại trong suốt vài tháng trời.

Lý do là vì những hóa chất trong dưa leo phản ứng với chất nhôm của lon đồ hộp, sẽ tỏa ra một mùi hương mà con người không thể cảm nhận được, nhưng lại khiến cho các loài côn trùng khiếp sợ và bỏ chạy khỏi vườn.

- Quý vị đang muốn tìm một cách nhanh chóng và dễ dàng nhất để loại trừ những tế bào mỡ trên da (cellulite) trước khi vào hay bước ra khỏi hồ tắm? Hãy thoa một hay hai lát dưa leo trên những vùng da quý vị muốn. Các hóa chất thực vật sẽ khiến cho lớp collagen trên da trở nên săn chắc và do đó, khiến cho cellulite trên da khó nhìn thấy. Cách này cũng tác dụng rất tốt trên các nếp nhăn nữa.

- Quý vị muốn tránh cảm giác choáng váng hay nhức đầu dữ dội sau khi uống rượu chẳng?

Hãy ăn vài lát dưa leo trước khi đi ngủ. Khi thức dậy, quý vị sẽ thấy tỉnh táo và hết nhức đầu. Dưa leo chứa một lượng đường vừa đủ, các loại vitamin B, và các chất điện giải để tái bổ sung những tinh chất sinh tố cần thiết mà cơ thể đã bị mất đi, hầu tái lập sự cân bằng, xua tan cảm giác choáng váng hay nhức đầu.

▪ Quý vị muốn tránh một bữa ăn trưa, hay ăn tối thịnh soạn chăng? Dưa leo đã được dùng hàng thế kỷ nay, ngay cả bởi những người giăng bẫy thú rừng, các nhà buôn, các nhà khai phá Âu châu khi muốn có một bữa ăn nhanh, họ đã ăn dưa leo để không còn cảm giác đói bụng nữa.

▪ Quý vị sắp có một cuộc họp quan trọng, hay một cuộc phỏng vấn tìm việc làm, nhưng lại không đủ thời gian để đánh bóng đôi giày của mình. Hãy thoa một lát dưa leo tươi lên giày, hóa chất của dưa leo sẽ khiến giày bóng lên, tuy không thật hoàn hảo nhưng cũng có tác dụng chống thấm nước.

▪ Trong nhà quý vị không có loại dầu chống rỉ sét WD 40, nhưng lại đang cần loại trừ tiếng kêu kẹt từ bản lề của cửa ra vào. Hãy dùng một lát dưa leo chùi chung quanh bản lề đó, cửa sẽ không còn tiếng kêu kẹt nữa.

▪ Quá căng thẳng nhưng lại không có thời gian để massage hay ghé vào spa, quý vị hãy cắt hết một quả dưa leo, cho vào một bình nước sôi, rồi hé mở nắp đậy, để cho hơi nóng thoát ra ngoài. Các hóa chất và dưỡng chất từ dưa leo sẽ tác dụng với nước sôi và tỏa ra một làn hương làm dịu đi sự căng thẳng, và tạo ra một cảm giác rất thoải mái.

▪ Quý vị vừa xong một bữa ăn trưa với các đồng nghiệp, và chợt nhớ mình không có chewing gum hay kẹo the. Hãy cắt một lát dưa leo, rồi đặt sát vòm miệng trên chỉ độ 30 giây thôi, hơi thở sẽ thơm tho như ý muốn, vì các hóa chất thực vật của dưa leo sẽ tiêu diệt các loại vi trùng, vốn là nguyên nhân gây nên bệnh hôi miệng.

▪ Quý vị muốn lau chùi muỗng nĩa, lavabo, hay các đồ dùng kim loại không rỉ sét? Hãy dùng

một lát dưa leo lau chùi các vật dụng trên, không chỉ làm mất đi những vết lu mờ lâu năm và làm sáng bóng trở lại, mà còn không để lại các vết sọc, và cũng không làm hư hại ngón tay cũng như móng tay của quý vị vì việc lau chùi nữa.

▪ Quý vị đang viết bút mực và bị lỗi khi viết. Hãy lấy lớp vỏ dưa leo, và nhẹ nhàng tẩy vết mực muốn tẩy. Cũng rất công hiệu khi tẩy vết bút chì, và những vết mực màu trang trí mà các trẻ em vẽ lung tung trên tường.

Đây là những phương cách hiệu quả và an toàn, giải quyết được những vấn đề hàng ngày. Quý vị hãy áp dụng và giới thiệu cho những người quen biết của mình nhé.■

“XỨ PHẬT HUYỀN BÍ”

(TIẾP THEO TRANG 78)

*Thạch gia tu tỉnh ở nơi tâm,
Trên đường chức nghiệp cầm công lý,
Họa phúc do mình thình nó lâm.⁶
Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:
Siêng lo hành đạo lập công phu,
Bất cứ người nào cũng dễ tu,
Sự sống hằng ngày chen đạo lý,
Khỏi cần thạch động với non vu.⁷*

Mỗi vị tu Chiếu Minh đều có đơn phòng riêng. Ở Cơ quan quý vị tu cao được Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “*Chư đệ tịnh viên hôm nay được phép xuất tịnh, trở về lo tạo một đơn phòng tại gia để tu luyện tiếp. Đó là ân huệ sau cùng trên đường giải thoát của chư đệ vậy.*”⁸

Chúng tôi trích đôi đoạn của “Xứ Phật huyền bí” để giới thiệu và thêm lời dạy của Ôn Trên để chúng ta cùng học tập.■

6. Minh Lý Thánh Hội, 06-4 Giáp Dần (27-4-1974).

7. Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

8. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy Quý Đạo Trưởng Ban Thường Vụ Cơ Quan.

CÂU CHUYỆN NĂM 2012



■ HỒNG PHÚC SƯU TÂM VÀ TỔNG HỢP

Cuối năm 2009, điện ảnh thế giới công bố bộ phim do Mỹ và Canada hợp tác sản xuất có tựa đề “2012” của đạo diễn Roland Emmerich, với nội dung miêu tả bi kịch của nhân loại khi trái đất bị hủy diệt bởi cơn bão năng lượng mặt trời dựa trên viễn cảnh ngày tận thế 2012 theo lịch của người Maya. Chuyện phim đã cho thấy trong sự hỗn loạn vô vọng, con người đã bộc lộ hết bản chất, một bên là lòng dũng cảm, vị tha, sẵn sàng hy sinh để người khác được sống, một bên khác là sự ích kỷ, giành giật cái sống của mình trên cái chết của đồng loại...

Bộ phim tuy là giả tưởng nhưng thu hút sự quan tâm của nhiều người, trở thành đề tài bàn luận khắp nơi. Người ta thống kê, có trên 300 tựa sách viết về đề tài này và trên Google đến nay đã có khảng 20 triệu lượt người truy cập tìm hiểu về thông tin này. Người ta còn lập nhiều diễn

đàn để thảo luận phương cách thoát khỏi thảm họa, và trở nên chú ý nhiều đến những tin tức về sự thay đổi khí hậu của trái đất.

Thật ra, trong lịch sử văn minh nhân loại, ngày tận thế đã được nói đến nhiều lần qua các tôn giáo, bởi các nhà tiên tri, và cả các nhà khoa học; nhưng hiện nay, vấn đề được quan tâm do bởi theo lịch của người Maya, chỉ có đến ngày 31-12-2012. Như vậy phải chăng đó là ngày kết thúc cuộc sống của trái đất này.

Một ký giả người Mỹ, Lawrence E. Joseph, sinh năm 1954 tại Connecticut, hiện là Chủ tịch HĐQT công ty Tư vấn Không gian Vũ trụ tại bang New Mexico, là tác giả nhiều bài viết về khoa học, thiên nhiên, chính trị và kinh doanh đăng trên những ấn phẩm xuất bản ở cả 5 châu lục, trong đó có tờ New York Times, ông đã viết quyển sách tựa đề: Apocalypse 2012: An Investigation into Civilization's End (Những giả

định về thời điểm kết thúc của nền văn minh nhân loại) do nhà xuất bản Random–Broadway phát hành vào tháng 01–2007 với nội dung nghiên cứu toàn diện về thời điểm và những sự kiện liên quan đến năm 2012 dựa trên những tài liệu ông đã thu thập qua gần 15 tháng nghiên cứu thực tế tiếp xúc với dân tộc Maya, đồng thời trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm có được sau hơn 20 năm viết sách, báo.

Ông viết: “Cuốn sách này sẽ trình bày một kịch bản tôi cho là trung lập, 2012 là năm với những rối loạn và thay đổi chưa từng có. Cho dù đó là cơn đau dữ dội khi một kỷ nguyên mới ra đời hay cơn quặn thắt khi hấp hối của kỷ nguyên chúng ta đang sống thì sự hội tụ của những xu hướng khoa học, tôn giáo và lịch sử cũng cho thấy một điều rằng sự đổ bộ của cả những thảm họa và khải hoàn do con người tạo nên, do thiên nhiên tạo nên và rất có thể cả những thế lực siêu nhiên nữa, sẽ cực kỳ dữ dội.”

Ông đã tìm đến người Maya để điều tra về lịch, sấm truyền của họ về 2012.

NỀN VĂN MINH MAYA CỔ ĐẠI ĐƯỢC HÌNH THÀNH THẾ NÀO?

Cho đến nay, không ai có thể đưa ra câu trả lời chính xác cho câu hỏi này. Đã ba thập kỷ nay, rất nhiều cuộc tranh luận và bút chiến nổ ra giữa các nhà khoa học, chiêm tinh học đại diện cho các trường phái tôn giáo khác nhau tranh luận về đề tài này.

Nền văn minh Maya là nền văn minh cổ đặc sắc, được xây dựng bởi người Maya, một bộ tộc



KIM TỰ THÁP MAYA.

thổ dân châu Mỹ mà từ 2000 năm trước đây đã từng sinh sống ở bán đảo Yucatán của Trung Mỹ, thuộc đông nam Mexico, Bắc Guatemala và Honduras ngày nay. Maya là một nền văn minh cổ xưa tồn tại từ năm 2000 TCN và phát triển rực rỡ từ năm 250 đến năm 900 SCN ở Trung Mỹ. Người Maya có chữ viết, nghệ thuật, kiến trúc phát triển. Họ cũng có hệ thống toán học và thiên văn tiên tiến nhất so với các nền văn minh cùng thời.

Có quan điểm cho rằng, người Maya xuất thân từ một dân tộc cổ đại có tên là Olmec. Nhưng các giáo sĩ của bộ tộc Maya – những người bảo vệ ban ngày – nói rằng, sau khi vùng đất huyền thoại Atlantic tách ra, những nhóm người lớn đã di tản ra khắp nơi trên thế giới như: Ai Cập, Ấn Độ, Trung Mỹ, Trung Quốc. Cho nên, ngày nay văn hóa của những nền văn minh này vẫn còn nhiều điểm chung: họ đều có các kim tự tháp, nét chữ viết giống nhau, cùng có ngành thiên văn học, tục thờ động vật...

Nền văn hóa của người Maya là độc nhất vô nhị. Nó phát triển độc lập ở vùng rừng mưa nhiệt đới. Người Maya từng sống trên vùng lãnh thổ của Mexico ngày nay và đã xây dựng các thành phố uy nghi ở đây. Các kim tự tháp của người Maya cao ngang với kim tự tháp của người Ai Cập. Họ còn xây dựng các đài thiên văn để theo dõi bầu trời. Những người bảo vệ thời gian – giáo sĩ Maya – đã từng tiên đoán về sự thay đổi khí hậu trên Trái đất.

Kim tự tháp Polenke là một viên ngọc kiến trúc giữa rừng rậm. Theo tín ngưỡng của người



KIẾN TRÚC KIỂU MAYA.

Maya, tại đây tia nắng đầu tiên chiếu xuống trái đất và đây cũng chính là nơi kết thúc của hoàng hôn. Tại đây có đền thờ “Chữ khắc”, nơi mà tuyển tập chữ khắc và các bức bích họa của người Maya đã được tìm thấy.

Nền văn minh Maya không hề thua kém bất kỳ nền văn minh cổ đại nào từng tồn tại trên Trái đất về mức độ vĩ đại, phát triển và thiên tài. Tất cả những gì họ có đều ở trình độ phát triển cao, như: toán học, thiên văn học, sự hiểu biết về tâm hồn, sự sáng tạo, y học và kiến trúc.

BỘ LỊCH NỔI TIẾNG CỦA NGƯỜI MAYA XUẤT HIỆN THẾ NÀO? DO AI TẠO RA?

Trước đây, người ta không thể trả lời được những câu hỏi này. Các nhà khảo cổ, các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về nền văn minh Maya và các nhà sử học đã đưa ra những kết luận khác nhau. Người Maya đã gây dựng được một nền văn minh lớn tồn tại trên ba ngàn năm. Các vị quan tu tế thời đó đã vận dụng toán học và thiên văn học, nghĩ ra được một cách tính lịch hoàn thiện nhất trong lịch sử. Một số nhà nghiên cứu cho rằng về mức độ chính xác của việc xác định thời gian nó còn vượt cả các cách tính lịch Gregoroy được thừa nhận rộng rãi ngày nay.

Theo tác giả quyển Apocalypse 2012, hệ thống lịch của người Maya chấm dứt vào ngày 21-12-2012 vào chu kỳ cuối cùng của 5.125 năm. Sự kiện ấy có ý nghĩa gì? Nhiều người cho rằng đó là ngày tận cùng của nền văn minh nhân loại hay là tận thế. Nhưng họ đã cố tình hiểu sai ý niệm về thời gian của người Maya. Người Maya cho rằng chu kỳ chót nói trên là sự chuyển tiếp qua một thời đại mới của nhân loại. Người Maya cũng nói rằng những thay đổi của vũ trụ liên hệ mật thiết với tri thức tập thể của nhân loại. Như vậy có nghĩa là nhân loại có thể đi vào đường tự hủy diệt hay hòa hợp với vũ trụ để sinh tồn và phát triển để bước vào thời đại mới.

Theo người Maya, ngày 21-12-2012 sẽ là ngày kết thúc Kỷ thứ tư và ngày tận thế bắt đầu,

nhưng đồng thời, theo truyền thuyết của người Maya, một kỷ nguyên thay đổi sẽ bắt đầu đưa con người trở về với tình yêu, ánh sáng và cội nguồn. Người Maya tiên đoán năm 2012:

- Ban ngày sẽ kết thúc, tức ánh sáng sẽ tắt, bóng đêm bao trùm trái đất.
- Nền văn minh của chúng ta sẽ liên lạc được với đại diện của những nền văn minh ngoài trái đất.
- Loài người sẽ bắt đầu một thời kỳ phát triển mới. Những năng lực chưa từng có như năng lực siêu nhiên, thần giao cách cảm... sẽ phát triển. Một bước nhảy vọt về tiến hóa sẽ diễn ra. Con người hiện đại sẽ trở thành con người hiện đại khôn ngoan.

Một nhà vật lý người Tây ban Nha, ông Fernando Malkul, đồng ý với quan điểm này cho rằng: “Hiện chúng ta đang sống ở thời kỳ non ấu trong sự phát triển tiến hóa của nhân loại. Đối với loài người, năm 2012 sẽ là thời điểm đột phá về thông tin vũ trụ, chúng ta sẽ tiếp cận được những kiến thức tận cùng.

Những người Anhđiêng cổ tin rằng một chu kỳ lịch sử kéo dài 5125 và 4 tháng rưỡi. Theo niên lịch của họ, chúng ta đang ở kỷ nguyên thứ tư bắt đầu từ năm 3114 trước Công nguyên. Cho nên kỷ nguyên này sẽ kết thúc vào tháng 12 năm sau. Các nhà thiên văn Anhđiêng cổ đã tính toán rằng sự hồi sinh của thế giới sẽ xảy ra trong thời gian nhật chí, nghĩa là mặt trời đi vào khu vực dải Ngân hà.

Nhà nghiên cứu văn hoá Trung Mỹ thời Trung cổ là giáo sư Nicolai Grub, trường Đại học Bonn (CHLB Đức) cũng đồng tình với ý kiến của các nhà khoa học Mexico. Trong một công trình nghiên cứu về Mexico trước Colombus, ông đã chỉ ra rằng, trong các bản ghi chép của người Maya “không có một lời tiên đoán nào về ngày tận thế”. Theo ông, “bất cứ người nào phân tích các di cảo viết chữ tượng hình cũng có thể xác nhận không có một “sấm ký” bằng văn bản nói, viết về một thảm hoạ toàn cầu xảy ra trên hành tinh của chúng ta”.

Theo ông Lonnie Thompson, 1 chuyên gia khoa học lừng danh về sông băng thuộc Đại học Ohio, đã thu thập nhiều năm các băng chứng về việc 5.200 năm trước, trái đất đã trải qua 1 thảm họa về khí hậu, Mặt trời đã biến Sahara từ 1 vành đai xanh thành sa mạc, làm thu nhỏ những chỏm băng ở các địa cực đồng thời hủy hoại nền kinh tế toàn cầu.

Thời kỳ 5.200 năm cũng trùng hợp với một Kỷ của người Maya, mà Kỷ thứ tư của cúng ta bắt đầu vào năm 3.114 TCN, là thời điểm nền văn minh Ai Cập cổ đại xuất hiện, cũng là thời điểm theo đạo Hindu, thần Krishna qua đời và thời Thiết Đại, Kali Yuga bắt đầu. Thompson tin rằng những điều kiện dẫn đến thảm họa xảy ra 5200 năm trước rất giống với những gì con người chúng ta đang trải qua ngày nay. Thời đó, có 1 chuyện lớn lao xảy ra, nhưng đối với con người không có vẻ trầm trọng vì lúc đó, hành tinh này chỉ có dân số khoảng 250 triệu người so với gần 7 tỷ hiện nay.

Pháp sư Carlos, thuộc bộ lạc Mam, một trong 26 bộ tộc Maya ở Guatemala (nơi có nhà hàng chay trang trí theo phong cách thiên Maya) cho biết, người Maya hiện nay tin rằng các vị tổ tiên của họ đã quay trở lại và trà trộn trong người dân. Đến năm 2012, họ sẽ trở lại để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của Năm Định Mệnh.

Theo Carlos: lịch sử nhân loại đã trải qua:

- Kỷ thứ nhất, bắt đầu 20.000 năm trước, với năng lượng nữ quyền chiếm ưu thế, có liên hệ nhân tố lửa.
- Kỷ thứ hai, có đặc trưng là nguồn năng lượng nam quyền chiếm ưu thế, có liên hệ nhân tố đất.
- Kỷ thứ ba có đặc trưng là sự chiếm lĩnh của năng lực nữ quyền, liên hệ nhân tố không khí.
- Kỷ thứ tư được chiếm lĩnh bởi năng lượng nam quyền, liên hệ nhân tố nước và sẽ kết thúc vào 21-12-2012, ngày Đông chí, lúc 11g 11 phút giờ quốc tế (Greenwich).

- Kỷ thứ năm, bắt đầu từ ngày 21-12-2012, với sự chiếm lĩnh năng lượng cân bằng giữa nam và nữ quyền, liên hệ nhân tố không trung, nên đi cùng sự sáng suốt cực kỳ tinh tế. Không trung là gì? Tác giả (Lawrence E. Joseph) không hiểu là gì, “nhưng có vẻ là một tin cực kỳ tốt đẹp”, vì các nhân tố như lửa, nước có thể mang đến thảm họa, “còn không trung cao trên tít từng mây, là một thứ có vẻ không thể làm nên ngày tận thế được. Tuy vậy, di chuyển đến một thứ hư vô như vậy chắc chắn sẽ gây nên tình trạng hỗn loạn.”

Năm 2012 là cầu nối thời gian, chiếc cầu bắc qua hai thời đại. Cái chết, rất nhiều cái chết, sẽ là một phần không thể thiếu trong sự chuyển giao ấy.

Gerardo, em của Carlos nói rằng: “Các vị trưởng lão cho rằng trong kỷ nguyên mới sau năm 2012, nỗi đau và niềm hạnh phúc được chia sẻ nhiều hơn. Các phương tiện thông tin đại chúng sẽ khiến chúng ta trở thành những người anh chị em của nhau như một gia đình. Vào năm 2012, ta sẽ phải trải qua những bài kiểm tra tập thể về sự hòa thuận và thông cảm với nhau.”

“Loài người sẽ có cơ hội đổi mặt và vượt qua thử thách đặt ra đối với sự tiến hóa cá nhân. Những người qua được những bài kiểm tra sẽ được hưởng thụ một kỷ nguyên mới ngập tràn niềm vui, những người thất bại sẽ bị kẹt lại ở đó hàng ngàn năm để chờ cơ hội khác.”

Lawrence E. Joseph tổng hợp các dự đoán thành giả thuyết trong Apocalypse 2012:

- Những lời tiên tri của người Maya cổ, dựa trên hơn hai thiên niên kỷ quan sát thiên văn tỉ mỉ, chỉ ra rằng ngày 31-12-2012 sẽ là ngày đánh dấu sự ra đời của một kỷ nguyên mới, và như mọi sự ra đời khác, nó sẽ đi cùng với máu và những cơn đau song hành với niềm hy vọng và những điều hứa hẹn.
- Kể từ những năm 1940 đến nay, đặc biệt là khoảng thời gian từ năm 2003 đến nay,

Mặt trời đã có những hoạt động dữ dội hơn bất cứ thời điểm nào khác, bắt đầu từ sự ấm lên nhanh chóng toàn cầu đi kèm với sự tan chảy của băng được hình thành vào Kỷ Băng hà 11.000 năm trước, hoạt động của Mặt trời sẽ đạt đỉnh tiếp theo, ở mức cao kỷ lục vào năm 2012.

- Các cơn bão Mặt trời có liên quan đến các cơn bão trên Trái đất. Thời điểm xảy ra các cơn bão kinh hoàng như Katrina, Rita và Wilma vào năm 2005, cũng trùng với một trong những tuần nhiều bão nhất được ghi chép trong lịch sử của Mặt trời.
- Từ trường của Trái đất, chiếc khiên bảo vệ chúng ta khỏi bức xạ nguy hiểm, đã bắt đầu bị teo lại, với những vết rạn có kích cỡ tương đương với bang California. Sự đảo cực mà trong đó mức bảo vệ trở về zero khi cực từ Bắc và Nam đổi chỗ cho nhau có thể đang diễn ra.
- Những nhà địa vật lý người Nga tin rằng Hệ Mặt trời đã đi vào một đám mây năng lượng liên sao. Đám mây này đang tích tụ năng lượng và làm mất ổn định Mặt trời cũng như khí quyển của tất cả hành tinh. Dự đoán của họ về thảm họa Trái đất xuất phát từ việc Trái đất sẽ đi vào đám mây năng lượng này trong khoảng thời gian từ 2010 đến 2020.
- Những nhà vật lý học tại UC Berkeley, những người đã khám phá ra loài khủng long và khoảng 70% các loài khác trên Trái đất đã bị tuyệt chủng do Trái đất va chạm vào một Sao chổi hoặc một thiên thạch vào 65 triệu năm trước, ngày nay đảm bảo đến 99% rằng hiện giờ chúng ta đã bị chậm so với thời gian diễn ra một thảm họa tương tự.
- Siêu núi lửa Yellowstone, ngọn núi lửa cứ 600.000 đến 700.000 năm lại phun trào với cường độ khủng khiếp đang chuẩn bị bùng nổ. Sự kiện núi lửa phun trào mới đây nhất có mức độ tương đương là vào

74.000 năm trước, ở hồ Toba, Indonesia đã khiến hơn 90% cư dân thế giới lúc đó thiệt mạng.

- Những trường phái triết học phương Đông như Kinh Dịch hay thuyết Thần học của người Hindu đã có những dẫn giải đáng tin cậy về ngày tận thế 2012 với những hệ tín ngưỡng bản địa.
- Ít nhất có nghiên cứu dẫn giải Kinh Thánh đã dự đoán Trái đất sẽ tận diệt vào năm 2012

Lawrence cũng ghi nhận, theo giáo lý Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo đều cho rằng Đấng Cứu Thế sẽ thực sự đến thăm Trái đất vào một ngày nào đó, điểm dừng chân đầu tiên là Núi Đền (Temple Mount) nằm trong biên giới Israel nhưng được quản lý bởi chính quyền Hồi giáo mà hiện nay, bất kỳ một sự nỗ lực nào nhằm chiếm đoạt khu đất này đều có thể sẽ dẫn đến sự hỗn loạn và đổ máu trên quy mô lớn.

Trong khi đó, một nhà triết học theo trường phái duy linh là Terence McKenna qua nghiên cứu Kinh Dịch đã công bố sự phát hiện một tập hợp các hình mẫu được mã hóa trong cuốn kinh này, ông gọi là “sóng thời gian”, về bản chất là lặp lại các biểu đồ về quỹ đạo của thời gian. Nó xác minh dự đoán cơ bản của người Maya là thời gian sẽ ngừng hẳn vào ngày 21-12-2012.

McKenna ghi nhận rằng tập hợp 64 quẻ Kinh Dịch tương ứng với bộ lịch âm lịch 384 ngày được người Trung Quốc cổ xưa sử dụng: $64 \text{ quẻ} \times 6 \text{ (số hào mỗi quẻ)} = 384$. Do đó, ông hình thành quan điểm các quẻ của Văn Vương biểu diễn thời gian. Tiếp theo, số ngày trung bình của một tháng âm lịch là 29,53. Nhân con số này với 13, số tháng trong một năm âm lịch sẽ được 383,89, làm tròn 384, là con số ma thuật của Kinh Dịch.

McKenna lập ra biểu đồ lịch sử. Các thời đại có trình độ đổi mới cao được biểu diễn bằng các đỉnh lồi, thời đại có trình độ đổi mới thấp là các điểm lõm. Ông đã phát hiện ra rằng hình mẫu một cặp các điểm lồi và lõm lặp đi lặp lại, nhưng

với khoảng thời gian cứ ngắn dần. Ví dụ, cùng một đồ thị biểu diễn giai đoạn hơn 30.000 năm kể từ khi người Nê-ăng-đéc-tan nổi lên đến khi bắt đầu có nghệ thuật và âm nhạc cũng minh họa đúng thời kỳ 500 năm kể từ khi “Cái chết đen” tàn phá Châu Âu thời Cách mạng công nghiệp. Và một mô hình mẫu như thế tiếp tục biểu diễn các giai đoạn tiếp theo của một nửa thế kỷ, một năm, rồi đến tháng, tuần, ngày và giờ, khi các sóng thời gian tiến dần đến cuối năm 2012. Thời gian khi khởi đầu giống như cơn gió thổi nhẹ nhàng nhất, nhưng cứ nhanh dần, nhanh dần theo tiến trình lịch sử, và hiện nay đang chạy nhanh nhất. Và ông cho rằng ngày kết thúc của thế giới là 22-12-2012, chỉ muộn hơn một ngày so với suy đoán của người Maya cổ xưa.

HÃY CẦU NGUYỆN

Trong những dòng cuối của quyển sách, tác giả Lawrence E. Joseph đã có đoạn: “Cách chắc chắn nhất để giữ được an toàn với thảm họa năm

2012 là cầu xin sự phù hộ của Thượng Đế. Tất nhiên, nếu không có Thượng Đế, hay sự thông thái vô bờ bến của Người không phải để bảo vệ chúng ta, thì chúng ta sẽ bị quay chín. Nhưng hãy nhìn nhận vấn đề theo cách này: không gì hơn một vị thần có quyền năng vô hạn giúp chúng ta thoát khỏi điều đã được khẳng định, như những lời tiên tri về năm 2012; như vậy liệu chúng ta có lựa chọn nào khác hơn là phải quỳ gối cầu nguyện hay không?”

Quyển sách được khép lại với ý kiến của người viết:

“Những gì chúng ta cần có ngay bây giờ là lòng can đảm, can đảm để đối mặt với tương lai, với tất cả tiềm năng vinh quang của nó và với tất cả khả năng khủng khiếp của nó...”

(TRÍCH QUYỂN: NGÀY TẬN THẾ 2012 - NHỮNG GIẢ ĐỊNH VỀ THỜI ĐIỂM KẾT THÚC CỦA NỀN VĂN MINH NHÂN LOẠI DO PHƯƠNG OANH DỊCH TỪ TÁC PHẨM “APOCALYPSE 2012, AN INVESTIGATION INTO CIVILIZATION’S END”).■

NĂM THÌN NÓI VỀ RỒNG

(TIẾP THEO TRANG 87)

- “Rồng đen lấy nước thì nắng, rồng trắng lấy nước thì mưa” tục ngữ diễn tả kinh nghiệm của nhà nông.
- “Rồng nằm bể cạn phơi râu, mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi”, con rồng thân hình to lớn, nằm nghỉ ngơi thoải mái an lạc, tức “phơi râu” dưới nắng hè, ai cũng trông thấy. Tương tự như thế, những lời nói thiếu thành thật, thêu dệt rối cuộc cũng bị phát hiện.
- “Trong truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du sử dụng hình ảnh rồng và những mỹ từ để ca ngợi Từ Hải:

Khi Kiều gặp Từ Hải:

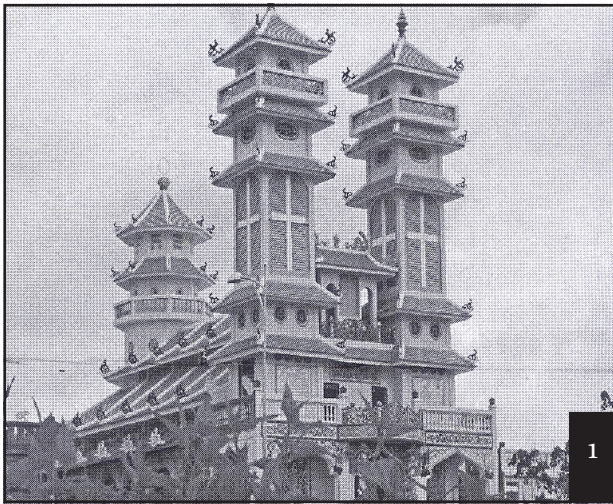
“Thưa rằng lượng cả bao dung,
Tấn Dương được gặp mây rồng có phen.”

Hoặc:

“Trai anh hùng gặp gái thuyền duyên,
Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cuội rồng.”

Trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm, hình ảnh con rồng Việt luôn gắn bó, gắn gũi trong đời sống văn hóa tâm linh của dân tộc; là biểu tượng của những phẩm chất cao đẹp, sức vươn lên mạnh mẽ và niềm tự hào của dân tộc với truyền thuyết con Rồng cháu Tiên.■

THEO • DÒNG



13-10 TM (08-11-2011) Thánh Thất Từ Vân thiết lễ hội kỵ chử Tiên bối và kỷ niệm Đệ II chu niên khánh thành Thánh Thất.

14-10 TM (09-11-2011) Đại lễ kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo năm thứ 87 và 82 năm thành lập Liên Hoa Cửu Cung, Thiên Đạo Học Đường (Thủ Đức).

Cùng ngày Thánh Thất Trung Hiền tổ chức lễ kỷ niệm ngày quy Thiên của Đạo trưởng Đầu Sư Ngọc Quế Thanh (14-9), nguyên:

- Chủ trưởng Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài.
- Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.
- Vĩnh Tịnh Sư Minh Lý Thánh Hội Tam Tông Miếu.

16-10 TM (11-11-2011) Tại Thánh Thất Tân Sơn Nhì: lễ cầu siêu chung cứu Giáo hữu Hương Chúng, cựu Phó Hội trưởng Thánh Thất.

15-10 TM (10-11-2011) Thánh Thất Huyền Linh Đàn (Rạch Giá) dâng lễ kỷ niệm lần thứ 46 ngày an vị Thánh tượng Thiên Nhân.

17-10 TM (12-11-2011) Thánh lễ giảng sinh Baha'U'llah tại Saigon Star, 204 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, Tp. HCM.

24-10 TM (19-11-2011) Lễ khánh thành Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà mới tại số 58-61 đường F1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, Tp. HCM (hình 1).

03-11 TM (27-11-2011) Lễ khánh thành Thánh Thất Trung Nam (suối Nghệ-Bà Rịa) sau 6 năm thi công xây dựng.





08-11 TM (02-12-2011) Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo gồm có Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí làm Trưởng đoàn, đến Tòa Thánh Tây Ninh viếng Liên Đài Chi Lớn Nữ Đầu Sư Hương Nhìn (hình 2).

12-11 TM (06-11-2011) Lễ khánh thành Thánh Thất Nguyệt Cảnh Đài (Cà Mau).

17-11 TM (11-12-2011) Phái đoàn các Hội Thánh Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Cao Đài Việt Nam và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự lễ viếng giác linh Anh Lớn Chánh Phối Sư Ngọc Khâm Thanh tại Hội Thánh Tam Quan (Bình Định).

20-11 TM (14-12-2011) Phái đoàn các Hội Thánh và Cơ Quan họp tại 171B Cống Quỳnh, bàn về



kế hoạch Chúc Xuân các tổ chức nhân dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Thìn 2012.

Dự lễ đại tường Phối sư Hương Bình tại Thánh Thất Hà Nội Thủ Đô.

22-11 TM (16-12-2011) Lễ Đêm Thánh Đêm Tình Thương và sự sống, do Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn tổ chức tại 6 Bis Tôn Đức Thắng, Q1.

Cùng ngày, Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thảo luận Kinh Dịch, Quẻ Trạch Lôi Tùy tại Hội trường 171B Cống Quỳnh, Q1. Thuyết trình: Đại Cơ Uyên Bảo (Minh Lý Thánh Hội) và Giáo Sĩ Thanh Bình (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo).





25-11 TM (19-12-2011) Lễ khánh thành Thiên Phong Đường Thánh tịnh Bát Bửu Điện lúc 7g sáng.

26-11 TM (20-12-2011) Lễ kỷ niệm 89 năm, ngày Minh Lý Đạo Khai, khai mạc lúc 16g tại Tam Tông Miếu, Q3.

Cùng ngày tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, lễ nhập tịnh khóa tu Đông Chí 2011.

29-11 TM (23-12-2011) Phái đoàn đại diện ban Thường Vụ Cơ Quan dự lễ Giáng sinh tại Nhà thờ Fanxico do Tổ Đoàn kết Công giáo Quận I tổ chức.

30-11 TM (24-12-2011) Lễ Chúa Giáng sinh tại Thánh Thất Bàu Sen (Q5).

02-12 TM (26-12-2011) Lễ kỷ niệm Đệ thập I chu niên, ngày lạc thành ngôi Tam Đài Thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp).

Cùng ngày, lễ đại tường đạo tử Nghi Phong Công Thị Tiếp, Cố vấn Vụ Nữ Chung Hòa.



03-12 TÂN MÃO (27-12-2011) Lễ kỷ niệm ngày đăng Tiên Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại Vĩnh Nguyên Tự, Cần Giuộc, Long An.

06-12 TM (30-12-2011) Lễ xuất tịnh khóa tu Đông Chí 2011 tại Cơ Quan.

08-12 TM (01-01-2012) Lễ Hội kỵ đạo trường Bảo Pháp Thanh Long và chư chức sắc Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Truyền Giáo tại Thánh Thất Từ Vân, lúc 9g.

09-12 TM (02-01-2012) Phái đoàn các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài họp tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, chuẩn bị để sáng ngày hôm sau đi Hà Nội chúc Tết (hình 3).

10-12 TM (03-01-2012) Đi chúc tết tại Hà Nội. Phái đoàn các Hội Thánh Bạch Y, Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Minh Chơn Đạo, Chiếu Minh Long Châu, Ban Điều Hành Pháp Môn Vô Vi Tam Thanh, Giáo Hội Cao Đài Giáo Việt Nam



Bình Đức đến Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dùng điểm tâm và ra phi trường Tân Sơn Nhất lúc 6g (hình 4, 5).

16-12 TM (09-01-2012) Phái đoàn liên giao dự lễ cầu siêu chung cứu thân phụ đạo huynh Chí Bửu, ông Thái Văn Kiệt, Lễ sanh Thái Kiệt Thanh, tại Thánh Thất Đức Hòa (Long An) (hình 6).

17-12 TM (10-01-2012) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tiếp Ông Nguyễn Đắc Tuấn, Vụ trưởng Vụ Cao Đài đến chúc xuân (hình 7).

18-12 TM (11-01-2012) Các Hội Thánh họp tại Cơ Quan vào lúc 19 giờ để chuẩn bị chương trình đi chúc xuân tại TP. HCM hôm sau (hình 8).

19-12 TM (12-01-2012) Các Hội Thánh và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chia nhân sự ra thành 3 đoàn: đoàn 1, đoàn 2, đoàn 3 đến chúc xuân các Cơ Quan và các tôn giáo: Vụ Cao Đài (Ban tôn giáo chính phủ), Ban dân vận trung ương (bộ phận phía Nam), gia đình cụ Cao Triều Phát, Phật Giáo trung ương, Tổng giám mục, Hồi giáo, Tổng hội Tin Lành, Baha'I, Tịnh độ cư sĩ (hình 9).

23-12 TM (16-01-2012) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chúc Tết Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Thành phố, Ban tôn giáo dân tộc Thành phố, Ủy Ban Nhân Dân và Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Quận I, Ủy Ban Nhân Dân và Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Phường Nguyễn Cư Trinh.

24-12 TM (17-01-2012) Hội Thánh Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Cao Đài Việt Nam Bình Đức và Ngoại Giao Vụ trưởng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chúc xuân Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Trung ương và Bộ Công an.

25-12 TM (18-01-2012) Cơ Quan tiếp phái đoàn Ban tôn giáo dân tộc Thành phố và Hội Thánh Tin Lành đến chúc xuân.

01-01 NT Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo có 7 phái đoàn đi chúc mừng năm mới 37 thất, tỉnh tại TP. HCM, Long An, Tiền Giang, Lái Thiêu, Thủ Đức.

06-01 NT (28-01-2012) Lễ cầu an tại Thánh

Thất An Phú Tây (Bình Chánh) với 36 đơn vị về hiệp tâm cầu quốc thái dân an, thanh bình hạnh phúc.

08-01 NT (30-01-2012) Thánh thất Tân Sơn Nhì (Quận Tân Phú), tổ chức lễ Vía Đức Chí Tôn, lễ kỷ niệm 86 năm, ngày thành lập 1927-2012, lễ liên giao hành đạo với 30 đơn vị về chứng dự (hình 10).

09-01 NT (31-01-2012) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo long trọng dâng lễ Vía Đức Chí Tôn.

9 giờ sáng, đạo huynh Tổng Thư Ký Thiệu Chí thuyết minh giáo lý đề tài “Thầy là bản thể của chúng sanh”. 19 giờ học tập Thánh giáo do Nội Chánh Vụ Trưởng bình giảng (hình 11).

11-01 NT (02-02-2012) Phái đoàn Baha'I đến thăm Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (hình 12).■

CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà mới.

Hình 2: Nhân sanh đánh lễ Đức Chí Tôn trước khi tới viếng giác linh Cố Nữ Đầu Su.

Hình 3: Các phái đoàn họp bàn kế hoạch chúc xuân 2012.

Hình 4: Đại diện các Hội Thánh chuẩn bị khởi hành ra phi trường.

Hình 5: Trước giờ bay tại Tân Sơn Nhất.

Hình 6: Thánh thất Đức Hòa, Long An.

Hình 7: Vụ trưởng Vụ Cao Đài chúc tết Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Hình 8: Quang cảnh buổi họp tối 18-02 TM tại Cơ Quan.

Hình 9: Vụ trưởng Vụ Cao Đài tiếp phái đoàn tới chúc mừng năm mới.

Hình 10: Thánh thất Tân Sơn Nhì đón tiếp đạo tâm quan khách.

Hình 11: Đạo huynh Thiệu Chí thuyết trình tại hội trường Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày lễ Vía Thầy 09-01 TM.

Hình 12: Ban Thường Vụ và Ngoại giao Vụ tiếp phái đoàn Baha'I tại Thư Viện Cơ Quan.■